VĂN HỌC

TẠP CHÍ SÁNG TÁC NHẬN ĐỊNH VĂN NGHỆ

vĩnh biệt trịnh công sơn
văn học ● trúc chi
mười sáu năm tạp chí văn học
nguyễn mộng giác ● hoàng khởi phong
hoàng xuân sơn ● song thao
kịch nghệ của người việt hải ngoại
nam dao
những người viết trẻ ở việt nam
nguyễn thanh sơn

tin văn
thế quân ● đặng trần huân

truyện
hoàng nga ● nguyễn thị thảo an
hòa vũ ● trang châu

thơ
nguyễn hoài phương ● trần mộng tú ● sương mai
triều hoa đại ● đức phổ ● huỳnh liễu ngạn

181
THÁNG 5 2001

VănHọc

TẠP CHÍ SÁNG TÁC NHẬN ĐỊNH VĂN NGHỆ

Phát hành mỗi đầu tháng

❖

Ban Chủ biên: Mai Kim Ngọc, Thạch Hãn,
Châu văn Thọ, Nguyễn Mộng Giác

Chủ Nhiệm: Châu văn Thọ
Chủ bút: Nguyễn Mộng Giác
Tổng Thư Ký: Thạch Hãn

Đại diện Văn Học ở Canada:
Mr. Nguyễn Minh Đức, 1905 Tupper # 22 Montréal,
Quebec, CANADA H3H 1N7
Phone: (514) 342-6270

❖

Đại diện Văn Học ở Âu châu:
Mrs. Lê Tất Luyện, 15 Place Souham, 75013, Paris,
FRANCE
Phone: (33) 1 45 83 19 12

❖

Đại diện Văn Học ở Úc châu
Mr. Nguyễn Khắc Phú, 14 Lester Road, Padstow,
NSW 2221, AUSTRALIA
Phone: (02) 9771-1770

❖

Đại diện Văn Học ở Houston, Texas
Mr. Ngu Yên, 2055 Westheimer # 130
Houston TX 77098
Phone: (713) 524-6262

❖

Đại diện Văn Học ở New Orleans, Louisiana
Nguyễn Khánh Hòa
2025 La Quinta Via, Harvey, LA 70058
Phone: (504) 368-4728

Thư từ, bài vở, tiền bạc, xin gửi về **Văn Học**
PO Box 1359 Garden Grove, CA 92842-1359 USA
E.Mail: vanhoc@saigonline.com
Homepage trên Internet: http://www.saigonline.com/vanhoc/
Phone: **(714) 894-8535**

Số đăng ký tại Thư Viện Quốc Hội Hoa Kỳ: ISSN—0885—128X

Văn Học

số 181 ● tháng 5, 2001

VĂN HỌC	2	thư tòa soạn
TRÚC CHI	3	trịnh công sơn: đôi nét chấm phá
NGUYỄN MỘNG GIÁC	7	mười sáu năm, nhìn lại...
HOÀNG KHỞI PHONG	24	những lần lột xác của văn học
HOÀNG XUÂN SƠN	30	trăng mười sáu
SONG THAO	33	chút kỷ niệm với văn học
NAM DAO	36	kịch nghệ của người việt hải ngoại
NGUYỄN HOÀI PHƯƠNG	46	*xuống sông*
NGUYỄN THANH SƠN	47	những người viết trẻ ở việt nam
TRẦN MỘNG TÚ	56	*giọt nắng tháng tư*
NGUYỄN VĂN TRUNG	57	văn chương hiện sinh (tiếp)
HOÀNG NGA	70	triền mơ
SƯƠNG MAI	78	*trang...sầu*
TRIỀU HOA ĐẠI	79	*mười năm, bụi ám*
NGUYỄN THỊ THẢO AN	81	mén
ĐỨC PHỔ	97	*ký ức*
TRANG CHÂU	99	nắng đêm
HÒA VŨ	107	chị phúc
ĐẶNG TRẦN HUÂN	124	tên thật nhà văn thế lữ
HỒNG KHẮC KIM MAI	127	thư kính gửi g.s. nguyễn v. trung
THẾ QUÂN	133	tin văn
SAM H. VERHOVEK	143	từ mộc bản đến mã số điện toán đối với một nhà thơ việt nam
HUỲNH LIỄU NGẠN	147	*hỏi em thuở đó trăng tròn khuyết*
VĂN HỌC	148	hộp thư

Copyright by authors and Văn Học, 2001
Tác giả và Văn Học giữ bản quyền, 2001

Thư Tòa soạn
Văn Học

Sau nhiều năm dài bị suy yếu trầm trọng vì bệnh tiểu đường, nhạc sĩ Trịnh Công Sơn đã từ trần tại Bệnh viện Chợ Rẫy lúc 12 giờ 45 phút ngày 1 tháng Tư năm 2001.

Tuy thân nhân, bạn hữu và thính giả ái mộ đoán trước ngày ra đi rất gần của nhạc sĩ, nhưng tin buồn trên đây cũng khiến cho mọi người bàng hoàng, cảm thấy vừa mất đi một cái gì thân yêu, như mất đi một phần của cuộc sống tinh thần của mình.

Mỗi người biểu lộ lòng thương tiếc vô hạn của mình một cách khác nhau. Điều ấy dĩ nhiên. Cùng đồng ý với nhau về tài năng và ảnh hưởng âm nhạc sâu rộng và bền vững của Trịnh Công Sơn lên nhiều thế hệ, nhưng từng người muốn Trịnh Công Sơn giống như mẫu thần tượng mà mình phác họa, phù hợp với quan điểm của mình. Do đó, những bạn văn nghệ của Trịnh Công Sơn ở Hà Nội, Sài Gòn mô tả Trịnh Công Sơn như một người chống đối cuộc chiến tranh tự vệ của Miền Nam; trong khi ở hải ngoại, đã có những phát biểu bênh vực Trịnh Công Sơn như một nạn nhân của chế độ Cộng sản.

Cả hai cách nhìn đều sai. Trịnh Công Sơn không phải, không bao giờ muốn là một nghệ sĩ dùng âm nhạc để phục vụ chính trị. Ông là một nghệ sĩ trọn vẹn, một nhà thơ lớn và một nhạc sĩ lớn chỉ có tâm nguyện duy nhất là đem hết tài năng và xúc cảm ca tụng con người, thiên nhiên, suy nghĩ về thân phận con người, trầm tư về sự sống cái chết. Những quan tâm của Trịnh Công Sơn rộng hơn, cao hơn những ranh giới chật hẹp của chính trị, vì thế, lời ca tiếng nhạc của ông vượt qua mọi ranh giới. Tất cả mọi biện minh, tranh luận về ông đều thừa.

Chờ cho những xúc động nhất thời lắng xuống, Văn Học sẽ thực hiện một số đặc biệt về Trịnh Công Sơn, một nhà thơ lớn. ❐

Trịnh Công Sơn: Đôi nét chấm phá

Trúc Chi

Tình yêu như trái phá...con tim mù lòa... Lúc gặp câu hát ấy lần đầu tiên khi lật một tập nhạc Trịnh Công Sơn trong một tiệm sách ở Huế vào những ngày khá bận rộn với tin tức chiến sự trong nước, tôi đã để mắt tôi dừng lại khá lâu trên trang giấy in bài nhạc có lời ca do chính tay anh viết và tôi cũng đã suy nghĩ khá lâu về hình ảnh mới mẻ này trong ngôn ngữ của tình yêu. Một hình ảnh rõ rệt, mạnh bạo, cho thấy tác giả có óc tưởng tượng phong phú. Trước khi *trái phá* được Sơn khai sinh, người Việt chúng ta cũng đã quen thuộc với một từ ngữ khác, cũng chát chúa không kém, tả được cái sửng sờ, cái tình trạng ngơ ngẩn, ngẩn ngơ mà ai cũng đã sống qua sau một lần yêu thành thật và do đó đắm đuối, si mê. Và đó là *tiếng sét tình yêu* (le coup de foudre) trong lối nói của người Pháp.

Tiếng sét này, cả nhân loại nghe được, cảm nhận được. Tiếng nổ này, lọt vào kinh nghiệm sống của một người đã thấm được, mà thấm sâu sắc, cảnh chết chóc, tang tóc do chiến tranh gây ra, nó thành ra tiếng đinh tai của *trái phá*. Thời bình người ta xửng vửng vì tiếng sét tình yêu. Sống với khói lửa mịt mù, bom đạn chập chờn ngày đêm, âm thanh của *trái phá* mới lọt một cách hết sức tự nhiên vào suy tư, vào ngôn ngữ của Trịnh Công Sơn. Thật ra, có tưởng tượng nào mà không thoát thai, phát tích từ kinh nghiệm sống. Vào những năm đầu của thập niên 70, sau Tết Mậu Thân, sau Mùa Hè Đỏ Lửa, không có ai bị một cú "sốc" vì cái bạo, cái trực diện của *trái phá*, dù rằng trước đó mọi người vẫn thân thiết hơn với những hình ảnh khác của tình yêu, nhẹ nhàng hơn như *tình trong như đã mặt ngoài còn e* hoặc dịu dàng hơn như *đứng ngẩn trông vời áo tiểu thơ*.

Lời trong những ca khúc của Trịnh Công Sơn nhan nhản những hình ảnh chiến tranh, đầy rẫy những khổ hận của chiến thời như vậy. Lọt vào những bộ óc bị chính trị điều kiện hóa, chúng có thể được đem ra làm lợi

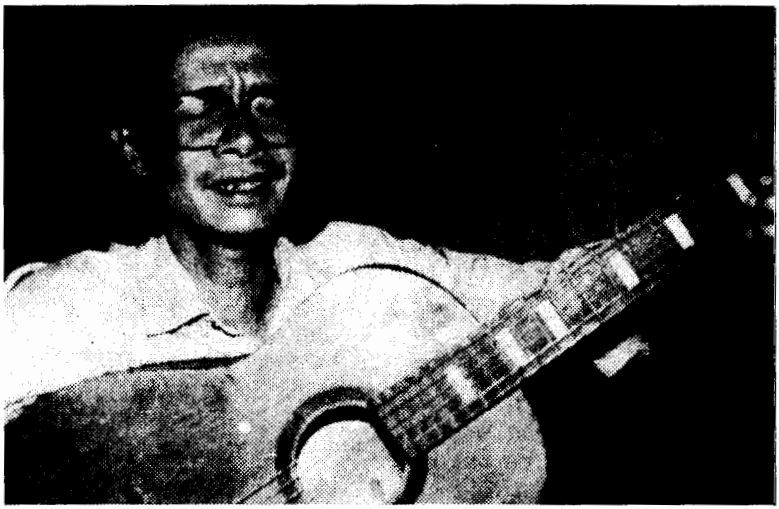

khí cho một luận điệu tuyên truyền nào đó, tùy theo chỗ đứng - tôi cố ý tránh từ ngữ "lập trường" - của người phát biểu. Nhưng nếu chỉ có những thảm cảnh chiến tranh, nếu chỉ có ngần ấy thì toàn bộ tác phẩm của anh - non 600 bài chứ không ít - đã và sẽ không để lại cái lay động thấm thía mà chúng ta vẫn cảm nhận mỗi khi ngẫm nghĩ về ý nghĩa của một câu hát, một bài ca.

Chúng ta còn có một người nghệ sĩ. Một nghệ sĩ rất giàu tình cảm và nhạy cảm. Một nghệ sĩ bị ám ảnh bởi những thắc mắc về ý nghĩa cuộc đời. Những thắc mắc, những ray rứt bắt nguồn từ một nhận thức rất rõ ràng về tính cách phi lý của bạo động, của chiến tranh, dù là trong tất cả mấy trăm ca khúc đó, theo chỗ tôi biết, không có câu nào anh nói trắng ra như vậy.

Anh không ngả hẳn về một vũ trụ quan của một tôn giáo hay tín ngưỡng nào. Lý do giản dị là nếu anh hoàn toàn tin tưởng vào một tôn giáo nào thì hẳn anh đã ngưng thắc mắc. Điều tôi tạm gọi là cái "loay hoay siêu hình" của anh nó lướt qua nhiều niềm tin được nhắc đến qua thuật ngữ của Phật giáo, Thiên Chúa giáo , Lão Trang mà Sơn đã sử dụng trong ngôn từ của anh.

Cát Bụi mệt nhoài chăng? Thượng Đế của Thiên Chúa đã chẳng tạo ra con người từ một nắm đất là gì? Cái phù du của đời người nó nhắc nhở rằng một ngày nào đó ai cũng trở về với *cát bụi*. *Dấu chân địa đàng* chăng? Đạt câu hỏi đó là nghĩ ngay đến Thiên đàng của chúa Ki-Tô. *Ta thấy em trong tiền kiếp*, có nghĩa là thấy người yêu trong luân hồi vô tận. *Tìm trong vô thường có dòng kinh*... Thì đó, tiền kiếp và vô thường lại

là những đóa hoa dượm hương giải thoát luôn hé nụ trong vườn Tứ Diệu Đế của Đức Thích Ca. *Không có cái chết đầu tiên*...mà cũng *không có cái chết sau cùng*...hình như nhuốm chút vô thủy vô chung của vũ trụ Trang Tử. *Một Cõi Đi Về* ...loáng thoáng hình bóng của sinh ký tử qui, của sống gửi thác về trong tín ngưỡng cổ truyền.

Nhưng mà về đâu? Chính vì anh *vui chơi giữa dời, biết đâu nguồn cội*, chính vì ý thức được cái bé bỏng của con người giữa vũ và trụ, tức là thời gian và không gian trong triết học Trung Quốc, rồi không biết về đâu cho nên anh cô đơn vô cùng. Vì cô đơn nên anh khát yêu và khát được yêu. Vì khao khát tình yêu nên trái tim của anh, khối tình của anh, anh trải rộng ra "cả và thiên hạ", nói như Hàn Mặc Tử. Anh yêu từng ánh mắt không kịp bắt, từng tà áo vụt thoáng hoa, từng tia nắng, từng giọt mưa, từng viên sỏi, từng chiếc lá. Tôi nghĩ điều anh yêu nhất chính là cái mong manh của từng phút giây hoan lạc trong cuộc sống. Anh khuyên tất cả mọi người hãy yêu, hãy yêu nhau bởi vì sẽ có lúc mà *đời đốt nến chia phôi dù nhớ thương cũng hoài*. Vì anh thường bận lòng với cái phù du của một nụ cười, cái chớp mắt của một sợi nắng, cái vụt thoáng của một giọt mưa, cái hối hả của ngày tháng, nên ca khúc của anh thường là buồn.

Nhưng cái buồn trong con người Trịnh Công Sơn không chỉ dừng lại ở những nhớ thương tiếc nuối không có đối tượng như cái buồn vơ vẩn, cái nhớ vẩn vơ thường thấy trong cảm xúc của những tâm hồn lãng mạn trữ tình, nó đi xa hơn chút nữa, nó đi sâu hơn chút nữa, có mở đường cho những chuyến lên đường đi vào thế giới sầu của những quả tim, những khối óc đã ý thức được điều mà chúng ta thường nhắc đến như là "thân phận con người."

Từ ngữ "thân phận con người" thường vẫn hàm một cái ý cam chịu, có phần tiêu cực trước sự sắp xếp của định mệnh, của số kiếp. Cái sầu về thân phận con người trong thi ca Trịnh Công Sơn, có thì có đấy thật, nhưng chính cái sầu đó lại là động cơ thúc giục anh nên yêu chính mình, yêu người, yêu đời, yêu tình yêu, nó không bợn một mảy may yếm thế.

Cái tích cực của Trịnh Công Sơn không vùng lên mà phản kháng điều không thể tránh được. Kiếp người đã ngắn ngủi, thêm đó là cảnh con người giết con người. Vạn vật là vô thường, thêm vào đó là sức tàn phá của chiến tranh. Trịnh Công Sơn nhập cuộc - cuộc đây là cuộc đời, cuộc sống - giữa cái màn ấy của của một tấn bi kịch, nếu không hẳn là thảm kịch. Đừng bắt anh yêu đời với cái vô tư của tuổi thơ mà hãy nhìn anh yêu đời với cái bó tay của một người đứng trước điều tôi tạm gọi là cái "như-vậy-rồi-đó" của nhân sinh, cái yêu đời thoáng đôi chút ngậm ngùi, ngậm ngùi mà không chua chát, của một cái đầu đang cúi xuống trước khổ lụy

của tâm giới, nhưng trí tuệ lại ngẩng lên mà hướng về viễn tượng của cái thoáng, cái thoát, cái độ lượng, cái đạt.

Trước mặt tôi, bây giờ, treo trên tường là bài Cõi Tạm do chính tay Sơn chép tặng vợ chồng tôi lúc chúng tôi ghé thăm Sơn vào tháng hai năm 1975 ở Huế. Bài lục bát ấy có hai câu:

Nhân gian về trọ nhiều nơi
Riêng đây là chốn chưa nguôi máu đào.

Trong những ấn bản về sau này của bài đó, tôi thấy vắng bóng hai câu trên. Tôi không nghĩ rằng chính Sơn đã tự ý bỏ điều nhận xét khách quan ấy, vì lúc ấy chiến cuộc chưa chấm dứt. Dễ gì mà một người mẹ lại rứt được một đứa con của mình.

Nhưng mà có vắng hai câu thơ kia thì toàn bộ thi ca của anh cũng vẫn không vì thế mà giảm giá. Con người nghệ sĩ lang thang dưới vòm trời này, dưới vùng trời Việt Nam ấy, con người nghệ sĩ này nặng nghìn cân vì cái suy tư của mình mà cũng nhẹ tênh trong tâm trạng của một tên hát rong, con người ấy đã xâu một viên ngọc lưu ly vào chuỗi trân châu kia của thơ và của nhạc Việt. Tôi nghĩ cái lóng lánh của viên ngọc ấy còn mãi sưởi ấm niềm cô đơn và xoa dịu nỗi khắc khoải của bất cứ ai biết ngắm nó với một cái nhìn phóng thẳng từ trái tim mình.

Nhận được hồng thiếp của
Ông Lê Xuân Chính và Bà Nguyễn Thị Hoàng Bắc
báo tin lễ vu qui của thứ nữ

Lê Lục Hà

sánh duyên cùng

Phạm Tín Dũng

Trưởng nam của Ông Bà Phạm Đình Long
Hôn lễ cử hành vào ngày 28 tháng Tư năm 2001 tại tư gia ở Chantilly, tiểu bang Virginia.
Xin chia vui cùng nhà văn Nguyễn Thị Hoàng Bắc và thân chúc hai cháu Lục Hà - Tín Dũng trăm năm hạnh phúc.

Võ Phiến - Nguyễn Mộng Giác - Châu văn Thọ - Mai Kim Ngọc - Thạch Hãn - Nguyên Xuân Hoàng - Võ Thắng Tiết - Nguyên Khoa Kha - Thụy Khuê - Ngu Yên - Nguyễn Minh Đức - Nguyễn Khánh Hòa

Mười sáu năm, nhìn lại...

Phỏng vấn nhà văn Nguyễn Mộng Giác, chủ biên báo Văn Học.

Lời Tòa soạn: *Nhân dịp ra số kỷ niệm mười sáu năm xuất bản của Văn Học, nhà văn Nguyễn Mộng Giác muốn viết một bài tường trình về những gì Văn Học làm được, và không làm được trong thời gian qua. Sau khi đọc lại những phát biểu cũ, ông nhận thấy thay vì lặp lại, tốt hơn hết là tổng hợp những câu trả lời phỏng vấn về tạp chí Văn Học đã đăng tải trên báo hay phát thanh, để bạn đọc nhận diện chính xác hơn thực trạng của tạp chí Văn Học. Dưới dây là tổng hợp các bài phỏng vấn của Nhà văn Trần Long Hồ (TLH), nhà thơ Nguyễn Mạnh Trinh (NMT), Liên mạng Văn Học Nghệ Thuật (VHNT) và Liên mạng Diễn Đàn (DĐ)*

NMT: *Anh là người chủ trương tạp chí Văn Học...*

NMG: Xin phép cắt lời anh! Tôi không phải là người duy nhất chủ trương tạp chí Văn Học. Như anh biết, Ban chủ biên Văn Học thay đổi theo nhiều giai đoạn, lý do chính là gánh nặng quản lý và tài chánh của tờ báo, không ai kham nổi một thời gian dài cũng như không ai muốn nó chết, nên người này nản thì có người khác nhảy vào thay thế.

Giai đoạn đầu, từ tháng 5 năm 1985 đến tháng 1 năm 1986 lúc tờ báo có tên là "Văn Học Nghệ Thuật", ban chủ biên có Võ Phiến, Lê Tất Điều, và tôi.

Giai đoạn hai từ tháng 2 năm 1986 đến tháng 11 năm 1989, tôi đứng mũi chịu sào nhưng có nhiều bạn văn tận tình hỗ trợ như Hoàng Khởi Phong, Cao Xuân Huy, Nhật Tiến, Phạm Quốc Bảo, Bùi Vĩnh Phúc, Võ Đình, Định Nguyên, Vũ Huy Quang, Nguyễn Bác Trạc...

Giai đoạn ba từ tháng 11 năm 1989 đến tháng 6 năm 1992, do hoàn cảnh gia đình tôi tạm nghỉ, ban chủ biên gồm các anh Hoàng Khởi Phong,

Trịnh Y Thư, Cao Xuân Huy, Nguyễn Đức Lập, Khánh Trường. Thời gian này trùng hợp với nhiều biến chuyển chính trị trên thế giới, và đời sống riêng của các anh trong Ban biên tập Văn Học cũng có nhiều xáo trộn. Khánh Trường không đồng quan điểm với Cao Xuân Huy và Nguyễn Đức Lập, tách riêng làm tờ Hợp Lưu. Một thời kỳ Hoàng Khởi Phong đi tìm việc và sinh sống ở San Jose, Houston...công việc thật sự của tờ báo đổn cả vào hai anh Trịnh Y Thư và Cao Xuân Huy.

Giai đoạn bốn từ tháng 7 năm 1992 đến tháng 10 năm 1994, tôi trở lại với Văn Học, phụ anh Trịnh Y Thư và Cao Xuân Huy lo việc bài vở. Phải nhận là trong hơn hai năm gian nan này, Trịnh Y Thư là kẻ đứng mũi chịu sào lèo lái Văn Học như tôi trong thời kỳ thứ nhì.

Giai đoạn năm từ tháng 11 năm 1994 đến nay thì Ban chủ biên gồm các anh Châu văn Thọ giám đốc nhà xuất bản Thanh Văn, anh Nguyễn Xuân Hoàng, anh Mai Kim Ngọc, anh Thạch Hãn và tôi. Sau khi nhà văn Mai Thảo từ trần, anh Nguyễn Xuân Hoàng sang điều hành tờ Văn. Ba tạp chí văn chương Văn, Văn Học, Hợp Lưu tuy khác nhau về hình thức và chủ trương biên tập, nhưng là chỗ thân tình, cùng muốn duy trì một diễn dàn văn chương tương đối có chút độc lập nào đó giữa những tiếng la hét ồn ào của sinh hoạt chính trị.

Như anh thấy đấy, so với những tạp chí văn chương khác trước sau ban chủ biên không thay đổi, Văn Học long đong hơn nhiều .

TLH: *Trong quá trình hình thành tờ Văn Học, ông đã phải đương đầu với nhiều khó khăn. Trong số khó khăn đó, có lẽ tài chánh là trở ngại quan trọng, ngày nay tờ Văn Học vẫn sống thọ, như vậy ông đã có cách khắc phục trở ngại này, ông có thể cho độc giả biết cách thức của ông như là một kinh nghiệm hay không?*

NMG: Anh nói đến "kinh nghiệm" đương đầu với khó khăn tài chánh? Xin anh hỏi những người điều hành các tờ tạp chí khác, chứ kinh nghiệm của Văn Học là một kinh nghiệm tồi! Suốt 16 năm xuất bản, cho tới nay Văn Học chưa có khả năng làm một việc đáng lý phải làm từ đầu, là trả nhuận bút cho các tác giả. Văn Học cũng không trả được đồng nào cho những người trong ban điều hành có tiền cà phê thuốc lá hoặc đãi đằng xã giao bạn bè cộng tác phương xa đến thăm. Hai khoản chi duy nhất của Văn Học là tiền in và bưu phí gửi báo. Một "business" lâu đời tới mười lăm năm mà như thế, thì có gì hay ho để kể cho những bạn văn muốn xuất bản một tạp chí văn chương.

Văn Học sống được cho đến ngày nay là nhờ ở tinh thần cộng tác bất

vụ lợi của các văn hữu, và các độc giả dài hạn. Quí văn hữu cần một diễn đàn tương đối "tử tế" để phổ biến những điều mình viết ra từ tâm huyết, nên sẵn sàng thông cảm cho Văn Học. Còn bạn đọc dài hạn cũng như các bạn đọc mua Văn Học ở các hiệu sách, nguồn tài trợ chính của Văn Học, thì mua và đọc Văn Học vì yêu văn chương chữ nghĩa, không ngại mất thì giờ. Số "ân nhân" quí giá này, thành thực mà nói, không nhiều như số người giải trí bằng video ca nhạc hay phim bộ Hồng Kông. Chúng tôi không có con số chính xác, nhưng đoán số độc giả chịu khó đọc tạp chí văn chương và khảo cứu Việt học ở hải ngoại chỉ vào khoảng trên dưới một nghìn người. Với con số đó, và với nội dung như nội dung tờ Văn Học, chúng tôi nghĩ khó lòng thoát ra khỏi tình trạng tài chánh khiêm tốn hiện nay.

Về việc làm báo văn chương ở hải ngoại: Thấy anh Khánh Trường bên Hợp Lưu, anh Nguyễn Xuân Hoàng bên Văn kể khổ quá, tôi thấy không nên viết thêm về chuyện này. Và nên nói ngược cho đủ hai mặt của vấn đề. Các ông bà chủ bút hay chủ nhiệm tạp chí không nên than khổ, vì đây là việc tự mình chuốc lấy, không ai ủy nhiệm cho mình, cũng không ai ép buộc mình làm. Mình tự nguyện, thì nên gánh chịu những gì chính mình gây ra cho mình. Kể khổ cũng không ai làm gì được. Các tạp chí văn chương, tồn tại được không phải do những lời bàn về chủ trương, đường lối...mà do những chuyện rất vặt vãnh như dánh máy, mua giấy, kiếm tiền trả nợ, mua tem, mua bì thư, chở báo đi bưu điện, điện thoại xin bài, viết thư xin lỗi báo mất...Vì là chuyện vặt nên không ai muốn làm, cuối cùng trên thực tế tờ tạp chí nào cũng chỉ còn một người đứng mũi chịu sào.

Như Văn Học ra hằng tháng, thì hai tuần dành để đánh máy và lên khuôn (*layout* báo, sửa chính tả), một tuần đưa đi in và mang báo về, một tuần đi gửi báo và thanh toán các món nợ nần, thu tiền ở hiệu sách, lấy báo dư...Trong nhịp độ làm việc đó, tôi e không ông chủ bút nào có thể ngồi chờ các văn hữu xa gần góp ý kiến, tranh luận, biên tập bài rồi mới tổng kết các ý kiến, sửa bài rồi lên khuôn. Nếu ban biên tập có nhiều người như các báo ở Việt Nam (lúc còn ở Sài Gòn, tôi biết tuần báo Văn Nghệ TP HCM ra 16 trang mà có tới 70 nhân viên). Có một thời tôi cũng thử chia loại các bản thảo rồi nhờ các bạn trong ban biên tập đọc. Kết quả: bài gửi cho họ một tháng sau mới lấy lại được, vì người nào cũng có công việc riêng, rảnh họ mới đọc. *One man show* là một tình trạng không thể sửa chữa, có bàn cho lắm cũng không qua được thực tế.

TLH: *Số đầu của tờ Văn Học, Lá Thư của Ban Chủ Biên có đề ra, nối*

tiếp đường lối mà nhà văn Võ Phiến chủ trương trước đó cho tờ Văn Học Nghệ Thuật là (1):

– Giới thiệu những bài khảo cứu văn hóa Việt Nam mới nhất của giới học giả tại hải ngoại.

– Giới thiệu các nền văn chương lưu vong chống cộng của các dân tộc khác trên thế giới.

– Phân tích phê bình loại văn chương tuyên truyền của cộng sản Việt Nam hiện nay.

– Theo dõi các biến cố văn nghệ quan trọng trên thế giới.

– Điểm sách và phê bình các tác phẩm văn nghệ Việt Nam tại hải ngoại.

– Giới thiệu truyện ngắn, thơ, tùy bút... thật chọn lọc do các văn hữu hải ngoại vừa sáng tác.

Qua một thời gian lâu dài với nhiều chuyển biến của chính trị và xã hội, chủ trương mà ban chủ biên vạch ra từ số đầu vào tháng 02-1986 cho đến nay tất nhiên có thay đổi. Xin ông cho độc giả biết những gì sửa đổi và bổ sung trong chủ trương của tờ Văn Học?

NMG: Sau này các nhà nghiên cứu về văn chương hải ngoại có thể đọc lại các số Văn Học để tìm ra những thay đổi trong nội dung và hình thức bài vở đăng trên Văn Học. Riêng tôi, người chịu trách nhiệm chính trong việc biên tập Văn Học, tôi thấy những chủ trương ban đầu anh nhắc lại trong câu hỏi không khác với chủ trương hiện nay bao nhiêu.

Nếu có những mục trong chủ trương nêu ra không thể hiện đầy đủ vào thời này hay thời khác trên Văn Học, theo ý tôi, là do những thay đổi từ phía văn hữu, chứ không do phía ban biên tập. Vì một thực tế này: các tạp chí văn chương hải ngoại trông chờ bài các văn hữu gửi về để đăng như con trông mẹ về chợ, kỳ báo nào in xong cũng hồi hộp trông chờ bài cho số sau. Rất ít bài dự trữ, và những bài "đặt hàng" cho những "người có thẩm quyền" cũng ít có hồi âm. Nghĩa là ban biên tập không chủ động được nội dung của bài vở. Một tạp chí có giá trị hay không, không do tài điều khiển của người chủ trương (có binh dâu mà điều khiển!), mà do cảm tình và lòng tin cậy của người viết dành cho người chủ trương.

Chỉ có một điểm thay đổi rõ ràng là có chủ trương của Văn Học. Đầu năm 1992, lúc Văn Học lâm vào khủng hoảng đến nỗi báo ra trễ nhiều lần và đã tính đến chuyện biến tờ báo từ nguyệt san thành số đôi hai tháng ra một lần, tôi phải trở lại trực tiếp làm chủ bút giúp Cao Xuân Huy lo bài vở để cải tiến tờ báo. Trong thư tòa soạn số 74 (tháng Sáu 1992), tôi viết: "Ban Chủ biên Văn Học đồng ý là cần duy trì tờ Văn Học như một diễn

đàn văn chương của người Việt hải ngoại, phản ảnh đời sống tinh thần của người Việt hải ngoại. Vì là diễn đàn của người Việt hải ngoại nên Văn Học phải đặt ưu tiên ngừng vấn đề của đồng bào hải ngoại; đó là căn cước, là yếu tính, và nếu Văn Học có đóng góp được gì cho sinh hoạt văn hóa dân tộc Việt Nam nói chung, thì phần đóng góp cũng từ chỗ đứng đó.

Vì là diễn đàn văn chương, nên Văn Học tự giới hạn trong những vấn đề thuộc phạm vi văn chương, không để bị lôi cuốn vào các vận động chính trị giai đoạn. Văn chương không thể đứng ngoài những cuộc vận động chính trị nhằm bảo vệ quyền tự do, quyền sống của con người, nhưng Văn Học quan niệm sự đóng góp tích cực nhất, cần thiết nhất của văn chương vào cuộc vận động là những tác phẩm giá trị nhằm đề cao con người, đả phá những thế lực tha hóa hoặc đàn áp quyền sống thiêng liêng của con người."

Chủ trương đó khiến Văn Học quan tâm giới thiệu, nhận định, quảng bá các tài năng văn chương hải ngoại nhiều hơn các báo bạn; quan tâm đến việc sưu tập, sơ kết các thành quả của văn học hải ngoại; giới thiệu các tác giả và tác phẩm quan trọng của văn chương hải ngoại. Ngược lại, trên Văn Học không có những thời sự chính trị nóng bỏng hay những tranh cãi chính trị hấp dẫn sự tò mò của bạn đọc, như vụ Tổng thống Clinton qua thăm Việt Nam, cuộc biểu tình đòi Thái lan trả tự do tức khắc cho Lý Tống...

TLH: *Trong số bài xuất hiện trên Văn Học trong nhiều năm qua, hình như có sự xuất hiện thưa thớt của các tác giả miền Nam, có người gọi nôm na là "miệt vườn". Điều này có đúng hay không? Nếu có, ông có thể vui lòng giải thích lý do cho độc giả biết hay không?*

NMG: Văn chương "miệt vườn" là một khuynh hướng sáng tác đặc biệt trong văn chương hải ngoại, với các tác giả gốc "Nam kỳ" (chính xác hơn chữ Miền Nam) như Hồ Trường An, Kiệt Tiến, Nguyễn văn Sâm, Ngô Nguyên Dũng, Nguyễn Đức Lập, Trần Long Hồ, Xuân Vũ, Nguyễn van Ba, Võ Kỳ Điền, Nguyễn Tấn Hưng...Tôi không kể một số tác giả gốc Nam kỳ khác (như Phan thị Trọng Tuyến, Nguyễn thị Ngọc Nhung) vì lối viết của họ không có "tính cách Nam Kỳ" truyền thống. Giới nghiên cứu văn học sẽ bàn kỹ thế nào là văn chương Nam kỳ truyền thống, theo tôi, nghĩ thoáng qua tôi thấy loại văn chương đó chú trọng đời sống và tâm tình người vùng Nam kỳ (phần lớn là dân quê), thiên về phong tục và sử dụng tối đa ngôn ngữ nói cho văn chương (khác với ngôn ngữ viết của các nhà văn Bắc và Trung kỳ). Có một thời kỳ (từ 1985 đến 1990) văn

chương "miệt vườn" nở rộ trên Văn Học, với những văn phẩm xuất sắc của Hồ Trường An, Kiệt Tấn. Nguyễn văn Sâm, Ngô Nguyên Dũng.. Tôi nghĩ cho đến bây giờ, những truyện ngắn hay nhất của Hồ Trường An, Kiệt Tấn là những truyện "miệt vườn" các anh ấy cho đăng trên Văn Học.

Nhưng sau đó, "văn chương miệt vườn" thoái trào. Ngô Nguyên Dũng bỏ viết truyện "miệt vườn". Nhiều người khác vẫn tiếp tục, nhưng tôi cho là không thành công bằng những gì Hồ Trường An và Kiệt Tấn đã viết. Lý do của thoái trào? Văn chương "miệt vườn" nằm trong dòng văn chương hoài niệm quê hương. Nó chỉ tha thiết, chỉ hấp dẫn khi chúng ta cảm thấy mất quê hương vĩnh viễn, không bao giờ có thể nhìn lại quê hương thân yêu trong đời sống này. Các thay đổi những năm gần đây khiến trở về thăm quê cũ không khó khăn mấy. Hình ảnh quê hương được điều chỉnh lại, thay thế cho những hồi cố trong "miệt vườn". Có viết theo kiểu "miệt vườn" chỉ là viết rán.

Văn Học ít đăng những truyện "miệt vườn" vì số người viết loại này ít đi, những truyện hay loại này ít đi, mà số truyện loại này gửi về tòa soạn cũng thưa thớt. Lý do chỉ thế thôi. Không có kỳ thị địa phương hay phe nhóm ở đây.

TLH: *Tương tự như câu hỏi trên, trong nhiều năm gần đây có sự thiếu vắng bài viết của những tác giả ở ngoài nước không chấp nhận chế độ Cộng Sản, ông có thể vui lòng giải thích điều này cho độc giả biết hay không?*

NMG: Xin thành thực thưa với anh, đây là một câu hỏi ***đầy sơ ý.*** Sơ ý vì nếu tôi hỏi lại: "Thế những người viết trên Văn Học đều là những người "chấp nhận chế độ Cộng sản" hay sao? Văn Học là tờ báo Cộng sản hay Thân Cộng nên những người không chấp nhận Cộng sản tránh xa không cộng tác nữa hay sao?" chẳng lẽ anh sẽ trả lời: "Quả đúng như thế, Văn Học bị những nhà văn chống Cộng xa lánh, cô lập, bất hợp tác."

Tự xưng tụng mình hay phe nhóm mình là Chống Cộng tích cực, là Chiến sĩ Tự Do không phải là điều Văn Học muốn bạn đọc khen ngợi. Đã có những tờ như Làng Văn làm việc này. Đăng những tuyên ngôn tuyên cáo nẩy lửa, những truyện ngắn bài thơ đấu tranh khí thế ngút trời (nhưng giá trị văn chương ít ỏi) cũng không phải là "sứ mệnh" nhóm Văn Học muốn mang. Văn Học chỉ đăng những tác phẩm vừa chống Cộng vừa có giá trị văn chương, vì không phải hễ tác phẩm chống Cộng "tất nhiên" phải có giá trị văn chương. Văn Học không lúc nào thiếu những tác phẩm của những nhà văn không chấp nhận Cộng sản, Văn Học chỉ thiếu vắng

những bài vở "chống Cộng nhưng dở". Xin nhắc lại: Không phải tác phẩm chống Cộng nào cũng hay.

VHNT: *Là chủ biên một tạp chí về văn học, anh đã áp dụng tiêu chuẩn hay lượng định chuẩn mực nào (rules of thumb) về một sáng tác? Bài viết phải hội đủ những điều kiện nào để được chọn đăng?*

NMG: Những người chủ biên tạp chí văn chương sẽ trả lời gọn ghẽ: bài phải hay mới đăng. Nhưng nếu gặng hỏi thêm: Thế nào là hay? thì các vị ấy đâm bối rối. Vâng, thế nào là một truyện ngắn hay, một bài thơ hay? Theo kinh nghiệm hơn mười sáu năm đọc bản thảo cho tạp chí Văn Học và các nhà xuất bản Văn Nghệ, Thanh Văn, gác sang một bên những chuyện dau đầu về chính kiến hay thuần phong mỹ tục có thể làm mất độc giả, tôi nghĩ một truyện ngắn "đăng được" khi đọc xong thấy không có gì gượng gạo, giả tạo, chứng tỏ tác giả thành thực với mình và có khả năng trình bày cảm xúc suy nghĩ theo một hình thức có thể lôi cuốn được người đọc. Truyện "đáng đăng" là truyện đọc xong có một dư vị lâng lâng trong đầu, đọc xong thấy cuộc đời rộng thêm ra, con người bí nhiệm và đáng yêu hơn, thấy mình chỉ là một phần nhỏ trong cái bao la của nhân sinh và từ đó bắt đầu biết lắng nghe người khác, từ đó biết trân trọng những cái khác mình.

Phần thơ, cái quan trọng là cá tính của người viết. Có những bài thơ không đề tên tác giả thì không thể đoán được bài thơ ấy của ai. Tôi thích những bài thơ không cần in tên ai cũng biết tác giả. Cái riêng biệt duy nhất không ai có làm cho bài thơ có chỗ đứng trong cả trăm bài thơ Văn Học nhận được mỗi kỳ. Ngôn ngữ thơ khác văn xuôi ở chỗ lúc nào thơ cũng đi trước ngôn ngữ của đời thường. Thơ là người lính xung kích, là kẻ tiền phong. Điều này không nhất thiết đòi thơ phải phá thể. Truyện Kiều, thơ Đường luôn luôn mới dù tuổi thọ trên vài trăm năm. Nhưng xin lỗi anh, nói chuyện này không bao giờ hết, mà cũng không dễ gì tìm được người đồng ý với mình. Người chủ biên do công việc phải chọn bài, nhưng không có gì bảo đảm là anh ta chọn đúng. "Nếu có gì sơ suất, xin niệm tình tha thứ". Xin mượn lời quen thuộc này để cáo lỗi với những văn hữu gửi bài cho Văn Học.

VHNT: *Sinh hoạt văn học "lẻ loi" trên internet của giới trẻ và chuyên gia có ảnh hưởng hay có thể góp phần hòa nhập vào "dòng văn học chính" ở hải ngoại không? Về phương diện sáng tác văn học, anh có nhận định lạc quan hay bi quan đối với thế hệ trẻ Việt Nam nói chung?*

Nếu có thể, xin cho biết nhận xét của anh về một so sánh về khả năng sáng tác văn học của giới trẻ trong nước và của giới trẻ hải ngoại.

NMG: Internet là một phương tiện truyền thông, giống như máy in và hệ thống truyền thanh truyền hình, tự thân nó không có trách nhiệm về nội dung hay giá trị của những tác phẩm nó phổ biến. Một truyện ngắn,. một bài thơ dọc trên Internet cũng giống như đọc trên trang sách trang báo mà thôi. Huống chi trong tình hình xuất bản và phát hành khó khăn hiện nay, phổ biến tác phẩm trên Internet là một giải pháp tiện lợi. Tôi đã thấy nhiều nhà văn nhà thơ chọn giải pháp này, như các anh Bùi Thanh Liêm, Nguyễn Đức Bạt Ngàn, Trần Hoài Thư...

Sự khác biệt là thành phần người đọc, không phải ở phía giới sáng tạo văn nghệ phẩm.

Muốn đọc một cuốn sách, độc giả chỉ cần biết chữ. Muốn đọc truyện trên Internet, điều kiện đòi hỏi cao hơn: phải có máy *computer*, phải nối vào một hệ thống Internet, phải có một trình độ Anh ngữ và kỹ thuật điện toán nào đó để tìm web-site, để chuyển hệ chữ Việt... nghĩa là đúng như anh nói, thành phần độc giả này bị giới hạn trong giới chuyên gia trẻ, theo tiêu chuẩn Hoa Kỳ là thành phần trung lưu - *middle class*. Đây là thành phần nòng cốt tạo nên sức mạnh cho Hoa Kỳ, họ năng động, nhiều sáng kiến và tham vọng, và rất đa đoan công việc. Nếu có thì giờ lên Internet, họ cũng làm như họ xem tivi, cầm *remote* bấm lia lịa xem chương trình này một chút rồi bấm sang chương trình khác. Internet cung cấp cho họ một khu giải trí đầy hấp dẫn và rộng rinh, họ như đứa trẻ lạc vào cửa hàng Toys-R-Us. Cho nên Internet tạo ra một phong cách thưởng ngoạn mới, tạm gọi là "phong cách cưỡi ngựa xem hoa", cái gì cũng biết nhưng không biết cái gì sâu sắc, cái gì cũng làm nhưng không bỏ thì giờ tâm trí làm đến nơi đến chốn.

Đó không phải là lỗi của Internet. Cũng không phải là hiện tượng khác thường. Người mới mua xe mới bao giờ cũng thích lái xe chạy vòng vòng quá mức cần thiết. Người ta gọi là "nhiệt tín của người tân tòng". Khi đã qua cơn rồi, người ta sẽ bình tĩnh trở về với cái mình thực sự yêu thích, và đi vào chiều sâu. Tôi hy vọng các cây bút hiện viết trên Internet cũng sớm ý thức điều này. Lúc đó, dĩ nhiên sinh hoạt văn học trên Internet, với giá trị văn chương cộng thêm sức mạnh của kỹ thuật, dễ dàng vượt qua những hình thái văn chương lụ khụ lỗi thời khác.

Tôi lạc quan hay bi quan đối với thế hệ trẻ Việt Nam? Nghe anh hỏi câu này, giật mình nhớ rằng mình không còn trẻ nữa. Mà đã không còn trẻ nữa, thì dừng nghĩ mình có thể định đặt một cái khuôn nào đó để lớp sau

phải theo. Thế giới biến chuyển quá nhanh, mỗi thế hệ đối phó với những vấn đề riêng của họ, tôi nghĩ kinh nghiệm của lớp trước không giúp được gì nhiều cho lớp sau. Tôi làm việc gần mười bốn năm qua tại một công ty ấn loát niên giám điện thoại Hoa Kỳ. Tôi thấy rõ tuổi già lạc lõng thế nào trước những thay đổi nhanh chóng của kỹ thuật. Vì thế, tôi không bi quan về giới trẻ. Họ được giáo dục kỹ lưỡng hơn thế hệ chúng tôi, họ hấp thụ và thích ứng với tiến bộ kỹ thuật nhanh hơn chúng tôi, họ giao tiếp với các trào lưu văn hóa nhiều hơn chúng tôi, đời sống của họ ổn định hơn đời sống chúng tôi. Nếu bao nhiêu dữ kiện nội nhập ấy không tạo ra được cái gì rạng rỡ, thì đáng tiếc lắm!

VHNT: *Trong Văn Học xuân Bính Tý 1996, ban biên tập Văn Học dã dành một số trang không nhỏ để giới thiệu các cây bút trẻ hải* ngoại *viết bằng tiếng bản xứ, hầu hết là Anh ngữ. Mai Kim Ngọc nói về những ảnh hưởng tích cực của hiện tượng này đối với truyền thông, văn chương, và văn hóa người Việt tại hải ngoại. Thạch Hãn ca ngợi những nỗ lực tìm về cội nguồn của những tác giả trẻ có mặt trong tập "Once Upon a Dream." Trong những số VH sau đó, tạp chí này đã tiếp tục giới thiệu một số truyện dịch từ nguyên bản tiếng Anh của các tác giả Andrew Lâm, Lưu Trường Khôi, v.v... Đây là một cố gắng rất đáng biểu dương của Văn Học. Là người chịu trách nhiệm điều hành tạp chí này, xin anh cho biết ýkiến/ nhận xét của anh về những người viết trẻ cùng thế hệ và hoàn cảnh với Andrew Lâm và Lại thanh Hà (2 tác giả này viết bằng Anh ngữ) nhưng đã chọn Việt ngữ như là tiếng nói văn chương cho sáng tác của họ. Sự chọn lựa này có những ngụ ý gì?*

NMG: Lựa chọn ngôn ngữ để sáng tác không đơn giản như là chọn cách phổ biến bằng ấn loát hay Internet. Chọn một ngôn ngữ là chọn luôn cả cái hồn của ngôn ngữ ấy, chọn luôn cả truyền thống văn hóa phong tục ngôn ngữ ấy nẩy sinh. Xin lấy một ví dụ: cùng một nội dung, nhưng nói *"tôi thương em"* Việt Nam hơn *"tôi yêu em"*, và tạo xúc động sâu xa hơn là nói *"I love you"* hay *"Je t'aime"*. Vì thế, những bạn trẻ chọn viết bằng ngôn ngữ Việt, từ trong thâm tâm, dã muốn hướng về văn hóa dân tộc, sinh hoạt cộng đồng, và sẵn sàng chịu chung những hạn chế của sinh hoạt văn hóa thiểu số.

Nói như thế không có nghĩa là những bạn viết tiếng Anh không có tinh thần yêu nước. Lựa chọn viết bằng Anh ngữ hay Pháp ngữ.không phải là chọn việc dễ. Nhập vào chính mạch, ngay cả những thế hệ di dân thứ hai, thứ ba dã khó chứ dừng nói thế hệ thứ nhất. Sức cạnh tranh giữa

các sắc tộc để lôi kéo sự chú ý thật khủng khiếp. Một bức tranh Việt Nam nếu không có gì độc đáo khó lòng được giới thưởng ngoạn chú ý, trong khi cũng bức tranh đó nếu bày bán ở Sài Gòn hay Hà Nội, có thể bán dễ dàng cho các du khách muốn có một món lưu niệm. Chọn viết bằng Anh ngữ Pháp ngữ là chọn đối đầu với cạnh tranh quốc tế.

VHNT: *Có những mặt thuận lợi cũng như trở ngại nào, trên những khía cạnh liên quan đến văn học nghệ thuật và xuất bản trong điều kiện văn hóa và xã hội của người Việt hải ngoại, khi lựa chọn sáng tác bằng tiếng Việt hay bằng tiếng bản xứ?*

Câu trả lời trên cũng trả lời được một phần câu hỏi này. Tôi xin thêm: Dù sáng tác bằng thứ tiếng nào đi nữa, cái mà giới thưởng ngoạn chờ đợi từ một văn nghệ sĩ sắc tộc không phải là bản sao văn hóa phẩm của xứ sở này, mà là bản sắc của quê hương gốc. Gần đây, tôi có xem một loạt phim của điện ảnh Hoa lục, nhất là những phim của đạo diễn Trương Nghệ Mưu. Thật tuyệt vời! Phim nào cũng đặc chất Tàu! Chất Tàu từ khuôn mặt diễn viên, khung cảnh, sinh hoạt, cách cầm bát, cách văng tục..Coi phim Tàu để tìm hiểu chất Tàu chứ chẳng lẽ tìm hiểu chất Mỹ! Tuy vậy, sau cái chất Tàu ấy, là cái chung của nhân sinh, là thơ mộng của tình yêu và hy vọng, là cái ghê tởm của bạo lực và ngu đốt, là cuộc tranh đấu không ngừng giữa thiện và ác... Tôi xin cầu chúc cho các bạn trẻ viết bằng tiếng Anh tiếng Pháp làm được như đạo diễn Trương Nghệ Mưu.

TLH: *Ở cương vị chủ biên tờ Văn Học, trong khi chọn bài dĩ nhiên ông bị ảnh hưởng rất nhiều từ mọi phía và bị chi phối bởi nhiều yếu tố khác nhau. Ông có thể cho độc giả biết một cách cụ thể, trong một ước lượng phải đành bằng con số về phần trăm ảnh hưởng của các yếu tố sau đây:*

- *cảm tình bè bạn.*
- *cảm tính trong ý thích và nhận định cá nhân.*
- *tên tuổi tác giả.*
- *lập trường chính trị.*

NMG: Tôi không thể định lượng một cách cụ thể các yếu tố chi phối việc chọn bài. Trên thực tế, người chủ bút hoàn toàn chủ quan trong việc chọn bài, đúng hay sai, ảnh hưởng trực tiếp đến chất lượng của tờ báo. Nếu chung quanh vị chủ bút có một số bạn hữu có trình độ, việc chọn lựa bài đăng của chủ bút sẽ bớt định kiến, giá trị bài vở sẽ khá hơn. Ngược lại,

giá trị tờ báo ngang bằng với trình độ chủ bút, không tránh được.

Riêng Văn Học, chúng tôi quan tâm đến giá trị văn chương và chất lượng khoa học của bài khảo cứu hơn là quá khứ chính trị của tác giả. Trên cùng một số báo, có bài của những tác giả có lập trường chính trị đối nghịch nhau. Họ chỉ giống nhau ở bài viết: cả hai bài đều đả phá những thế lực đàn áp con người, bóp chết tự do. Có thể có những người cho rằng chỉ có mình mới là người nắm giữ chân lý, nhất định không thèm đứng chung với những ai không giống mình. Những vị đó khó chịu khi thấy tên mình xuất hiện bên cạnh những "con nọ, thằng kia". Quí vị đó quá khó tính! Văn Học mất một số cộng tác viên tương tự như quí vị đó, nhưng không lấy làm tiếc.

TLH: *Trong số vấn đề mà các vị chủ biên phải đương đầu, có hai điểm cần xét rõ là "vị nể" và "bị hù dọa". Có những tác giả "cổ thụ" gởi bài đến, đôi khi giá trị bài viết có giới hạn, mà ông không muốn đăng trên tờ Văn Học, ông đã giải quyết như thế nào? Có những tác giả mà bài viết có vẻ "trang hoàng kiến thức" và mang tính "chiếu chỉ cung đình", dĩ nhiên bài viết thường có giá trị, trong những trường hợp như vậy ông có cảm thấy "bị hù dọa" bởi bài viết và phải đăng chúng trên tờ Văn Học hay không?*

NMG: Bài vở Văn Học nhận được không nhiều đến nỗi tôi phải băn khoăn khi phải chọn bài này, bỏ bài kia. Tạp chí cũng không phải là một thế lực trần thế ghê gớm đến nỗi người ta phải hù dọa chủ bút để đăng bài của mình. Đăng bài trên Văn Học làm sao gây chấn động lớn lao ngay lập tức cho bằng phóng một bài chửi bới nẩy lửa lên Internet?

Vì bài vở ít, nên thông thường bài của những vị đã có tiếng tăm trong văn giới thường được chọn đăng với rất ít sửa chữa của biên tập. Những vị này trực tiếp chịu trách nhiệm với bạn đọc về bài viết của mình, và thông thường, họ cũng rất cẩn thận khi đưa bài để đăng. Bài của những tác giả mới viết, nhất là những bài khảo cứu (chúng tôi không biết khả năng thực sự của tác giả thế nào, lại không có phương tiện kiểm chứng khoa học những gì đưa ra trong bài khảo cứu), chúng tôi đè đạt hơn. Nhiều vị có bằng cấp cao, nay hồi hưu rảnh rỗi, hưởng nhàn bằng cách quay sang khảo cứu một đề tài không thuộc chuyên môn của mình, nên bằng cấp cũ không đủ bảo đảm giá trị của bài viết. Nói chung, suốt thời gian làm chủ bút Văn Học, tôi chẳng bị ai "hù dọa" cả.

TLH: *Để phát triển tờ Văn Học, ông có dùng những thủ thuật riêng*

như là chiến thuật vận động. Chẳng hạn như ông cố tình đăng những bài, mặc dù bản thân ông không thích, nhưng bài ấy có tác động "đụng chạm lớn" có thể gây ra "một chiến trường đẫm máu trong sinh hoạt văn học"?

NMG: Tờ Văn Học cứ "xìu xìu ểnh ểnh" như thế sau 16 năm, chứng tỏ tôi không biết làm "business", Văn Học chẳng nắm được thủ thuật "câu khách' nào cả. Văn Học "hiền khô", hay tránh xa các vụ tranh cãi. Ai chửi cũng im lặng chịu đựng, không "trả miếng". Như anh thấy, không hề có "chiến trường đẫm máu" nào trên Văn Học.

TLH: *Đã từ lâu và còn mãi tới bây giờ, sinh hoạt văn học hải ngoại vẫn còn tồn tại những hình thức "bộ lạc". Ông có nghĩ rằng ông vẫn là một "tù trưởng" của bộ lạc Văn Học hay không? Nếu có, ông sẽ làm cách gì để chuyển hóa nó lên một hình thái cao hơn?*

NMG: Nhận định bất cứ chuyện gì cũng cần chú ý đến thực tế. Thực tế của sinh hoạt văn chương ở hải ngoại là **những cố gắng cá nhân đơn độc**, bằng những phương tiện thô sơ giữa một thời kỳ khoa học kỹ thuật tiến bộ vượt bực. Một tạp chí ra hằng tháng mà chỉ có một người làm từ A đến Z (kể cả những nhà xuất bản lớn có uy tín như Văn Nghệ chẳng hạn, cũng vậy), thì nói tới "bộ lạc" đã là phóng đại rồi. Tờ báo do một người lo, nên phản ảnh cái ưu cái khuyết của người chịu trách nhiệm trực tiếp rất rõ. Sức tập trung của một tờ báo dựa vào cá tính của người đứng mũi chịu sào, nhiều hơn những thứ lớn lao như là chủ trương, lập trường chính trị, văn phong, trường phái.

Chẳng hạn bây giờ Văn Học do tôi chịu trách nhiệm chính, nên là "bộ lạc" của những người "có vẻ" (tôi nhấn mạnh chữ *có vẻ*) trung dung, nghiêm chỉnh. Nhưng nếu Văn Học chuyển qua tay một chủ bút khác, nó sẽ trở thành "bộ lạc" những người chịu chơi, ưa nổ, chủ trương văn chương phải như cuồng phong, bão lửa...

TLH: *Trong quá trình hoạt động của một chủ biên văn học, ông có gì phải "tự thú" với độc giả hay không? Chẳng hạn như ông đã không ưa mà hay "dìm" một tác giả nào đó. Hoặc là ông thích mà "đưa" tác giả nào đó lên một cách thường xuyên hay ca ngợi người ấy có phần lộ liễu.*

NMG: Tài năng bây giờ có nhiều phương cách để bộc lộ ra cho thiên hạ biết, đâu phải chỉ duy nhất qua tạp chí văn chương. Có một bài thơ, một truyện ngắn ưng ý, đưa in lên báo Việt ngữ địa phương quá dễ. Người ta kỳ

thị thì mình phóng lên Net. Nhóm chủ trương các *website* trên Net kỳ thị nữa, thì mình tự làm riêng *website* của mình, có kèm đủ hình ảnh, tiểu sử, bằng cấp. Làm sao dìm tài của ai, hay thổi phồng được ai nếu người đó tự họ không có tài? Cũng có những trường hợp "giao tế", nhưng rất ít.

NMT: *Có người cho rằng những tạp chí văn học là bề mặt và cái nôi của văn chương. Theo anh, điều ấy đúng không?*

NMG: Sự thực là thế tuy mới nghe có vẻ như người trong làng tự vẽ mặt vẽ mày cho nhau. Phương tiện truyền thông ngày nay tiến bộ khủng khiếp, nên như anh thấy, ai cũng có thể ra báo được cả. Gõ vào *keyboard* một chặp, một bài viết thành hình. Đưa cho nhà in một đêm, hôm sau bài viết đã được phổ biến. Nếu là một bài viết nổ, ngay lập tức bài đó được gửi fax đi khắp nơi. Đã qua rồi, cái thời do in ấn khó khăn mà chữ viết là ưu quyền của một số người.

So với sức phổ biến và ảnh hưởng tức thời đến người đọc, các tạp chí văn chương yếu thế thấy rõ. Một bài thơ, một truyện ngắn đăng trên các báo biếu hoặc báo phổ thông ăn khách thường có tầm phổ biến rộng hơn đăng trên một tạp chí văn chương.

Nhưng cũng có một sự thực khác, là một truyện ngắn xuất hiện trên tạp chí văn chương được người đọc thưởng thức một cách "văn chương" hơn, nghĩa là đòi hỏi tác giả nhiều hơn. Tôi có một kinh nghiệm về chuyện này: Những truyện ngắn độc đáo của Thế Giang xuất hiện lần đầu trên tờ Diễn đàn ở Paris, sau đó tờ Người Việt ở California đăng lại. Đọc truyện Thế Giang trên Người Việt, tôi thích quá, xin đăng lại trên Văn Học cho văn giới biết. Quả nhiên sau đó, người trong giới cầm bút xôn xao hỏi nhau Thế Giang là ai, và năm sau anh qua California chơi, Thế Giang được bạn văn đón tiếp nồng hậu dù chưa hề gặp nhau.

Trên báo loại phổ thông, văn chương chỉ là đồ nguội dự trử, có cũng được mà nếu cần cất đi để đăng tin nóng và quảng cáo cũng không sao. Trên tạp chí văn chương, nó là đồ nóng. Cả người viết lẫn người đọc cùng trân trọng những sáng tác trên tạp chí văn chương, nên sự đánh giá chính xác hơn. Trên các tờ báo phổ thông phổ biến rộng rãi như Văn Nghệ Tiền Phong, Phụ Nữ Diễn Đàn cũng có những truyện ngắn , bài thơ giá trị. Nhưng nếu cần tìm hiểu văn chương hải ngoại, chắc ít ai bỏ công đọc hết những sáng tác trên các báo ấy. Trước 1975, văn học Miền Nam phản ảnh trên những diễn đàn như Sáng Tạo, Văn, Bách Khoa, Thời Tập...chứ không phản ảnh trên Sài gòn Mới, Chính Luận...Các nhà phê bình vẫn hay chia nhóm giới cầm bút bằng cách căn cứ vào những diễn đàn họ thường cộng

tác. Nhóm Sáng Tạo, Nhóm Văn, Nhóm Bách Khoa. Vâng, tạp chí Văn Học trong mười sáu năm qua tự nhiên cũng tạo ra một nhóm, một cái nôi thân ái chung.

NMT: *Anh làm việc như thế nào khi chủ trương tạp chí Văn Học? Có cố gắng nào về tài chánh, về thì giờ điều hành cũng như về bài vở in ấn?*

NMG: Anh "xâm phạm" vào bí mật nghề nghiệp của tôi rồi đấy!

Đáng lý tôi phải trả lời ỡm ờ để lấy oai, nhưng như thế thì không sòng phẳng. Chưa có thời kỳ nào trong lịch sử báo chí Việt Nam mà cách làm báo văn chương ở đây "thủ công nghiệp" đến như thế! Một lần có độc giả ở xa về Little Sài gòn chơi, điện thoại tới ngỏ ý muốn thăm "tòa soạn" và "các anh chị em trong ban biên tập". Tôi xin lỗi là "tòa soạn" chật hẹp quá, sợ tiếp khách không được. Vì chỉ là cái hộp thư bưu điện. Còn anh chị em trong ban biên tập thì ai nấy chạy lo kiếm sống hết cả, lâu lâu họ tạt tới chỗ ở của người lo bài vở, nói chuyện đôi ba câu, rồi đi. Từ ngày có computer và Internet, các tác giả không cần ghé "toà soạn" nữa, chỉ nằm nhà gửi bài qua đường dây điện thoại. Một độc giả khác nghe giọng nữ của nhà tôi trên số điện thoại Văn Học, hỏi có phải là nữ thư ký của "tòa soạn" hay không.

Một bạn văn từ Việt Nam qua, sau khi đọc những bài báo động về "diễn tiến hòa bình thâm độc của bọn phản động qua đường lối văn chương", đến thăm tận "hang ổ" của các "toà soạn" Văn, Văn Học, Hợp Lưu liền bật cười lắc đầu, hỏi tiền CIA cấp cho các ông đâu mà các ông để "tòa soạn" thế này. Các tòa soạn ở Việt Nam đâu có thế! Tôi còn nhớ sau 1975 tòa soạn tuần báo Văn Nghệ Giải Phóng đặt tại một tòa biệt thự, nhân viên gần 70 người. 70 người với phương tiện của "nhân dân" ra một tờ báo 16 trang hằng tuần. Một hai người của tạp chí văn chương hải ngoại ra một nguyệt san, không tốn của "nhân dân" một xu, chỉ tốn tiền nhà. Làm bảng đối chiếu, chúng ta đóng góp cho tài sản văn chương dân tộc với một chi phí thấp. Đáng hãnh diện phải không anh?

TLH: *Là một vị chủ bút một tạp chí thuần túy văn chương lâu đời, xin ông vui lòng cho độc giả biết một cách khái quát về tình trạng "lão hóa" trong sinh hoạt văn học, cụ thể về tác giả sáng tác và độc giả?*

NMG: Lão hóa là một hiện tượng tất nhiên của văn chương hải ngoại, một hiện tượng không thể khác đi, không thể tránh né. Lý do cũng dễ hiểu: lớp trẻ lớn lên nơi xứ người không thông thạo tiếng Việt, thậm chí

không biết tiếng Việt, thì đâu là nền tảng cho một dòng văn học tồn tại lâu dài? Người đọc sách báo tiếng Việt hiện nay phần lớn ở vào lứa tuổi từ 40 trở lên, người viết thì lứa tuổi trung bình cao hơn, có thể là 50. Người viết phái nữ trẻ tuổi hơn người viết phái nam. Đấy là một thực tế, gây khó khăn cho những mong muốn canh tân, thay đổi chủ đề, cách nghĩ, cách viết.

DĐ: *Đấy có phải là "cái cớ" để quí vị khư khư ôm lấy quá khứ, cái cũ, không chịu "đổi mới", chống lại những cách tân? Đã có những người viết xếp Văn Học vào hàng "bảo thủ", "chay", nghĩa là đã bị "lão hóa".*

NMG: Theo dõi các thảo luận trên Diễn đàn, tôi có cảm tưởng như nhiều bạn tức giận vì một khối đông khổng lồ bảo thủ và trình độ thấp (có bạn nói thẳng là phải giáo dục họ cho trình độ họ cao lên, đủ sức đọc mình) đã phá hoại cuộc vận động đổi mới của mình. Nói thật, tôi nghĩ các bạn đó bị nhiều hoang tưởng, như nhân vật Don Quixote vậy. Ở trong nước, rõ ràng có một sức mạnh bảo thủ ghê gớm, chẳng những bảo thủ mà còn có súng có còng có quyền. Ngoài này, chúng ta có hoàn toàn tự do. Không có sức phản động nào ngăn cản tự do đổi mới cả. Ai không ưa những bài thơ của Khế Iêm hay Đỗ Kh., họ im lặng. Chỉ có bà Trần Mộng Tú dại dột nói rõ không ưa, và đã bị trừng trị thích đáng. Có báo trong tay, có tài và cũng có tiền để in sách, mình tự do phổ biến tác phẩm mới, tự do hô hào người khác theo mình. Nếu không có nhiều người theo, thì hoặc là mình chưa đủ tài, hoặc là họ chưa đủ trình độ, và mình lại phải gác bớt công việc sáng tác viết sách dạy cho họ. Con đường hành động thênh thang như thế, sao lại có giọng giận dữ, bất mãn.

Ai đam mê cái gì thường cho rằng chỉ có điều mình đam mê là quan trọng, là cao cả. Sai. Sai rất lớn. Mình mê văn chương thì lao đầu vào chuyện viết chuyện đọc. Nhưng đừng vì vậy mà cho những người có đam mê kiểu khác là thấp kém. Một nhân vật của Võ Phiến (Bốn Thôi) suốt đời chỉ có cái sướng trưa trưa tìm chỗ vấng nhổ lông mũi. Cái sướng của anh ta có cường độ cũng ngang bằng cái sướng của chúng ta khi đọc một cuốn sách hay. Còn vì sao anh ta không biết thưởng thức văn chương mà chỉ biết thưởng thức cái thú nhổ lông mũi, thì nhiều nguyên do lắm, những nguyên do ngoại tại không thuộc trách nhiệm của Bốn Thôi. Đã không phải lỗi của anh ta (nếu cho đó là lỗi) thì Bốn Thôi cũng không đáng bị khinh bỉ. Tôi nghĩ cả hai thái độ: xem nhẹ văn chương và xem nặng văn chương đều sai. Mình mê cái gì thì phải tận tâm cho cái mê đó, làm hết sức mình, kiên trì chịu đựng để thành công. Nhưng vì mê văn chương mà

xem văn chương là trời là đất, thì còn sai hơn cả xem thường văn chương. Tôi e rằng hầu hết các bạn trên Diễn đàn đều có một ước vọng chung là làm mới văn chương, thoát khỏi tình trạng trì trệ hiện nay cả trong nước lẫn ngoài nước. Nhiệt tín đưa tới hoang tưởng và quá khích, cuối cùng tới một tình trạng nhận định, đánh giá hết sức sơ lược: cái gì cũ đều không đáng đọc vì vô ích. Một trăm cái mới chưa hay đáng giá hơn một trăm cái cũ hay. Thơ như thế này mới là thơ, thơ mà có vần điệu, ý nghĩa dễ hiểu, anh anh em em, vứt đi. Sách in ra không ai nhắc tới, bán không được: ôi bọn độc giả trình độ kém quá, làm sao họ biết ta là James Joyce là Van Gogh. Theo cái đà đó, chúng ta tự nhốt chúng ta vào một thứ ghetto khắc nghiệt, và sống bằng một thứ kiêu hãnh phi thường. Nhưng thế nào là mới thế nào là cũ, cho đến nay tôi vẫn chưa thấy các bạn bàn cho phân minh, ngoài việc nêu tên một số sách một số tác giả Tây phương làm mẫu mực. Tôi cho rằng cái mới không nhất thiết phải ở phương Tây, nhiều khi ở ngay trong chúng ta, ở ngay trong những người ta tưởng không có gì đáng nói.

TLH: *Bước qua năm 2001, có vị đã đề cập đến những vấn đề lớn lao của một ngàn năm tới, tôi không dám nghĩ đến những điều quá lớn lao, chỉ rón rén xin ông cho biết ý kiến về tương lai phát triển của loại báo văn học thuần túy trong tương lai nằm trong tình hình sinh hoạt chung của văn học hải ngoại?*

NMG: Căn cứ vào số người viết lẫn số người đọc ngày càng giảm của tạp chí văn chương, tôi bi quan. Sẽ tới ngày tạp chí văn chương vì thiếu độc giả, phải đình bản. Hiện nay số người viết và số người đọc xấp xỉ bằng nhau. Sẽ tới ngày số người đọc ít hơn số người viết (vì người viết thường không đọc nhau). Sách ngày nay được in ra tràn lan, phần lớn do nhu cầu của người viết chứ không do nhu cầu của người đọc.

TLH: *Trong quá trình phát triển, hình như ông vẫn gởi tờ Văn Học một cách giới hạn về bạn bè trong nước. Trong tương lai, ông có nghĩ rằng, ông sẽ có kế hoạch qui mô và công khai để phổ biến tờ Văn Học vào độc giả trong nước hay không?*

NMG: Làm sao có một "kế hoạch qui mô" khi chính quyền Việt Nam hiện nay xem mọi ấn phẩm in ở hải ngoại đều khả nghi, đều mang nhãn hiệu "diễn tiến hòa bình". Nếu Văn Học có lọt về được trong nước là do bạn đọc mang về, chứ ban chủ biên không có phương tiện tài chánh để

làm việc đó. Nhưng bạn đọc Văn Học ở trong nước có nhiều, nhờ *website* Văn Học trên Internet. Văn Học đưa lên *website* một số lượng bài vở khá tiêu biểu, gần nửa số trang in.

NMT: *Nếu cần nói ngay một vài điều ngắn gọn về tạp chí Văn Học, anh sẽ nói gì?*

NMG: Một diễn đàn văn chương mở rộng, trung dung, ai tới cũng được miễn là có đam mê văn chương và không quá khích (dù với bất cứ lý do gì).

NMT: *Hình như anh nói cho anh chứ không cho Văn Học.*

NMG: Có lẽ thế. Tôi xin thêm: Văn Học hãnh diện được làm nơi khởi nghiệp của đa số các nhà văn nhà thơ hải ngoại, mặc dù họ khác nhau rất xa. Văn Học không trung dung, mở rộng, thì làm sao những cá tính khác nhau ấy cùng gặp nhau trên Văn Học.❐

---

(1) "Thư của Ban Chủ Biên Tạp Chí Văn Học", Văn Học, số 1 tháng 02-1986.

Chúc Mừng

Nhận được hồng thiếp của Anh Chị Mai Kim Ngọc báo tin lễ vu qui của thứ nữ

Vũ Như Mai

sánh duyên cùng

Philippe Paré

trưởng nam của Ông Bà Yves Paré ở St. Bruno Canada
Hôn lễ sẽ cử hành tại Villa Park vào ngày Chủ nhật 27 tháng Năm năm 2001.

Văn Học và tất cả các văn hữu cộng tác viên xin chúc mừng Anh Chị Mai Kim Ngọc có chàng rể quí, và chúc hai cháu Vũ Như Mai - Philippe Paré trăm năm hạnh phúc.

Những lần lột xác của Văn Học

Hoàng Khởi Phong

Tôi nhớ thật rõ thời gian và địa điểm tạp chí Văn Học ra đời. Thời đó chúng tôi cùng trú ngụ tại một căn nhà trong thị xã Garden Grove. Chúng tôi đây gồm ba bố con Nguyễn Mộng Giác, vợ chồng Cao Xuân Huy và bố con tôi. Đó là chưa kể tới mấy người cháu Nguyễn Mộng Giác, cháu Cao Xuân Huy và cháu tôi. Nói chung 16 con người vừa lớn bé, trai gái, Bắc Trung Nam cùng chui rúc trong một can nhà 4 phòng ngủ, có một cái cover patio làm chỗ ngủ cho 5 cậu con trai tuổi từ 15 tới 20.

Cũng không thể quên những người bạn, ban đầu là bạn riêng của từng người, về sau là bạn chung của cả nhà. Tháng Tư năm 1985, tình cờ Nguyễn Bá Trạc ở San Jose về chơi với tôi, rồi không hiểu tại sao buổi nhậu có thêm Bùi Vĩnh Phúc, Phạm Quốc Bảo... Sau bữa nhậu đó Trạc về lại San Jose, chúng tôi bàn rộng ra với nhiều người khác và rồi tờ Văn Học ra đời.

Tôi còn nhớ trong cái poster đầu tiên, tờ báo có tên là Văn Học Nghệ Thuật. Sở dĩ có danh xưng này vì ngay từ lúc đầu, trong anh em có hai khuynh hướng. Các anh Nguyễn Mộng Giác, Phạm Quốc Bảo, Bùi Vĩnh Phúc và Nguyễn Bá Trạc đều cho là ngay từ số ra mắt, tờ báo cần có sự tham gia của càng nhiều cây bút thành danh càng có lợi cho bước khởi hành. Thời gian đó Cao Xuân Huy chưa dụng tới cây bút, nên dường như chỉ có mình tôi có ý kiến khác. Tôi rất ghét những tờ báo liệt kê hàng trăm nhà văn, nhà thơ nổi tiếng trong thành phần chủ trương, để rồi thỉnh thoảng có những tờ báo từ lúc ra đời cho tới lúc chết đi, những cây bút thành danh này không hề tham gia bài vở. Do đó tôi đề nghị cứ chăm chút tờ báo thật cẩn thận, sau vài số chắc chắn sẽ có sự tham gia của những người cầm bút. Tất nhiên vì là thiểu số tuyệt đối, nên anh Giác liên lạc với nhà văn Võ Phiến, từ đó lan qua Lê Tất Điều, Nhật Tiến...

Sau khi vận động và được sự đồng ý của nhà văn Võ Phiến, Lê Tất Điều, Nhật Tiến... cái tên nguyên thuỷ anh em định chọn là Văn Học được đổi thành Văn Học Nghệ Thuật, nghĩa là thay vì một tờ báo mới tinh hảo, anh em chúng tôi tục bản lại tờ báo đã đình bản gần một năm của nhà văn Võ Phiến. Thời gian đó nhà văn Mai Thảo đã từ Seattle về Quận Cam và tờ Văn đã ra đời được gần hai năm.

Văn Học Nghệ Thuật ra đời vào tháng Tư 1985, sau tháng Tư 1975 đúng 10 năm chẵn, với thành phần: Chủ nhiệm Võ Phiến cư ngụ tại Los Angeles, chủ bút Lê Tất Điều ở San Diego, tổng thư ký Nguyễn Mộng Giác ở Quận Cam, có hai người phụ đọc và chọn bài là Nhật Tiến và tôi. Phần tôi còn là người đứng tên tờ báo trên phương diện pháp lý. Mỗi tháng khi đi in báo về, anh em tụ họp một lần tại nhà anh Nhật Tiến, nhận báo mới cho mình và thân hữu, ăn với nhau một bữa cơm, hàn huyên với nhau về chữ nghĩa, sắp xếp bài vở cho số tới.

Khoảng một năm sau vì lý do sức khỏe, vì đường xa hai anh Võ Phiến và Lê Tất Điều rút ra khỏi thành phần chủ trương. Tờ báo lột xác lần đầu tiên để trở lại với cái tên anh em định chọn từ lúc ban đầu là Văn Học. Tiếng là có một nhóm chủ trương, nhưng thật ra mọi công việc đổn lên đôi vai Nguyễn Mộng Giác. Lúc này Cao Xuân Huy đã bắt đầu những dòng chữ đầu tiên của anh, trong cuốn bút ký đầu tay *Tháng Ba Gẫy Súng*, đăng nhiều kỳ trên tuần báo Đồng Nai. Phần tôi, từ số đầu cho tới số 18 tôi không hề viết một bài nào. Thời gian đó tôi hoàn toàn bế tắc, không thiết bất cứ việc gì. Nhưng không phải vì thế mà tôi không nhìn thấy những gì đang vây quanh Nguyễn Mộng Giác. Vì ở chung nhà, tôi chỉ có thể giúp Nguyễn Mộng Giác những việc vớ vẩn, chẳng liên hệ gì đến văn chương chữ nghĩa.

Hàng ngày nhìn thấy Nguyễn Mộng Giác đi làm về, đánh vật với tờ báo, tôi cảm thấy bất nhẫn và rồi không thể khoanh tay mãi, tôi nhận lời làm tổng thư ký cho Văn Học, mãi hai năm sau khi tờ báo có mặt với đời. Năm 1988, để sửa soạn đón gia đình sang đoàn tụ, Nguyễn Mộng Giác dọn ra ở riêng tại Tustin, kỳ này anh ở chung nhà với ông Võ Thắng Tiết, từ Alaska về đứng nhà xuất bản Văn Nghệ. Căn nhà tại Garden Grove chỉ còn lại vợ chồng Cao Xuân Huy, bố con tôi cùng vài người cháu của cả hai người.

Đầu năm 1990, chị Nguyễn Mộng Giác và cháu nhỏ từ Việt Nam qua, đã đến lúc Nguyễn Mộng Giác phải rảnh tay để lo ổn định đời sống cho toàn bộ gia đình. Anh nhấc cái gánh Văn Học từ vai anh bỏ sang vai tôi và Cao Xuân Huy. Lúc này Cao Xuân Huy ngoài việc viết đã trở thành một tay sử dụng computer lão luyện. Huy cũng nhận đánh máy, trình bầy

sách báo cho người làm kế sinh nhai. Lúc đó toàn bộ anh em Văn Học đều mong mỏi anh Giác vẫn đứng tên chủ nhiệm. Mọi công việc anh Giác đảm trách trước kia, giờ đây trao cho Cao Xuân Huy và tôi nhận lãnh. Hy vọng sau một thời gian, khi việc nhà đâu vào đấy, anh Giác sẽ coi sóc lại tờ báo. Để vận động việc này, Trương Hồng Sơn từ miền Đông bay sang Cali, chị Thụy Khuê từ Pháp gọi về, song ý anh Giác đã quyết, anh muốn việc nào ra việc nấy. Đây là lần thoát xác thứ hai của tờ Văn Học.

Ngay sau khi nhận tờ Văn Học, tôi mời Nguyễn Đức Lập giữ chức chủ bút, Cao Xuân Huy làm tổng thư ký. Trong lúc này Khánh Trường giúp đỡ Cao Xuân Huy trình bầy bìa tờ báo được thêm phần mỹ thuật. Thời gian này còn có Trịnh Y Thư đến với Văn Học như là một thân hữu, và qua Khánh Trường một số bạn mới như Phạm Việt Cường, Phan Tấn Hải cũng thường xuyên lui tới với anh em. Nguyễn Đức Lập làm chủ bút được hai số, rồi vì một lý do riêng, anh thôi. Văn Học chỉ còn có ba người trách nhiệm: Khánh Trường lo phần mỹ thuật cho cái bìa, Cao Xuân Huy tổng thư ký và tôi chủ nhiệm kiêm chủ bút.

Đầu năm 1990 sau khi Minh, vợ Cao Xuân Huy đã ổn định việc làm, chỗ làm quá xa nhà tôi, nên vợ chồng Cao Xuân Huy thấy đã đến lúc cần sự riêng tư. Cả hai dọn nhà về Tustin, cùng trên đường Pasadena và chỉ cách chỗ ở của bố con Nguyễn Mộng Giác vài phút đi bộ. Căn nhà ở Garden Grove chỉ còn lại bố con tôi, và mấy người cháu. Căn nhà trước kia gần giống như một trại tị nạn, giờ đây vắng vẻ tĩnh mịch.

Tôi nhớ mỗi lần nhận thơ, cứ mỗi lần thêm một độc giả dài hạn, Văn Học lại lỗ mất 10 cents, bởi vì tiền thực hiện một số báo cộng với tiền tem, hơn tiền mua báo dài hạn 10 cents. Khi nhận tờ báo từ anh Nguyễn Mộng Giác, số độc giả dài hạn hơn 500, mỗi kỳ in 1000 số báo, ngoại trừ độc giả dài hạn, qua nhà sách Văn Nghệ, bán cho các tiệm sách ở khắp nơi được hơn 200 số. Riêng chị Thụy Khuê nhận phát hành tại Pháp và Âu Châu được 50 số, còn lại khoảng hơn 100 số của anh em thực hiện và các thân hữu. Mỗi lần in về, Cao Xuân Huy và tôi phải phân phối báo cho độc giả dài hạn. Dần dà số độc giả dài hạn tăng lên được 620 người, đã có vài lần phải in 1200 số mới đủ phân phối.

Tôi nhớ như in số đầu do tôi trách nhiệm, Văn Học đột nhiên đi một truyện ngắn cực kỳ táo bạo: "Pháo Thuyền Trên Sông Yangtze" của Trần Vũ. Số kế đó một truyện ngắn "Có Yêu Em Không" của Khánh Trường. Anh Giác gọi điện thoại đến nhắc chừng tôi, vì nội dung của cả hai truyện ngắn này, làm cho những độc giả có máu dạo đức thật phải nhăn mặt, và những độc giả cực đoan về chính trị gầm thét lên về lập trường của Khánh Trường cũng như của Văn Học. Có những cú điện thoại nghe xong tôi

không giận, chỉ buồn cho kiến thức và tấm lòng của người đã gọi, và ân hận rằng mình đã giao du không cẩn thận. Tôi mất khá nhiều bạn trong thời gian này, chẳng phải vì chính kiến, vì đạo đức, mà thật ra có những bài quá tệ không thể đăng được. Một nhà văn thành danh đã lâu, đã nhân danh tình bạn ba chục năm, yêu cầu tôi trả lời về bài vở. Tôi nhã nhặn nói với người bạn này: Nếu bố tôi sống dậy mà viết dở, thì tôi cũng yêu cầu sửa lại.

Cũng trong thời gian này Văn Học chủ trương không nhất thiết phải dùng cách viết tắt, khi chính các tác giả đã viết rõ những lời chửi thề, những phần kín trong cơ thể con người. Ngay lập tức Văn Học nhận được những lá thư trái chiều, nhiều người thóa mạ, nhưng đồng thời cũng có những lá thư khích lệ. Bởi lẽ khi đọc đến những chữ viết tắt đó, ai nấy cũng đọc y như là viết rõ nguyên chữ, thì tại sao lại phải viết tắt. Vả lại bản thân tôi, tôi thích gọi mọi sự kiện bằng đúng cái tên của nó.

Thời gian này cũng là một thời gian có những sóng gió từ bên kia bờ biển ập đến. Nói một cách khác, khi ông Nguyễn Văn Linh Tổng Bí Thư Đảng Cộng Sản Việt Nam tuyên bố cởi trói cho văn nghệ, chỉ một thời gian sau các tác phẩm của các nhà văn phản kháng từ trong nước thoát ra ngoài. Văn Học là tờ báo đầu tiên đã nhìn thấy những tác phẩm này, ngoài việc dóng lên những tiếng nói của các nhà văn đích thực, còn có giá trị văn học thật sự. Văn Học số 49 và 50 là hai số báo đặc biệt về văn chương phản kháng ở trong nước. Đó là những số báo đầu tiên của hải ngoại, đánh giá một số tác phẩm của các nhà văn, nhà thơ, kịch tác gia, đạo diễn trong nước như: Nguyễn Huy Thiệp, Dương Thu Hương, Trần Mạnh Hảo, Nhật Tuấn, Bảo Ninh, Nguyễn Duy, Phạm Tiến Duật, Xuân Quỳnh, Lưu Quang Vũ, Trần Văn Thủy...

Chính vì hai số Văn Học này, những người cầm bút ở hải ngoại đã mở ra một cuộc tranh cãi kịch liệt, về câu hỏi: văn chương phản kháng ở trong nước thật hay giả. (Cụm từ 'văn chương phản kháng' do Văn Học đưa ra, về sau trở thành một ý niệm chung được đa số người viết và người đọc chấp nhận). Đa số những cây bút cộng tác với Văn Học, Thế Kỷ 21, và Hợp Lưu (Lúc này Hợp Lưu của Khánh Trường đã ra đời) cho rằng đây là phản kháng thật, trong khi đó một số cây viết thường xuyên của Làng Văn và Văn Nghệ Tiền Phong cho là phản kháng giả. Riêng tờ Văn của anh Mai Thảo đứng ngoài các tranh cãi này, tuy nhiên phần lớn các cây bút cộng tác với Văn, cũng là những người thường xuyên gửi bài cho Văn Học. Hơn thế nữa Văn là tờ báo không bao giờ tham dự bất kỳ một cuộc tranh luận nào. Đột nhiên Văn Học ngoài những bài viết của nhóm chủ trương, còn nhận được sự cộng tác của những cây bút ở xa như Thập

Lang, Đỗ Thái Nhiên... Giờ đây hơn mười năm đã qua đi, tôi vẫn mừng là cho dù có những ý kiến trái chiều, và những bài viết phản bác bằng những ngôn ngữ không trong lành, đôi khi miệt thị và đầy ác ý với anh em chủ trương Văn Học, nhưng anh em Văn Học lúc nào cũng giữ được sự tự chế trong ngôn ngữ.

Công tâm mà nói thời gian Cao Xuân Huy và tôi gánh vác Văn Học là thời gian tờ báo phải đối phó với nhiều sóng gió nhất. Thế rồi tôi bị lay off, căn nhà tại Garden Grove phải bán. Tờ báo lúc này trên bề mặt tôi vẫn là chủ nhiệm kiêm chủ bút, song hầu như Cao Xuân Huy lãnh trọn mọi việc. Lúc này Trịnh Y Thư thường xuyên có mặt cạnh Cao Xuân Huy. Mỗi lần thiếu tiền lấy báo, thiếu tiền tem là y như rằng Trịnh Y Thư phải móc bóp ra trang trải.

Giữa năm 1991, tôi lên San Jose làm tiệm in với một người bạn, và như thế tờ Văn Học lột xác lần thứ ba. Lần này Trịnh Y Thư làm chủ nhiệm, Cao Xuân Huy vẫn là tổng thư ký. Lần lột xác này cũng lại có sự hiện diện của Trương Hồng Sơn từ miền Đông sang chứng kiến, đồng thời để tiễn tôi lên San Jose. Cũng cần nói thêm Trương Hồng Sơn hình như có mắc nợ với tờ Văn Học. Mỗi khi Văn Học có biến là y như rằng anh có mặt. Tôi không đề cập tới những khoản tài chánh anh đóng góp với chúng tôi, mà chỉ đề cập đến cái tình của anh với tờ báo mà thôi.

Cái tựa của bài viết này, tình cờ tôi dùng chữ lột xác. Khi viết đến những dòng chữ này, tôi hình dung tờ Văn Học như một con rắn. Mỗi lần rắn lột da, mà người ta gọi là lột xác là một lần nó lớn hơn, trưởng thành hơn, vững chãi hơn. Sau khi Trịnh Y Thư và Cao Xuân Huy gánh vác tờ báo được khoảng ba năm, vì công việc của anh một phần, và vì mệt mỏi một phần, Trịnh Y Thư trao tờ Văn Học lại cho những anh em khác có hoàn cảnh thuận tiện hơn.

Riêng về Cao Xuân Huy, người em họ Hồng Bàng với tôi đến nay đã bốn chục năm. Có lần tôi thấy anh khai "lý lịch văn chương" của anh trong tuyển tập "20 năm Văn Học Việt Nam Hải Ngoại" như sau: "Đi lính 2-1968. Bị bắt làm tù binh 3-1975. Vượt biển 12-1982. Đến Mỹ 10-1983. Làm tổng thư ký tạp chí Văn Học 1989. Hết làm tổng thư ký tạp chí Văn Học 1993. Lại làm tổng thư ký tạp chí Văn Học 1994. Lại hết làm tổng thư ký tạp chí Văn Học 1995. Đang không cộng tác với báo nào."

Cái lý lịch trích ngang này có vẻ tếu, nhưng trong cái "tếu" đó những ai gần gũi Cao Xuân Huy đều biết, không một ai yêu tờ Văn Học hơn anh, nhiều lắm là bằng. Những ai đã biết Cao Xuân Huy trong thời gian này, đều thấy được tấm lòng của Cao Xuân Huy với Văn Học. Nó hệt như tình đồng đội của hai người lính, đang tựa lưng vào nhau trong giao thông hào,

mà bên ngoài địch quân đang ầm ầm lướt tới. Những năm sau này Cao Xuân Huy làm việc kỹ thuật cho tờ Người Việt, cùng một chỗ với tôi và tôi biết: Đối với Cao Xuân Huy, anh có một công việc trong tờ Người Việt, nhưng đối với Văn Học thời gian đó, chính là Cao Xuân Huy, chính là bản thân anh. Anh đến với Văn Học cũng như ra đi không hề có một hậu ý nào. Một vài câu hờn mát, không thể làm tan biến đi những gì anh đã dành cho tờ Văn Học.

Sau khi làm việc ở San Jose một năm, kế đó đi giang hồ thêm hai năm, năm 1994 tôi về lại Nam Cali, vào làm biên tập viên cho Nhật Báo Người Việt, tôi trở thành một thân hữu của Văn Học. Thỉnh thoảng đóng góp bài vở, và mỗi năm có dịp được ăn tiếp tân cuối năm một lần. Bốn năm sau cùng tôi không tham dự, vì những bữa tất niên đó lại trùng vào những ngày tôi bận.

Nếu Nguyễn Mộng Giác không yêu cầu viết bài cho số kỷ niệm Văn Học hàng năm, thật tình tôi không ngờ được mới đó mà Văn Học đã 16 tuổi, cũng không còn nhớ đã có một thời tôi là người đứng mũi, chịu sào cho tờ báo này. Tôi hy vọng Văn Học đã nếm đủ phong trần, đã phải ngả qua tay nhiều người, từ đây sẽ yên ổn không phải trải thêm một lần lột xác nào nữa. Tôi mong rằng Văn Học sẽ còn mãi mãi, cũng như tình thân giữa anh em đã gây được, không thể hao hụt đi vì bất cứ lý do gì.❐

Những số báo Văn Học cũ hiện còn tồn kho

Một số bạn đọc viết thư hoặc điện thoại về Tòa soạn hỏi mua những số Văn Học cũ. Xin thông báo chung đến các bạn:

1. Văn Học không còn đủ trọn bộ 180 số báo đã phát hành trong 16 năm qua. Hiện trong kho Văn Học chỉ còn các số sau đây: 6, 15, 20, 27, 29, 38, 39, 59&60, 64, 65, 67, 68, 69, 72&73, 74, 75, 76, 77, 78, 79, 80&81, 82, 83, 84, 86, 87, 88, 89, 90, 91, 92, 95, 96, 97, 98, 99, 100, 101, 102, 103, 104, 107, 108, 109, 112, 113, 114, 115, 119, 120, 121, 122, 123, 124, 125, 126, 127, 128, 129&130, 131, 132, 133, 134, 135, 136, 137, 138, 139, 140, 143, 144, 145, 146, 147, 148, 149, 150&151, 152, 153, 154, 155, 156, 157, 158, 159, 160, 161, 162, 163, 164, 165&166, 167, 168, 169, 170, 171, 172, 173, 174, 175, 176, 177&178, 179.

2. Giá bán mỗi số báo cũ là **Hai Mỹ kim**. Vì việc gửi bưu kiện đi ngoại quốc quá phức tạp và đắt tiền, chúng tôi chỉ gửi báo cũ đến các địa chỉ trong nước Mỹ và theo hạng bookrate.

Trăng mười sáu

Hoàng Xuân Sơn

Tôi định cư ở thành phố Montréal, tỉnh bang Québec thuộc Gia Nã Đại, phía đông bắc châu Mỹ, tròm trèm cũng đã 20 năm. Đây là một thành phố đa văn hóa tập hợp nhiều sắc dân, với lề lối sinh hoạt chịu ảnh hưởng vừa Tây vừa Mỹ. Tiện nghi đời sống thì hiện đại theo lối Mỹ, nhưng cung cách sống thì có một chút gì nhàn tản, lè phè, lịch sự kiểu Âu Tây. Tôi không muốn đề cao thành phố mình đang sống nhưng thật tình trong những cuộc gặp gỡ, giao thiệp giữa người ta nói chung và giới văn nghệ nói riêng, cách đối xử qua lại có được sự thân tình và gắn bó. Tôi cũng đã có dịp sang thăm xứ Hoa Kỳ vài lần. Và nhận thấy rất chủ quan rằng (đa số) đời sống ở đây diễn biến theo một nhịp độ khác: nhanh chóng và cuốn hút. Hầu như mỗi cá nhân đều làm một cuộc chạy đua theo vận tốc của vòng quay sinh hoạt. Hiếm khi có một giờ phút riêng tư thù tạc đúng nghĩa giữa người thân và giữa bạn bè. Nói chi đến cái thú thưởng ngoạn "phù phiếm" văn chương chữ nghĩa!

Vậy mà trong hoàn cảnh hối hả ấy, một tờ báo văn nghệ được khai sinh trên đất Mỹ, và "tà tà" sống cho đến giờ này: tạp chí Văn Học bước vào năm thứ mười bảy hiện diện trên văn đàn hải ngoại. Làm một so sánh nhỏ: Montréal được tiếng là đất lành, tập trung nhiều cây bút năng nổ, mà chưa có một tờ báo nào có tuổi văn dài bằng!

Gạt ra ngoài mục tiêu kiếm sống (rất khó lòng thực hiện), việc duy trì một diễn đàn văn học ở hải ngoại giữa thời buổi phức tạp này là một việc làm can đảm, tốn công (sức); mà chỉ có thể có được một đáp đền tinh thần về một thứ công (trạng) nào đó trong mai hậu. Công trạng này xin dành cho người đứng mũi chịu sào và ban chủ trương.

Có phải Văn Học chọn thời điểm 16 năm để ấn hành số đặc biệt kỷ niệm một chặng đường sinh trưởng ở đất quê ngoài như biểu tượng người

thiếu nữ vào lứa tuổi sáng đẹp tràn đầy của mười sáu tròn trăng? Mười sáu năm rồi cơ à? Mười sáu năm chèo chống một tờ báo chuyên đề văn học cũng đáng gọi là một công trình. Nhìn lại quãng đường gai góc, có lẽ không những ban chủ biên mà cả người viết cộng tác và bạn đọc thở phào nhẹ nhõm. Mười sáu năm rồi ư? Mới ngày nào mới có bài đăng trên Văn Học Nghệ THuật số 2 (Võ Phiến — Lê Tất Điều), tiền thân của tờ Văn Học bây giờ. Rồi chuyển qua Văn Học do Nguyễn Mộng Giác trông coi. Sau một thời gian anh Nguyễn Mộng Giác bận công chuyện riêng, sang tay chủ nhiệm cho Hoàng Khởi Phong, có Cao Xuân Huy và Khánh Trường phụ tá. Hoàng Khởi Phong rút lui kế đến Trịnh Y Thư đứng chủ bút. Sau cùng lại quay về Nguyễn Mộng Giác với Ban chủ biên có ít nhiều thay đổi cho đến bây giờ. Như vậy có thể nói Nguyễn Mộng Giác là người đăng cai lâu nhất.

Qua một chặng đường dài với bao thăng trầm mà Văn Học vẫn lớn mạnh và tôi vẫn có duyên cộng tác với tập san này. Nghĩ "tếu" một chút, nếu tự kể công thì người cộng tác cũng thuộc loại lão làng: Mình đã viết không ngừng nghỉ cho Văn Học. Kiểm điểm lại, hầu như những sáng tác của mình đăng ở Văn Học là nhiều hơn hết cả bài vở đăng ở các báo khác trong hai mươi năm "trả nợ thơ" ở xứ người. Cái duyên đó chính là sự Thủy Chung giữa Văn Học và người cộng tác như hai người bạn đường cùng đi cùng chiều. Sự gắn bó ấy thể hiện rõ rệt nhất là cái cảm giác của bạn văn trước sau như một: có bài đăng ở Văn Học vẫn cảm thấy sung sướng như thuở ban đầu.

Vậy thì nhân dịp vui mừng của một diễn đàn có thể gọi là tri âm, sao mình lại không viết những lời ca ngợi và chúc tụng tốt đẹp. Tại sao không?

Phải nói Văn Học là một tập san chuyên đề sáng tác nhận định văn nghệ có uy tín ở hải ngoại. Lấy kinh nghiệm bản thân về quan hệ giữa viết và đọc qua tiếp thu thực tế: các sáng tác ở Văn Học luôn luôn được nhắc đến với lòng trân trọng. Và giữa bạn văn, khi cần phổ biến một trước tác nào quan trọng, diễn đàn được nghĩ đến đầu tiên cho việc đăng tải chính là Văn Học. Có lẽ độc giả cũng đồng ý với tôi rằng Văn Học luôn luôn giữ được vẻ chừng mực. Về hình thức, dù không lộng lẫy như Văn, Hợp Lưu, Văn Học vẫn giữ được nét đẹp trang nhã từ trước. Về nội dung, Văn Học không tươi trẻ bằng tờ Văn, không súc tích bằng Hợp Lưu, không phổ thông như Thế Kỷ 21, không tân tiến như Việt, Tạp chí Thơ...nhưng bài vở trên Văn Học cho đến nay vẫn lưu lại nét hài hòa, dung nạp được nhiều khuynh hướng sáng tác dị biệt. Đó chính là điểm son. Có thể nói Văn Học là tờ báo lựa chọn độc giả nếu không muốn nói là kén. Như thế, điều kiện

vật chất (kinh phí điều hành tờ báo) khó có thể cân bằng, nhưng các giá trị tinh thần lại được thăng hoa. Đó là lý do tại sao Văn Học đứng vững cho tới giờ phút này như một diễn đàn trí thức mẫu mực trong sinh hoạt chữ nghĩa tại hải ngoại.

Có cái hay, tưởng cũng nhắc tới một vài điểm không hay như một lời xây dựng. Qua phần đính chính các lỗi chính tả hay nhầm lẫn sắp xếp câu cú trong bài viết, hình như Văn Học chỉ chú trọng đến các tác giả lớn?! Bản thân cũng đã có đôi lần báo động sai lầm về chính tả (nhất là thơ, rất quan trọng, dễ sai lệch ý tứ) mà không thấy Văn Học đá động tới. Điều này dễ gây hiểu lầm là Văn Học coi thường người cộng tác, thậm chí bạn đọc. Ngoài ra việc trả lời thư tín bạn đọc của Văn Học cũng có phần lơ là. Dù bận trăm công nghìn chuyện cũng nên hồi đáp mọi thắc mắc, tham khảo ý kiến dù chậm trễ để chứng tỏ một sự quan tâm tối thiểu nào đó.

Có người cho rằng gần đây Văn Học ăn nên làm ra vì đã in được một số tác phẩm cơ hữu mang nhãn hiệu riêng của mình. Theo chỗ tôi được biết, sự thực không hẳn như vậy. Làm báo ở xứ này, không riêng Văn Học mà kể cả các báo chuyên về văn nghệ khác, khó mà dư dả. Chỉ cầu cho có đủ để trang trải chi phí in ấn phát hành. Nói văn vẻ, "gồng" được là vui rồi, may lắm rồi! Việc Văn Học in sách của văn hữu cộng tác chỉ để chứng tỏ một sự ổn định nào đó về tổ chức cơ sở. Và chi phí chắc là có sự tương thuận giữa hai bên. (Nhắc chuyện sách, tôi cũng muốn mon men đòi Văn Học món nợ tinh thần khi tự cho mình là một thân hữu lâu năm. Bản thân cũng muốn có một tác phẩm mang nhãn hiệu Văn Học như một kỷ niệm chặng đường sáng tác).

Giai đoạn hiện tại, tất cả các báo văn nghệ đều gặp khó khăn, đồng gióng lên tiếng kêu than não lòng về bưu phí. Dù số lượng độc giả không gia tăng tỷ lệ thuận với kinh phí, tôi tin rằng Văn Học sẽ đứng vững và còn tiếp tục nhịp đều bước, nhờ ở lòng ưu ái của bạn đọc và bạn văn. Nhân kỷ niệm mười sáu năm hiện diện, tôi xin thân mến chúc Văn Học luôn giữ được nét đẹp tâm hồn thuở trăng tròn mười sáu dù tuổi đời ngày một chồng chất

Hè 1993, trong một cuộc nhậu với Nguyên Vũ ở Houston, anh đã nửa đùa nửa thực bảo tôi: "Bọn viết lách tụi mình giờ này còn cầm bút thì quả là một loài thú hiếm!"

Bao giờ mới có một cánh rừng thênh thang bát ngát?❐

Tháng Ba 2001

Chút kỷ niệm với Văn Học

Song Thao

Tôi đến với *Văn Học* khá muộn. Mãi tới *Văn Học* số 93&94, Xuân Giáp Tuất 1994, mới có truyện đầu tiên của tôi. Sau khi báo ra, anh Nguyễn Mộng Giác có viết cho tôi một bức thư. Trong thư có đoạn sau: "Lâu nay được đọc anh nhiều trên *Nắng Mới*, nhưng trong không khí phân hóa đa sự của sinh hoạt cộng đồng ngoài này, không dám trực tiếp mời anh vì biết anh có "ưa" *Văn Học* hay không. Nay anh đã gửi truyện thì xin anh quan tâm đóng góp cho *Văn Học* nhiều hơn."

Câu trả lời rõ ràng nhất cho thắc mắc tôi có "ưa" *Văn Học* hay không là những truyện của tôi xuất hiện khá đều dặn sau đó trên *Văn Học*. Tôi không có thói quen đếm những con số nhưng tôi biết chắc một điều là *Văn Học* là nơi tôi gửi gấm nhiều truyện của tôi nhất.

Tôi hiểu được sự dè dặt của anh Nguyễn Mộng Giác khi, hè 1996, tôi có dịp qua Cali và lần đầu tiên được gặp anh. Anh là người cẩn tắc, đó là nhận xét đầu tiên của tôi. Sự cẩn tắc đó đã in dấu trên *Văn Học*. *Văn Học* có bộ mặt trang nghiêm, đứng đắn, trầm trầm, đồng nhất. Nói như vậy không có nghĩa *Văn Học* là một tạp chí "già". Nó có những khám phá mới, đặt ra những vấn đề mới và nóng bỏng nhưng cách hành xử không ồn ào, ầm ĩ. Mỗi số *Văn Học* đều xứng đáng với sự chờ đợi của độc giả.

Anh Nguyễn Mộng Giác, tuy cẩn tắc, nhưng không thiếu vẻ thân tình, ấm áp. Gặp anh lần đầu mà giữa chúng tôi không có sự khách sáo, không một thoáng kiểu cách. Chúng tôi chuyện trò như những người đã quen biết nhau từ lâu, nay gặp lại. Sự thân tình của anh trở thành sự hài hòa trên *Văn Học*. Trên mặt báo này hình như không có khoảng cách

trường phái, già trẻ, mới cũ. Nó bao dung hết, thân tình hết. Mà lạ thay, hình như những cái tưởng là lệch lạc lại tạo nên sự hài hòa của tờ báo.

Chẳng cứ trên mặt báo, mà sinh hoạt của "tòa soạn" cũng là một sự hài hòa, tôi chắc vậy! Căn phòng khách nơi nhà riêng của anh chị Nguyễn Mộng Giác, một phòng khách đôi rất rộng, chỉ thấy vỏn vẹn một bộ sa-lông, một bàn máy điện toán và một chiếc giường đơn nhỏ nép sau bộ sa lông. Khoảng trống rộng rãi còn lại dành cho những cuộc họp mặt các văn hữu. Thường thì vào cuối tuần thì phải. Tôi không có mặt tại Santa Ana vào cuối tuần để dự một buổi họp mặt như lời mời của anh chị Nguyễn Mộng Giác. Nhưng qua những gì tôi nghe được thì đây là những buổi gặp gỡ đầm ấm của mọi người ưa trò chơi chữ nghĩa không phân biệt chơi theo kiểu nào. Nguyễn Xuân Hoàng đã dọn lên San Jose mà đêm giao thừa dương lịch 2001, ngồi cô đơn một mình trong phòng làm việc, vẫn "nhớ những năm trước, Giao Thừa Tây bọn chúng tôi vẫn thường tập họp tại nhà Nguyễn Mộng Giác (hoặc nhà Tôn Thất Khoát) ăn uống, trò chuyện đón năm dương lịch. Hai năm nay tôi không còn được hưởng ngày vui ấm áp tình bạn đó nữa." (*Văn* số 49&50, Tân Niên 2001, trang 9).

Cũng tại căn phòng này, anh Nguyễn Mộng Giác đã cho tôi coi bản thảo cuốn trường thiên tiểu thuyết *Sông Côn Mùa Lũ* anh viết hồi còn ở Việt Nam. Những giòng chữ mực xanh đều tăm tắp, gọn gàng, dễ đọc, hiếm thấy một vệt gạch xóa, được viết trên loại giấy làm bài trong các kỳ thi ở Việt Nam trước đây, được đóng thành bốn tập bìa cứng, đã được chị Nguyễn Mộng Giác mang từ Việt Nam qua một cách khá gian nan vất vả. Nếu chữ viết mách bảo được con người thì tập bản thảo này đúng là con người anh Nguyễn Mộng Giác. Tôi nhìn thấy trong đó sự cần cù hiếm có, sự nhẫn nại vô biên và lòng đam mê lạ lùng. Và tôi thoát rùng mình khi nghĩ nếu tập bản thảo một đời của anh không thoát được cửa ải Tân Sơn Nhất. Tôi buột miệng hỏi chị Diệu Chi tại sao không làm phóng ảnh để phòng khi lỡ tập bản thảo bị tịch thu. Chị cho biết nếu muốn làm phóng ảnh, phải tìm được chỗ tin cậy và, quan trọng nhất phải có hai lượng vàng, số vàng mà chị chẳng thể nào có được, nên nhắm mắt làm liều. Thế cho nên, sự kiện là, hơn một thập niên sau khi bản thảo chui qua khỏi được cửa khẩu, cuốn *Sông Côn Mùa Lũ* đã đường hoàng trở về khi được xuất bản ở trong nước là một sự trớ trêu kỳ thú.

Bàn tay "cứu" được cuốn *Sông Côn Mùa Lũ* của chị Diệu Chi hình như cũng là bàn tay chị cho cái tòa-soạn-một-người của *Văn Học* mượn

đỡ. Người nhanh nhẹn và ưa hoạt động như chị chắc chẳng đành lòng để anh Nguyễn Mộng Giác, vừa đi làm vừa cưu mang tờ *Văn Học*, phải một mình vất vả cho tờ báo đúng hẹn mỗi đầu tháng với độc giả. Chị là người hoạt bát và nói được nhiều câu rất thuận tai. Chẳng hạn câu chị nói với nhà tôi: "Các ông nhà văn toàn là tưởng tượng cả, chẳng có gì đâu!"

Làm báo văn học thuần túy ở hải ngoại là leo lên lưng ngựa một mình. Nguyễn Mộng Giác với *Văn Học*, Nguyễn Xuân Hoàng với *Văn*, Khánh Trường với *Hợp Lưu* và trước đây, Mai Thảo với *Văn* bộ cũ, đều như vậy cả. Tôi đã thấy Khánh Trường một mình xoay sở trong căn phòng gọi là tòa soạn chật hẹp không biết có được ba thước mỗi bề không mà còn bề bộn với cả đống sách và chiếc bàn làm việc gọn gàng. Mai Thảo còn chật hẹp hơn với căn phòng cùng diện tích nhưng có thêm chiếc giường ngủ độc thân.

Bỏ thời giờ, bỏ công sức, đã đành. Còn phải bỏ thêm tiền bạc vào mới đưa tới được cho người đọc những tờ báo thơm mùi mực mới mỗi đầu tháng. Khánh Trường mới đây đã phải gửi điện thư cho một số thân hữu trình bày về tình trạng tài chánh bết bát của tờ *Hợp Lưu*. Thường thì anh vẫn gồng mình chống đỡ bằng tiền vẽ bìa sách cho các nhà xuất bản. Nay tình trạng xuất bản đang đi xuống, số tiền còm cõi bù đắp cho tờ *Hợp Lưu* chẳng còn đủ giữ cho tờ báo đứng vững. Trong lần gặp gỡ tại Boston mùa hè năm 2000 vừa qua, Nguyễn Xuân Hoàng cũng đã cho tôi biết là anh còn nợ nhà in mấy số *Văn* chưa thanh toán được. Suy ra thì thấy chắc tờ *Văn Học* cũng chẳng sáng sủa gì hơn!

Làm báo văn học tại hải ngoại chỉ có từ chết tới bị thương. Vậy mà, chỉ vì tấm lòng với chữ nghĩa, các chủ nhiệm chủ bút bất đắc dĩ vẫn cứ đưa lưng ra chịu trận. So với những gương can đảm này thì những người viết cặm cụi ngày đêm, vừa "cày" vừa viết, chỉ đóng góp được một phần nhỏ nhoi, rất nhỏ nhoi trong sinh hoạt chữ nghĩa hải ngoại. Hè 1993, trong một cuộc nhậu với Nguyên Vũ ở Houston, anh đã nửa đùa nửa thực bảo tôi: "Bọn viết lách tụi mình giờ này còn cầm bút thì quả là một loài thú hiếm!"

Bao giờ mới có được một cánh rừng thênh thang bát ngát?❐

Tháng 3/2001

Kịch nghệ của người Việt ở hải ngoại?

hay vấn đáp ảo giữa Bướm-Trang tử trên một giấc mơ

Nam Dao

Nhân vật:

Người hỏi (NH) có thể là Bướm.

Người đáp (ND) có thể vừa là Bướm vừa là Trang tử

Bướm tung tăng đậu vào mọi bông hoa vấn đề, rồi lại bay đi. Trang tử ngồi một chỗ, mắt nhắm, cố ngủ để thấy mình có khả năng thành bướm.

Âm thanh: Xe, tiếng phanh, tiếng TV, tiếng xì xụp húp phở, tiếng nhai nhóp nhép và thỉnh thoảng có tiếng thở dài sườn sượt.

Ánh sáng: Chớp đèn xe trên xa lộ.

*

NH: Câu hỏi có ...

ND: ... hai phần, tưởng là rời mà thật ra rất gắn bó. Trước tiên là kịch nghệ của người Việt. Sau, là người Việt ở hải ngoại. Phần đầu lại rộng hơn, đa dạng hơn, vì kịch nghệ của người Việt là một bộ môn trong văn hóa Việt.

NH: Vậy câu đầu tiên tất là hỏi có một nền kịch nghệ của người Việt không?

ND: Có. Khi nỗi cô đơn chưa chi phối và bức bách như trong cuộc

sống hiện đại này, hễ có trên một người là có kịch (nghĩa là, kịch cần ít nhất hai nhân vật. Người xem vở kịch chỉ có một nhân vật thành ra nhân vật thứ hai). Xa xưa, hát ví hát lượn là kịch. Rồi hát quan họ. Hát chèo, hát bội, cải lương đều là kịch. Ngâm thơ, là kịch thơ,... nói là kịch nói. Trừ kịch nói, người đi xem kịch là đông thời (hoặc chủ yếu) đi nghe hát, nghe ngâm thơ, nghe ca vọng cổ. Thời trước 1975 ở miền Nam, kịch nói không phát triển bằng cải lương, vọng cổ, có lẽ vì nói thì khán giả nghĩ ... ai nói mà chẳng được. Thế cho nên nói mà đáng đồng tiền bát gạo là "chọc cười" kiểu Tùng Lâm hay Trần Văn Trạch. Kịch nói thành ra kịch *ziễu*. Diễn viên chuyên vai hề và kịch bản (nếu có) chủ yếu nhắm "cù" khán giả bằng cách nói ngọng, nói lóng...

NH: Đấy là kịch diễn. Kịch bản văn học có chứ...

ND: Xin đọc bộ *Văn Học Miền Nam* (tập 6, Kịch và Tùy bút) của ông Võ Phiến. Dĩ nhiên có. Nhưng quá ít so với những bộ môn khác như tiểu thuyết, truyện ggắn, thơ và ngay cả tiểu luận. Dương Kiền, Vũ Khắc Hoan được nhắc tới, với đâu hai ba vở kịch... Thật ra, miền Bắc cũng không hơn gì. Thay vì kịch chọc cười, miền Bắc có kịch hô khẩu hiệu chống cái này, cứu cái kia và phục vụ cái nọ. Trừ một Lưu Quang Vũ, khó tìm ra kịch tác gia viết kịch bản văn học. Điều này dễ hiểu qua cái tương quan bất biến giữa chính trị và văn nghệ trong một xã hội toàn trị. Đó là tương quan giữa ông trương tuần và anh mõ làng. Trước cái hèo trương tuần, miệng anh mõ tất lúng ba lúng búng, lâu ngày thành tật nói lóng, nói ngọng, nói lắp - nghĩa là, một cách văn hoa bóng bẩy, *tật ẩn dụ* (ẩn dụ như một kỹ thuật có những tính khác với tật ẩn dụ, thường bí hiểm như chẳng muốn ai hiểu, hay để muốn hiểu thế nào cũng được!).

NH: Chỉ hô khẩu hiệu và chỉ chọc cười là hai lý do "lịch sử" khiến có ít kịch bản?

ND: Những người cầm bút ít ai chỉ thích làm cái công việc đi biểu tình và làm hề... Nhưng viết kịch bản, người viết chỉ đi một giai đoạn và là giai đoạn đầu, tựa như mang nặng rồi đẻ đau. Sau là giai đoạn hai, kịch phải được diễn trên sân khấu, có ba chiều, đèn, nhạc và khán giả. Đó là lúc đứa trẻ sơ sinh lớn dậy, lật sấp, rồi bò, đi, nói... như một sinh vật có đời sống. Giai đoạn này khó, đòi hỏi có đạo diễn, diễn viên và nhất là khán giả. Nếu khán giả chỉ quen thích "cù", rồi nhiễm tật ẩn dụ cấp tính... thì diễn kịch là chuyện thiên nan vạn nan. Đã thế, thì viết kịch văn học để làm

gì? Chính câu hỏi này kéo tay bắt người viết quăng bút xuống bàn...

NH: Vì lẽ gì khán giả chỉ thích được "cù" nên chuộng kịch *ziễu*?

ND: Theo lời ông Nguyễn văn Vĩnh thì "An Nam có cái thói lạ là gì cũng cười...", cười riết thành tật, dẫu đáng yêu đấy nhưng thành tật nên không cười ngay được là vội vã bỏ đi ngay chăng? Chúng ta quả không may: Vào những năm 40, phong trào kịch vừa dấy lên thì gặp ngay chiến tranh. Sau khi đất nước chia đôi, miền Bắc lập đủ thứ ban kịch, từ Kịch nói Trung Ương, đến ban Kịch thành phố này, thành phố nọ. Nhưng kịch chủ yếu nhằm phục vụ chính trị, rất thô, và vì thế giết kịch bản văn học. Còn miền Nam trước 1975, thời gian quá ít, khi đó cải lương lại chiếm lĩnh gần như toàn bộ sân khấu khiến sự đóng góp về kịch bản văn học lẻ tẻ vì khả năng trình diễn không nhiều...

NH: Vậy, muốn có kịch bản văn học, kịch phải có khả năng mang lên sân khấu. Được vậy, phải có khán giả thưởng ngoạn. Nhưng làm sao tạo ra sự thưởng ngoạn đó?

ND: Sự thưởng ngoạn đến từng bước. Khi chưa có kịch mang lên sân khấu thì dành là phải đọc... Trước mắt là khả năng thưởng ngoạn kịch bản, rồi sau mới là (hy vọng) đi xem kịch diễn. Đọc kịch bản chưa phải là một thói quen như đọc truyện vì kịch bản quá ít...

NH: Đọc thế nào?

ND: Thật ra đọc kịch cũng chẳng khác đọc những thể loại văn học khác bao nhiêu. Với tôi, kịch bản chủ yếu dựa trên đối thoại và đa thoại trong không thời gian có kích thước. Khi đọc, cá nhân tôi có thói quen nhắm mắt tưởng tượng ra hình ảnh và để đối thoại vang lên trong đầu. Thường, lấy hình ảnh những người quen rồi gán vào nhân vật kịch cho cụ thể. Về âm thanh và hoạt cảnh, kịch tác gia viết rõ ra thì thôi, nếu không tôi hình dung ra. Và đọc, là kịch diễn ra trên màn ảnh não tưởng.

NH: Thế thì khác gì đọc truyện?

ND: Khác ở chỗ đối thoại là tương tác rất động giữa các nhân vật, qua đó nhân vật được biểu hiện, trong khi truyện và tiểu thuyết có thể đào sâu nhân vật qua phân tích tâm lý, diễn đạt tâm tình, vv... Dĩ nhiên, trong

kịch có độc thoại làm cái chức năng vừa kể. Nhưng ít khi kịch là một màn độc thoại dài một tiếng đồng hồ... Người viết kịch đạt dạng động giữa các nhân vật lên hàng đầu, tìm cách qua đó quyến dụ lôi cuốn khán-độc giả. Và song phương hoặc đa phương, thoại là chất liệu tạo ra dạng động đó.

Theo tôi, dạng nào cũng cần cấu trúc, nhất là dạng động. Vì nếu không, kịch ản dễ dẫn đến độ hỗn loạn có khả năng triệt tiêu cả lý tính lẫn mỹ tính, kiểu cái dập của cánh bướm ở chợ Sài Gòn gây ra một trận bão ở vịnh Mễ Tây Cơ, một khả năng vật lý trong nhiệt động học. Nhưng cấu trúc không phải là cái "gen" bóp cho eo nhỏ lại, hay cái "nịt" làm cho vú căng lên. Nghĩa là cấu trúc không cứ phải o ép tự do của người viết. Chỉ cần xác định sự nhất quán của một chủ đề nào đó. Chẳng hạn, thời gian hay không gian. Hoặc một vấn đề, kể cả vấn đề triết học. Rồi để tất cả quay quanh như những hành tinh. Cách quay cũng tùy: đó là ngôn ngữ của nhân vật cộng hưởng vào không khí mà người viết nhằm dựng lên.

NH (rụt rè): Như Bretch, như Artaud, như...

ND (ngắt, bực bội): Như ai thì tôi chịu! Cứ lấy một chồng sách giáo khoa cấp đầu đại học tìm, có vô số tên để kể. Tôi dị ứng bệnh này vì cứ mỗi lần nghe là mỗi lần tưởng tượng ra "các cụ" ngày xưa dẫn Khổng, trích Mạnh, kèm đôi lời của Chu, Trình... và có dịp bốc lên cơn tài tử thì ầm ừ Trang, Lão. Tóm lại, khi không cần, tôi ít dùng trí nhớ, và nhất quyết không "hàn lâm" trong sáng tạo văn học. Nói thế, chớ bảo là tôi không tôn trọng tính hàn lâm trong lý luận văn học nhé (cười...). Nhưng tôi không làm việc lý luận...

NH (ngắt): Xin trở lại... Cứ cho là dọc đã, và có thích thì mới có kịch diễn và người đi coi. Nhưng bước đầu, phải có kịch bản, nghĩa là phải có kịch tác gia. Anh chàng này có khác tiểu thuyết gia không?

ND: Không! Cả hai đều muốn trao đổi một điều gì đó với những người cùng chung một ngôn ngữ, nghĩa là một văn hóa. So với tiểu thuyết gia không người đọc thì kịch tác gia không người diễn kịch sống hai thảm kịch. Đầu tiên, đó là thảm kịch không người đọc, rồi sau mới đến thảm kịch không người diễn. Mức độ bi thảm cũng khác. Kịch từ thời cổ Hy Lạp là phương tiện cho người viết "xuống đường" với đồng loại trong tư thế "dấn thân" của mình. Nó trực tiếp hơn, ít nhất là trong ý hướng. Như vậy, kịch tác gia trong văn hóa Việt là kẻ què cụt tàn tật trong tư thế đó giữa ngay xã hội mình và trong ngay văn hóa của mình. Thường, những

kẻ tàn tật đó sống không lâu vì cô đơn. Muốn sống, anh ta bắt buộc phải có khả năng mơ ước và sức tưởng tượng vượt quá đôi chân nguyên vẹn. Khả năng đó có hay không tùy thuộc giấc mơ kia. Nếu nó chỉ là danh vọng hay tiền tài thì chắc không đủ. Có lẽ nó phải có thêm cái chất huyền vọng vượt ra khỏi sự hữu hạn một đời người chăng?

NH: Giả dụ...

ND: Trường hợp nào khác tôi không biết, nhưng trong trường hợp tôi thì cái huyền vọng khi cầm bút là lần từ đáy vực đi lên tìm ánh sáng. Đáy vực văn hóa ngổn ngang xác chết cóng lạnh giữa cuộc tự sát tập thể, trong cũng như ngoài nước, của văn ngữ...Hải ngoại thì còn bi thảm hơn, chẳng những văn ngữ mà còn cả ngôn ngữ cũng chết!

NH: Tự sát? Tự sát làm sao?

ND: Nhiều cách... Uống thuốc ngủ rồi chết lịm đi, chẳng hạn. Dĩ nhiên, có những loại thuốc uống mà có người không biết là thuốc ngủ. Có người biết, nhưng lại uống, với lý lẽ, chẳng hạn như đằng nào cũng chết (cười)... Nền văn ngữ, là những con chữ dưới mọi dạng, phải đối đầu với những phương tiện mới như TV, ciné, vidéo... Nó tương đối bất lợi vì nó đòi hỏi hơn. Đọc một cuốn tiểu thuyết "mất công" hơn xem một cuốn phim truyện. Về tác dộng, cũng khác. Tôi là bạn một gia đình thuộc dạng trung lưu ở California. Cả hai vợ chồng bạn tôi đều có trình độ, rất tha thiết với tiếng Việt, và sợ rằng sau đời mình thì không biết các con mình tiếp thu và ứng xử với văn hóa Việt thế nào. Vì cùng phải "kéo cày", mỗi ngày lại mất gần hai tiếng lái xe đến sở, nên họ không đủ thời giờ và từ tấm bé các cháu rất ít "chung dụng" với cha mẹ. Giải quyết thế nào? Phương án một: Thuê địch vụ của một bà "vú" người cùng gốc Việt và dặn "... ráng nói tiếng mình với các cháu nghen". Phương án hai: Thuê phim truyện có chuyển âm, chặc lưỡi, "có... còn hơn không", lại khiến "vú" vui lòng không làm "reo"... Các cháu lớn lên, bụ bẫm và thông minh, lại nói được tiếng Việt như bố mẹ các cháu khoe. Tôi đến, là khách được mời nghỉ lại "như người nhà" trong chuyến hành du Bolsa. Sáng dậy, cháu trai khi đó được bảy, tám tuổi thấy tôi, bật miệng "Kính chào thí chủ! Bằng an?". Tôi ngạc nhiên, chưa kịp đáp thì cháu tiếp "Tại hạ phải đi học đây! Thí chủ ở lại vô sự!". Đấy, bạn xem, đó là thế hệ thứ hai trong một gia đình đã biết quí trọng và cố giữ văn hóa. Tôi kể, bạn tôi nghe rồi chép miệng "...làm gì hơn được! Đằng nào nó cũng là người Mỹ

mà thôi!". Hai âm "mà thôi" nghe như vận tế sống chính bạn tôi, mất dại đi như cảm được cái chết đến sau cái chết của mình. Nó có ngay từ bây giờ, qua sự đứt lìa của đám con với ngôn ngữ Việt, chặt đoạn cầu nối vào văn hóa gốc của cha mẹ chúng.

NH: Viễn vọng một thế hệ bạn đọc thứ hai như vậy thì làm sao viết được?

ND: Khi tuyệt vọng, có người khám phá ra đam mê. Cứ như yêu, càng tuyệt vọng càng đam mê, thế là càng vùng vẫy. Vả lại, từ tuổi bốn mươi trở lên thì vẫn còn bạn đọc. Tuy rất ít, lại rơi rụng dần, nhưng vẫn có (thở ra). Lên mạng điện tín, trong số khá nhiều mạng "hô khẩu hiệu" cũng thấp thoáng có vài mạng "văn nghệ". Rồi trong tuyệt vọng, có người mạnh miệng bảo, sẽ thực sự "hợp lưu" và sẽ chỉ có một nền văn nghệ Việt Nam, chẳng phân ra hải ngoại với trong nước cho "rách việc". (cười) Những người viết lách chúng tôi ngây thơ thế đấy. Có vậy mới là mõ chứ. Làm trương tuần phải có cái tạng trương tuần...

NH: Quay về kịch nghệ, chia ra hai đoạn, kịch bản và kịch diễn ở hải ngoại. Kịch diễn gần như không có, vài năm ở California mới có hai hay ba vở, diễn thì chỉ năm, bảy buổi một vở và không có tính "kinh tế" nên sớm muộn cũng teo tóp đi...Thường thì kịch chưa đem diễn, người ta giấu kịch bản, giữ sự bất ngờ (nếu có) cho khán giả... Sau, lúc đó mới mang kịch bản đi in.

ND (giơ tay lên trời): ...biết rồi, khổ lắm. Đem kịch bản đi in rồi mới mang diễn là một sự trái khoáy. Nhưng sự trái khoáy đó cần thiết. Nhắc đến dăm ba vở kịch ở California, tôi liên tưởng đến vở dựa trên "Chiếc lồng đèn đỏ", là một phim Trung quốc đã chiếu. Hỏi chuyện, một người dính vào việc dựng kịch bảo là không có kịch bản tiếng Việt "ăn tiền", ý anh nói không hay hoặc không có khán giả thì tôi không biết. Tôi chuyển cho anh 1 kịch bản, nhưng anh bặt tăm hơi. Khi tôi duyên may gặp được *Văn Học* nhận đăng vở kịch đầu tay "Treo đầu dây quan họ", tôi định bụng đăng báo chắc thế là gián tiếp nhắc anh bạn đó là có, có kịch bản đấy chứ! Tôi mong ít nhất có một độc giả ngoài vị chủ biên *Văn Học*. Và giữ ảo vọng là từ đó sẽ có khán giả. Trái khoáy, nhưng làm sao khác được.

Bây giờ nói chuyện đăng kịch bản. Nó cũng phức tạp. Kịch viết ra cho khoảng 60 - 75 phút diễn, nghĩa là "dài". Gửi đến một tờ báo có tiếng, anh bạn chủ biên tài hoa phóng khoáng đáp chẳng có ai đọc kịch, lại xấp

xí chiếm chỗ năm truyện ngắn, mười bài thơ "sản khách", thì b[illegible] càng ơi, báo sống thế nào? Tình thế đó khiến tôi "cảnh giác", kéo kịch diễn xuống bốn mươi phút, cố gắng giữ kịch bản ở đoạn bốn mươi trang báo, và giảm tối đa số nhân vật (lấy đâu ra diễn viên?), giảm phông cảnh và số màn đến mức tối thiểu; "ép" xác kịch như vậy vẫn không đủ, còn ngôn ngữ nữa. Trong vở "Tà xô biển lại" (*Hợp Lưu*, số xuân Tân Tỵ), bản thảo đầu chất chứa đến tận nhẫn, nhưng lột được chất thô bạo và sự phi lý với thứ ngôn ngữ đối thoại loại "nhát gừng", quanh co, gợi ý cho độc giả tự ghép những mảnh rời trong đối thoại để tạo lấy thứ lô gích của riêng mình. Phản ứng của bạn bè đọc bản thảo: kịch thế, lấy ai mà diễn? Diễn thế, có ai hiểu? Thì đọc vậy. Đọc cũng không được, vì kịch này nhắm "diễn" nên đọc bị khựng. Thế là lại phải viết lại, ném bản thảo vào Trash, rồi bấm Delete. Vứt, nhưng tiếc. Bạn bè khuyên (hay an ủi): phải biết khoan nhượng để thích ứng với tình trạng và mức độ thưởng ngoạn hiện thời thì mới mong (một ngày kia) kịch diễn được! Tôi vẫn tiếc. Khi nhà thơ Thận Nhiên hỏi cho đọc bản đầu thì nó đã thành hư vô mất rồi (nay thú thật tôi đã đành nhượng bộ như thế, xin bạn thông cảm!).

NH: ...xin nói thêm về mức độ thưởng ngoạn kịch ở hải ngoại...

ND: Đọc kịch bản, chỉ một số ít và họ có trình độ cao. Tôi viết nhằm kịch diễn, nên đối với họ trình độ kịch tôi "tà tà", "chất cách tân chưa bắt kịp thế giới (sic!)". Nhằm kịch diễn, đối tượng dĩ nhiên là quần chúng. Vì thế, tôi tin là phải tạo ra mối quan hệ giữa kịch nói và những bộ môn tạm gọi là "truyền thống" vì nó nằm sẵn trong tiềm thức khán giả. Tôi đem những bài hát Quan họ, Chèo, và cả ca khúc ghép vào kịch nói. Nhưng cái tiềm thức vừa nói là của thế hệ bốn mươi tuổi trở lên ở hải ngoại mà thôi (cười). Bắt giọng cụ Nguyễn Du kể khi Kiều ghé mả Đạm Tiên, kịch bản "tà tà" nó dám rồi ra "sè sè" nấm mộ bên đường... Nhưng bây giờ, có tín hiệu mới, khác rồi!

NH: Tín hiệu nào? Khác gì?

ND: Này nhé: nhà văn Nguyễn Huy Thiệp cho in kịch *Suối nhỏ êm dịu*. Tạp chí *Thơ* số mới nhất cũng báo hai tập kịch *Ngục biếc* và *Chiếc gậy* của Khế Iêm. Cộng với *Ba vở kịch* của tôi in đầu năm, thế là hải ngoại chúng ta đang khởi sắc một nền kịch nghệ ở cái nghĩa là chưa bao giờ trong một thời gian ngắn mà có nhiều kịch bản đến thế (cười lớn). Sau *Văn Học*, nay *Hợp Lưu* cũng in kịch chứ không ngại như trước. Bây giờ,

đến lượt các vị đạo diễn ra tay!

Còn khác gì? Khác chứ, ít nhất cho chính tôi. Khởi sắc và gây hương một nền kịch ở hải ngoại rồi thì tôi sẽ tự do hơn. Tôi sẽ không nề hà về số nhân vật (tức là số diễn viên), số màn (phông cảnh). Cấu trúc và ngôn ngữ kịch không cứ sẽ phải giữ ở mức tương đối còn cổ điển mà từng bước hiện đại hơn. Tôi sẽ "bung ra", "đổi mới" và rồi là "giải phóng" chính tôi khỏi những giới hạn do thực tại o ép ...Cục cựa trong một tấm áo vừa ngắn vừa chật khổ lắm!

NH: Đấy mới là phần kịch bản. Còn kịch diễn?

ND: Dễ, dễ thôi?

NH (tròn mắt, nhìn chòng chọc rồi hất hàm)

ND: Tôi xin trình bày dứng dắn. Thứ nhất, để vì phú quí sinh văn hóa (lễ nghĩa, nói theo mốt cũ). Cứ xem Hồng Kông và Đài Loan (gần với ta về mặt văn hóa Đông Á), bây giờ họ diễn kịch khá nhiều (và diễn cả kịch của Cao Hành Kiện tương đối rất *tây*), nghĩa là có khán giả. Ở California, cư dân gốc Việt có lợi tức trung bình cao hơn Hồng kông và Đài Loan, và chí ít cũng phú quí như họ về mặt vật chất. Vậy thì cớ gì ta ở California lại không đi xem kịch nào?

Thứ nhì, xét theo biến thiên thời gian thì vidéo "chưởng bị thay thế (cạnh tranh) bởi vidéo "tình Hồng Kông", và sau rốt là vidéo "lịch sử" Trung quốc (Vua Càn Long, chuyện Chu Nguyên Chương...). Cứ đà này, cháu nhỏ xưa bây giờ có thể hỏi bạn của bố mẹ nó "Tề tướng đó à? Bằng an...", và mặc tôi ngạc nhiên chưa kịp đáp, cháu tiếp "... Trẫm phải đi học đây!". Bố mẹ cháu nay già, bớt chạy theo đô-la vì nhà có xe có, sẽ thấy nhu cầu nghe con mình nói cho ra con ra cháu, và sẽ dẫn con đi xem kịch Việt hay mua (thuê) vidéo Việt thứ thiệt...

NH: Kịch ở đâu? Vidéo nào? Ai làm, và làm thì phải có tính "kinh tế" chứ?

ND: Đó là cái dễ thứ ba!

NH: (trợn mắt, xua tay, vẻ nghi hoặc, miệng há hốc)

ND: (giọng chậm rãi) Đây, thứ ba. Xem người Québec city nơi tôi ở, có khoảng sáu trăm ngàn người, nghĩa là xấp xỉ số cư dân gốc Việt ở vùng Santa Ana và lân cận. Tôi đi đếm, họ có khoảng tám cái Café-Théâtre. Tôi

đi tìm thống kê: lợi tức trung bình của họ xấp xỉ, thậm chí có phần thấp hơn lợi tức trung bình của cư dân gốc Việt ở California. Cái khác biệt chính (hy vọng là tôi nhầm) với mình, họ triệt để bảo vệ tiếng Pháp, sợ bị đồng hóa và mất ngôn ngữ của họ trong bể người dùng tiếng Anh ở Bắc Mỹ.

Café-Théâtre là gì? Trước hết, là những quán bình thường bán cà phê, nước ngọt, bia, rượu và những món ăn nhẹ. Cứ mỗi tuần, hai đến ba bốn buổi tối, họ thu xếp để cho trình diễn kịch từ 8 giờ tới 10 giờ tối. Sân khấu là một góc quây lại, kê bục (gỗ) cho cao lên khoảng 30 - 40 phân. Phông cảnh rất gọn, mang ra xếp và dùng cả videó chiếu thay cho phông cảnh truyền thống. Số diễn viên chỉ 2, 3 đến năm người cho một vở kịch dài 45 phút tới một giờ. Vé kịch, khoảng 8 - 10 đô nhưng với đồ ăn thức uống, khách trung bình chi độ 15 đô, thường ở lại bàn tán với nhau sau trình diễn, tiếp tục tiêu xài. Chủ những Café-Théâtre này thấy lời, lắm nơi muốn bắt chước, nhưng khó vì những ban kịch "bỏ túi" cũng ít, thường là sinh viên đang đi học về ngành Nghệ thuật. Tóm lại, Café-Théâtre rất "kinh tế" cho chủ và tương đối cũng "kinh tế" cho diễn viên (chưa nhà nghề) ; Người Việt ở California đợi gì mà không làm thử? Đạo diễn (tài tử và nhà nghề) đợi gì mà không đi tìm kịch bản, diễn viên? Và diễn viên (tài tử và nhà nghề) đợi gì mà không đi tìm kịch để diễn?

Thứ tư, có kịch như thế thì ta quay videó, nhằm phổ biến rộng ra. Sản xuất videó như vậy bất quá chỉ 10 đến 15 nghìn đô là có chất lượng. Bán được 1000 cuộn, gỡ vốn. Được 1500 cuộn, có thể trả tác quyền và diễn viên (Thúy Nga Paris đã làm nhiều kịch ziếu và bán được, thế là "kinh tế" đấy chứ!) Chẳng lẽ bán dài dài hai, ba năm mà không bán được hai lần số nói trên sao? Vậy các nhà quay phim có bằng tốt nghiệp đàng hoàng, đợi gì mà không hành nghề (tay trái) này?

Và nhất là các vị kinh doanh, các vị ra tay thì cái cơ cho Kịch khởi sắc ở hải ngoại là có. Rồi "lây" về nước, các vị sẽ bắt cá ở cả hải ngoại lẫn quốc nội, làm ăn mà đồng thời lại đóng góp vào cuộc hồi sinh một bộ môn văn hóa, các vị đợi gì?

Với triển vọng như vậy, quí văn hữu, chúng ta hãy rủ nhau viết kịch bản! Các mạng lưới có tính văn nghệ sẽ nêu rõ, chúng tôi (*Văn Học Nghệ Thuật liên mạng, Suối nguồn*... chẳng hạn) nhận mang lên lưới những vở kịch, giữ cho ba đến sáu tháng, như Phạm Chi Lan đã làm với Nam Dao...

NH (giơ tay chặn): Thôi, lên kế hoạch thế là đủ rồi. Độc giả *Văn Học* không nhờ ai mơ ước hộ... Và cũng chẳng thích giọng hô hào. Đáng lẽ phải đề cập đến những vấn đề "sạch sẽ" hơn thì ta lại vòng vèo đính đấp

vào "kinh tế"...

ND: (ngắt) ...sạch sẽ là những vấn đề nào?

NH: ...như tính dấn thân, tính lịch sử, quan hệ diễn viên - khán giả, dòng kịch Cổ điển và Tân Cổ điển, nguyên tắc thời sự, Kịch phi lý, Kịch không sân khấu...

ND: Vậy thì cho xin lỗi! Đã không có chi gọi là nền Kịch nghệ của người Việt ở hải ngoại thì nói đến những vấn đề sạch sẽ ấy để làm gì?

*

Tiếng phanh xe rít đến chói óc. Nhạc (Requiem của Mozart, hay kèn đám ma có tiếng đàn đáy đệm vào lạc lõng cũng được) cất lên. Đèn tắt. Lại có tiếng húp phở xì xụp và tiếng nhai nhóp nhép. Đâu đó, có người la "zô đi, nào cạn ly". Sân khấu chìm đi trong bóng đêm đen thăm thẳm, rồi giọng Khánh Ly, qua một băng cát sét khá cũ, nhừa nhựa "Đừng tuyệt vọng, tôi ơi đừng tuyệt vọng...". Đèn sáng lên dần, sân khấu trơ ra chỉ có Bướm và Trang tử.

Trang tử: Còn đợi gì?

Bướm (vỗ cánh bay lên đậu vào một vấn đề): Phải đợi thôi. Cứ đợi, sẽ thấy...

Trang tử: Đợi gì?

Bướm: ...thành Bướm chăng? Hay là quay ngược lại. Ta thì hình như ta đợi người...

Trang tử: Ai? Có ai đâu?

Bướm: Cứ đợi...Phải kiên nhẫn. Cái kiên nhẫn của thời gian...

Trang tử thình lình nhảy lên lưng Bướm. Đó là sự nóng vội rất thiếu tính toán và đầy nét phiêu lưu có hại cho kẻ huyết áp cao và sẵn bệnh tâm thần của lớp di dân thế hệ đầu. Bướm vỗ cánh bay về phía mặt trăng. Đèn tắt. Tiếng động của 120 pounds cả xương lẫn thịt rơi bịch xuống đất.

Nhưng người quét dọn sân khấu không tìm thấy xác Bướm trong cái Café-Théâtre đầu tiên mới mở trên đường Westminter năm 2002. Có thế chứ, nên may ra thì thế hệ hai còn chút may mắn tìm ra cha anh.❐

Québec, 8-04-2001

Xuống sông

NGUYÊN HOÀI PHƯƠNG

Tặng Hoàng Linh

Có tiếng gọi không rõ xuất xứ
Cứ hồn nhiên vang lên trong đêm
Trăng sáng? Có đúng thật trăng sáng?
Mà thấy lá rơi đầy trước thềm
Nghiêng ngả hàng cây ngả nghiêng gió
Thấp thoáng mấy dải mây mờ mờ
Kìa một đốm sáng trên đỉnh núi
Ngọn đèn nào hay ngôi sao đêm?
Bàng bạc sương móc quyện quấn quýt
Quanh co lối nhỏ xác xơ cỏ
Gập ghềnh khe suối cạn trơ đá
Chồng chồng củi lá dưới đồi cọ
Khẳng khuyu một nương thân sắn già
Xào xạc vạt ngô héo hết lá
Thoang thoảng mùi hương hoa cải cay
Dậu Mèo còn đúng một lứa quả
Đường xuống Sông Đà mùa này dốc
Nồng nồng rêu hăng trong bọng cây
Chiêm chiếp chim một tiếng mê ngủ
Sỏi cuội tròn nhu những trứng gộc
Nửa khô nửa ướt những thân gỗ
Dào dạt xô bờ sóng từng đợt
ì oạp đều đều khua mái chèo
Nhấp nhô dưới bến thuyền độc mộc
Vốc một vốc lạnh buốt rửa mặt
Mà sao mơ màng vẫn không hết
Bước lên mảng nhỏ chèo đi đâu
Cuồn cuộn chảy dòng nước chảy xiết.

Những người viết trẻ ở Việt Nam hôm nay

Nguyễn Thanh Sơn

Viết về văn trẻ hôm nay là một cám dỗ. Cám dỗ của lòng tự kiêu ngấm ngầm: được là một người viết trẻ viết về những người viết trẻ. Cám dỗ của những lời kêu gọi đồng hội đồng thuyền, cám dỗ của niềm vui được viết về những cái mới.

Viết về văn trẻ hôm nay là một thử thách. Thử thách khi được yêu cầu phải lựa chọn thái độ: một người viết trẻ phải đứng cạnh những người viết trẻ, phải có đôi mắt xanh để ca ngợi những khám phá mới, khẳng định những con đường mới của họ. Thử thách khi lúng túng tìm định nghĩa: Thế nào là văn trẻ? Nếu tính theo tuổi thì đúng rồi. Vi Thuỳ Linh mới hai mươi tuổi. Phan Nhiên Hạo, Văn Cầm Hải, Nguyễn Hữu Hồng Minh và Phan Huyền Thư cùng độ tuổi ba mươi. Không trẻ được như các nhà thơ của phong trào Thơ Mới, nhưng nếu so sánh "mặt bằng" thì quả là trẻ. Có điều Octavio Paz nói "các nhà thơ không có tiểu sử. Tác phẩm của họ là tiểu sử của họ đấy". Nếu vậy, một nhà văn trẻ phải là một nhà văn có tác phẩm "trẻ", hay nói cho chính xác hơn, phải có những tác phẩm "mới". Nếu xếp theo tiêu chí này, Bùi Hoàng Vị, Nguyễn Bình Phương, Nguyễn Quốc Chánh, Đinh Linh và Ngô Tự Lập sẽ là những nhà văn trẻ, tuy tuổi đời của họ rõ ràng khó có thể xếp chung với các nhà văn của lứa tuổi hai mươi, ba mươi.

Viết về văn trẻ hôm nay là một nỗi lo âu. Lo âu khi so sánh họ với hai cây cổ thụ trên văn đàn mười năm trước: Nguyễn Huy Thiệp và Phạm Thị Hoài. Bảo Ninh, Nguyễn Quang Lập cũng là những "cây cao bóng cả", nhưng là những cây cao bóng cả của một thời đã qua, do họ chỉ chìm đắm trong những ám ảnh của quá khứ " bởi vì là một nỗi đau nên quá khứ còn

sống mãi. Và bởi nỗi đau quá khứ còn sống mãi nên về sau ta mới có một quãng đời êm lặng, một nếp sống bình yên, một tư duy thong thả, một tấm lòng khoan thứ và một cảm giác có hậu cùng con người cùng số phận". Viết về cái hiện tại bằng một bút pháp hiện đại thành công hơn cả, chỉ có Nguyễn Huy Thiệp và Phạm Thị Hoài, hai người, buồn thay, hay may thay cho các nhà văn trẻ, những năm gần đây hầu như không tái xuất trên văn đàn.

Viết về văn trẻ hôm nay là một niềm hạnh phúc. Hạnh phúc bởi cảm giác rùng mình sung sướng khi ghé vào với *Tầng trệt thiên đường* của Bùi Hoàng Vị, khi bắt gặp một Phan Nhiên Hạo hiện đại, một Phan Huyền Thư trăn trở âu lo, một Ngô Tự Lập bí ẩn mà trong sáng. Hạnh phúc nhìn thấy một thế hệ những người viết trẻ đang sáng tạo và đập vỡ, đang thành công và thất vọng, đang khao khát học hỏi và cũng đang cười nhạo những cú xoa đầu kẻ cả của những người đi trước.

1-Thơ trẻ- một khao khát thay đổi chưa mấy thành công

Trong một bài tiểu luận viết cách đây gần năm năm, tôi có đề cập đến những nhà văn của một thế hệ mà tôi tạm gọi là thế hệ hoài nghi: Phạm Thị Hoài, Nguyễn Huy Thiệp, Trần Trung Chính, Bảo Ninh.... Đó là một thế hệ biết hoài nghi những giá trị đã được định giá trong xã hội và cố gắng tìm kiếm những gì người ta che dấu sau lớp sơn phết của cái gọi là hiện thực. Lớp người viết trẻ ngày hôm nay thuộc về một thế hệ khác, một thế hệ đã không còn lệ thuộc vào quá khứ vàng son của những nhà văn lớp trước. Họ không hoài nghi, mà thản nhiên gạt bỏ. Ở họ có những điểm giống như một số nhà văn ở châu Âu sau thế chiến hai, một thế hệ bỏ đi - "bởi những lý tưởng khiến cho chúng tôi có thể chết vì nó đã bị gạt bỏ". Nhưng loại bỏ đồng nghĩa với mất mát. Mặc dù, gọi thế hệ các nhà văn trẻ này là một thế hệ đánh mất cũng chưa đúng. Các nhà văn thế hệ trước có quá khứ: chiến tranh, niềm tin, một nôi văn hóa quen thuộc và đã được định giá...Kể cả khi họ sụp đổ và đánh mất niềm tin thì đó cũng chính là quá khứ. Các nhà văn trẻ hôm nay thuộc một thế hệ không có quá khứ. Và chính vì không có, nên họ khao khát đi tìm. Một nhà phê bình tên tuổi cho rằng, vốn văn hóa của các cây bút trẻ quá mỏng để có thể tạo nên những tác phẩm có giá trị. Sự thực chưa hẳn đã ở chỗ đó. Sự thực là hành trang văn hóa của hai thế hệ đã khác nhau, và do không tìm được tiếng nói chung để dung hòa hai hành trang văn hóa đó, thế hệ đi trước thường cảm thấy thất vọng khi di sản văn hóa mà họ có hình như không tìm tới

được với những nhà văn lớp sau. Nếu như trước đây, người ta hay trích dẫn Tolstoi, Dostoievski, thì hiện nay, những người dỡ đầu về tư tưởng cho các tác giả trẻ lại là Henry Miller, Nietzsche, Rilke, Sartre, Kafka hay Borges. Một nhân vật của Nguyễn Hữu Hồng Minh trong truyện ngắn "Tháo đáy", cảm thấy đau xót nhất khi phải bán những *Người dưng, Dịch hạch* của Albert Camus, *Buồn nôn, Bức tường* của Sartre, các sách của Kobo Abe, Rilke, Shopenhauer, Faulkner. Không phải ngẫu nhiên mà các tác giả trên không chỉ là những đại văn hào mà còn là những triết gia vĩ đại. Sự khao khát nắm bắt những vấn đề triết học, tìm ra những câu trả lời có thể quân bình tâm thế đang bất ổn vì thiếu niềm tin đã thu hút các nhà văn trẻ tới với các nhà văn-triết gia đó.

Tuy vậy, ảnh hưởng đến muộn của triết học hiện sinh, đối với các nhà văn trẻ, tiềm ẩn một nguy cơ tụt hậu. Bởi vì, những tác giả nêu trên đã, hoặc thành danh ở thế kỷ trước, hoặc đã được trao giải Nobel cách đây có....bốn năm chục năm gì đó! Ba chục năm trước, Bùi Giáng, Phạm Công Thiện, ở lứa tuổi của các nhà văn trẻ hiện giờ, cũng đã từng "say mê đến đứng ngồi không yên" triết học hiện sinh. Hiếm có nhà văn trẻ nào hiện nay, từ một triết học hiện sinh lý thuyết lại chuyển hóa được thành một triết lý sống của mình, một tư thế dấn thân, nhập cuộc cho tác phẩm của mình. Càng hiếm hơn những tác giả trẻ theo kịp với dòng chảy của văn học và triết học thế giới đương đại, với những Kundera, Salman Rushdie, Gao Xingjiang, S.Hawkin, Richard Dawkin, Brian Goodwin....Chính vì thế, chúng ta không khỏi bực mình khi hay bắt gặp trong câu chuyện của các tác giả trẻ những đoạn triết lý ngoại đề cũ kỹ rất "hiện sinh" cho sang trọng.

Một trong những khao khát mãnh liệt nhất của những nhà văn trẻ là cố gắng thay đổi nghệ thuật viết, một nghệ thuật mới sẽ thay thế sự trì kéo của chủ nghĩa hiện thực đơn giản. Chính vì vậy, những từ ngữ như "siêu hiện thực, hiện thực huyền ảo, hậu hiện đại".., có sức cám dỗ như một thỏi nam châm cực mạnh đối với họ. Những người mạnh mẽ nhất trong những thử nghiệm là các nhà thơ (Văn Cầm Hải, Nguyễn Hữu Hồng Minh, Nguyễn Quốc Chánh, Phan Huyền Thư). Họ sáng tác thơ văn xuôi, cố gắng triệt tiêu vần trong thơ, viết không dấu, làm tình làm tội các câu thơ bằng những cú hẫng xuống dòng đột ngột, bằng những biểu tượng và liên tưởng thơ hết sức mới lạ:

Trong mắt tôi không diễm danh sự hiện diện của cây của thú của

người và của cả đường chân trời hách dịch
Trong mắt tôi chỉ những khoảng cách những tầng lệch những góc tối những hộp đen những loèng quèng những ám"
(Nguyễn Quốc Chánh- Khí hậu đồ vật-NXB Trẻ- tr.17)

Những thử nghiệm như vậy có thể gặp ở bất cứ tập thơ nào của các cây bút thơ trẻ đã nói tới ở trên. Một mặt, chúng ta phải thông cảm và hoan nghênh những "viên đá lát đường", những người đã dám đi tiên phong trong những thử nghiệm không thành công để tạo đà cho những sáng tạo khác của tương lai. Mặt khác, chúng ta cũng nên nhận thấy những thử nghiệm như vậy nhiều phần đi vào ngõ cụt, mà cái chính, là do thái độ cực đoan khiến họ hiểu chưa thấu đáo nghĩa của chữ *hiện đại*. Trong diễn từ nhận giải Nobel của mình, Octavio Paz đã viết rất hay về chủ nghĩa hiện đại của ông: "Nhiều lần tôi đánh mất mình và lại tìm thấy mình trong cuộc phiêu du đi tìm cái Hiện Đại. Tôi trở về cội nguồn của mình và tôi thấy rằng cái hiện tại không ở ngoài mà ở trong chính chúng ta. Nó là ngày hôm nay đồng thời là thời đại cổ nhất, nó là ngày mai và là ngày bắt đầu của thế giới, nó có ngàn tuổi nhưng lại vừa mới chào đời. Thời hiện tại mới tinh khôi. Vừa mới được đào lên khỏi lòng đất, giũ đi bụi bặm nhiều thế kỷ, nó mỉm cười và ngay lập tức qua của sổ nó biến mất. Thời hiện tại là sự đồng thời cùng một lúc của các thời đại, của các sự hiện diện. Cái hiện đại phá vỡ quá khứ tức thời chỉ là để giữ lại một quá khứ ngàn năm"

Khi nào cái "quá khứ ngàn năm" kết hợp được với một "hiện tại tức thời", các nhà thơ trẻ sẽ cho ra đời được những câu thơ hay và trong trẻo:

Tôi chỉ là chim sâu nhỏ nhoi giọng hát giữ dân tộc hay hát
tự thuyết minh cho đồng lúa, rừng hoang, người thổ dân
vui ca hành trình
vượt qua giai đoạn thành kiến
nhớ buổi sinh tiền
cơn hát gió
con số không vô tình thời đại đeo ngón tay áp út
níu ngọn nắng xanh hơn khi về với đất
cái nhìn nguyên thể
gọi miền phủ định
bông hoa cỡi trần cánh
tặng tôi hương ảo giác đỏ hồng nhũ hoa

bầy mưa thôi nôi, âm thanh kêu xé hai hàm răng thanh lịch
thời không cần nhạc đệm em vẫn sinh ra trữ tình như không
tôi trở thành siêu sao
đá mắt trời vào gôn hư vô
bắt gặp câu hát lạ
vận nâu sồng viếng chùa!
(Giọng hát của gió - Văn Cầm Hải)

Nỗ lực đổi mới của thơ trẻ, mặt khác, cũng chưa ra khỏi ảnh hưởng của những sáng tác mở đường của Đặng Đình Hưng, Dương Tường, Lê Đạt, Hoàng Hưng...những người cũng không mấy thành công trong khao khát đổi mới thơ. Khi Phan Huyền Thư viết

Chích choè lửa ngửa cổ thơ
thơ không lửa
đốt giọng thành kẻ khác
(Không thường)

Con dế thất tình vấp phải giọt sương
Chiến binh Thạch sùng tặc lưỡi uống đêm
(Men theo mùa hạ)

hay Văn Cầm Hải "gió chiêm bao leo lét mắt tre" (Miền phù thủy) thì những vần liên tiếp của họ "lửa ngửa cổ thơ", "leo lét mắt tre" không xa lạ bao nhiêu với những

Máy kéo gặm xứ đồng tơ ơ cỏ
Nghé sắt buồn lưng sáo đá lon xon

hay " bầy em én tin xuân tròn mẩy áo" trong "Sông quê" của Lê Đạt hoặc " giếng ngọc ếng ương quát đêm tiền sử" hay

Tà con chim cu
về gù rặng tre
đưa nắng ấu thơ
về sân đất trắng

trong "Về Kinh Bắc" của Hoàng Cầm

Cực đoan là đặc tính, vừa là ưu điểm vừa là nhược điểm của những người viết trẻ. Chính vì thế mà tình dục, cái taboo đối với những nhà văn lớp trước, lại được các nhà văn lớp sau khai thác triệt để. Sự khai thác thái quá của họ, đôi khi, hàm nghĩa thách thức thế hệ trước. Chính vì mang sắc thái thách thức như vậy, nên họ không tính đến tính hiệu quả của những vú, những khỏa thân, những ngực có thực cần thiết trong câu thơ hay không. Do đó, những hình ảnh đấy không còn là tiếng nói của cơ thể, của bản năng, mà là tiếng nói của lý trí khoác bộ áo choàng tình dục. Khi Vi Thùy Linh viết :

"Mẹ viết truyện cổ tích cho con khi đang trên dàn lửa
hiến tế ham muốn được gần cha
Khi đôi môi cha chưa mọc trên mẹ, mẹ vẫn ước có con
vào mùa cha gặp mẹ
Chỉ có cha và con là thiêng liêng; kiến tạo cuộc đời dàn bà của mẹ"
(Những mặt trời đang phôi thai - Linh)

thì "ham muốn được gần cha" là thật, nhưng "dàn lửa hiến tế " là khoa trương, hay "cha và con là thiêng liêng" thì được (tuy không mới), nhưng "kiến tạo cuộc đời dàn bà của mẹ" thì vừa không mới vừa đại ngôn; hay khi Phan Huyền Thư viết :

"Gót chân hồng lanh canh
tiếng cười bi ve ôm mặt trời nhồi bông
mơ mẹ

Bên kia bến ngủ
ngượng ngùng giấu con
khát vọng mẹ
thanh xuân thao thức"
(Lập Dzuy)

thì hay, nhưng cũng chính chị, viết

"Những con ve tâm thần gào xước mặt trưa
Hè đồng tính lang thang"
(Không thường)

thì lại là làm chữ.

Thơ trẻ vì vậy, mặc dù quẫy đạp rất mạnh, nhưng hãy còn đang rất bối rối. Những thao tác thuần túy kỹ thuật như xếp các danh từ trái nghĩa sát cạnh nhau, đặt mới các tính từ, câu thơ dài thê thướt...không giúp ích bao nhiêu cho việc đổi mới thơ, cho dù người ta có quảng cáo cho nó bao nhiêu đi nữa. Nếu đổi mới thơ chỉ là sắp xếp ngược lại những giá trị cũ thì từ một sự đơn điệu ở cực này, chúng ta lại tiến tới một sự đơn điệu ở cực khác. Cái chính là, một tinh thần thơ mới, chúng ta lại chưa có.

2-Hiện đại hóa trong văn xuôi

Tuyết Ngân, trên tờ *Văn nghệ trẻ* cho rằng "do lười biếng hoặc thiếu kinh nghiệm sống, một số tác giả trẻ cứ lấy luôn cái tôi ra viết cho dễ...hầu như các nhân vật trong truyện ngắn trẻ không có tính cách riêng biệt.... đây cũng là lý do tại sao các nhà văn trẻ không viết được tiểu thuyết". Thực ra, đem cái tôi ra để viết không phải do "lười biếng hoặc thiếu kinh nghiệm sống", cũng như không phải viết về cái tôi là không thể viết được tiểu thuyết. Nam Cao đã từng viết những truyện ngắn rất hay về cuộc sống của bản thân, còn "Chí tuyến Nam" của Henry Miller là một cuốn tiểu thuyết- tự sự hay nhất mà tôi từng được đọc. Karl Shapiro, trong lời tựa cho cuốn sách, viết " mỗi một từ ông viết ra là một từ của tự truyện, nhưng chỉ trong cái nghĩa như Lá cỏ cũng là tự truyện. Những kỳ tích yêu đương của ông đôi lúc có thể được đọc như của một chàng Casanova ở Brooklyn hay một nam Fanny Hill, nhưng trong đó không có một từ nào phóng đại hoặc bịa đặt. Độc giả có thể và không thể xây dựng lại cuộc đời của Henry Miller từ những cuốn sách của ông, bởi vì Miller không bao giờ dừng lại ở một chủ đề nào lâu hơn Lawrence từng làm". Bất cập lớn nhất đối với các cây bút trẻ không phải ở chỗ các nhân vật của họ không có cá tính riêng biệt, mà ở chỗ họ ý thức được phải khai tử cho cách viết truyền thống lấy nhân vật làm trung tâm, nhưng lại chưa sáng tạo được phong cách truyện ngắn (hay tiểu thuyết) hiện đại. Những truyện ngắn của họ vẫn được viết theo cách cũ kỹ, có *chuyện* mà không có *truyện*, nói theo cách nói của một nhà phê bình văn học ở hải ngoại. Những dòng chảy một chiều đó, cộng với những triết lý vụn vặt chưa được tiêu hóa kỹ, thường là nguyên nhân chính cho thất bại của những nhà văn trẻ.

Vậy thế nào là truyện ngắn (hay tiểu thuyết) hiện đại? Ba thử nghiệm tôi cho là thành công nhất của văn xuôi trẻ thời kỳ qua, một là tập truyện

ngắn *Tầng trệt thiên đường* của Bùi Hoàng Vị, một tập sách chỉ dày có 61 trang in trên giấy xấu, do nhà xuất bản *Trẻ* ấn hành năm 1995 và hầu như chìm trong quên lãng. Thứ hai, là tập *Mộng du* của Ngô Tự Lập được nhà xuất bản *Văn học* in năm 1997 và thứ ba, đó là các tiểu thuyết của Nguyễn Bình Phương. Với sáu truyện ngắn, Bùi Hoàng Vị đã tạo dựng thành công một chuỗi những văn bản đa chiều, đa nghĩa và đa hình tượng. Chính vì vậy, rất khó có thể tóm lược hay kể lại các truyện ngắn của anh. Chúng không thể giản lược, không thể tóm gọn, cũng không có "nhân vật đặc trưng". Mỗi một truyện ngắn của anh là một bức tranh lập thể, một hình ảnh đã bị biến dạng của hiện thực. Một hiện thực bị nhốt trong "Phòng bốn giường", "một dạng tồn tại vô nghĩa kinh khủng" của bốn cá thể: "Con hãy mở mắt ra mà xem, ba cái giường kia kìa, - ba người đang nằm đấy. Họ là những con người, thật như đáng gọi, con hãy nhớ thế,- những vai chính diện hiếm hoi, mà hôm nay thì nằm cả ở chỗ này. Đấy, cái giá người ta phải trả cho một trò hề đấy...". Rõ ràng, một truyện ngắn- suy tư đã được hình thành từ những hỏi đáp của hai mẹ con, chứ không phải của tác giả. Dù mang tính trừu tượng, nhưng những suy tư của họ lại rất giàu hình tượng và mang giọng điệu rất riêng của nhân vật- điều hiếm thấy ở các tác giả trẻ. Một truyện ngắn khác của anh, Cổ tích từ luyện ngục bà, lại là một thứ phản cổ tích được kể bằng một giọng nói đa âm, một giọng tự sự kể chuyện cổ tích cho bản thân: "Luyện ngục là nơi mà thời gian rẻ mạt nhất cháu ạ. Rồi cháu sẽ thấy, nếu cháu của bà đủ ngoan (nghĩa là không hư quá, đến nỗi phải sa vào cái nơi tồi tệ hơn cả, là Hoả ngục!) Phải, bà nghĩ, cháu cũng khắc thấy thôi, chính là ở cái Luyện Ngục này đây, chứ chẳng đâu khác, mà thời gian được tìm thấy rẻ mạt nhất (hay bảo, người ta được tìm thấy giàu có thời gian nhất, thì cũng thế!)".

Mộng du của Ngô Tự Lập cũng là một thử nghiệm rất đạt. Cả tập truyện ngắn là những câu chuyện lẫn lộn giữa hoang đường và sự thật, những câu chuyện nửa kỳ bí nửa hiện đại, là những ghi chép đứt đoạn của một con người sống trong một thế giới tưởng tượng, một vùng Tùng Quảng nào đó không hề có trên bản đồ hàng hải, với những nhân vật thuộc bộ tộc Ducomi, một bộ tộc chắc hẳn cũng là sản phẩm của đầu óc tưởng tượng của tác giả. Những con người đó không hề xa lạ, họ cư xử như thể họ là những người dân của bất kỳ làng chài nào trên lãnh thổ Việt nam, nhưng cái hư ảo của địa phương, của xuất xứ con người họ cho phép tác giả được thoả sức sáng tạo, trộn lẫn các chiều của thời gian, các truyền thuyết. Là một cái tên chết, bằng ngòi bút của mình, Ngô Tự Lập đã khai sinh ra Tùng Quảng, một "lục địa Sanhicov", một làng Macondo của văn học

Việt nam.

Cũng phá bỏ thời gian và không gian tuyến tính, nhưng độ lớn của tiểu thuyết cho phép Nguyễn Bình Phương khai triển nó trên một bình diện rộng hơn. Trong truyện ngắn của Ngô Tự Lập, nhân vật thường sống trong một góc tam giác của thời gian, và khi anh ta tiệm cận cái góc đó, thời gian có cảm giác như quay ngược lại làm anh ta hoang mang, không hiểu điểm mình tồn tại là ở đâu trong vòng tròn khép kín của thời gian luân chuyển. Trong khi đó, nhân vật của Nguyễn Bình Phương trong *Những đứa trẻ chết già, Người đi vắng* thường đối mặt với một thời gian nhiều chiều, khi quá khứ, hiện tại và cả tương lai nữa tồn tại cùng nhau trong một cảm giác luân hồi. Các chiều của thời gian chen chúc nhau trong không gian chật chội của nhân vật, của một vùng đất Linh Nham vô hình của người, linh hồn, hiện tại, lịch sử tồn tại bên ngoài một địa danh Linh Nham có thật.

Như vậy, văn xuôi trẻ hiện đại không từ chối hiện thực, nhưng cũng không coi hiện thực là chất liệu độc tôn cho sáng tạo nghệ thuật. Tình trạng bất ổn của niềm tin, của cảm giác hư vô trong tồn tại và sáng tạo, của thân phận con người - khiến họ không thoả mãn với những câu trả lời của hiện thực và phải đi tìm nó trong những thời gian và không gian khác. Không quá chú trọng vào việc xây dựng "nhân vật đặc trưng", họ sáng tạo ra những không gian và thời gian đặc trưng và dõi xem nhân vật của họ sẽ phản ứng ra sao trong những không-thời gian đặc biệt đó.

Paul Valery từng viết: " Nghệ thuật của chúng ta, với những dạng thức và cách thức nó được xử dụng, đã được sáng tạo vào những thời gian hoàn toàn khác với thời hiện tại, bởi những con người mà quyền năng đối với sự vật là không đáng kể so với chúng ta ngày nay. Sự lớn mạnh kỳ diệu của kỹ thuật cùng với khả năng thích nghi và độ chính xác của nó, những ý tưởng và thói quen mà nó tạo ra, khiến cho những thay đổi cơ bản trong nghệ thuật cổ xưa của cái Đẹp là không thể tránh khỏi". Những thay đổi này cuốn hút những người viết trẻ, những người đang trong giai đoạn định hình và khát khao tìm ra những con đường riêng, nhưng chưa phải ai trong số họ cũng có thể hiểu biết thấu đáo để khai thác triệt để những thay đổi lớn lao ấy. Tuy vậy, những thất bại của họ là những thất bại trong thành công, hay là những thất bại cần thiết cho một thành công ở tương lai, khi họ hòa hợp được thời hiện tại với một "quá khứ ngàn năm", hòa hợp được kỹ thuật mới với những tư tưởng mới..❐

Giọt nắng tháng Tư

TRẦN MỘNG TÚ

Hoa Mai xôn xao tới
nở vàng một góc sân
vừa mới cầm chiếc kéo
đã nghe lòng rưng rưng

Hoa Mộc Liên trắng xóa
rơi trên vai rất gầy
cánh nhỏ như bươm bướm
phương nào bay về đây

Hoa Táo mầu hồng nhạt
như rượu trên má ai
rượu còn nằm trong tủ
chén còn dợi môi người

Hoa Lê vừa ra nụ
đã nặng trĩu trên cành
lòng ai cũng xanh biếc
cong xuống cùng lá xanh

Cả khu vườn tháng Tư
đúng nghe tiếng chim hót

Anh có ghé qua đây
mang cho em giọt nắng

Tháng Tư/ 01

Văn chương hiện sinh

Nguyễn văn Trung

(tiếp theo số trước)

4. Phỏng vấn của báo Clarté.

Theo những tác giả biên nhận ghi chú tiểu sử, tác phẩm của Sartre thì "cuộc trao đổi này là một trong những trao đổi tốt nhất do Sartre thực hiện về quan hệ giữa chính trị và nghệ thuật, một phần nhờ cách đặt vấn đề thông minh của Yves Buin. Hai người gắng định nghĩa thế nào là chủ nghĩa hiện thực ở trong văn chương cũng như ở trong hội họa và âm nhạc, và thông qua một số ví dụ thử tìm xem những điều kiện nào là của một nền nghệ thuật cách mạng. Mặc đầu tố cáo những thiếu sót của các lý thuyết truyền thống về chủ nghĩa hiện thực, Sartre tuyên bố chấp nhận một cách sâu sắc phương pháp luận Mác xít và đề ra vai trò của nhà phê bình như sau:

"Các tác phẩm hiện đại đòi hỏi chúng ta thiết lập một lối phê bình biết nhìn chúng trong toàn bộ của chúng, nghĩa là trong sự qui định lịch sử và tất nhiên, trong tính chất không thể khấu trừ được của chúng, trong bản chất của chúng và trong hệ thống ý nghĩa sâu xa của chúng, vừa như là sản phẩm của một người, một thời đại, vừa như một vượt lên khách quan qua khỏi các điều kiện sản xuất ra chúng, để rồi chúng quay trở lại mà biến đổi các điều kiện ấy" (18).

Khác với những buổi trao đổi với các người lớn, trong đó có nhiều người có địa vị, chức sắc, ở đây chính giới trẻ trong đảng không chấp nhận những lối nhìn thủ cựu, đồng tình với Sartre, như thể mượn Sartre để nói lên thay họ những điều họ nghĩ và muốn nói. Chính cách nêu câu hỏi của sinh viên biện minh cho nhận xét trên.

Xin lược tóm mấy điểm chính được nêu lên:

- Chủ nghĩa hiện thực là mối bận tâm hàng đầu. Bỏ qua lối nhìn kinh điển sang một quan niệm cởi mở, phải hiểu thế nào là một tác phẩm hiện thực trong quan niệm cởi mở đó?

- Đối với một người duy vật, tác phẩm nào cũng thiết yếu dựa về một khu vực nào đó có tính vật chất, nhưng đồng thời tính vật chất đó cũng bao gồm một kiến thức sâu rộng của tính chất tưởng tượng.

Một nghệ thuật là hiện thực nếu như nghệ thuật đó tự nó là một thực tại có tiến triển, lịch sử, không thể không bày tỏ một bầu khí hay một lớp thực tế dù đó chỉ là thực tế thẩm mỹ. Chẳng hạn, hội họa trừu tượng tiêu biểu cho một thời kỳ trong lịch trình tiến triển của hội họa nói chung, và cũng có thể được giải thích bằng những hạ tầng kiến trúc, do đó rõ ràng nó tiêu biểu cho một thực tại. Nhưng nếu người ta muốn nhân đó mà tìm hiểu cho thấu đáo ý niệm tranh đấu giai cấp, hay phủ nhận ý niệm đó thì nhất định không, vì hội họa trừu tượng đem lại cho chúng ta một xúc cảm mỹ thuật đã tiến triển bên trong và nhờ bước đi của lịch sử. Những xúc cảm này bị sự tiến hóa kỹ thuật qui định, xuất hiện trong mục tiêu nhờ ở cái thực tại do chính nó sản xuất ra, cái thực tại này lại biểu lộ và phản ánh nó.

Vì thế: "Điều mà tôi không chấp nhận ở mọi lý thuyết về hiện thực, là việc các lý thuyết này định nghĩa thực tại một cách tiên nghiệm và chỉ có một cách đó thôi. Nhưng phương pháp luận Mác xít - mà tôi hoàn toàn tán thành - vốn là một hình thức sắp xếp mọi vấn đề vào trong một thứ tự nghiêm ngặt và tất yếu lại không chỉ định một cách tiên nghiệm bất cứ một hình thức biểu lộ thực tại nào trong lãnh vực nghệ thuật cả".

- Hình như những người cách mạng vẫn còn sống trong huyền thoại về Balzac. Phân tách của Mác và Engels đã làm cho Balzac trở thành "bảo hoàng và viễn tưởng". Phân tách sâu sắc đó, những người làm cách mạng đã chuyền tay nhau, đã áp dụng nó một cách máy móc và chúng ta hiện nay vẫn còn sống trong huyền thoại đó. Vì vậy mà nảy sinh ra một lối phê bình Mác xít phiến diện một chiều, lối phê bình mải miết tìm kiếm qui chiếu xã hội và lịch sử trong tác phẩm. Chúng tôi nghĩ rằng tất cả nền văn nghệ đã bị đè áp một cách trầm trọng. Chẳng hạn Baudelaire và Lautréamont, chỉ xin nhắc đến các nhà văn tên tuổi thôi, hiện rất xa lạ đối với chúng tôi. Cũng may là đã có người khác khám phá họ hộ chúng tôi. Việc các nước xã hội chủ nghĩa dịch Kafka là một sự kiện trọng yếu. Trước thì dịch Balzac, Victor Hugo, bây giờ tới phiên Kafka. Ông có nghĩ rằng người ta xem chừng đang bàn quá nhiều đến Kafka bây giờ đã được nhìn nhận không ai chối cãi nữa, và ít bàn đến các nhà văn khác?

- Tranh thủ cho Kafka dễ hơn tranh thủ cho Lautréamont vì đạo đức

cách mạng dù đang ở giữa cao trào chống tôn giáo, không thể chấp nhận những lời nguyền rủa thượng đế và chửi bới cái thiêng liêng của Lautréamont.

Vấn đề đặt ra như sau: tác phẩm văn nghệ dù mang nội dung và hướng nào đi nữa luôn luôn vẫn nằm trong một hoàn cảnh xã hội và biểu lộ xã hội qua các trung gian phức tạp. Đúng thế, nhưng có được từ đó rút ra yêu cầu: nhà văn trong tác phẩm phải liên hệ một cách cố ý với những yếu tố xã hội không? Nếu trả lời rằng có thì đó là một sai lầm nghiêm trọng vì hai lẽ:

1. Nhà văn không thể có một hiểu biết toàn diện, và ngay có đi nữa vẫn không đủ. Chỉ cần sự hiểu biết hạn hẹp, một phần nào đó về thế giới, xã hội được biểu lộ qua những quan hệ sống động chằng chịt phức tạp. Chẳng hạn sợ bom nguyên tử. Làm sao nhà văn có thể có một kiến thức đầy đủ mọi mặt về sự sợ hãi này và đàng khác có cần phải biểu lộ phản ánh một cách trực tiếp nó không? Không. "Mối sợ hãi bom nguyên tử phải toát ra từ nghệ thuật như một sự khủng khiếp toát ra từ chính tác phẩm và còn có thể mang một cái tên khác".

2. Tác phẩm mang tính chất biểu lộ, phản ánh thật cao, hiệu nghiệm về phương diện thẩm mỹ phải có một mật độ được biểu lộ với ít nhiều tối tăm. Không phải là sự tối tăm *để* tối tăm, nhưng tối tăm thực tại con người, xã hội nhìn theo quá trình diễn tiến không bao giờ xuất hiện một cách trong suốt, rõ rệt hoàn toàn. Tác phẩm có ý nghĩa như một cố gắng phấn đấu chống lại sự tối tăm để vươn tới cái trong sáng".

- Về tính tự trị của nghệ thuật, Sartre nói: "Hiện thực xã hội chủ nghĩa không phải là ấn định qui tắc làm việc, giản lược nghệ thuật vào một phụ hiện tượng của thực tại chính trị. Cần nhớ rằng người ta luôn luôn tìm thấy ở nơi Engels và Marx một sự tự trị tương đối, có tính địa phương của những cơ cấu và không thể giản lược những cơ cấu đó vào những cơ cấu hạ tầng đã tạo ra chúng hoặc qui định chúng một cách chặt chẽ. Vì thế người ta có thể quan niệm có những qui tắc riêng của nghệ thuật". Chẳng hạn ảnh hưởng của tư tưởng người này trên tư tưởng của người kia. Có thể nghiên cứu ảnh hưởng tư tưởng của Husserl trên học trò của ông ta là Heidegger mà không cần phân tách hoàn cảnh chính trị nước Đức thời đó.

Được hỏi về vấn đề hình thức và nội dung, ý kiến của Sartre là: "Nói chung, tôi không trông thấy có gì khác biệt cả. Có những điều chúng ta cần nói ra thì tự nhiên nó nói ra được, vậy thôi; Còn nếu như nó không tìm được cách thức nói ra thì nó không nói ra được.

Nhưng nếu chúng ta cố gắng nói những điều đã biết, đã nói rồi với hình thức mới mẻ, bấy giờ vấn đề hình thức mới xuất hiện. Trào lưu tiểu

thuyết mới, đối với tôi, là như vậy. Tôi không đề cao chủ nghĩa hình thức, ngược lại... Khi tôi xem vở kịch "Bà mẹ can đảm" của Bretch, bấy giờ tôi thấy có một cái gì mới mẻ hiện ra. Nơi đây, có một người đang nói với tôi một cách khác, về một loại tương quan và qui định khác giữa con người. Điều này Bretch đã diễn tả một cách tuyệt diệu. Tôi không nhìn thấy hình thức nội dung đâu cả mà chỉ cảm thấy có một sáng tạo thực sự. Đây là một toàn bộ bắt tôi và người khác phải chú ý".

Nếu nghệ thuật càng ngày càng trở nên tự trị, thì phải hiểu thế nào về ý niệm tiền phong? Sartre trả lời: "Tại sao lại muốn có một phong trào văn nghệ tiền phong? Tại sao đi mượn trong mớ từ ngữ của một cơ cấu khác (chính trị) những từ ngữ không dính dáng đến nghệ thuật. Chỉ có nghệ thuật của thời đại chúng ta, thế thôi. Những ai đã tưởng có thể giản lược nghệ thuật: mọi xu hướng phê bình độc đoán dù theo phân tâm học hay xã hội học đều mang tính chất duy tâm. Với những chữ, người ta tưởng có thể làm cho nghệ thuật trút linh hồn. Nhưng tác phẩm vẫn tồn tại sau chữ nghĩa, nhờ ở cách thế không thể chịu giản lược được của nó. Và con người sáng tạo ra tác phẩm đã biểu lộ cái đại đồng cá biệt, nghĩa là cái toàn thể, cái toàn thể này đã tạo ra con người và nội tâm hóa nó rồi con người lại bày tỏ cái toàn thể nó ra bên ngoài bằng cách trở thành khách thể hóa" (19).

5. Tọa đàm: Văn chương làm được gì?

Tranh luận giữa hai phái: phái chủ trương văn chương là văn chương chẳng làm được gì để thay đổi thực tại (nhóm Tel quel) như J. P. Faye, Jean Ricardou) và phái chủ trương văn chương dấn thân (Sartre, Simone de Beauvoir, J. Semprun).

Trong bài phát biểu ngắn của Sartre, ông chỉ nêu lên một khía cạnh để biện minh cho lập trường "dấn thân": quan hệ giữa người đọc và tác phẩm.

Khi người ta định nghĩa: "Tác phẩm là mục đích của chính nó" điều đó có nghĩa độc giả chỉ là phương tiện, việc đọc chẳng qua để thể hiện mục đích tự tại của chính tác phẩm; Tác phẩm không còn nhằm mục đích thông cảm, giữa người với người qua tác phẩm vì tác phẩm là đỉnh tuyệt đối, mỗi cá nhân đi tới tác phẩm không phải để bắt gặp người khác mà để đạt tới cái tuyệt đối là tác phẩm rồi tan biến trong đó và như vậy, người đọc là phương tiện, tác phẩm là tuyệt đối văn chương biểu lộ một sự tha hóa con người qua việc đọc tác phẩm.

Trái lại, nếu coi người đọc là một kẻ cộng tác, hơn nữa một sáng tạo

của tác giả, tác phẩm xuất hiện như một công trình chung không bao giờ hoàn tất, vì người đọc, từ kinh nghiệm sống riêng của mình có thể tìm thấy ở tác phẩm những ý nghĩa mới mà chính tác giả không thấy hoặc chưa nói ra.

Và do sự khám phá mới đó, việc đọc là một giải thoát, một cách giải thoát cho độc giả. Đó là khả năng văn chương có thể làm được.

"Nếu người đọc sống được một khoảng khắc tự do, nghĩa là nếu trong một lúc người đọc bàn - cuốn sách thoát khỏi được những sức lực tha hóa và áp bức, các bạn hãy tin chắc người đọc không bao giờ quên được khoảng khắc đó. Điều đó, tôi tin rằng văn chương có thể làm được, ít ra là một thứ văn chương nào đó" (20).

*

Sartre có phải là người Mác xít không?

Sartre đứng trên lập trường Mác xít mà phân tách, phê phán, phê phán những người chống Mác xít, phê phán cả những người Mác xít mà Sartre cho là không trung thành với Marx. Dĩ nhiên đó là Sartre tự nhận là Mác xít; nhưng người khác có công nhận không? Ở đây không có sự nhất trí. Bên phía những người ngoài Mác xít, có người nhận, người không nhận; Bên phía những người Mác xít, cũng vậy, tất cả đều vì những lý do khác nhau.

Vấn đề Sartre có phải là Mác xít hay không và hệ luận của vấn đề: Sartre, có đóng góp gì cho chủ nghĩa Mác đã trở thành đề tài trao đổi tranh luận và không đi tới được nhất trí ngay giữa những người cùng một phe.

- Những người hữu, cực hữu chống Cộng thì không những coi Sartre là Mác xít mà còn là Cộng Sản, thù ghét Sartre như thù ghét người Cộng Sản, người Mác xít. Đối với những người ôn hòa, hay khuynh tả ôn hòa như Gilbert Conte, Sartre là người Mác xít và đã có công lớn "viết chủ nghĩa Mác bằng tiếng Pháp".

Theo nhà báo này, trong một phần tư thế kỷ, chủ nghĩa duy vật lịch sử, đè nặng trên văn hóa nhưng lại không có sức thuyết phục lôi cuốn vì đã trở thành kinh viện, giáo điều, nên "ông có lẽ là người duy nhất trong số các nhà triết học của chúng ta" đã viết "Mác xít bằng tiếng Pháp" vì Sartre đã sử dụng tài năng, bút pháp linh động, sâu sắc để nói về những vấn đề tha hóa, đấu tranh giai cấp và do đó "ông đã phục vụ rất đáng kể cho các bản văn kinh điển bằng cách làm cho ý nghĩa của những bản văn

đó trở thành minh bạch trong tâm trí người đọc. Khi ai cũng nại đến Marx mà chẳng bao giờ đọc bộ "Tư Bản" đến trang cuối cùng, ông đã xuất hiện như một người ghi chép thông minh hơn cả của nền thần học mới". Uy tín của ông làm cho những vị nắm giữ chính thống chính thức lo ngại; các hàng giáo sĩ không bao giờ ưa chuộng một cách lâu dài những kẻ mới trở lại đạo, nhưng vẫn ở ngoài tường để thu phục những kẻ ngoại đạo chung quanh đức tin với một tài năng siêu đẳng hơn hẳn các giáo sĩ đó" (21).

Bên phía những người Mác xít, chắc nhiều người Mác xít Ý, Ba Lan, Nam Tư, hoặc những người Mác xít trẻ tuổi Pháp như thuộc Liên Hiệp Sinh Viên Cộng Sản nhìn nhận Sartre là người Mác xít và có đóng góp cho chủ nghĩa Mác.

Sau khi nhắc lại tư tưởng Sartre chia thành hai giai đoạn, và giai đoạn hai được đánh dấu bằng những cuốn "Question de Méthode", "Critique de la Raison dialectique" nhà triết học Mác xít Nam Tư Danilo Pejovic viết:

"Giai đoạn hai được ghi nhận qua sự sát gần chủ nghĩa Mác, rồi sau đó, bằng một sự chuyển sang dứt khoát những lập trường của một thứ chủ nghĩa Mác không giáo điều. Mặc dầu vậy, nếu bây giờ vẫn còn những người không tin Sartre đã trở thành người Mác xít, phải khuyên họ đọc những bản văn ông đã viết từ mười năm nay, và theo dõi hoạt động công cộng của ông diễn ra nếu không phải ở giữa thì chắc chắn ít ra trong khuôn khổ phong trào công nhân. Điều này cần nhắc tới cho những ai vẫn tiếp tục nhún vai một cách ngờ vực, thầm thì khi có ai dám tìm một chỗ đứng cho Sartre giữa các trào lưu của triết học Mác xít hiện đại" (22).

Về phía những người không coi Sartre là Mác xít, có những người không Mác xít và Mác xít.

Raymond Aron, một bạn cùng lớp, có thời cùng chí hướng cộng tác với Sartre, nhưng sau chuyển sang lập trường hữu, chống Cộng, tuy một cách rất thông minh, đã phủ nhận Sartre là Mác xít và Sartre cũng chẳng đóng góp gì cho chủ nghĩa Mác trong cuốn viết phê bình "Critique de la Raison dialectique".

"Sartre đã để hằng trăm trang nói về biện chứng của những khái niệm chuỗi dây, nhóm về ý thức và các tổng thể, về cái thực hành bất động, và về tự do chẳng dính líu gì tới chủ nghĩa Mác, hoặc có gì chung với Mác, hay với những người Mác xít Leninit, và hơn nữa, còn xuất hiện, về chiều sâu, như là rất khó thích hợp với một biện chứng lịch sử thực sự" (23).

Và trong đoạn kết, Raymond Aron nói không bao giờ Sartre trở thành một người Mác xít tốt được, tuy nhiên cũng nên tìm hiểu tại sao ông tha thiết muốn được coi là Mác xít. Mượn ngôn ngữ của ông mà nói thì "nếu

ông không phải là Mác xít, là trên tư thế ông là điều mà ông không phải là điều đó hay không phải là điều mà ông nhận là nó" (24).

Bằng một ngôn ngữ thông thường hơn, ông thành thực xác tín mình theo một thứ Mác xít mà chính người Mác xít phủ nhận và một thứ Mác xít có lẽ làm cho cả Marx ngạc nhiên.

Theo R. Aron, Sartre cũng không đóng góp gì được cho chủ nghĩa Mác vì hai lẽ sau đây:

1. Ở Liên Xô và các nước Đông Âu, triết học Mác Lênin đã được xây dựng thành một hệ thống giáo khoa bày tỏ những chân lý của nhà nước, tuân theo những qui định, luật lệ riêng của nó, không phải những luật lệ qui định của một tự do tìm kiếm nghiên cứu như của Sartre, vì thế những "người Mác xít Leninít ở trong các nước đó, dù muốn hay không muốn, cũng phải tin theo những chân lý được nâng lên hàng chân lý của nhà nước, và vứt bỏ, đứng ở quan điểm đó, thuyết Sartre, ít nhiều nhuốm mầu Mác xít như cuốn *Critique de la Raison dialectique* hoặc, nếu muốn, vứt bỏ chủ nghĩa Mác xít được nhìn theo cách thức của Sartre.

Do đó, nói đến đóng góp, chỉ là làm mất thời giờ của mình và của cả những người Mác xít kể trên.

2. Những phân tách của Sartre, như trong cuốn *Critique de la Raison dialectique* có thể làm cho nhà triết học thích thú, nhưng không có ích gì cho nhà xã hội học, sử học, kinh tế học vì thiếu tính cách nghiên cứu khoa học, nghĩa là dựa vào thống kê, con số, dữ kiện, chứ không phải chỉ là những khẳng định chắc nịch. Do đó, theo R. Aron, nếu Sartre thực sự muốn canh tân chủ nghĩa Mác, thì phải bắt chước Mác: "nghĩa là làm một phân tách những xã hội tư bản và xã hội chủ nghĩa ở thế kỷ 20 như Mác đã phân tách những xã hội tư bản của thế kỷ XIX. Người ta không làm mới lại chủ nghĩa Mác bằng cách đi trở ngược từ Bộ *Tư Bản* đến *Bản Thảo Kinh Tế - Triết Học*, hay bằng cách dung hòa Kierkegaard với Marx, một điều không thể được. Tóm lại, thay vì tuyên bố đồng tình với Bộ Tư Bản của thế kỷ XIX, tốt hơn là viết một bộ khác của thế kỷ XX" (25).

Một nhà triết học Mác xít Thụy Sĩ, viết hẳn một cuốn phê bình *Critique de la Raison dialectique* và kết luận:

"Nếu muốn tỏ ra lương thiện, người ta chỉ có thể rút ra từ những sự kiện trên một kết luận: Chủ nghĩa hiện sinh, ngay cả dưới hình thức của Sartre, không thể cấu tạo thành nền tảng của một triết học tiến bộ như chủ nghĩa Mác. Chủ nghĩa hiện sinh của Sartre cũng không thể được coi như một phần cấu tạo trong chủ nghĩa Mác. Trái lại, tác phẩm của Sartre làm cho rõ một cách thật nổi bật sức hút của thế giới quan Mác xít, có thể lôi cuốn vào trong quỹ đạo của mình ngay cả một triết thuyết cá nhân chủ

nghĩa và duy tâm cực độ như chủ nghĩa hiện sinh. Sức lôi cuốn của chủ nghĩa Mác cũng bày tỏ một cách tự nhiên tầm mức quan trọng càng ngày càng tăng của chủ nghĩa xã hội hiểu như một hệ thống toàn cầu. Điều đó chỉ làm cho chúng ta hy vọng về sự phát triển mai sau của triết học" (26).

Tạp chí lý luận của đảng Cộng Sản Pháp, *La Nouvelle Critique*, đã dành hẳn một số đặc biệt về đề tài "Sartre có phải là Mác xít hay không?".

Những tác giả các bài viết đều cho thấy một thái độ trang trọng đối với Sartre, nhìn nhận tầm vóc, vị trí ảnh hưởng của Sartre tinh tế nghiêm túc khoa học, có cố gắng *tìm hiểu* với ít nhiều thiện cảm, mến phục, biết phân biệt điều nào không chấp nhận, điều nào chấp nhận được, sau cùng, với thái độ tự phê, khiêm tốn nữa, không coi mình là "một tuyệt đối sáng suốt", không bao giờ sai nhầm (27).

Vấn đề đặt ra là: "Sartre có lý khi tự nhận là Mác xít không vì ông cho rằng chủ nghĩa Mác hiện nay có thiếu sót, vậy ông có đóng góp gì để bổ túc những thiếu sót đó không? Nếu Sartre đã tiến bộ nhờ chủ nghĩa Mác, thì ngược lại chủ nghĩa Mác có tiến bộ nhờ Sartre và những người khác không?" (28).

Lập trường của tờ báo là:

1. Sartre không phải là người Mác xít, vì cơ bản vẫn là "một nhà nhân bản" mà thôi. Sartre không phải là Mác xít vì lý luận của Sartre không dựa vào những khái niệm Mác xít mà chỉ sử dụng những khái niệm của Hegel. Sartre gần những triết gia Đức thuộc xu hướng "triết học tinh thần" như Dilthey, Max Weber vì sử dụng những khái niệm của các triết gia đó (như sự đối lập giữa giải thích và lý hội - explication et compréhension).

Về sự đóng góp vào chủ nghĩa Mác, ý kiến của những tác giả viết bài khác nhau về mức độ và hình thức của sự đóng góp đó. Bài của Jeannette Colombel cho thấy Sartre có hai đóng góp chính đáng kể:

1/ Ngay trong trường hợp coi Sartre như một người ngoài Mác xít, chỉ có những quan hệ *ngoại tại với chủ nghĩa Mác*, hoặc có những sai lầm, vô lý đi nữa thì những suy nghĩ, tìm kiếm hành động của Sartre cũng vẫn đóng góp vì tư tưởng của Sartre bắt buộc người Mác xít thức tỉnh, suy nghĩ.

"Sartre nói: sức mạnh của người Cộng Sản là ở chỗ người ta không thể lo ngại vì họ mà lại không lo ngại về chính mình". Thế thì ngược lại, phải chăng người Cộng Sản vì cảm thấy không thể không lo ngại về Sartre mà lại không tự đặt những câu hỏi cho chính mình nên mới thường hay lẩn tránh tư tưởng của ông hoặc đơn giản hóa (cũng là một cách trốn lánh). Ngay cả khi Sartre không có lý Sartre cũng quấy rầy, gây thức tỉnh và bắt ta suy nghĩ" (29).

2/ Trong trường hợp coi Sartre như có những quan hệ *bên trong, nội tại* đối với chủ nghĩa Mác, Colombel thấy có hai đóng góp:

a) Sự chuyển hướng càng ngày càng tới sát gần chủ nghĩa Mác của Sartre từ một hoàn cảnh giai cấp, tình hình chính trị, ý thức hệ phức tạp, rối rắm là một trường hợp điển hình và gương mẫu.

Những người khởi đầu cũng như Sartre (R. Aron, Camus, Merleau Ponty) nhưng càng ngày càng xa dần chủ nghĩa Mác, còn Sartre thì trái lại.

Hành trình trí thức của Sartre có tác dụng tốt vì nó "xuất phát từ cố gắng phủ nhận những ý thức hệ của giai cấp thống trị và để vươn tới gần những ý tưởng của giai cấp đang lên" (30).

b) Giải thoát người Cộng Sản khỏi ảo tưởng có một tri thức được cấu tạo cả rồi mà người ta có thể an tâm ngự trị ở bên trong như ở trong một pháo đài, bằng cách nhấn mạnh vào sự cần thiết phải qua những trung gian (tìm hiểu thực tại cụ thể nhờ các khoa học như xã hội học, tâm lý học, tâm phân học...) để tránh rơi vào thái độ giáo điều, một chiều: "Việc nghiên cứu những trung gian làm nổ tung mọi ý đồ lược tóm của hệ thống.

Tóm lại, chỉ nên đứng trên bình diện nghiên cứu ý thức hệ, khai phá những vùng đất còn ít được biết đến, những trung gian phản chứng một cách tích cực những gì chủ yếu mang tính chất huyền diệu, mê hoặc trong ý thức hệ: bằng cách đem ra ánh sáng những biến đổi và khác biệt, sự phân tách những biến đổi, khác biệt đó cho thấy việc coi ý thức hệ như một tri thức lý thuyết là không đúng. Việc nghiên cứu những trung gian làm vỡ ra sự lẫn lộn trên mà nhiều công trình của những người Mác xít đôi khi đã rơi vào sự lẫn lộn đó" (31).

Về nghệ thuật, bài của Christine Glucksmann nghiêm ngặt hơn đối với Sartre. Theo Glucksmann, quan điểm nghệ thuật của Sartre tuy xuất phát từ chính trị, xã hội (đúng) có một khả năng thông cảm xã hội (đúng theo Mác xít) nhưng lại do những động cơ luân lý, ý chí qui định, mặc dầu đó là những động cơ tốt... chứ không phải do thực tế khách quan. Vì thế Glucksmann gọi quan niệm nghệ thuật của Sartre là một thứ chủ nghĩa tả phái về thẩm mỹ. Quan niệm này không đảm bảo được tính riêng biệt, không thể giản lược được của văn nghệ bên trong biện chứng duy vật. "Như vậy, chủ nghĩa tả phái thẩm mỹ không phải là một thẩm mỹ, mà là một bất thể của mọi thẩm mỹ, vì văn chương bị áp đặt dưới hai lần bạo lực: bạo lực của một thứ xưng tụng có tính chất đạo đức hiếu động, và bạo lực của một sự bất lực bi đát sở dĩ như vậy là vì phải chăng văn chương không bao giờ đạt tới chỗ thiết lập được cho tính độc đáo riêng biệt của

nó một nền tảng: một hình thái *thẩm mỹ* của ý thức xã hội, tuy không phải là tất cả, nhưng cũng không phải là không gì cả" (32).

Nhận định:

Nếu phải phát biểu ý kiến về vấn đề trên, tôi thấy như sau:

1. Trên bình diện tổ chức đoàn thể, nghiên cứu chuyên môn, đã và còn sẽ đặt vấn đề Sartre có phải là Mác xít hay không. Đặt vấn đề như thế là cần thiết và chính đáng: Đứng ở cương vị tổ chức (như của Đảng) có nhiệm vụ bảo vệ nền tảng của tổ chức, nhiệm vụ giáo dục, phát triển tổ chức, hay ở cương vị nghiên cứu chuyên môn, phải phân biệt, làm sáng tỏ những lẫn lộn, tuy thực ra không phải dễ vì như đã thấy, ngay những người cùng ở trong một tổ chức, hay cùng một quan điểm nghiên cứu cũng có những bất đồng ý.

2. Trên bình diện người dọc, quần chúng sinh hoạt văn hóa thì có thể thấy không cần hoặc không thể làm vì không có trách nhiệm hay không có khả năng làm.

3. Chủ nghĩa Mác cũng như những triết học lớn trên thế giới xưa nay, khi đã đi vào lịch sử, trở thành gia tài chung của nhân loại vì học thuyết đã nói lên một số chân lý nào đó đã qua thời gian thử thách và được thực tế chứng nghiệm. Do đó việc sử dụng những tư tưởng của học thuyết thường vượt khỏi những khuôn khổ tổ chức chỉ đạo; và càng ảnh hưởng rộng lớn (về mặt sáng tạo, nghiên cứu hay tiếp thu) càng xuất hiện dưới nhiều dạng, hình thức khác nhau. Sự phong phú đó cố nhiên có thể bao gồm những lệch lạc vì hiểu sai, chưa đúng và vì thế xảy ra tình trạng đúng sai pha trộn, lẫn lộn... Nhiệm vụ của những nhà phê bình, nghiên cứu chuyên môn là phân biệt những lẫn lộn, thẩm định những ảnh hưởng.

Chủ nghĩa Mác hiện nay đang tác động trong mọi sinh hoạt văn hóa của nhân loại, trong sáng tác nghệ thuật, nghiên cứu thuộc các khoa học xã hội, thậm chí cả trong lãnh vực tìm hiểu tôn giáo. Những tác phẩm như của F. Belo gần đây nghiên cứu Kinh Thánh, Phúc Âm theo chủ nghĩa duy vật lịch sử đã đem lại một cái nhìn mới thật hấp dẫn (chưa nói đến đúng hay sai về phía Mác xít hay phía Thiên Chúa giáo). Dĩ nhiên ở đây không nói đến mặt triết học Mác xít bị những kẻ xấu, là kẻ thù lợi dụng xuyên tạc.

Do đó, tôi đồng ý với Sartre khi ông nói: "Chủ nghĩa Mác vẫn là khuôn khổ sinh hoạt tư tưởng thời đại ta", và với Schwarz về khả năng hấp dẫn của chủ nghĩa Mác đối với cả những triết thuyết ở khởi điểm rất xa cách với chủ nghĩa Mác như chủ nghĩa hiện sinh.

4. Tôi không giải đáp câu hỏi Sartre có phải là Mác xít hay không vì thấy không có thẩm quyền và đủ khả năng, nhưng cho rằng câu hỏi này *không thiết yếu liên hệ đến* câu hỏi tiếp theo. Sartre có đóng góp gì cho chủ nghĩa Mác. Không nhất thiết phải là người Mác xít mới có quyền, có khả năng đóng góp; mà trái lại, có thể xảy ra trường hợp, người đứng trong lại không đóng góp gì thêm (chỉ giữ nguyên vẹn gia tài) mà người ở ngoài đóng góp. Ở đây tôi đồng ý với những nhận xét của J. Colombel: Sartre đóng góp bằng cách thúc đẩy người Mác xít không được an nghỉ một cách tự đắc thỏa mãn, trên gia tài của Mác, và bằng cách thúc đẩy những người chưa Mác xít chú ý, ưa thích và tiến gần đến sự lựa chọn chủ nghĩa Mác như phản ứng của một sinh viên Tiệp Khắc sau khi nghe Sartre diễn thuyết: "Rút cục còn có một người làm được cho tôi chú ý đến Mác xít". Điều này có nghĩa là trước đó, không phải là anh, chưa được nghe ai nói đến Mác xít trong một xã hội dựa trên chủ nghĩa Mác xít, nhưng chỉ chưa được nghe ai nói bằng một cách nào đó buộc anh phải lưu ý. Phải đợi đến khi anh được nghe Sartre nói...

Ở đây tôi muốn nhắc tới một chút kinh nghiệm bên Thiên Chúa giáo để góp phần gợi ý suy nghĩ về vấn đề trên.

Có một thời, người ta cũng tranh luận hằng chục năm (vào đầu thế kỷ này) xem triết học của ai là Thiên Chúa giáo, rồi do đó có thể có một triết học Thiên Chúa giáo không? Làm sáng tỏ nhiều nhưng cụ thể hình như ít có tác dụng gì, vì chẳng thuyết phục được bao nhiêu người.

Người ta cũng tuyên bố triết học Thomas, và Thomas mới là chánh thống chính thức của giáo hội, phải dạy trong các đại học Công giáo. Nhưng ngay ở một trung tâm nổi tiếng như đại học Louvain, có một trường Cao đẳng triết học, một tạp chí triết học mang danh nghĩa của học thuyết Thomas mới, nhưng sinh viên (trong đó có tôi) vẫn đông đảo kéo nhau đi học những lớp giảng về hiện sinh, Mác xít, cả thầy và trò đều bị những sức hút của các trào lưu triết học hiện đại hấp dẫn chả tin gì chủ nghĩa Thomas cũ, mới. Đúng ra, Marx cũng như Sartre đều bị cấm đọc cả, theo sắc lệnh của Roma, nhưng người Công giáo, kể cả giáo sĩ vẫn cứ đọc và có lẽ không biết là bị cấm đọc thậm chí còn theo, chấp nhận hiện sinh hay Mác xít. Có những người gia nhập đảng Cộng Sản (như ở Pháp, Ý) mà vẫn tin theo Chúa, nhưng bây giờ cũng không vì thế mà bị kết án, trục xuất khỏi giáo hội.

Nói cho đúng, thì Thiên Chúa giáo cũng đã nói lên một số chân lý nào đó và chúng trở thành gia tài của văn hóa Tây phương, văn hóa nhân loại. Không thể hiểu lịch sử văn nghệ tư tưởng Tây phương, ngay cả tư tưởng của Mác một cách sâu sắc về nguồn gốc, mà lại không xét tới ảnh

hưởng của Thiên Chúa giáo. Do đó muốn tìm ảnh hưởng hoặc những biểu lộ Ki Tô giáo không phải chỉ phải nghĩ đến những tác phẩm mang danh Thiên Chúa giáo mà nhiều khi phải tìm đến những tác phẩm bề ngoài không mang danh, trái lại còn chống lại Thiên Chúa giáo nữa.

Trong bài nói về: "Có một nền văn nghệ Thiên Chúa giáo không" do Tuần lễ của trí thức Công giáo Pháp tổ chức ở Paris năm 1953, Albert Béguin, một nhà phê bình nổi tiếng đã khẳng định chính ở nơi những nhà văn vô thần hiện đại mà ông tìm thấy những giá trị Thiên Chúa giáo.

"Tôi chỉ thấy một câu trả lời, và nó thật là phi lý vì tôi chỉ thấy những nhà văn không theo đạo còn có can đảm lột khuôn mặt của con người một cách khá chân thật để chúng ta có thể nhận ra khuôn mặt của Chúa Ki Tô hấp hối từ khuôn mặt nhân loại đó. Chỉ có họ còn biết tha thiết yêu thương cảnh lầm than kia để sự minh chứng của họ làm cho ta nghĩ tới cái thân phận người phong hủi. Vậy chúng ta hãy kết luận bằng một câu nghịch lý này: *Có một nền văn chương Ki Tô giáo đó là nền văn chương của những kẻ ngoại đạo*" (33).

Để kết luận về điểm này: hiểu theo nghĩa rộng rãi, văn hóa như một sinh hoạt cảm nghĩ, nhận thức, tìm kiếm của con người một thời đại, thì chủ nghĩa Mác là khuôn khổ của sinh hoạt văn hóa của con người thời đại ta. Sinh hoạt này xuất hiện dưới muôn vàn sắc thái, dạng vẻ... thật là thích thú hữu ích, và cũng là một cách đề cao xưng tụng chủ nghĩa Mác, nếu đi tìm những biểu lộ, tác động ảnh hưởng của chủ nghĩa Mác ở những tác phẩm công trình văn hóa không mang danh nghĩa Mác xít, thậm chí có khi chính tác giả cũng không hay biết đã chịu tác động ảnh hưởng. Nếu đã nhận Balzac cố ý, chủ quan là bảo hoàng, bảo thủ, nhưng khách quan (vô thức) lại tiến bộ, thì tại sao lại không thể có một tác giả hiện nay, cố ý chủ quan là chống Cộng phản động đi nữa, nhưng khách quan, (vô thức) lại biện minh cho chủ nghĩa Cộng Sản?

Trường hợp của Sartre không phải như trên.

Chương một cho thấy ông đã lựa chọn dứt khoát đứng về phía các lực lượng chống đế quốc, theo xã hội chủ nghĩa, nhưng: 1) ở cương vị nhà văn, với một thái độ sáng tạo. Đây chẳng qua chỉ là câu chuyện con tằm ăn dâu nhả tơ, chứ không nhả dâu. Cũng như Lỗ Tấn, nhà văn am hiểu Mác xít và theo Mác xít, nhưng trong tác phẩm không thấy dùng những thuật ngữ Mác xít; 2) ở cương vị nhà lý luận, với một thái độ phê phán. Dĩ nhiên thái độ này làm khó chịu những đối tượng bị phê phán. Tuy nhiên, Sartre đã nói rất rõ, ông đứng ở lập trường Mác xít mà phê phán và coi việc phê phán đó như một chuyện nội bộ nhằm phục vụ lợi ích của chủ nghĩa Mác, cách mạng. Ông không theo Mác xít, chủ nghĩa xã hội như

vào một tổ chức giáo hội. Ông lựa chọn vai trò "quấy rầy" làm cho những người theo Mác xít ăn ngủ không yên trở thành một "mauvaise conscience" của phe tả, những người Mác xít Cộng Sản dù là ở trong đảng hay ngoài đảng (34).

Kỳ sau: Chủ nghĩa hiện sinh ở Miền Nam (1955-1975)

*

(18) Les écrits de Sartre, tr. 397.
(19) Những trích dẫn đều lấy trong tập "Nhà Văn, Người Là Ai, Với Ai?" Nguyễn Văn Trung Nam Sơn xb 1965, đăng nguyên văn bài phỏng vấn và bản dịch.
(20) Que peut la litterature, tr. 124.
(21) *Le Monde*. 17/4/1980, tr. 16.
(22) Tạp chí *Praxis*, số 1/1965, tr. 73.
(23) *D'une sainte famille à autre*, Gallimard, 1965, tr. 21.
(24) Nguyên văn "C'est sur le mode d'être ce qui l'on n'est pas ou de n'être pas ce qu'on est", sách trích dẫn, tr. 67.
(25) Sách trích dẫn, tr. 63, 64.
(26) Theodor Schwarz. *J.P. Sartre et le marxisme*, tr. 143.
(27) *La Nouvelle Critique*, số 173-174 Mars 1966, tr. 95
(28) *La Nouvelle Critique*, số 173-174 Mars 1966, tr. 95.
(29) Bài trích dẫn trong: *J.P. Sartre Approches methodologiques*, tr. 14.
(30) Bài trích dẫn trong: *J.P. Sartre Approches methodologiques*, tr. 152.
(31) Bài trích dẫn, tr. 151.
(32) *J.P. Sartre et le gauchisme esthétique*, tr. 198.
(33) *Monde moderne et Sens de Dieu*. tr. 175, nhà xb Flore, Paris 1954.
(34) Từ ngữ "mauvaise conscience" rất khó dịch. Về phương diện đạo đức thì mauvaise conscience có giá trị đạo đức, là tốt, còn bonne conscience lại là xấu; tuy nhiên cũng có nguy cơ có "bonne conscience" của "mauvaise conscience".

Sách mới nhất của nhà xuất bản **Văn Nghệ**:

Đối Thoại

(13 văn thi sĩ nói về mình và văn học)

của Vĩnh Phúc

Sách dày 210 trang, Giá tại Mỹ 13 MK, ngoài Mỹ 16 MK.

Vĩnh Phúc, biên tập viên kỳ cựu của Đài BBC phỏng vấn các nhà văn nhà thơ: Nguyên thị Thanh Bình, Nhã Ca, Trần Dạ Từ, Lê Tất Điều, Nguyên Mộng Giác, Nguyễn Xuân Hoàng, Trần Long Hồ, Vi Khuê, Du Tử Lê, Lãng Nhân, Hà Thượng Nhân, Võ Phiến, Nguyên Sa.

Triền mơ

Hoàng Nga

Đăng thích bài hát có câu "con dế mèn tự tử giữa đêm khuya" nên cứ hát hoài. Lần nào đến chơi, vớ tới cây đàn, là Đăng cũng lại bắt con dế mèn phải tự tử. Tôi nói tội nghiệp con dế. Đã bị hát xẩm không tiền, lại còn phải tự tử nhiều lần. Đăng cười. Một hôm đang hát lở dở nửa chừng, Đăng bỗng ngưng lại, nói:

- Không hiểu cái cảm giác của người sắp chết, của người muốn tự tử nó ra làm sao chị Nga nhỉ?

Tôi chẳng nhìn Đăng, cũng không cần suy nghĩ, đáp ngay:

- Muốn biết thì thử!

Đăng bật cười lớn. Kêu lên. Trời ơi, người đẹp trai, ngon lành như Đăng, tự nhiên lại tự tử cho có người chết theo sao chị. Tôi bảo cách tốt nhất để có được một kinh nghiệm là người ta phải trải qua, có nghĩa phải nên "chơi"... tá lả mọi thứ, mọi phương tiện ở chung quanh mình. Tôi "dọa":

- Như tôi chẳng hạn, mai mốt nếu tôi muốn biết cảm giác nghiện ngập ra sao, tôi sẽ hút xách, chích choác tới nơi cho Đăng coi.

Đăng nhăn mặt:

- Vậy mà Đăng rủ chị đi lặn ở Ai Cập chị lại không chịu.

Tôi cũng nhăn mặt:

- Nhưng tôi đâu có muốn biết cái cảm giác của người... chết đuối!

Đăng phì cười, kể:

- Trời ơi, chị biết không, lúc đã lặn xuống đến cái độ sâu cần thiết ấy rồi, là kể như mọi thứ trên đời này bỗng trở thành vô nghĩa với mình. Mọi thứ bỗng đều mất hết sức hấp dẫn, thuyết phục. Chung quanh mình, chỉ những bầy cá, bầy tôm, những sinh linh của biển, của đại dương, với đầy đủ mọi sắc màu rực rỡ, mọi hình mọi dáng, hệt như đang có một vũ hội

lớn nhất diễn ra, thế là tự dưng lúc ấy gần như không còn gì để phải suy nghĩ. Ở đó, bình yên, bình yên cách tuyệt vời chị Nga ạ.

Tôi làm thinh không nói gì, Đăng ngưng một lúc rồi tiếp:

- Có điều chị không hiểu, chứ lúc ấy Đăng chỉ ước ao một chuyện duy nhất là phải chi có mặt chị ở bên cạnh, để chị được nhìn thấy cái cõi yên bình chẳng thể nào tìm thấy được trên mặt đất như vậy.

Tôi nhìn Đăng bĩu môi. Đăng chặc lưỡi:

- Thật. Nhưng mà chị có biết tại sao Đăng nghĩ tới chị lúc ấy không?

Tôi nói ai biết. Đăng phì cười:

- Thì để không bao giờ phải nghe chị thuyết giảng, truyền bá phúc âm, rằng cõi bình yên chỉ có được trong những con người tin vào đấng toàn năng, phó thác cuộc đời hoàn toàn cho Thiên Chúa. Đăng nghĩ, thiên đường của chị chắc cũng chỉ đẹp cỡ đó là cùng.

Tôi lườm Đăng. Đăng lại cười. Lần này, đi Ai Cập về, Đăng không mang tặng tôi gì ngoài chiếc vỏ ốc lớn, mà Đăng khoe đã nhặt được trên bãi biển, lấp lánh như ánh đèn nhiều sắc màu của vũ trường. Lần trước, Đăng cho tôi một tấm kính soi mặt bằng đồng, chung quanh chạm hình những thiếu nữ Ai Cập với tóc cắt ngắn ngang trán, mắt xếch và mũi thẳng, cạnh những cảnh sinh hoạt săn thú, lễ lạy thời đại các vua Pharaon. Tấm kính sáng, nhưng khung kính đồng thô làm bằng tay, chỗ nâu vàng, chỗ đỏ thẫm, với những đường chạm trổ màu đen mang những dấu vết cổ xưa, trông rất buồn. Tôi đem chưng tấm kính trên bàn viết trong phòng khách, nhiều người tới chơi, hỏi tôi lượm được ở đâu, hay mua bao nhiêu đồng ở chợ trời. Tôi kể cho Đăng nghe, Đăng cười đến chảy nước mắt.

Quà Đăng tặng cho tôi, cái gì trông cũng đẹp. Ít nhất là dưới con mắt của tôi. Tuy nhiên có một lọ nước hoa Đăng mang về, thì cứ khiến tôi phải cười hoài. Tôi đã đùa không biết mình nên xức loại nước hoa ấy vào lúc nấu bún riêu, hay phở cho hợp. Thoạt nhìn, chắc không ai có thể tưởng tượng được cái lọ đất nung nâu sẫm, nhỏ bằng bàn tay khum lại, có hình dạng y hệt như tĩn nước mắm thường thấy vào cỡ thập niên sáu mươi ở quê nhà, bên ngoài dán một tấm nhãn hoa hòe hoa sói như quảng cáo thuốc sơn dông; bên trên được đóng bằng nút bần, và được khằn lại với đầu cây chai hay cây rái nhờ nhờ đục, thường dùng để trét ghe trét nón, trông rất thô tháp như vậy, lại là một lọ nước hoa. Lúc mở cái nút ra, chắc chắn càng phải ngạc nhiên hơn vì mùi rau kinh giới và quế chi trộn lẫn lộn vào với nhau xông lên nồng nàn, trước khi một thứ mùi hương dìu dịu của hoa hồng tỏa ra thơm ngát. Đăng trêu tôi, bảo đó có thể là loại nhũ hương hay mộc dược mà tôi thường đọc thấy trong Kinh Thánh. Tôi trả lời lại, tôi sẽ xức thứ nước hoa ấy đầy tay mỗi bận có dịp gặp gỡ các ông

đang tuyển thê, để người ta biết tôi nội trợ giỏi.

Đăng đi về, đen thủi, đen thui. Như người... Ai Cập. Tôi đem mấy tấm hình mới, so với hình Đăng chụp ở Kairo, và Luxor trước kia; bảo dưới chân con nhân ngư, hay ngay cả dưới mấy cái pyramid đỏ quạch, trông Đăng cũng vẫn còn... trắng trẻo hơn nhiều. Đăng vờ như quan sát tôi một hồi rồi mới nói:

- À, thì ra là vậy. Trước kia Đăng cứ tưởng chị thù xứ đã đày đọa, bắt dân Chúa của chị làm tù binh, làm nô lệ suốt cả thời cựu ước, nên không thèm đặt chân tới đó. Nhưng giờ mới vỡ lẽ ra, chỉ vì chị sợ bị... đen.

Tôi cười:

- Không, tôi chỉ sợ lặn... ba ngày mới nổi lên đấy chứ!

Đăng bảo chị mê văn thơ, thích vẽ việc, chị phải đi lặn một lần nào đó trong đời để nhìn thấy những cảnh không thể sánh được trên đất liền. Đăng tiếp:

- Chị không tưởng tượng nổi cái màu sắc của san hô dưới lòng đại dương nó sặc sỡ như thế nào đâu. Hê đỏ là đỏ quạch, xanh là xanh biếc. Cái thứ màu sắc, rực sáng, nồng nàn, trời ơi, còn hơn cả những đóa hoa "hippy" thời bảy mươi, mà Đăng bảo đảm với chị, chẳng tìm thấy ở bất cứ nơi nào.

Tôi rụt vai. Đăng... "dụ khị" tôi:

- Dân Ai Cập điểm tâm bằng khoai lang luộc, bằng cơm chiên, giống hệt như dân mình. Thức ăn đầy gia vị, tỏi hành chanh ớt...

Tôi lắc đầu. Đăng la lên. Chán chị ghê! Quen nhau lâu, Đăng biết rõ như hai với hai là bốn cái con người ù lỳ, chán ngắt và nhạt thếch như cơm nguội của tôi, hiếm hoi lắm mới thay đổi được đôi điều trót đã hiện diện và nằm ỳ trong não, vậy mà lần nào đi nghỉ mát về, Đăng cũng hết nước miếng năn nỉ, thuyết phục, để cuối cùng lại nhăn nhó la lên cái câu muôn thuở, chán chị ghê!

Đăng "chán" tôi, không hiểu nổi vì sao tôi có thể chịu đựng được cái đời sống hết sức ít ỏi màu sắc, ngày hai buổi tầm tầm chẳng hề có gì mới mẻ như vậy, thì ngược lại tôi cũng không thể hiểu được, vì sao Đăng lại sôi nổi cứ như một ngọn hỏa sơn đang chuẩn bị phún xuất; không mường tượng nổi trong cùng một lúc mà Đăng lại có thể vừa mê khiêu vũ, lại vừa ham thích bơi lội, hai môn nghệ thuật và thể dục hoàn toàn mang tính cách khác biệt hẳn nhau như vậy. Có lần nghe tôi thắc mắc, Đăng trả lời, bảo đó là những nỗi đam mê hỗ tương, giống như trường hợp các ông bác sĩ, hoặc các nhà khoa học thích viết văn, làm thơ mà tôi hay kể cho Đăng nghe. Tôi nhăn mặt cãi tôi đâu có thấy giống tí nào. Đăng giải thích:

- Thì một đằng chuyên xử dụng cái đầu, trong cả hai trường hợp chữa

bịnh và viết văn; dàng khác chuyên xử dụng đôi chân, cánh tay. Người làm chuyện khoa học, cần những giây phút thư giãn tinh thần; còn Đăng làm chuyện nghệ thuật nên phải cần những giờ giấc thể dục thể thao cho mạnh khỏe.

Mà Đăng khỏe vì nước... bánh ướt tôm khô thật. Ngày hai buổi đến sở, tối tối sinh hoạt ở câu lạc bộ và trường dạy nhảy, cuối tuần lại có mặt tại các hồ bơi, tôi đã có cảm tưởng Đăng lấy sức lực từ một hành tinh nào đó xuống chứ không phải ở một con người đang hiện diện trên mặt đất. Đã vậy, ngoài giờ tham dự lớp tournir, tức là lớp khiêu vũ dành cho người đi biểu diễn, hay đi thi giựt giải cho trường hoặc cho tiểu bang, Đăng còn làm partner tự nguyện cho các học viên không tìm ra người nhảy cùng ở các lớp cấp thấp như tôi chẳng hạn.

Hồi mới thân với Đăng, tôi "mặc cảm", "tự ái" cùng mình. Tôi tướng tá vốn không ra gì, lại u mê, nghe nhạc không giỏi, nhịp phách thường lẫn lộn lung tung xèng với nhau, còn chậm chạp, học đầu quên đuôi, gắng lắm mới không "anh đường anh tôi đường tôi", hoặc dẫm bừa lên chân người nam nhảy chung với mình, kể cũng đã phước; chương trình học càng lúc lên càng cao, đòi hỏi sự nhạy cảm của đôi tai, sự nhuần nhuyễn của đôi chân, hay những bước fantasy bắt buộc phải xử dụng đến cái lắc mông, cái quay đầu, hoặc một vài bước ngừng nghỉ nào đó để chờ nhạc, là y như rằng, tôi giống hệt kẻ mới rơi rụng từ trên cung trăng xuống mặt đất. Xong lớp "đồng", chưa kịp lên lớp "bạc" tôi nằng nặc đòi nghỉ luôn, sau nghe Đăng nán nỉ quá, mới đành ghi danh học tiếp. Nhưng chỉ với mục đích là giữ tấm thẻ học viên để thỉnh thoảng đi theo Đăng đến câu lạc bộ của trường, làm con... *robot* giúp Đăng thực tập những bài học mới. Lên lớp cao và chuyên môn, nhảy nhót có bài bản rõ ràng như vậy, Đăng rơi vào cái thế còn khó hơn cả tôi khi không có partner, là chẳng thể nào ôn luyện được bất cứ điều gì. Tôi than thở với Đăng, làm người máy hoài kiểu đó, chắc có ngày tôi vô nhà thương điên!

Đăng có hai tấm hình chụp ở vịnh Makadi, một đứng trên tàu, chuẩn bị nhảy xuống nước; và tấm khác, dang tung cong người lên giữa không trung trông y hệt như một con cá voi trước khi chúi xuống. Cả hai tấm hình, đều đẹp một cách rực rỡ. Từ kỹ thuật đến không gian chung quanh. Mặt biển ở đó xanh biêng biếc, sóng lăn tăn, nhấp nhô quanh chân tàu. Bầu trời bên trên trong vắt, xanh thẫm, không hề gợn một chút mây. Nơi tiếp giáp giữa biển và đường chân trời gần như liền lạc nhau, từ đậm sang nhạt, chẳng khác gì một nét chấm phá, pha màu tài tình của nhà danh họa nào đó.

Hai tấm hình của Đăng, giống hai tấm bưu thiếp thì đúng hơn. Nhưng cái dáng Đăng tung người lên cao, cuồn cuộn nhựa sống, từng cơ bắp săn chắc, ngực nở tràn, mặt ngửa lên cao thật hớn hở, như sẵn sàng đón nhận mọi thách đố của thiên nhiên và cuộc đời, mới khiến tôi phải bật kêu lên thật lớn khi xem hình. Sức sống và niềm lạc quan yêu đời trong Đăng, cứ chừng như chỉ chờ dịp để toát ra bên ngoài cách mãnh liệt. Tôi nói với Đăng, tôi ganh tị với sự thanh xuân tươi trẻ của Đăng quá. Đăng trêu tôi:

- Thì chị cứ bắt chước sống theo Đăng, thế sự thăng trầm bỏ mặc cho nhân gian, suốt ngày chỉ nghĩ đến chuyện hát xướng ca múa, bảo đảm một chàm phần chàm sẽ trẻ mãi không già.

Làm con robot giúp Đăng, tôi đã muốn khùng, tôi bảo sống giống như Đăng, chẳng biết tôi sẽ thành thứ gì. Lúc mới quen với Đăng, tôi cứ tưởng Đăng đi nhảy hay đi lặn, chỉ cà rỡn để... hù thiên hạ và cho qua ngày đoạn tháng như tôi; về sau mới biết những nỗi đam mê "hổ tương", như Đăng nói, đã kéo Đăng đi băng băng qua ghềnh xuống thác tựa những cơn nước lũ không hề biết mỏi mệt. Có hôm tập với Đăng muốn rụng cả hai chân chỉ vì một vài kỹ thuật nho nhỏ, mà đối với tôi, hoàn toàn chẳng cần thiết gì, chẳng hạn cái dáng đứng, bước xoãi chân, hay một kiểu đặt tay trên lưng người nam tùy theo điệu nhảy v.v..., tôi đã nhăn nhó, la lên với Đăng, là làm nghệ thuật thì không cần phải xử dụng đến kỹ thuật. Đăng cười cười trả lời:

- Nghệ thuật mà không có kỹ thuật, gắng lắm cũng chỉ được đứng... hạng nhì. Kỹ thuật càng ẩn mình trong nghệ thuật tinh vi bao nhiêu, thì nghệ thuật càng đạt đến mức tuyệt xảo bấy nhiêu.

Và để chứng minh, Đăng bắt tôi tập một đoạn tango căn bản với hai tay buông xuôi tự do mà không cho tôi vịn hoặc cầm tay Đăng, rồi ngăn giữa ngực chúng tôi bằng một tấm bìa cứng; ban đầu tôi cứ làm rơi tấm bìa xuống đất, nhưng về sau giữ được, rõ ràng những bước nhảy của tôi hoàn toàn nhuần nhuyễn, đẹp hẳn lên so với xưa kia. Hơn thế, không cần phải cố gắng gì cả, tôi vẫn nghe ra được nhạc, vẫn giữ được cung phách một cách rất nhịp nhàng. Đăng trêu tôi:

- Kỹ thuật cộng kỹ luật và năng khiếu sẽ trở thành thiên tài. Nhưng thiên tài thiếu người trợ giúp sức lực và tinh thần chắc chắn sẽ biến nên... thiên tai!

Tôi hỏi lại, còn Đăng là thiên tài sa rụng hả. Đăng cười. Người thầy dạy khiêu vũ có lần nói với tôi Đăng thừa khả năng để làm nên chuyện lớn, và cũng đã hết sức cố gắng để tìm giúp Đăng một partner; nhưng giữa thế giới đông người như vậy, mà một kẻ đồng điệu, đồng đam mê và mơ ước giống Đăng, chừng như vẫn đang còn ở cõi nào đó chưa về nhân gian.

Đăng nói với tôi:

- Chị biết không, tụi Nhật có một cặp được vào giải chung kết thế giới. Vẫn còn đứng hạng khá xa, mười một, mười hai gì đó. Nhưng đâu gì đi nữa, đứng ở hạng thứ mấy đi chăng nữa, thì họ cũng đã có chỗ, cũng chứng tỏ được rằng họ nghiêm túc hơn mình. Ước mơ lớn hơn mình.

Tôi bảo có phải chăng, đối với người Việt Nam bình thường, hoặc ngay cả với giới nghệ sĩ đi chăng nữa, khiêu vũ, vẫn còn là một trò giải trí không gần gũi, vẫn chưa được xem như một môn nghệ thuật thật sự, và có khi còn bị lên án, chỉ trích nọ kia, thì chuyện tạo nên một chỗ đứng, hay tìm đạt một giải thưởng, có lẽ, khó có người nghĩ đến. Đăng so vai:

- Chắc vậy!

Bình thường, rất hiếm khi tôi nhìn thấy Đăng buồn, nhưng những lần đi theo Đăng chính thức đến dự các buổi tập, bắt gặp cái vẻ bồn chồn lạ lắm trên gương mặt thường ngày vẫn sáng loáng của Đăng trước những người bạn đồng khóa, tôi mới biết những ước mơ lớn, những hoài bão khó thực hiện, đã làm chao động người bạn nhỏ của tôi không ít. Tôi có cảm giác như từ một cái nhón gót đơn giản của điệu waltz, đến một bàn tay đưa lên cao hay ra đang ra trước mặt để làm dáng khi nhảy sang điệu samba, hoặc thậm chí một bước mở chuyển khúc rất dễ dàng, cũng đều tải chở theo vô số sức kéo vũ bão, kéo hồn Đăng xiêu lạc. Đăng hay nói người ta sống nhờ vào hy vọng và ước mơ. Cho dù là hy vọng hão, hay ước mơ ngoài tầm với cũng không phải là vô ích. Tất cả đều giúp cho ý chí sống còn của con người mạnh mẽ thêm lên. Tôi đùa:

- Đăng đâu cần phải dựa dẫm vào điều gì mới có thể lây lất qua ngày. Một công tử "to con ngon độ", công ăn việc làm vững chãi, tài chính kinh tế hanh thông ngon lành, lại thêm tài lớn tài nhỏ... tùm lum; nếu cần người để trợ giúp tinh thần và... nấu cơm, thì chắc chắn không thể nói là thiếu, mà còn thừa mứa khả năng, xài không hết phải đem đi vất bớt ấy chứ!

Đăng cười không trả lời. Nụ cười khá buồn. Thân với Đăng hơn, tôi nhận ra con hải mã, nhân ngư, phượng hoàng của tôi đã bay bổng và ngụp lặn trong những ước mơ dễ thương trong lành ấy, y như một anh chàng kiếm khách lữ hành đơn độc trong sương mù. Ngày qua ngày, cái ước mơ càng lớn, sức chàng kiếm khách càng có vẻ hao hụt, mòn mỏi, kiệt cạn thêm đi. Học lên những bài cao hơn, Đăng càng có vẻ tuyệt vọng. Về sau tôi mới khám phá ra, khổ người Đăng khoảng một mét bảy tám, ngang ngửa hoặc vừa với sức vóc trung bình của người bản xứ, để tìm người cùng tập tành hoặc đi thi đấu, hoàn toàn đã chẳng khó khăn gì; nhưng chỉ vì Đăng muốn tham dự với một người nữ Việt Nam, tranh giải trong tư

cách người Việt Nam, nên mãi, cứ chòng chành như ở trên một con thuyền ngược nước. Tôi trêu Đăng muốn có "chút quà cho quê hương" chăng, Đăng nghiêm trang trả lời:

- Ở đâu có thi thố tài năng, có giải lớn giải nhỏ, là ở đó có ước vọng, có khát khao chứ chị. Người mơ được, làm được, tại sao mình lại không?

Ước vọng và khát khao của Đăng, mường tượng, nếu như ai đó không hiểu rõ về môn nghệ thuật từng bị gán cho nhiều thành kiến xấu này, nghe Đăng kể lể hoặc thở than, có lẽ sẽ buồn cười, thậm chí có khi còn khó chịu. Riêng phần Đăng, hệt như con mòng trên giòng nước cạn và ngược, mặc dầu nỗi tuyệt vọng, chán nản vẫn hiện ra quấy rầy, nhưng tôi có cảm giác Đăng chưa hề muốn đầu hàng. Bằng mọi khả năng, phương tiện có được, Đăng vẫn cố gắng hết sức là tròn cái ước mơ mình. Hôm nghe Đăng điện thoại hớn hở báo đang chuẩn bị lên miền bắc để gặp một cô gái vừa được bạn giới thiệu rằng cũng say mê và yêu thích khiêu vũ như Đăng, tôi trêu Đăng:

- Sẵn, Đăng kiếm giùm tôi ông bạn bốn phương chuộng văn chương, ham mê nghệ thuật, có sở thích đi du lịch, tính tình hòa nhã dễ thương, mến nhạc họ Trịnh, yêu giọng ca Chế Linh...

Đăng kêu lên, ngắt lời tôi:

- Thôi đủ rồi chị Nga! Chị làm như Đăng sến lắm vậy.

Tôi cười đáp, tôi thấy cái kế sách tìm bạn tâm giao, chưa gặp nhau lần nào đã biết hết tính tình, cùng chung sở... thú, na ná như Đăng đang làm, coi bộ khá có lý, đơn giản cứ như... đang giỡn, nên cám cảnh nghĩ đến chuyện "tiến tới hôn nhân", xây dựng hạnh phúc gia đình của mình. Đăng la lên mấy câu, rồi bắt tôi chúc Đăng may mắn. Tôi chúc thêm trăm năm hạnh phúc. Đăng "hừm".

Đăng đi, tôi biết, nhưng Đăng về, tôi chẳng hay. Lâu, cả tuần lễ sau không thấy Đăng gọi điện thoại tới, tôi cứ tưởng Đăng đã gặp được đúng "đối tượng", chẳng còn cần đến tôi nữa, đang định bụng lúc gặp Đăng, sẽ bắt Đăng đãi một chầu; không dè đến cuối tuần, Đăng phone ngắn, mười lăm phút sau đến gõ cửa nhà tôi, mặt mày buồn xo, chẳng nói chẳng năng gì, chỉ vớ cây đàn, từng tưng một hồi rồi bắt con dế mèn tự tử. Tôi muốn phì ra cười, nhưng nhìn bộ điệu thảm sầu quá xá của Đăng, lại thôi. Đăng đàn hát chán, hết hứng, cũng không thấy tôi hỏi han gì, chắc im không nổi nữa, bèn thở dài:

- Trời ơi, chán quá chị Nga ơi!

Tôi hỏi chán cái gì. Đăng chặc lưỡi:

- Chị biết không, "con bà cô" đó chỉ mới đi học... lóm được ở đâu đó

vài ba điệu nhảy chứ có biết khỉ gì đâu.

Tôi nhìn Đăng:

- Ủa vậy sao? Vậy thì chán quá ha! Mất công đi.

Đang nhăn mặt:

- Mất công đã chẳng nói làm gì! Cái chuyện chính là thiên hạ tưởng Đăng làm bộ kiếm cớ nhảy nhót, khiêu vũ này nọ để tán tỉnh mới bực mình.

Tôi nín cười:

- Chắc cô nàng xinh lắm hả?

Đăng nổi quạu:

- Xinh cái quái gì. Ngó cũng được thôi, nhưng đàn bà con gái ở cái tỉnh đó không có nhiều, "nó" được kể vào loại khá sáng giá, nên cứ tưởng mình ngon lắm. Chị thừa biết Đăng rồi, Đăng mà thèm vào! Hôm về, Đăng chả gửi lại đến nửa lời chào.

Tôi bật cười lớn. Hát trêu. "Sao nỡ lạnh lùng đến thế Đăng?". Đang lườm tôi:

- Chị thì chỉ đợi những chuyện cà chớn như vậy xảy ra cho Đăng để cười thôi chứ gì!

Tôi đưa tay chùi những giọt nước mắt mới ứa ra vì quả thật đã cười nhiều quá:

- Tôi mừng Đang bình an vô sự trở về. Chứ kiểu đó mà chưa có thằng nào đánh cho một trận phơi xác ở trên ấy, kể dã phước rồi.

Đang lại lườm tôi rồi làm thinh cúi xuống bấm tay vào phím đàn. Giọng hát buồn buồn lại bật ra. Nỗi chán chường, sầu đời hiếm khi thấy, chợt như ngăn không được, tỏa lan ra trên khuôn mặt nhìn nghiêng nghiêng, cọng tóc đổ lòa xòa trước trán, cái chóp mũi nhọn thanh tú người bạn nhỏ của tôi. Tự dưng cái hình ảnh thường thôi, nhưng bỗng không làm tôi cười hết nổi. Tôi mủi lòng. Thấy thương xót quá cho cái ước mơ rất đẹp, đang bắt đầu vượt dần xa ra khỏi đời sống người thanh niên không có kẻ song hành. Chao ơi! Tội nghiệp Đăng của tôi! Mường tượng, dăm ba năm nữa thôi, khi tuổi đời đã chồng chất lên con người ấy mỗi lúc mỗi nhiều, dầu muốn hay không, chắc thế nào rồi Đăng cũng phải tìm cho mình một phương, một hướng nào đó để rẽ lối. Cái ước vọng, cái khát khao cũ rốt cuộc có lẽ chỉ còn giống như một giấc mơ, một ám ảnh buồn, một kiểu chúi người xuống mặt đất, một con đế mèn tự tử giữa đêm.

Tôi chép miệng nghĩ đến ngày mai của Đăng. Mường tượng ra một tương lai chắc chắn không u tối gì, nhưng ngày hai buổi đi làm, về nhà lo cho vợ cho con như trăm nghìn người đàn ông bình thường trong xã hội này, chỉ khác ở đôi lúc tình cờ ngang qua một trường dạy khiêu vũ, hay

Trang...Sầu

SƯƠNG MAI

Sầu lăn trên tấm thảm đời
Sầu rơi xuống đất, sầu ngồi trên cây

Sầu kia tụ lại làm mây
Sầu bay theo gió, sầu đầy trong tim

Sầu về gõ cửa từng đêm
Sầu loang vết mực, sầu mềm câu thơ

Sầu lên trái chín ơ hờ
Sầu con mắt đó đã giờ chia tay

Sầu theo chiếc lá lung lay
Sầu con bướm dậu rồi bay một mình

Sầu giăng ngơ ngác chữ tình
Sầu nào rơi xuống lặng thinh giữa đời

Sầu nghiêng giọt nắng chiều rơi
Sầu tha thướt nụ, sầu tôi diêu tàn

Sầu từ huyền sử, những trang...

một câu lạc bộ, bất ngờ chạm mắt trên một mái tóc đen, một dáng dấp châu Á nổi bật lên giữa những người dân bản xứ; nỗi ngậm ngùi, tê tái của một kẻ với tay hoài không tới nổi ước mơ, có lẽ sẽ làm Đăng khốn đốn lắm...❐

Hoàng Nga

Mười năm, bụi ám

TRIỀU HOA ĐẠI

ra vườn. chiều, nắng phai
ngửa bàn tay úp mặt
tìm ghế ngồi đã chật
những bụi ám thiên thu

trôi theo ngày qua đi
xót bông hoa nở muộn
giây, giây anh dừng bước
đếm hôn giật cuối sông
gió cuốn về hướng đông
lửng lơ sầu phương bắc
em, cửa đóng nghiêm ngặt
một mình ta. với trăng

nói năng chi cũng vậy
em đi biệt cuối ngày
lại lật ngửa bàn tay
mai mốt em về đây
cong những đường chật ních
nên chi anh ngồi khóc
những bông hoa mười giờ

lại thêm một bữa kia
ngày đầu năm ấm ức
anh biết làm sao được
đeo khánh bạc, chuông vàng
đi đạo quanh ngõ vắng

một ngày kia ngồi ước
giá mà em thấy được
chim bay về phương Nam
hót những lời bình an
để tình quên bụi ám

thêm một ngày nữa tới
nắng thay đi mấy mùa
những hoa nở ngày xưa
cũng trên đường lũ lượt

bao giờ em về được
đọc cho anh thời kinh
biết dâu rất thình lình
gặp nhau mình đứng ngó
đôi mắt còn lệ nhỏ
bụi đã ám mất rồi

mười năm, mười năm nữa
chắc vẫn là chốn này
nếu có về ngang dây
ngồi khóc cùng sông nước
những bông hoa ngày trước
cũng theo giòng mà đi

anh ở một nơi kia
buồn một mình ai biết.

Mén

Nguyễn thị Thảo An

Ngày cuối Đông, trời vẫn còn lạnh buốt. Nửa khuya, gió nổi tứ bề, tới sáng thì ngưng. Không gian mù ẩm. Bên kia, vầng thái dương đỏ như lừng lững mọc. Càng lên cao mặt trời càng nhỏ dần, từ đỏ chuyển sang vàng cam, vàng óng rồi chói lòa. Khi những tia nắng đầu mùa chưa chạm đất, một con cóc xù xì trong hang, ngoác mồm kêu "Oo...oop" rồi phóng ùm xuống ao. Thấy động, một con kiến dưới kẽ đá thò đầu nghe ngóng. Trên gò đất, vài nhánh tuyết trĩu cành rơi độp. Giật mình, chú kiến thụt đầu, vừa chạy vừa la inh ỏi, "Xuân tới... Xuân tới... rồi."

Tiếng kêu dội từ đâu tới cuối hang. Lũ kiến loi ngoi thức. Có con giơ râu dụi mắt, có con hả hàm toang hoang, ngáp. Trong góc sâu, một con ấu trùng chợp mắt. Chung quanh tối thui. Nằm im một lát, nó bất đầu ngo ngoe định leo khỏi kén. "Ô! dậy rồi à?" Có tiếng kêu khẽ. Trong bóng tối lờ mờ, một con kiến già cúi xuống vỗ về, "Ngủ đi, ngủ thêm tí nữa. Bên ngoài trời lạnh lắm." Nói xong, lão trùm mình lên kén. Hơi ấm dễ chịu. Mắt nó ríu lại, đánh thêm một giấc ngon lành.

Thoáng chốc, mặt trời lên cao. Nó choàng tỉnh khi bóng nắng lung linh dọi qua khe hở, len tận chỗ nằm. Lão kiến già vẫn chực sẵn kế bên, đưa chân vuốt ve nó một hồi, rồi đỡ dậy. Leo ra khỏi kén, nó bỡ ngỡ. Chung quanh đông lắm. Đa số là kiến con nhỏ xíu, mình mẩy trong ngần, thấy tận gan ruột. Chúng còn yếu nên nằm im, thỉnh thoảng chỉ đưa mắt nhìn hay vẻnh râu nghe ngóng. Khi tới bữa, một nhóm kiến già kéo tới dùng mồm đút cho cả bọn.

Mươi ngày sau, kiến con lớn nhanh như thổi. Mỗi ngày, nó ngạc nhiên thấy, thân thể đần đần chuyển sắc, từ trắng ngà sang hồng, hồng nâu, nâu thẫm, rồi thành đen. Rảnh rỗi, chúng tập đi bằng sáu chân. Nhiều đứa tưởng dễ, nhưng lóng cóng một lúc thế nào cũng té bò ra đất hay giơ chân chổng ngược lên trời. Cuối cùng, khi cả bọn cứng cáp, một anh kiến

lớn chạy vào truyền lệnh tập họp. Được đi chuyển, đám trẻ mừng rỡ, không ngần ngại bám theo.

Vừa tới đầu đường, nó kinh ngạc, cái hang rộng đến không ngờ. Con đường chính thẳng tắp thênh thang, hai bên nhiều ngõ ngách. Ngõ nào cũng có kho lương thực, kho chứa lá, có ngõ chất đầy những cọng rơm. Dọc đường, kiến nối nhau thành hàng dài, vào ra nườm nượp. Chốc chốc, chúng dừng lại cụng râu, trò chuyện. Hỏi, anh kiến lớn bảo, mới đầu mùa đất còn lạnh, cả tổ phải thay phiên dang nắng hứng nhiệt để ủ ấm cho chúa có sức đẻ lứa đầu Xuân.

Đi một hồi tới bãi đất rộng, cả bọn dừng lại. Đây là sân tập, còn gọi là thao trường. Lũ kiến mới từ các nơi đổ về đông nghẹt. Khi tất cả đầy đủ, giờ điểm danh bắt đầu. Chúng mau mắn xếp hàng và đếm số. Bắt đầu bằng số một, tới nó đã lên số chín ba ba. Lúc bấy giờ, anh lớn lỉnh đi đâu mất. Nó xoay mình kiếm thì bị một bác kiến thân đen như mực, chừng là đội trưởng, đá nhẹ vào chân, "Chín Ba Ba, vào hàng." Hoảng hốt, mặt nó nghệch ra. Bác kiến trêu nhẹ, "Chúng ta dùng số làm tên. Chú nhỏ như một con mén mà mang số lớn, thật bất công." Nói xong, bác cười khì. Đằng sau, vài tiếng khúc khích hùa theo. Nó đỏ mặt, làm thinh, vờ chú tâm phía trước.

Trên khán đài, đúng ra là miếng gạch bể, một con kiến to tướng uy nghi, dõng dạc, "Hỡi các bạn trẻ. Chúng ta, kẻ trước người sau, đều do mẹ chúa sinh thành. Trong tổ, là anh em; ra ngoài, là đồng đội. Sinh ra làm kiến thợ, nhiệm vụ suốt đời của chúng ta là xây tổ, nuôi tổ và bảo vệ tổ. Trong mươi bữa tại thao trường, chúng tôi sẽ truyền dạy các bạn những thao tác, kinh nghiệm săn bắt và khiêng mồi." Nói xong, nó leo xuống.

Trên khán đài, giờ là một con hàm to và bạnh, tên là Kiến Càng chỉ dẫn, "Trước tiên, các bạn học cách sử dụng chân, hàm và râu. Chân để đi và chạy." Nó giơ sáu chân lên. Rồi tiếp "Hàm tức là răng. Răng trên dùng để khiêng, vác." Dứt lời, nó nhe hàm ra, trông to như hai cái càng cua. Ai nấy liền hiểu, tại sao biệt danh nó là Kiến Càng. "Hàm dưới để nhai." Nó ngước hàm dưới, giả bộ nhai. Rồi pha trò, "Chắc tôi không cần phải dạy nhai và nuốt chứ?" Bên dưới, không trả lời. Thấy vậy, nó nghiêm mặt, cúi đầu vuốt hai sợi râu dí sát đất rồi bất ngờ buông. Hai cọng râu bật ngược, rung rinh trong gió. "Râu để ngửi, đánh hơi, định phương hướng, sờ mó, tìm kiếm, chuyện trò, truyền tin,..." Nói xong, Kiến Càng sửa điệu bộ, "Đầu tiên, chúng ta học đi." Phía dưới có tiếng dè bỉu. "Xì, ai lại không biết đi. Khéo vẽ chuyện." Nghe vậy, Càng quay lại, ngoắc kẻ nói giềm, "Lên đây, xin mời anh đi thử cho chúng tôi xem nào." Anh kiến con lúng túng, nhưng cũng lên sân khấu đi vài bước. Bên dưới cả nghìn cặp mắt mở

lớn, theo dõi. Tướng anh lất khất, nhưng đâu sao. Kiến Càng lắc đầu, châm biếm, "Vâng, nếu anh đi tiêu, đi tiểu thì đi thế nào, chúng tôi mạc." Bên dưới, cười ồ. "Nhưng đi khuân, đi vác thì khác. Phải nhớ, có hàng trăm hàng ngàn kẻ khác cùng đi. Trật một nhịp, kẻ khốn chính là anh." Nói xong, Càng xua tay. Kiến con tiu nghỉu đi xuống.

Khi tất cả im lặng. Kiến Càng bắt đầu. Nó giơ chân phải, dõng dạc đếm, "Một,..." Bên dưới, lũ kiến đồng thanh, "Một,..." Kiến Càng giở chân trái, rồi tuần tự, "Một, hai. Ba, bốn. Năm, sáu." Xong, nó đi mẫu từng bước, "Khi giơ chân một, phải tống chân hai. Nào, đi từng cặp một nhé." Nó hô to, "Một, hai... Một, hai... Bước đều. Bước."

Phút chốc, chỉ còn tiếng bước chân sầm sập. Cả thao trường rung chuyển. Mặt đất rung rinh. Ngàn bước đi mà tưởng chừng như một.

Đợi chúng thuần, Càng tập cách chuyển vị. Tiến. Lùi. Trái. Phải. Đám kiến đen xê dịch đồng bộ. Từ trên cao nhìn xuống, như thấy được thế: đất lở, sông bồi.

Buổi chiều, bãi tập. Từng đội tuần tự rời sân, khác với hàng ngũ lộn xộn lúc đến. Quả, thao trường đã thay dổi hẳn lũ kiến.

Đội trưởng đội Chín Trăm, Bác Mực, ai cũng gọi thế, vì thân đen như nhúng mực, dẫn cả đội về chỗ mới.

Ăn uống xong, đám kiến mệt, lăn bừa ra ngủ. Mén leo lên một hòn đá gần cửa hang, nằm duỗi chân. Bây giờ, nó cảm thấy rã rời. Những đôi chân hầu như không còn dính liền thân xác. Cơn đau làm Mén trằn trở. Nó ngước cổ nhìn ra cửa hang. Một khoảnh trời xanh trong vắt. Ngàn sao nhấp nháy như những con mắt vũ trụ đang ngắm nghía thế gian. Thật kỳ lạ, ngắm càng lâu, nó cảm giác, những con mắt trời đang ngó nó. Đêm tĩnh mịch. Bốn bề vắng ngắt. Mén nhổm dậy, định bò ra ngoài nhìn cho kỹ. Bỗng, một bàn chân to tướng của ai đè nó lại. "Ngủ đi, Mén." Ô, thì ra là bác Mực. Nó định chỉ cho bác xem mấy con mắt trời, nhưng nghĩ sao lại thôi.

Làm thinh một lúc, nó than, "Mỏi chân quá." Bác Mực nhìn nó thông cảm.

"Nhức mình quá." Nó rên tiếp.

"Chưa đâu con," Bác bật cười khan, "Còn ngày mai nữa." Bác báo trước, "Khiêng, vác bằng răng mới khốn nạn. Chú mầy sẽ ê càng cả tuần, không ăn uống được."

"Chết chửa! Rồi làm sao chịu nổi?" Nó hốt hoảng la khẽ.

"Không nổi cũng phải nổi." Bác nói chắc nịch, "Cái đau này gối đầu cái đau kia, tới một lúc chú không phân biệt được, thế là hết." Ngẫm nghĩ

một chút, bác đính chính, "Thật ra là quên hay quen, thì cũng thế."

Cả hai im lặng. Một hồi, nó hỏi, "Trong tổ, những ai không phải khiêng mồi?"

"Có. Trên là kiến chúa. Chúa là mẹ sinh ra tất cả chúng ta, là sự tồn vong của cả tổ. Ngoài ra, còn có kiến đực để truyền giống, kiến già chăm sóc trứng." Xong, bác vò đầu Mén, "Sinh ra là kiến thợ, chúng ta phải làm việc cả đời thôi. Đó là số phận."

Mén thở dài, "Kiến ăn ít, sao kiếm mồi cả đời vẫn không đủ?"

Bác Mực lắc đầu, "Rồi chú sẽ thấy, cái vinh dự của loài kiến. Kiến là một trong những loài sinh vật có mặt từ thuở sơ khai. Hãy xem, loài to nhất là khủng long, mỗi ngày chúng lót lòng bằng năm ba con sói. Trong mươi bữa thì mất một đàn. Cứ thế, rừng cạn thú. Chắc chắn, chúng chết vì đói, chứ không phải do thiên tai, hay gì khác. Khi muôn loài sinh sôi nảy nở càng đông, nạn đói càng lớn. Ăn nhiều chết trước, ăn ít chết sau." Nói đến đây, bác cười ha ha, "Rồi chú xem, chúng ta là sinh vật đầu tiên và cũng là chứng nhân cuối cùng trên trái đất."

Thuyết một hồi thấy Mén vẫn rầu rĩ, bác Mực hạ giọng, "Thật ra, chúng ta vất vả suốt đời vì chạy ăn cho cả tổ."

"Nhưng kiến thợ đông vậy sao vẫn lo không nuôi nổi chúa và mấy mươi con đực?"

"Ớ hơ, đừng tưởng bở. Chúa đẻ mỗi lứa cả ngàn con, đủ ăn là may. Lại còn phải đề phòng thiên tai, lũ lụt,... và lúc khan hiếm. Này, chú mày tưởng thức ăn từ trên trời rơi xuống hở?" Bác cười khẩy, "Chúng ta kiếm mồi gian nan như thợ săn kiếm thú. Đổ mồ hôi hay đổ máu, là thường."

"Thật ư?" Mặt nó thoáng nghi ngờ. Có thể, bác chỉ dọa. Nguy hiểm vậy, sao lại để trẻ nít ra ngoài?

Chưa hỏi cho ra lẽ, bác Mực đã đứng dậy, ngáp dài. Trước khi về chỗ ngủ, bác nhìn Mén thương hại, "Đừng lo, chú không khổ vì vất vả, nhưng sẽ khổ vì hoài nghi. Đó là thứ bệnh nan y, không thuốc chữa."

Quả, bác Mực nói đúng. Chưa hết mỏi chân, thì Mén ê hàm. Răng không phải chỉ dùng để khiêng vác, mà còn được sử dụng như một loại thập bát ban vũ khí. Lúc ở trên thì chém xuống như dao, khi ở dưới lại dâm ngược lên như cù móc. Thậm chí, trong lúc xáp lá cà, có giở ngón bấu, véo, cắn, kẹp,... hoặc chích dít thiên hạ, đều được cả. Ngón nào Mén cũng tận lực, nhưng tối về nó tự hỏi, thân mình tí teo, có cắn chỉ cầu cho họ giật mình chứ làm sao giết nổi ai?

Sau hàm tới râu. Chúng học ngửi, định phương hướng, dò đường,... Mén ngạc nhiên, thay vì dạy từ dễ tới khó, họ lại đi ngược từ khó tới dễ.

Hỏi, bác Mực cười xòa, "Ấy, khi quen việc khó trước, các chú mới không so bì, sanh nạnh nhau sau này."

Mấy ngày sau, chúng chia phe đánh trận giả. Nhiều kẻ cố ý lựa những anh nhỏ con, chậm chạp. Biết được, bác Kiến Điên, huấn luyện viên chiến trận, xỉ vả thậm tệ, "Hèn, hèn, hèn. Đúng là tôi." Bác đi qua đi lại, giận dữ, "Thật nhục nhã. Các anh đẩy kẻ mạnh cho anh em, tức đồn đông đội vào thế tử." Bác chống càng, hầm hè, "Các anh tưởng khi dụng trận, các anh có thể lựa chọn kẻ thù sao? Đồ ngu. Không có thời giờ, nghe chưa? Tôi nhắc lại, không có thời giờ." Kiến Điên gằn từng chữ, "Kẻ thù càng mạnh, chúng ta càng sát cánh. Lấy đông hiếp ít, tập hậu bất ngờ. Đó là cách, yếu thắng mạnh, nhỏ thắng lớn." Nghe nói, bác là tay thiện chiến, từng vào sanh ra tử nhiều phen.

Không phải chỉ vì Kiến Điên nói hay, hùng hồn. Mà chính là sự quả cảm và thành tích của bác dễ thuyết phục người nghe. Lúc đó, Mến cảm động lắm. Nhưng ngay hôm sau, nó đâm ngờ. Đâu phải lúc nào cũng có thể cứ sát cánh bên nhau là chiến thắng? Thí dụ, khi hành quân hay lúc bắt cầu. Họ dạy, thấy kẻ trước chết, không được nao lòng, ta tự nâng số và tiến lên phía trước. Hoặc, lúc cần, phải lấy thân làm cầu, cho đồng đội qua sông. Mến thầm kêu khổ, họ coi chúng là cái giống gì đây, hở trời? Có con nào trên đời không muốn sống? Lấy đâu ra can đảm để ung dung đi vào chỗ chết như bài học mới hôm nay?

Ngày mãn khóa, các huấn luyện viên trắc nghiệm lại lần chót. Nhiều câu hỏi được đặt ra như: Kẻ thù nguy hiểm nhất của kiến là ai? Cả thao trường nhao nhao.

"Cóc."

"Nhái."

"Sai. Thằn lằn, tắc kè, rắn mối."

"Không. Chắc chắn là tụi chuồn chuồn." Một anh càng to, quả quyết, "Đừng lo, có dịp, tôi sẽ cho chúng một bài học. Lớn chớ hiếp nhỏ." Nói xong, anh quay lại nhe răng bén ngót, trông dễ nể.

Một anh khác, hẳn là dân keo kiệt có đòng, e dè nói, "Kẻ thù muôn đời của kiến bao giờ cũng là con ve." Ai nấy chưng hửng, quay lại nhìn.

"Không phải sao?" Anh giải thích, "Trong lúc chúng ta làm việc vất vả, lũ ve suốt ngày ca hát. Tới khi đói, đầu gối chúng mới bò. Ta yếu thế, dành bấm bụng cho vay. Có nợ không đòi được, là công toi. Đấy, truyện ngụ ngôn vẫn kể thế."

Cả hội trường công phẫn, "Không. Nhất định không cho vay." Có kẻ lớn tiếng kêu gọi, "Mặc tụi nó nằn nì. Thương họ là tàn nhẫn với chính mình đó, các bạn ơi."

Một anh ốm tong, mặt mày trông sáng sủa, từ tốn nói, "Tôi nghĩ, kẻ thù nguy hiểm nhất của kiến chính là kiến."

"Ô! Sao thế được?" Chúng ngơ ngác, nhìn lên khán đài chờ đợi.

Một bác huấn luyện viên gật gù, ra vẻ tán thành, "Cũng có lý," rồi bác hắng giọng giải thích, "Ở đời, những kẻ ăn cùng một thứ tất phải tranh ăn; ở cùng một chỗ khiến phải giành đất. Đáng sợ là kẻ biết bụng dạ nhau." Đảo mắt quanh dám trẻ, bác dặn dò, sau này thấy các giống kiến lạ phải tránh. Thí dụ như, kiến lửa có độc; kiến mật màu vàng, bụng to như có chửa; kiến mộc màu đen, to xác, rất hung dữ; kiến cát, đầu to, đít teo,... Ngừng một lúc, bác nói tiếp, "Nhưng kẻ thù nguy hiểm nhất của chúng ta chính là bệnh hoài nghi. Nó phá hoại thế đoàn kết sống còn của loài kiến."

Sợ bọn trẻ chưa hiểu, bác Kiến Điên, nãy giờ vẫn đứng đằng sau, bước ra kêu gọi, "Một con kiến sống hay chết, không có gì thay đổi. Sinh mạng chúng ta là sinh mạng của cả loài. Hiểu được điều này, các bạn mới có thể đặt sự đoàn kết lên trên tất cả. Kiến còn, chúng ta còn."

"Kiến còn, chúng ta còn." Tất cả hô to, nghe như một lời thề quyết tử.

Tan buổi học, trên đường về, Bác Mực nói, "Thật ra, tình đồng đội mới là chất keo dán chúng ta thành một khối."

"Tình đồng đội là gì?" Mén thắc mắc hỏi.

"Là chú phải biết thương yêu kẻ khác." Vừa nói, bác Mực vừa chỉ trỏ những đứa trong đội Chín Trăm.

Nhìn lũ bạn, Mén hả họng kêu trời. Làm sao nó thương nổi tụi này? Cứ lấy vài đứa thí dụ. Thằng Kiến Voi, một đứa to xác, hợm hĩnh, lúc nào cũng muốn làm trùm thiên hạ. Tên Kiến Keo, bủn xỉn thuộc hạng hiếm có trên đời, khi nó ói, cũng lén đem cất vào một xó. Còn thằng Kiến Xanh, mặt mày tái mét như tàu lá, không biết ăn trúng thứ gì, lúc nào cũng tất tả như sắp tè ra đất.

Những bài học ở thao trường khiến Mén lờ mờ hiểu. Bên ngoài, nhiều hiểm nguy đang rình rập, đợi chờ. Trước khi đi, Mén vào thăm chúa. Dù gì, cũng phải gặp đấng sinh thành. Nó hồi hộp, lòng đầy ắp cảm xúc. Nghe nói, mẹ chúa đã tỉnh sau giấc ngủ Đông.

Len lỏi qua nhiều ngõ, vào tận hang cùng, Mén gặp mẹ. Thấy nó, chúa đưa mắt ơ hờ, rồi thôi, không hỏi tới. Nó thất vọng, hình như mẹ kiến không đoái hoài chi tới con cái. Mén bối rối một hồi rồi bỏ ra phía sau. Thân chúa to lắm, nhất là cái bụng. Đen và bóng như hạt dẻ. Dưới đít có ngòi dài, khi đẻ, trứng tuột từ đó ra. Mén đến gần, nhón chân vói đo. Khiếp. Nó cao chỉ bằng nửa bụng mẹ. Săm soi chán, nó đi ra.

Khi về, Mén quên lối. Vòng vèo một hơi, nó lạc vô một ngõ cụt. Vừa định quày ra chợt nghe tiếng vo ve liên hồi. Nó tò mò, nghểnh cổ nhìn vào trong. Chao ơi, lần đầu tiên nó thấy mấy anh dực. Họ to lớn và đẹp đẽ làm sao. Chân dài, vai rộng. Lưng mang cặp cánh trong suốt gợn những đường gân nâu. Khi bay, kiến dực rung cánh ro ro như tiếng nhạc khiến nó nghe mê mải.

"Mén ơi, về." Có tiếng bác Mực gọi giật.

Mén lầm lũi đi theo. Gần tới đội, nó nói, "Mấy anh dực thật sướng. Họ to khỏe, đẹp trai, lại có cánh bay xa mà không cần làm lụng, học hành vất vả."

"Ồ, họ không học cách kiếm ăn, chỉ học để yêu."

"Yêu là gì?" Mén ngạc nhiên hỏi.

"Không biết." Bác Mực lắc đầu, "Cứ mỗi độ đầu Hè, khi chúa con bát đầu rời tổ, kiến dực cũng lập tức đuổi theo. Hễ ai bắt kịp sẽ được tình yêu với chúa."

"Sau đó thì sao?"

"Làm tình xong, con dực kiệt sức té xuống, gãy cánh chết. Con chúa tiếp tục bay về một nơi nào đó tự đào lỗ chôn mình, chờ sanh đẻ xong, lập thành tổ mới."

"Còn những con không đuổi kịp thì sao?"

"Đó là một cuộc đua trí mạng. Chúa kiến to, sức bay mạnh và xa lắm. Tất cả các con dực đều chết vì đuối sức trên đường bay."

Mén chua xót kêu, "Thật oan quá, họ chết mà không được gì à?"

Bác Mực thở dài, "Có thể, tình yêu là một cuộc phiêu lưu không có đường về."

Mấy ngày sau, Mén chưa hết hoang mang. Nó nghĩ, tình yêu phải là cái chi mầu nhiệm lắm. Có vậy, lũ kiến dực mới chịu sống chết vì tình. Nhưng còn mình? Những đứa như nó, chẳng lẽ suốt đời chỉ theo đuổi miếng ăn?

Buổi chiều, Mén thơ thẩn ngoài cửa hang. Một dải mây tím vắt ngang vầng kim ô đỏ ối. Gió hây hây thổi. Nó leo tuốt lên đọt cỏ, ngắm mặt trời chìm dần vào đất. Trên không, một cánh én chao mình. Nó ước, nếu trong đời có một lần được cất cánh bay lên, rồi chết cũng không tiếc.

Chờ tối, nó đem những điều suy nghĩ kể cho bác Mực. Không ngờ, bác lăn ra cười ha ha, "Kiến dực và kiến chúa vì khác nhau mà thương nhau, đó gọi là tình yêu. Còn chúng ta vì giống nhau mà thương nhau, là tình đồng đội."

Nghe vậy, nó ngóc đầu lên nhìn. Mới đây, tụi bạn đã ngủ say như chết. Có đứa mớ, mồm còn nhai ngấu nghiến, như được chè chén trong

mơ. Cái dám tim óc trống, nhưng lúc nào bao tử cũng đầy. Vậy mà, nó phải yêu những đứa này ư? " Đừng có hòng." Đột nhiên, nó thét thật to. Tiếng la tưởng có thể đụng tới trời.

Ngày hôm sau, đội Chín Trăm được lệnh ra ngoài. Trời hừng sáng, Mén chạy u ra ngoài. Vừa tới cửa hang, bỗng có kẻ níu chân. Nó quay lại, thì ra là Kiến Voi. Cái thằng thích làm nổi, hẳn không muốn Mén đi đầu. Chưa kịp cự thì Kiến Voi chỉ, cửa hang bị bít. Mén đứng lại nhìn kỹ. Một tấm lưới mỏng như tơ trời giăng kín mít. Kiến Voi la, "Coi chừng lưới nhện. Để tao." Nó phóng mình lên, dùng răng cấn. Không ngờ, chỉ lưới mỏng nhưng dính như keo. Kiến Voi vùng vẫy kêu cứu, nhưng không sao nhấc chân ra được. Một con nhện cái, bụng tròn đen như hột nhãn, dưới có chấm đỏ, thoăn thoắt xông tới. Nhanh như cắt, nó chích Kiến Voi một phát. Lập tức, Kiến Voi im bặt, mình mẩy tê cứng.

Lúc bác Mực, bác Kiến Điên ra tới thì Kiến Voi đang thở trút. Bác Kiến Điên lắc đầu, không cứu được, nhưng phải phá lưới. Bác dẫn cả đội hì hục khiêng những chiếc que khô chọc thủng mạng nhện. Một cơn gió thoảng qua, chiếc lưới rách bươm tấp ngay vào đám cỏ gà.

Khi ra ngoài, bác Mực dẫn đầu, lũ kiến xếp hàng một, lặng lẽ theo sau. Buổi ra quân vương màu tang tóc, im lìm như đám đưa ma. Cả bọn men theo lối cỏ vượt qua gò đất. Gió xuân rười rượi một hồi cũng thổi nỗi buồn của chúng bay xa. Cuối cùng, cả đàn lọt vào cánh đồng đầy hoa dại. Mén theo lũ bạn leo lên cánh cao nhất, tuột xuống đài hoa rồi vục mồm hút nhụy. Đó là thứ rượu ngọt của cây cỏ, uống quên trời đất. Nhiều đứa say, đi ngả nghiêng. Mén uống nhiều, càng uống hình ảnh Kiến Voi càng rõ. Cái thằng cứ thích chơi trội, xông xáo đi đầu trong mọi chuyện. Nó chợt rùng mình, nếu không có Kiến Voi cản chân, chính Mén mới là kẻ mắc mình trên mạng nhện.

Xế chiều, cả bọn thay phiên ngậm nhụy về tổ. Đường xa, đàn kiến dài, những phiến nhụy mỏng, phất phơ như hàng lá phướn. Lần nào về tới cửa, Mén cũng ngậm ngùi, xác Kiến Voi nhẹ tênh, lủng lẳng đưa trong gió.

Buổi tối, bác Mực dặn, ra vào phải cẩn thận, nhện đang chờ chất độc ngấm mềm ruột Kiến Voi, sẽ trở lại hút xác. Đó là giống nhện Góa, độc nhất trong các loài nhện, nó ăn luôn con đực và con đẻ nên lúc nào cũng sống cô đơn.

Nửa khuya, Mén rấm rứt một mình. Bên ngoài, gió xuân xào xạc thổi, nghe nao nao như tiếng gọi đâu về. Trước khi ngủ, Mén tự nghĩ. Quên, nó chưa cho bác Mực biết, cái bệnh đa cảm còn nguy gấp mấy lần cái chứng

hoài nghi.

Liên tiếp nhiều hôm, sáng đi chiều về. Lũ kiến đã đạo khắp cánh đồng. Mén phát giác, đây là đất sống cho muôn loài. Thực phẩm không phải trên trời rơi xuống, mà từ dưới đất trồi lên, nhưng không dễ mang về. Của trời cho, cũng phải tranh, phải cướp. Đó là hôm nó đang lui cui cắn nhụy, chợt nghe tiếng vo ve trên đầu. Chưa kịp ngước lên thì một con ong đã sà tới. Mặt sất đen sì, dí sát cằm Mén. Nó kinh hãi thét to. Thời may, bác Kiến Điên đứng gần bổ tới, quơ càng quào ong tới tấp. Đau đớn, ong nổi giận, vừa vụt bay lên đã xoay đít dùng kim trở mình đâm ngược. Tức khắc, Kiến Điên né nhào. Rồi nhanh như cắt nó quay lại, ôm chặt ngòi chích của ong đang cắm lút đài hoa. Diễn biến nhanh đến nỗi Mén chỉ trố mắt nhìn sững. Tới khi Kiến Điên la, nó mới sực tỉnh, lính quýnh nhào tới tiếp sức. Trong tích tắc, lũ kiến bu lại rần rần. Mỗi con tìm chỗ bám, giữ chặt kim. Cuối cùng khi ong nhấc mình lên, gãy ngòi, bể đít. Ong lảo đảo mấy vòng rồi bổ đầu xuống đất. Lũ kiến lập tức tung quân lùng sục khắp nơi. Chiều đó, cả bọn xúm khiêng xác ong. Đường về tổ rộn ràng, vui như ngày hội.

Thoáng đó, mùa xuân qua rất mau. Hoa nhuốm tàn, cánh đồng chỉ còn trơ cuống nhụy. Vài con bướm quẩn quanh tiếc mùi cỏ nội, cuối cùng cũng bỏ đất bay đi. Khó kiếm ăn, lũ côn trùng xoay ra săn bắt nhau. Đồng hoang thành bãi chiến, nhìn đâu cũng có quân thù. Mà kiến, chỉ là thứ đối thủ đáng thương.

Đầu Hè, gió oi nồng. Thỉnh thoảng, có đám mưa rào lướt qua vội vã. Đất ngậy mùi ẩm. Những hạt bông cỏ bến hơi cũng bắt đầu chín tới. Lũ kiến bảo, đó là giống lúa trời, không mời cũng hái.

Mới hừng sáng, cả đàn đã gọi nhau ơi ới. Đi đầu vẫn là bác Mực, đoạn hậu có Kiến Càng. Tất cả xếp hàng một, bươn bả ra đồng. Chúng men theo bờ đê. Mưa mới phớt đất, cỏ đã nhớn mình. Có ngọn vượt khỏi gềnh đá, phất phơ như bóng cờ lau.

Vừa kéo đi một dối, đột nhiên một lần chớp đỏ lòm từ trong bụi phóng ra. Cùng một lúc, năm đứa mất tích. Đám kiến giữa đàn rùn rùn bỏ chạy. Một con rắn mối lú đầu, ngóng cổ, nghiêng mắt nhìn. Chiếc lưỡi đầu tẽ đôi, nhọn hoắc, còn lấp liếm ra vẻ thèm thuồng. Mén quíu giò, dợm chạy, nhưng đằng sau tiếng quát tháo đồn đập, "Tiến lên. Tiến."

Bác Kiến Càng vừa chạy lên vừa la, "Nhìn trước, thẳng." Tiếng kêu có hiệu lực như một loại bùa chú khiến đám kiến quay về vị trí. Cả hàng di chuyển chậm lại. Chân Mén rùn xuống như dính vào đất. Đằng trước lại có tiếng rú lên kinh hãi. Rắn mối mới thè lưỡi tợp thêm mấy mạng.

Nước miếng mối như có keo, đụng ai dính nấy. Mén khiếp đảm muốn quỵ, nhưng đằng sau cứ thúc đít, "Tiến lên, tiến." Bụng nó gào lên, "Tiến? Lệnh gì quái đản? Không lẽ, tiến vào miệng mối?" Mất tự chủ, Mén bị phía sau xô tới, nó đành nhắm mắt, trân mình, lết.

Khi Mén mở mắt, rắn mối đã phóng đi mất. Nghe tụi bạn kể, bất ngờ thấy một con cánh cam trên cỏ nên rắn mối bỏ kiến, đuổi theo. Cánh cam lưng lốm đốm đen, nhỏ bằng hạt đậu, bay dở, nhưng búng mình rất tài, khi gặp nguy, tiết mùi hôi nồng nặc, có nuốt vào rồi cũng ói ra.

Mấy ngày sau, giữa trưa nghe sấm rền, kiến lật đật dời tổ. Khi chuyển đồ lên gốc cây sồi, nó phát giác ra chỗ giấu thức ăn của Kiến Keo. Hỏi ra, mới hay hắn mất tích trong ngày gặp rắn mối.

Xế chiều, không gian sũng nước. Mây đen kéo nghịt trời rồi mưa rơi tầm tã. Mén nấp sau vỏ cây, ló đầu nhìn ra. Màn nước trắng mờ, xóa nhòa vạn vật. Đến tối, mưa nhỏ dần rồi tạnh hẳn. Chỉ còn nghe tiếng gió ào ào sa vào đồng ruộng. Tiếng ếch nhái, ễnh ương lạc đường, não nuột tìm nhau.

Sáng ra, bốn bề lênh láng nước. Cả tổ còn chen chúc trong hốc sồi ngủ kỹ. Mén mon men xuống dưới phía gốc xem sóng vỗ. Bác Mực trông thấy, chạy theo la, coi chừng cóc nhái. Không biết hang hốc ở đâu cứ mưa đến là chui lên. Bọn này rộng họng, tham ăn, nuốt kiến cả đàn cũng chưa thấy đủ.

Qua ngày sau, nước rút. Đất chưa khô, lũ kiến lại ra đi. Chúng thay phiên cõng thóc về. Đường xa, lầy và trơn, hạt thóc nhẹ đâm ra nặng. Vừa ngậm, vừa khiêng, Mén bỗng nhớ Kiến Keo. Cái thằng ốm nhom, nhưng lúc nào cũng tham vác. Hạt để cho tổ, hạt giấu cho mình. Cắc củm một đời, cuối cùng lại bỏ mình trong miệng mối, chết ở nơi không có thiên đàng hay địa ngục. Mén tự nghĩ, không thể nào chết oan như Kiến Keo. Một đời để sống. Ai cũng bảo, mạng kiến rẻ, nhưng với nó, đáng quý biết bao. Rút kinh nghiệm, nó định bụng, khi gặp nguy sẽ bỏ chạy. Những hình thức kỹ luật, những danh hiệu tôn xưng dù cao quý tới đâu cũng là thế xui chúng vào chỗ chết. Ai cười chê, mặc.

Một tháng sau, cánh đồng đã vơi đi hơn nửa. Nửa kia nuôi các loại sâu bọ, chim trời hoặc rơi rụng đâu đâu. Đôi lúc nhìn lại, Mén ngạc nhiên, cái tổ nhỏ xíu hình như không đáy. Đàn kiến tha lâu sao tổ vẫn chưa đầy.

Ngày Hè, gió khô nắng cháy. Mấy con ve vui chi cứ ca ra rả cả ngày. Tối về, mưa dai dẳng, lũ côn trùng nỉ non than khóc suốt đêm. Nửa khuya, nhiều con tắt thở, thây bỏ phơi sương. Đó là thứ mồi ngon cho cả đàn chè chén. Sau này, lũ kiến xoay qua lùng săn xác chết.

Đang đêm, cả đàn kéo nhau đi. Những đội hình đi chuyển âm thầm. Khi đến bờ ao, bác Mực thì thào, tụi cóc nhái thính lắm, đang bơi ngoài xa vẫn nghe được bước chân của kiến. Đi một chút, bác quay lại, lỡ gặp chúng phải giả chết. Bọn này thuộc loại ăn tươi nuốt sống, vật không nhúc nhích, chúng chừa. Dạn dò cẩn thận vậy, nhưng một chút, tình cờ gặp hai con cóc nằm chồng lên nhau, bác la ong óng kêu bọn trẻ lại xem. Vợ chồng cóc im ru như đá, bốn mắt dờ dẫn chẳng ngó ai. Đêm động phòng giữa đồng không, tênh hênh mà náo nhiệt. Đám kiến bu coi chán mới bỏ đi.

Tối đó, một đêm may mắn. Chúng men theo gió, rình bắt một con dế hết hơi, một con ốc đang bò trối chết, một con trùng ngủ quên chưa kịp chôn mình. Đàn kiến xúm xít khiêng mồi, vượt gò, băng ngàn lau sậy. Niềm vui tràn ra đồng nội, rơi rớt dọc đường về.

Hết mưa dầm rồi nắng ráo. Thời tiết cứ luân phiên nuốt trọn mùa Hè. Mặt trời, mọc và lặn. Trăng khuyết rồi lại đầy. Hạt thóc trên lưng ngày mỗi lớn. Giờ khiêng mồi, nó không còn là một tên nhóc lang xang chạy trước dọn đường. Mà sẵn sàng ghé vai chung sức. Gánh vác nhiều, bạn bè đều phục. Chỉ có bác Mực hay ran de, chiều cao thể xác không bằng bề dày kinh nghiệm, chú mầy còn phải học hỏi nhiều.

Ngẫm nghĩ, ngày nào nó còn thở, niềm tự hào vẫn đấy. Sự sống chẳng phải là một bằng chứng cho cái kinh nghiệm ở đời ư? Nếu ngu ngơ, nó đã chết từ lâu.

Cuối Hè, sen đã tàn. Mặt hồ trơ những đài gương trụi cánh. Gió lao xao xô những cánh lá to tròn, phẳng phiu. Một con chuồn chuồn đỏ hoét đang quần sát mặt nước kiếm muỗi, mòng. Mén lủi vào cỏ, nấp. Đầu chuồn tròn, hai mắt to choán gần hết mặt, lộ cái nhìn hung hiểm, tối sầm. Cánh giang rộng, rung liên hồi phát ra những tiếng lè xè. Khi trời nhá nhem, chuồn chuồn đảo cánh bay mất.

Vừa bước ra, Mén đã nghe cả bọn xôn xao. Trong cuống lá héo, xác một con chuồn chuồn chết khô trên nước. Chúng xúm lại bàn tán. Cuối cùng phải dùng thân làm cầu để dem mồi vào. Cả đàn xếp hàng tiến ra bờ hồ. May nhờ, rủi chịu. Bác Mực bám rêu lội trước. Mấy đứa phóng theo, chưa kịp bám chân đã bị gió hất cuốn ra xa. Vài thằng khác mới nhảo lên đã rơi lõm bõm. Mén xanh mặt nhìn. Một hồi, có đứa lêu bêu cũng quơ bắt trúng chân bác Mực. Rồi con thứ ba bắt đầu bò lên thân hai con trước, ngoéo chân nhau. Đoạn cầu từ từ dài ra. Tới Mén thì đã ra khúc giữa. Nó thụp xuống, hai chân bấu vào con trước, rồi gập nửa thân mình xuống nước. Phút chốc, để chắc ăn, nó cong mình móc thêm hai chân giữa. Đúng lúc đó, Kiến Xanh phía sau chồm tới bắt chân sau của Mén. Hụt.

Nó ngả ùm xuống nước. Gió gợn, sóng lăn tăn. Kiến Xanh trồi hụp giữa tiếng la hét trên bờ. Nhanh như cắt, Kiến Càng phóng mình theo. Sáu chân bơi lia lịa như ba cặp chèo. Khi bắt kịp, nó hả to càng kẹp một chân Kiến Xanh lôại ngược vào bờ.

Trên đường về, mặt trời đã tắt từ lâu. Một dải mây mù che khuất làm trăng tối sầm. Xác chuồn chuồn to, đôi cánh cứng đơ, được công kênh đi trước. Kiến Xanh bị thương, Mén cõng, lẽo đẽo theo sau. Chuyến về im lìm, không ai nói câu gì. Được mồi to, nhưng đàn kiến trả giá đắt. Mén bước đi mà tâm trí như còn để lại bên hồ. Những đứa chết đuối, giờ trôi giạt nơi nào? Mén rùng mình, lần này may nó thoát, nhưng lần sau thì sao?

Đi một đỗi, gặp đoạn đá gập ghềnh, Kiến Xanh trên lưng tỉnh giấc, rên khẽ. Bác Kiến Điên đi kế bên dỗ, "Ngủ đi, sẽ đỡ đau." Kiến Xanh nhìn xuống khuỷu chân lật lìa, lo lắng. Kiến Điên an ủi, "Chú mày té xuống nước, còn sống là may." Mén chợt nghĩ ra điều gì, nó góp ý, lẽ ra ở thao trường nên mời mấy tay có kinh nghiệm dạy về bơi lội. Kiến Điên lắc đầu, những kẻ bơi giỏi đã chết đuối cả, đâu còn. Kiến thở bằng rốn, xuống nước là nguy. Chính Kiến Càng cũng không biết bơi, vì cứu bạn phải liều, đó là tình đồng đội.

Đường về xa. Khi ngang cánh đồng sâm sấp nước, chúng lội bì bõm. Trong ruộng sâu, có tiếng dế thong thả thở dài. Ngoài này, có đứa buồn tình cất tiếng ca:

Đêm dài. Trăng thấp thoáng.
Gió thổi. Phụt. Sao mờ.
Chúng ta đi.
Bàn chân hờ trên đất.
Hơi thở nhẹ. Vũ khí giấu trong tim.
Chúng ta bò đi.
Chúng ta rình rập.
Nghe đâu đây tiếng đồng vọng đưa về.
Ngó ngàn lau lách.
Đợi suốt đêm thâu.
Nghe tiếng vạc kêu rớt giữa lưng trời.
...Chúng ta đi.
Người thợ săn không vũ khí.
Gươm giáo ơi! Ai cất ở phương nào?

Sau tai nạn ở hồ sen, Kiến Xanh bị què, được miễn ra ngoài. Ngày nào khiêng mồi về Mén cũng lén dành cho nó một chút làm quà. Những

lúc đó, đôi bạn nhìn nhau, bốn mắt âu sầu. Thời gian làm lành chân của Kiến Xanh, nhưng lòng Mén vẫn còn khấp khiểng. Nhất là khi Kiến Xanh tỏ ra biết ơn, Mén càng ray rứt. Thấy nó bỗng nhiên trầm lặng, bác Mực nói, gian khổ làm Mén trưởng thành. Bác lầm. Sự hối hận khiến nó già trước tuổi. Bây giờ nó biết, những kẻ sống lâu không phải là những tay kinh nghiệm giỏi giang gì, mà chỉ là những con may mắn.

Một sáng thức dậy, trời chuyển sắc. Không gian bàng bạc. Sương dày đặc, quyện như khói, lãng đãng bay. Gió heo hắt, se lạnh. Thu về.

Chiều đầu Thu, nắng ấm, cả tổ lũ lượt kéo nhau ra đồng xem kiến bay. Đó là mùa rời tổ, ngày lễ Tình Yêu của kiến.

Trên cánh đồng hoang, dàn kiến dàn quân đông nghịt. Chân chúng bíu đất, mặt ngẩng lên trời. Nhiều con leo tuốt lên đọt cỏ chót vót xem cho rõ. Mén ra sớm. Nó chọn một nhánh cỏ may cao nhất, rồi ngóng cổ nhìn. Vậy mà khi mấy anh kiến dực búng mình thử sức, vụt một cái đã bay khỏi đầu. Nó đâm kính nể, và mơ được một lần nhấc chân khỏi đất.

Cuối cùng, chúa con bước ra. Cả lũ reo hò tở mở. Khi đủ lông cánh, kiến chúa con bắt đầu lìa tổ để lập giang sơn riêng. Thân to, chúa bò chậm rãi. Khi ra tới giữa đồng, nó đập cánh liên hồi. Tiếng cánh rung le xè làm lũ kiến dực náo nức, nhảy nhổm. Chưa chi, nhiều anh đợm mình, đón ngay đầu chúa. Chờ gió nổi, chúa ngoái nhìn tổ cũ rồi cất mình, bay về phía mặt trời lặn. Đám kiến dực lập tức tung cánh rượt theo. Chỉ thoáng chốc, chúng mất dạng. Lũ kiến thợ ngẩn ngơ, tiếc rẻ. Cuộc vui mới đó đã tàn.

Khi cả bọn kéo nhau về, Mén còn ở lại. Nó thơ thẩn thả bộ theo dường kiến bay. Và nghĩ vẩn vơ, sao kiến chúa bay về hướng Tây? Sao lại chọn sự khởi đầu vào lúc ngày tàn? Đi một đỗi xa, bất chợt nó thấy một cặp cánh gãy của ai rơi trên cỏ. Nó ngậm cặp cánh, rồi leo lên một nhánh cây khô gần đó, dõi mắt kiếm. Có thể một anh kiến dực đuối sức rớt đâu đây. Chung quanh, bốn bề lặng ngắt. Trên cao, mặt trời đứng yên một mé. Tỏa những tia nắng vàng, trong và nhẹ, thêu kín không gian. Gió hây hây thổi như xô nắng về chung với đất. Mén chợt hiểu, thì ra chúa đuổi theo ánh chiều tà, để bắt kịp phút cuối cùng của trời đất.

Mén lấy cặp cánh, kẹp bằng hai càng. Nó dứng thẳng, ưỡn ngực, sẵn sàng bay. Từ đây phóng xuống, đập đôi cánh, sức gió sẽ đẩy nó bay lên. Nó sẽ chấp chới trong lòng nắng, mới nghĩ đã ngây ngất như say. Nó ngoái đầu nhìn lại, xin giã từ tổ, chào Kiến Càng, Kiến Mực, Kiến Xanh,... Nghĩ tới Kiến Xanh, Mén bàng hoàng. Không có nó, Kiến Xanh sẽ ra sao? Tim nhói, nó quặn lòng nghĩ tới những ngày đàn kiến thất thểu kiếm mồi, lại trở về không. Nó nhìn ra xa. Chân trời mù mịt. Nó sẽ bay tới

phương trời vô định. Ở đó, không có dàn, có thể chưa ai từng nghe trên đời có kiến. Đôi khi, sự cô đơn đáng sợ hơn là chết. Suy nghĩ hồi lâu, Mén nhìn trời đất, nghêu ngao:

Mây trắng ơi, về đâu.
Khói lam chiều, nhẹ khuất.
Chút nắng lả lơi, soi.
Chiếc cầu nhỏ chông chênh.
Nước lững lờ trôi, chiếc lá khô lìa cành.
Dưới mặt đất là tổ ấm của ta.
Trời xanh giấu nhau chi,
Những cánh chim bặt tăm.
Như giấc mơ bay đi, không giã từ.

Mới đó, Thu đã tàn. Đông về, phủ lên vạn vật một màu băng giá. Đất trơ mình, im nghe gió Bắc lồng lộng trên không. Tuyết lác đác rơi. Lớp nọ phủ lớp kia, bày cảnh núi non chồng chất. Dưới đất, lũ kiến ôm nhau, ngủ vùi.

Rồi Xuân đến. Băng giá cũng chưa tan. Nắng yếu ớt rải nhẹ những nụ đào mới hé. Mươi ngày sau, gió Nam tới. Trời quang hẳn. □nh nắng trên cao ngạo nghễ xua đuổi giá băng. Tuyết tan.

Đang ngủ, lũ kiến giật mình thức dậy. Nước tràn từ cửa hang, chảy như vỡ bờ. Dòng nước cuồn cuộn như lũ. Một cơn lụt thình lình. Chúng quýnh quáng gọi nhau. Kiến thợ tức tốc vào vị trí. Nhiệm vụ chính là đưa kiến chúa và đi chuyển trứng tới chỗ an toàn. Đàn kiến chạy rần rần. Gặp chỗ ngập, chúng bò ngược trên trần. Một nhóm cấp tốc khoét lỗ thông ra ngoài.

Khi bác Mực dẫn Mén xông vào ngăn chúa ở bất ngờ gặp Kiến Càng, Kiến Điên đã chờ sẵn. Nước tràn quá nhanh, kiến chúa mất tích, không biết sống chết. Bàn bạc chưa ra, Kiến Điên điên tiết nhảy xuống nước kiếm. Sức nước càng lúc càng mạnh, thoáng chốc Kiến Điên mất hút. Đợi một lúc không thấy Kiến Điên trở lại, Kiến Càng nóng ruột tìm bạn, cũng nhào xuống bơi. Trên bờ, bác Mực lắc đầu bảo Mén, chia nhau đi tìm.

Mén men theo bờ. Bấy giờ, mực nước dâng cao, xác kiến lềnh khênh đen kẹch đòng. Nó đi ngược lên trên, gần cửa hậu. Khắp nơi, lũ kiến cũng khiêng trứng đổ về. Trong khi chờ đợi, chúng bàn nhau khiêng đất lấp nước, cứu tổ. Một nhóm, mặt mày hung tợn, xưa nay chuyên đọa kiến con, lên tiếng, "Có làm có ăn, ai không thích xin rời tổ." Nói xong, nó lao xuống vác một cục đất to bỏ xuống nước làm gương. Một bọn a dua, cũng hùa theo, "Phải, ai không làm xin rời tổ." Những con khác thấy vậy đâm

sợ, cũng tụt xuống khiêng.

Qua hôm sau, bác Mực mới lò dò ra. Mén kể hết mọi sự. Bác không nói gì, chỉ bảo, ai thích thì theo bác. Nói xong, bác đi trước. Một đám lẽo đẽo theo sau. Đi một khúc, cả bọn quay lại, bùi ngùi nhìn tổ lần cuối. Mén uất ức hỏi, tại sao chúng ta phải bỏ đi? Nếu cần, phải dạy bọn nó một bài học. Nhiều con gật đầu đồng tình, phải cho chúng biết thân. Nhưng, Bác Mực lắc đầu, cả đàn chịu cảnh nước lụt đã quá đủ, sao bày chi thêm cảnh tương tàn? Một lúc sau, nghe bác thở dài, không có chúa, tổ không còn. Thuyền không bến, lênh đênh đâu, cũng được.

Đi tới chiều,vượt qua một ngọn đồi thấp, vào khu vườn hoang. Bác Mực chọn một gốc sung còi cọc để trèo. Mấy con khác phản đối, ở đây thiếu chi mận, bưởi, sao phải sống ở gốc sung xanh, chát ngắt. Hỏi, chưa kịp đáp, chúng bỏ đi.

Buổi tối, trước khi ngủ, bác Mực bảo, loại cây ngọt quả thường nhiều sâu. Chim chóc và những loài ăn thịt khác cũng vì sâu mà tới, chắc chi sống được để hưởng quả lành.

Đêm đó, Mén ngủ trễ. Sáng thức dậy, mặt trời đã chiếu xuyên cành lá. Nó vùng dậy, chạy loanh quanh kiếm bác Mực. Khi leo tới đọt cây, bắt gặp con cào cào xanh mướt đang gặm nhấm một chồi non. Chao ơi, cái màu lá mạ mới đẹp làm sao. Mén đang ngẩn ngơ ngắm, bác Mực không biết từ đâu, đập vào lưng nó, "Hay chi giống này. Khi gặp nguy, chỉ biết ỉa một đống rồi bỏ chạy." Bác lôi Mén tới một cháng ba, rẽ vào khu cành có nhiều quả xanh. Cả hai hì hục đục lỗ. Hết trái này tới trái khác. Bác Mực bảo, chui vào quả, vừa có ăn, vừa an toàn, lại tránh được mưa gió. Vừa nói xong, nhác thấy bóng một con bọ ngựa từ đâu bò lên ngọn cây. Nhanh như cắt, Mén chui tọt vào quả, rồi ló đầu, tò mò xem. Trên kia, cào cào không để ý, lững thững xuống. Mặt bọ ngựa hình tam giác, hai mắt lồi to. Nó đứng xổng lưng, giấu cái đít chè bè. Hai chân trước lúc nào cũng cong lại, thủ trước ngực. Khi cào cào tới gần, nó bất ngờ tung những cú đấm thôi sơn vào mặt đối thủ. Xong lừa thế, kẹp chặt cổ, rồi ngoạm ngay cái đầu.

Sau cái chết của cào cào, bác Mực càng cẩn thận hơn. Bác dặn Mén, loại bọ ngựa không trông thấy mặt mũi mình, nên không phân biệt được đồng loại. Với nó, sinh vật nào cũng là mồi ngon, nên ăn bất kể con đực hay con đẻ. Mấy ngày sau, bọ ngựa phát giác đây chỉ là cây còi, ít sâu, bỏ đi mất.

Chẳng bao lâu, sung chín. Mén ăn cả ngày không hết. Bác Mực kêu nó ngắt thả xuống cái lạch con bên dưới. Có thể, nước xuôi dòng đưa thức ăn trôi về tổ cũ. Mén phản đối, không ai chắc kiến trong tổ ăn được những

thức này. Xong, nó rủ rê, đợi nước rút sẽ về, dù sao bác cũng có một vị thế trong tổ. Bác trố mắt, hỏi lại, giành lấy chỗ đứng cho một con kiến? Rồi bật cười ha ha, bỏ xuống đồi.

Thấm thoát, thời gian trôi. Một sáng dậy, bác Mực vẫn nằm lỳ trong quả. Mén chui vào, thấy bác yếu lắm. Nó buồn rầu nhận ra, râu bác Mực trụi nhiều. Nó hứa, từ nay sẽ cáng đáng mọi việc. Bác Mực mỉm cười, cõng một miếng mồi với kiến không khó. Tuổi già đuối sức vì nỗi buồn chồng chất trên lưng.

Mấy hôm sau, bác Mực bảo Mén cõng ra cánh đồng xưa. Vừa đi, bác vừa kể, hồi nhỏ đã từng mơ được chấp cánh bay. Nhưng ngày mỗi lớn, ước mơ cũng nhỏ dần. Mén hỏi, sau này, bác mơ gì? Kiến Mực cười, bác chỉ mong làm một con kiến vui vẻ. Nói một hồi mệt, Kiến Mực lim dim ngủ.

Khi tới nơi, cỏ hoang ngập lối. Mén định lay bác Mực dậy, không ngờ thân Kiến Mực mềm nhũn, chưa chi đã tuột xuống cỏ. Nó đưa tay rờ rốn, hơi thở không còn.

Mén chọn một nơi bằng phẳng giữa đồng, lập mộ. Xong xuôi, nó lấp cỏ, rồi về. Khi lên tới bờ đê, nó ngoái đầu nhìn lại. Sóng cỏ rập rờn, không còn nhận ra nơi chốn. Nhưng nó biết, chính cánh đồng này là chỗ chôn dấu tất cả ước mơ xưa. Không khóc, nhưng mắt cứ rần rụa. Nó vừa đi vừa nhủ, mình sẽ là một con kiến vui vẻ. Tới khúc đê cuối, nó sực nhớ. Quên, chưa hỏi bác Mực, sự vui vẻ bắt đầu từ đâu?❐

Phân ưu

Nhận được tin trễ

Cụ Bà Nguyễn Hữu Thị Chít

Pháp danh Nguyên Thanh

Thân mẫu của Anh Nguyễn Khoa Kha

Giám đốc Nhà in Kim và Nhà Xuất bản Văn Mới

vừa tạ thế tại Huế ngày 16 tháng Ba năm 2001, hưởng thọ 88 tuổi. Xin thành thực chia buồn cùng Anh Chị Nguyễn Khoa Kha, và cầu chúc cho hương hồn Cụ Bà sớm phiêu diêu Miền Cực Lạc.

Ông Bà Võ Phiến - Ông Bà Võ Thắng Tiết - Ông Bà Châu văn Thọ - Ông Bà Nguyên Mộng Giác - Ông Bà Mai Kim Ngọc - Ông Bà Nguyễn Xuân Hoàng - Ông Bà Thạch Hãn - Ông Bà Tôn Thất Kỳ - Bùi Bích Hà.

Ký ức

ĐỨC PHỔ

Ở phía trùng trùng sông núi
lơ lửng em bay giữa trời
rộng thênh nỗi niềm.
Trăm nghìn dị dạng
ở phía không mắt trừng mở, có thể
chẳng lường ngõ ngách dụng
ngược bờm gió
chiều mùa hạ bơ vơ, nắng
hong vàng
vọt da người
em, con gái Việt Nam
phấn chấn di dân cay đắng thỏa hiệp.

Ở phía trùng trùng sông núi
giấc mơ bập bùng lửa kỷ niệm
đêm ba mươi tối mực đen đèn
mặt người dạ thú, bất chấp
chính tà chia ly hội ngộ.

Ở phía trùng trùng sông núi
gió thổi tung tóc
chiều lộng ngọc
cát chảy pha lê
tấm gương ngày máu lệ
nhắc chuyện anh em như chân với tay
không thể chia lìa
như đôi tình nhân yêu nhau đắm say
không bao giờ muốn nói lời chia cách
Đời người thường ngắn ngủi.

Ở phía trùng trùng sông núi
nắng và lửa
như những con rắn hổ mang phun nghìn triệu dòng

nọc độc
tưới khô ruộng đồng
Nát ruột cha ông
nhọc đời chăm bón
Mùa hạ nhỏn nhơ reo vui hạn hán
méo mó nụ cười nông dân
tội tình.

Ở phía trùng trùng sông núi
trăng treo đêm mùa hát ca nam bình
gạo trắng lòng sàng
chảy dài nỗi nhớ
thương quê, mùa mới sang mùa
tình yêu dạ khúc
không có giới hạn cho một giấc mơ.
Con tim thường hào phóng
khi yêu nhau
dài tay chuyện đời
nối vòng nhật nguyệt.

Ở phía trùng trùng sông núi
thi sĩ đôi lúc cũng cần thắp lên
ngọn đèn trí tuệ
để soi sáng trái tim mù lòa
giữa thời buổi giao hòa của ngôn ngữ
đông tây kim cổ
cũng có thể gặp nhau
và hạnh phúc hòa tan rất nhanh vào
đôi bờ viễn liên
tình yêu phát sóng.

Ở phía trùng trùng sông núi
những mơ mộng sắc màu
không thể làm thay đổi
ý định yêu em.

Nắng đêm

Trang Châu

Đây là một sản phẩm của tưởng tượng,
mọi trùng hợp ngoài đời đều ngoài ý muốn của tác giả.

Vũ được tôi chọn là vì anh xuất hiện đúng lúc tôi muốn thay đổi đời sống tình cảm của mình. Sự gãy đổ giữa Trí và tôi sau hơn hai năm chung sống, phần nào ảnh hưởng đến sự thay đổi này. Tôi là người đàn bà tự lập ngay từ khi bước chân vào đời. Trước 75, mới mười chín tuổi, tôi đã là một trình dược viên uy tín của một hãng bào chế dược phẩm. Nhờ tôi biết chuẩn bị vào nghề kỹ lưỡng. Tôi ý thức rất sớm thuốc hay mà người giới thiệu không hay, chưa chắc thuốc đã được biên toa nhiều. Tôi cũng ý thức thêm, người hay không chỉ là người nói hay mà còn là người khi nhìn, tạo ngay được cảm tình, có nghĩa là trình dược viên phải vừa biết ăn nói vừa đẹp và hấp dẫn. Tôi nghĩ các hãng bào chế dược phẩm cũng cùng quan niệm ấy cho nên ở miền Nam thời đó, trình dược viên hầu hết là phái nữ. Tôi đã kín đáo đến một thẩm mỹ viện để được lột xác. Độn ngực, độn sống mũi, cắt cánh mũi, cắt mí mắt. Mặc dù đau đớn cả mấy tuần sau cuộc giải phẫu, tôi rất mãn nguyện đã đạt được mục đích của mình, trở nên đẹp hơn, hấp dẫn hơn. Khả năng tiếng Pháp tôi khá nhờ một dạo học trường Sơ. Tôi được hãng phái đi chào thuốc ở bệnh viện Grall. Ở đó tôi quen Bernard, một bác sĩ khu nội thương. Ông ta hơi lớn tuổi và không có gì hấp dẫn đối với tôi. Nhưng ông ta là bác sĩ mà lại là một bác sĩ ngoại quốc, cái đó có giá trị. Tôi không đáp ứng cũng không hờ hững trước sự vồn vã của Bernard. Tôi coi Bernard như một thành phần để đó khi cần sẽ dùng. Tôi là người tính toán nên làm gì cũng cân nhắc lợi hại. Tôi nuôi tham vọng trở nên giàu sang, tôi muốn có một ngôi biệt thự, một chiếc xe hơi đắt tiền, nhiều nữ trang quí giá. Tôi có cái nhìn thực tế nên trái tim tôi

cũng thực tế. Nếu yêu, tôi không yêu để mà yêu mà tình yêu ... lại mang đến cho tôi một đời sống vật chất thật phong phú. Tôi phải chọn được một người đàn ông có khả năng thỏa mãn ước muốn của tôi.

Hãng đưa tôi ra chào thuốc ở miền Trung. Vùng trách nhiệm của tôi lớn hơn và hãng tin tưởng tôi sẽ quảng cáo mạnh thuốc của hãng với hàng trăm bác sĩ ngoài đó. Tại Đà Nẵng tôi gặp Nguyên, một y sĩ mới ra trường. Nguyên là con một của một gia đình giàu có. Ông cụ Nguyên là một thương gia chuyên ngành nhập cảng xe gắn máy và xe đạp ở Saigon. Tôi chấm Nguyên và Nguyên cũng chịu tôi ngay. Tôi nhìn xa thấy trong tương lai gia tài của ông cụ sẽ thuộc về Nguyên. Tôi được Nguyên mô tả với gia đình anh như một người con gái đẹp, lanh lợi, chịu khó làm ăn. Hôm Nguyên đi phép về Saigon, anh đưa tôi đến nhà anh ra mắt song thân anh. Tôi cố ý ăn mặc giản dị, đi đứng khép nép, dạ thưa nhỏ nhẹ, nên hai cụ có vẻ bằng lòng. Một năm sau Nguyên xin đổi được về Saigon và chúng tôi làm đám cưới. Tôi ngỏ với Nguyên ý muốn tiếp tục làm trình dược viên. Ban đầu Nguyên không chịu, viện lý không muốn tôi vất vả. Nhưng tôi biết anh không muốn tôi tiếp tục tiếp xúc với các đồng nghiệp của anh nữa. Phía tôi, tôi đưa ra một lý do khác là anh đi làm, tôi ở nhà ăn không ngồi rồi cũng buồn. Nhà chỉ hai vợ chồng mà có đến hai người làm nên tôi đâu phải mó tay vào việc gì. Tôi hứa với Nguyên khi nào có con, tôi sẽ bỏ nghề ở nhà lo chăm sóc con. Tôi muốn tiếp tục đi làm là vì tôi muốn tiếp tục kiếm thêm tiền cho riêng tôi, khi mình đang có đà có thế làm ra tiền dễ dàng.

Nhưng cuộc đời không suông sẻ như tôi tưởng. Lời hứa với Nguyên khi có con tôi sẽ bỏ nghề, tôi không thể thực hiện được, vì sau ba năm lấy nhau tôi vẫn không thụ thai, mặc dù Nguyên rất muốn. Và riêng tôi, tôi cũng không ngại chuyện có con, nhất là khi tôi biết song thân anh trông chờ có cháu. Ý nghĩ không biết ai trong hai đứa là nguyên nhân của sự hiếm muộn dần vặt chúng tôi. Cuối cùng Nguyên và tôi quyết định cả hai cùng đi khám nghiệm. Và tôi là nguyên nhân của sự hiếm muộn. Sự việc nầy đảo lộn đời sống gia đình của chúng tôi. Tôi bỗng đánh mất tình thương và niềm tin của song thân Nguyên. Riêng Nguyên, đôi lúc anh cũng tỏ ra buồn buồn, vẻ buồn pha một chút thất vọng. Tôi linh cảm một sự đổ vỡ. Tôi nghĩ một lúc nào đó, Nguyên sẽ bỏ tôi để lấy một người đàn bà khác có khả năng sinh con với sự hỗ trợ của gia đình anh. Tôi cân nhắc tình cảm mình, tính toán điều kiện sống trong tương lai và quyết định đi bước trước. Tôi còn nhớ buổi sáng hôm đó, một sáng mùng bốn Tết, tôi mời Nguyên ra ngồi ở phòng khách và hỏi anh rằng anh có thấy thái độ lạnh nhạt của song thân anh đối với tôi sáng hôm mùng một Tết khi chúng

tôi qua nhà chúc Tết hai cụ thì Nguyên xác nhận có để ý thấy. Tôi nói với Nguyên giọng ôn tồn, tỉnh táo:

- Em nghĩ anh vẫn thương em nhưng em thấy tình thương đó sẽ phai lạt với thời gian nếu em không thể có con với anh. Tốt hơn chúng ta nên xa nhau để anh còn cơ hội làm lại cuộc đời, có con để hai cụ yên tâm. Em ra đi không đòi hỏi gì cả, nhưng anh và gia đình anh đền bù gì được cho em thì em cám ơn.

Tôi tưởng Nguyên sẽ xúc động nói với tôi một lời an ủi, nhưng anh chỉ im lặng giây lâu rồi đáp khẽ:

- Anh sẽ bàn với hai cụ làm sao cho em khỏi thiệt thòi.

Tôi ký giấy thuận ly dị sau khi nhận một số hiện kim. Sự kiện biết mình không thể có con đã thay đổi đến tận gốc rễ quan niệm của tôi về liên hệ với đàn ông. Tôi không thể có con thì lấy chồng mà làm gì nữa? Bây giờ tôi cần gì nơi người đàn ông? Cần người vừa là người tình vừa là người cung phụng. Và tôi không giới hạn người đàn ông đó vào một người. Tôi trở lại với Bernard, tôi có thêm Kiểm, một giáo sư đại học, Phòng một sĩ quan cấp tá làm an ninh. Hai người sau đều có vợ. Tôi chọn những người đàn ông có vợ vì tôi biết họ không có nhiều thì giờ, họ không dám công khai mà tôi, tôi lại không muốn bị kiểm soát, không muốn bị ghen tuông. Bernard thì tôi chỉ gặp ông ở bệnh viện những hôm ông trực đêm.

Tôi hăng say làm ra tiền và được cung phụng thêm tiền bạc, nữ trang từ mấy phía. Có một số vốn khá, tôi bắt đầu thực hiện ước muốn đầu tiên của mình: Mở một mỹ viện. Tôi chạy được giấy xuất ngoại đi Hồng Kông một tháng. Qua đó tôi ghi tên học một lớp cấp tốc lấy bằng chuyên viên thẩm mỹ. Về đến Saigon, tôi kiếm một địa điểm ở ngay trung tâm thành phố mở một mỹ viện. Tôi có khiếu về trang hoàng. Tôi dám bỏ tiền mua những tay thợ có tiếng ở các mỹ viện khác về làm cho tôi. Tôi không sợ cạnh tranh mưu phá hoại vì đã có Phòng cho đàn em ngầm bảo vệ cơ sở của tôi. Tôi cho quảng cáo rầm rộ ngày khai trương. Tôi thành công lớn. Khi công việc chạy đều, tôi giao tiệm cho mẹ tôi trông coi vào buổi sáng. Đi chào thuốc xong, quá trưa tôi về điều khiển công việc ở mỹ viện cho đến chiều.

Về đời sống tình cảm của tôi, dưới mắt mẹ tôi, tôi là một người đàn bà cô đơn, chỉ biết lấy công việc làm khuây. Mẹ tôi có lần khuyên tôi xem có ai được thì bước thêm một bước nữa. Tôi từ chối và để bà khỏi nài nỉ tôi nên có chồng có con cho bà có cháu bế, tôi nói thẳng với mẹ tôi rằng bác sĩ nói tôi không thể có con. Mẹ tôi chưng hửng khi nghe tôi tiết lộ bí mật đời tôi cho bà nghe. Mẹ tôi khóc mùi, từ đó bà dâm sợ sệt tôi làm như bà

có lỗi đã sinh tôi ra như thế. Về sau này, khi hay biết tôi có ần hệ với nhiều người đàn ông, mẹ tôi không hé miệng đưa ra một lời bình phẩm nào.

Giai đoạn tôi có nhiều đàn ông cùng một lúc trong đời là giai đoạn tôi chẳng biết yêu là gì, chẳng biết rung cảm là gì, kể cả rung cảm thể xác. Nhưng tôi giàu thêm kinh nghiệm chìu, thỏa mãn và sai khiến đàn ông. Tôi biết những người đàn ông như Kiểm, như Phòng, như Bernard, họ đến với tôi chỉ để tìm kiếm những giây phút rùng mình trên một thân xác không hoàn toàn thuộc sở hữu của họ. Họ đến với tôi vì họ, họ không đến với tôi vì tôi hay cùng tôi. Bao giờ cũng thế, khi đến họ nôn nóng, họ say đại trong khi, rồi hối hả ra đi sau khi. Nhưng tôi cũng khá cao tay, luôn luôn tỏ ra không cần họ, không thuộc về họ. Những gì họ mang đến cho tôi, tôi nhận với cung cách để làm họ vui lòng hơn là nhận với ham thích. Tôi cho từng người cảm tưởng họ có thể mất tôi bất cứ lúc nào. Khi họ đến, tôi kéo dài sự nôn nóng của họ, trong khi thì tôi đẩy sự say đại của họ lên tột đỉnh rồi sau khi, tôi xua đuổi họ trước khi họ tỏ ý hối hả ra đi.

Khi tôi bắt tay thực hiện ước muốn thứ hai của tôi chính là lúc tôi đặt nền móng cho sự sụp đổ tài sản của tôi. Tôi đổn gần hết vốn liếng mua một khách sạn mười hai phòng để cho thuê. Chưa được một năm Mỹ bắt đầu rút quân, các bar rượu tuần tự ế ẩm rồi đóng cửa. Giới thuê phòng ở khách sạn của tôi là chiêu đãi viên hay vũ nữ phòng trà cũng lần lượt trả phòng. Tình hình mấy năm tiếp theo là ngưng bắn, rồi mất Ban Mê Thuột, mất Phan Rang. Tôi cũng mất luôn liên lạc với Kiểm và Phòng. Họ bận lo cho gia đình họ hay bị kẹt ở nhiệm sở tôi không rõ. Tôi chỉ còn biết trông cậy vào Bernard, cũng may Bernard không bỏ rơi tôi. Ông lo được giấy tờ cho tôi đi Pháp với một điều kiện qua đến Pháp tôi phải tự túc. Tôi đã lỡ đóng vai cao ngạo nên tôi quyết đóng nó cho đến cùng. Mẹ tôi không chịu đi. Tôi giao tất cả tài sản của tôi cho bà rồi rời nước một mình.

Đến Pháp, tôi mang theo được một ít nữ trang và một số tiền Mỹ. Giá phòng ở Paris quá đắt, tôi không thuê nổi trong khi chưa có việc làm.Tôi phải về tận Nancy, tìm đến trụ sở cộng đồng người Việt ở đó nhờ người kiếm chỗ trọ giá rẻ và kiếm giúp việc làm. Với chút kinh nghiệm, tôi kiếm được một chân phụ làm tóc không khó. Nhưng tôi là người không bao giờ thủ phận, ở hoàn cảnh nào tôi cũng muốn vươn lên. Tôi biết tôi rất khéo tay, nhưng khéo tay vẫn chưa đủ. Ở xứ Tây phương đầy cạnh tranh nầy, muốn vươn lên tôi phải xuất thân từ một trường dạy danh tiếng của Paris. Sau một thời gian dọ dẫm chỗ ở và trường học, tôi quyết định trở lại Paris, vừa đi làm vừa học lại nghề, vô cùng chật vật nhưng rất hăng say. Tôi lấy được cái chứng chỉ không mấy khó khăn và sau đó kiếm được một việc

làm tốt tương đối dễ dàng. Nhưng đời sống ở Paris quá đắt đỏ. Tôi làm việc đầu tắt mặt tối bốn năm mà vẫn không đủ tiền để mua một chiếc xe hơi cũ, vẫn phải một ngày hai buổi lấy métro rồi từ métro đi bộ đến chỗ làm. Tôi nghe nói đời sống ở Bắc Mỹ cao hơn. Vào sinh nhật năm thứ ba mươi tư của tôi, tôi tự mừng mình một cái vé máy bay đi khắp Bắc Mỹ trong vòng một tháng. Chặng cuối tôi ghé Montréal, sau đó tôi trở lại và ở luôn đấy.

Tôi trở lại Montréal vì tôi gặp Trí, gặp lại thì đúng hơn. Thời tôi làm trình dược viên, Trí làm phụ tá cho ông giám đốc đặc trách quảng cáo thuốc trên báo và trên các tập san y học, một chức vụ dưới mắt tôi thời bấy giờ chẳng có gì là ghê gớm. Tôi lúc đó muốn với cái gì cao hơn. Tôi tình cờ gặp lại Trí trong một quán ăn Việt Nam. Non một tiếng đồng hồ vừa ăn vừa nói chuyện, tôi biết Trí vừa ly dị vợ và Trí, khi biết tôi đang một mình đã hỏi tôi một câu:

- Nhàn có muốn sang lập nghiệp ở Montréal không? Ở đây cũng nói tiếng Pháp và đời sống cũng dễ chịu.

Tôi hỏi lại Trí:

- Anh có tiếp tục nghề cũ không?

Trí cười:

- Người Việt mình bên nầy làm sao đủ sức mở hãng bào chế dược phẩm. Tôi hiện làm nghề bán bảo hiểm. Cũng sống được.

Tôi hỏi thêm Trí:

- Làm thế nào để từ Pháp sang đây định cư nhanh nhất?

Trí nhìn tôi chăm chú:

- Cách nhanh nhất là làm hôn thú với một người đàn ông ở đây. Nhàn còn ở Montréal bao lâu?

- Hai hôm.

Trí móc ví lấy tấm danh thiếp đưa cho tôi và nói:

- Tôi có hẹn với một thân chủ. Nếu Nhàn có ý định sang đây ở luôn thì gọi cho tôi.

Tôi đã làm hôn thú với Trí. Có ba lý do khiến tôi đã quyết định nhanh chóng. Vì nôn nóng muốn qua định cư sớm ở Montréal, vì tôi nghĩ đời sống ở Montréal dễ chịu hơn và cũng vì tôi bắt đầu thấy cần có một người đàn ông bên cạnh. Nhờ cái bằng được cấp từ Paris, tôi kiếm được việc dễ dàng ở một mỹ viện lớn ngay trung tâm thành phố. Nhưng cuộc sống với Trí không mấy hòa điệu. Trí khô khan và tính toán kỹ. Tôi quen được nuông chìu nên ghét đàn ông tính toán. Sống chung mà tôi phải chia đôi chi phí, chia đôi phần việc trong nhà, mỗi người một chương mục riêng. Đời sống tuy hai, mà về sau tôi thấy lạnh lẽo hơn một. Qua được hai năm

thì tình cảm tự nhiên dứt. Chúng tôi lặng lẽ chia tay nhau, không ai oán trách ai. Tự trách chăng là tôi không có thì giờ để tìm hiểu Trí cạn kẽ hơn. Nhưng tôi vẫn nhớ ơn Trí, nhờ gặp lại anh mà tôi có cơ hội sang sống ở Bắc Mỹ.

Tôi không nghĩ tôi sinh ra dưới một ngôi sao xấu. Ngôi sao của tôi chỉ khi tỏ khi mờ và định mệnh oái ăm bắt ngôi sao của tôi phải mờ khi tôi cần nó tỏ. Sự chia tay với Trí khiến tôi đôi lúc cật vấn lương tâm mình. Có phải tôi đã bỏ lỡ cơ hội để có một đời sống yên ổn? Rồi tôi tự bào chữa rằng tôi đã cố gắng nhưng tim không rung động thì biết sao? Thế nào là tim rung động? Bao nhiêu đàn ông đã đi qua đời tôi mà giờ nầy, ở tuổi nầy tôi còn vớ vẩn tự hỏi mình thế nào là tim rung động! Nhưng biết đâu một khi tôi thôi đòi hỏi người đàn ông phải thế nầy phải thế kia, một khi tôi bớt cho rằng phải có tiền, có thế lực, có danh mới có hạnh phúc, thì không chừng tôi sẽ có cơ hội rung động trước một người đàn ông.

Vũ đã đến với tôi giữa lúc tâm thần tôi dao động như thế. Anh nhà văn nầy viết một truyện ngắn tựa là Trăng Sao, ký tên Huy Vũ đăng trên một tuần báo, trong đó tôi có đăng quảng cáo nhận uốn tóc và trang điểm cho cô dâu tại gia vào cuối tuần. Truyện của Vũ viết là một truyện tình trong đó anh cho nhân vật nam của anh nói một câu khiến tôi hồ nghi: "Đàn ông hay đàn bà đều có thể rung động ngay ở phút chạm mặt đầu tiên với đối tượng, khi qua một thoáng nhìn họ thấy ngay nét mặt, nụ cười hay ánh mắt mà từ lâu họ đã phát họa và cất giữ trong tâm trí họ."

Tôi viết mấy giòng gởi tác giả nhờ toà báo chuyển giao. Trong đó tôi hỏi vặn tác giả rằng nếu một người đàn bà như tôi không bao giờ phác họa và cất giữ trong tim nét mặt, nụ cười hay ánh mắt của một người đàn ông nào cả, như vậy có nghĩa là tôi không bao giờ biết rung động trước một người đàn ông hay sao? Hai tuần sau tôi nhận được một cú điện thoại vào lúc tối:

- Dạ tôi là Huy Vũ, người viết truyện ngắn Trăng Sao, xin được nói chuyện với người đọc Thanh Nhàn.

Tôi nghe có chút gì hóm hỉnh trong cách dùng chữ, người đọc và người viết nghe vui và thân mật hơn là tác giả và độc giả. Tôi vui vẻ trả lời:

- Cám ơn ông Huy Vũ đã gọi cho tôi. Ông đã gọi thì xin ông trực tiếp giải đáp thắc mắc của tôi.

- Theo luật giang hồ thuở xưa, trước khi giao đấu, hai bên đều xưng tên tuổi quê quán rồi mới bắt đầu vào trận. Nay tôi xin bắt chước: họ tên là Huy Vũ, trai trung niên độc thân, nghề tay phải làm công cho người ta, nghề tay trái viết văn để giải trí.

Tôi muốn phì cười nhưng cố nín rồi trả lời:

- Tên tôi thì ông biết rồi, tuổi thì đàn bà không khai, gia cảnh thì cũng như ông, tôi không mấy tài hoa nên không có nghề tay trái, nghề tay phải thì ông đã đọc trên báo rồi.

Tôi ngạc nhiên thấy mình cũng biết trả lời đí đỏm như ai.

- Xin phép được gọi người đọc là cô cho tiện. Trước nhất cám ơn cô đã để ý đến truyện của tôi. Dù khen chê, được để ý trên một khía cạnh nào đó tôi coi như truyện thành công, huống chi đây chỉ là một thắc mắc thì nhẹ nhàng quá. Thật ra khi tôi nêu mấy từ: *nét mặt, nụ cười, ánh mắt* là chỉ để trưng ra những gì biểu lộ được, thấy được. Tôi có thể cho nhân vật nói thêm như nghe được rồi ghi nhớ và cất giữ vào tâm trí v.v..

- Nhưng nếu tôi cũng chưa bao giờ nghe và ghi nhớ thì sao?

- Tôi cũng có thể lấy một thí dụ như cô vừa nghe tôi nói, nếu là một giọng nói cô không chê, không ghét, cô sẽ nhớ và khi gặp, cô có thể có cảm tình ngay.

Và tôi đã gặp Vũ ngay tại ấp trọ của tôi. Thú thật tôi bị lôi cuốn bởi lối nói chuyện có duyên của Vũ. Khi mời Vũ lại ăn cơm tối, tôi nói đùa là để trắc nghiệm xem giọng nói của Vũ có làm tôi rung động không. Tối hôm Vũ đến trời mưa to, gió mạnh, đêm đen như mực. Khi nghe bấm chuông, tôi ra mở cửa. Vũ đứng run rẩy trong chiếc áo mưa có mũ che đầu sũng ướt, mặt anh lấm tấm mấy giọt nước mưa. Tôi vui thầm vì Vũ đẹp trai hơn tôi tưởng nhiều. Trong suốt bữa ăn tôi rất thoải mái, tôi cười vang nhiều lần khi nghe những mẩu chuyện khôi hài Vũ kể. Hình như tôi chưa bao giờ cười nhiều như thế. Tôi mời Vũ ra xa-lông uống trà. Bây giờ Vũ mới hỏi:

- Nhàn nghe giọng nói của tôi thế nào? Có nghe tim mình rung động chút nào không?

Tôi cười đáp nhỏ:

- Rung động sơ.

Vũ rời chỗ qua ngồi sát bên tôi, choàng tay qua vai tôi, nâng cằm tôi lên tính hôn lên môi. Tôi chống đối, Vũ lại thôi, nói lảng đôi câu rồi lại nâng cằm tôi lên. Tôi lại chống đối nhưng sự chống đối yếu đần. Sang lần thứ ba, chính tôi là người chờ đợi Vũ nâng cằm tôi lên để rơi gọn vào vòng tay anh. Tôi cũng lại chống đối mãnh liệt, yếu đần rồi chờ đợi khi anh muốn cởi xú chiêng rồi xì líp của tôi. Vũ kỳ diệu hâm nóng tôi. Khi anh bế tôi rời phòng khách đi vào phòng ngủ, đặt tôi lên giường thì tôi đã biến thành một hòn than rực cháy dưới sức nặng của anh.

Tôi thích lối yêu đương của Vũ, nhất là cách anh sửa soạn tôi. Không biết những nhà văn viết truyện tình khác có sành sõi như Vũ không? Tôi

hỏi, Vũ chỉ cười đáp đó là vốn sống. Anh nói không ai có thể viết truyện tình hay bằng tưởng tượng được, mà phải từng trải qua. Anh nói một ngày nào đó anh sẽ viết về tôi và anh nhưng truyện khi viết ra rồi không còn là chuyện của tôi và anh nữa mà là của một người nữ và một người nam hay rộng hơn nữa của một thế hệ nữ và một thế hệ nam, một thế hệ nam nữ lớn lên trong chiến tranh rồi lưu lạc xứ người.

Vũ đến tôi ăn cơm tối rồi qua đêm với tôi, mỗi tuần có khi một lần có khi hai lần. Khi tôi ngỏ ý muốn Vũ đến thường xuyên hơn hay dọn đến ở hẳn với tôi, anh từ chối. Anh nói anh thích sống tự do, chưa muốn bị ràng buộc. Anh nói chưa muốn làm chồng, làm cha, anh chỉ thích làm người tình. Tôi chợt hiểu ngoài tôi ra, Vũ còn những người đàn bà khác. Những đêm Vũ không đến với tôi, có thể Vũ qua đêm với một người đàn bà nào đó. Tôi không muốn chia sẻ và cảm thấy ghen tức. Tôi nhất quyết bắt Vũ phải chọn lựa, Vũ cũng nhất quyết bảo vệ sự tự do của anh. Cuộc tình năm tháng chấm dứt bằng một trận cãi vã. Tôi còn nhớ trước khi bỏ đi, Vũ nói với tôi: "anh đến với em trước sau như một. Anh như vậy và chỉ có như vậy. Nếu em chấp nhận thì tiếp tục bằng không anh đi. Anh sẽ trở về ngày nào em đồng ý không đòi hỏi gì khác hơn."

Người đàn ông đến với tôi thoáng qua nhất nhưng lưu lại lòng tôi nhiều vương vấn nhất lại là Vũ. Tôi tự hỏi như thế có phải là yêu không? Tôi e ràng phải. Hình như tôi sinh ra để mang một số phận nghiệt ngã, cái tên của tôi mâu thuẫn với cuộc đời tôi. Cái tôi giữ được, tôi không muốn, cái tôi muốn, tôi không giữ được. Tuy nhiên Vũ vẫn dành cho tôi một lối thoát. Nếu tôi không đòi hỏi anh phải làm một người chồng, anh vẫn là một người tình, dù là một người tình bán thời gian. Tôi còn chọn lựa nào khác hơn? It ra Vũ cũng là người đàn ông đã làm tôi rung động. Chắc tôi phải đành chấp nhận cách sống, cách yêu của Vũ. Tôi nảy ra một dự tính khá lãng mạn. Tôi sẽ theo dõi tình hình khí tượng. Hôm nào được báo sẽ có mưa chiều hay mưa đêm, tôi sẽ gọi Vũ, mời Vũ lại ăn cơm tối. Trời sẽ tối đen, nhưng tôi biết khi Vũ hiện ra ở cửa, mặt lấm tấm những hạt nước mưa, lòng tôi sẽ thấy ánh nắng sáng trong trên khuôn mặt đó.❐

Trang Châu
02-2001

Cáo lỗi: Vì có nhiều bài thuộc chủ đề *Kỷ niệm 16 năm xuất bản của Văn Học*, nên một số bài đã hẹn với các văn hữu là sẽ đăng trên số này phải gác lại số sau.
Xin cáo lỗi cùng quí văn hữu. *Văn Học*

Chị Phúc

Hòa Vũ

Mù sương phố thị khóc hoài lệ ai

Nhà Nhân dọn về xóm Bá Đa Lộc năm Nhân vừa được 6 tuổi. Buổi chiều ngày sau hôm mới đến, anh em Nhân đứng trong hàng rào, nhìn sang mấy đứa trẻ đang chơi trước sân nhà bên cạnh. Cả ba anh em Nhân đều háo hức muốn làm quen với mấy đứa nhỏ ấy nhưng còn bỡ ngỡ, rụt rè. Bỗng một cô bé từ trong nhà mở cửa, chạy nhanh ra đến sát hàng rào hỏi anh em Nhân:

- Mấy em có muốn sang chơi cho vui không? Để chị sang xin ba má cho.

Anh em Nhân chớp mắt, gật đầu lia lịa, rồi Nhân chạy ù tới mở cổng cho chị, còn hai đứa em gái của Nhân, Hòa, Ái thì chạy vô nhà reo lên "má ơi có khách, có khách."

Đó là chị Phúc, Nhân nhớ năm ấy hình như chị đang học ở những năm cuối bậc tiểu học. Hồi ấy chị Phúc học ở trường Thánh Phao Lô, trường dành cho con gái, chị hay bận chiếc váy xanh, áo sơ mi trắng khi đi học hay khi chơi đùa ở sân xi măng trước nhà. Chị Phúc có một đứa em trai kế, thằng Thành, học hơn Nhân một lớp và thêm những bốn đứa em gái sau nữa.

Nhân nhớ, thoạt đầu bác Trung gái, mẹ chị Phúc hay sang chơi với mẹ Nhân, bác Trung trai cũng sang nhà nói chuyện với ba Nhân một, hai lần. Về sau, ngoại trừ những lần đọc kinh luân phiên giữa các gia đình Công Giáo trong xóm, còn thì hai gia đình, không hiểu sao, không qua lại với nhau. Thỉnh thoảng có gặp nhau ở ngoài đường, Nhân thấy ba hoặc mẹ cũng chỉ gật đầu chào, hỏi han chiếu lệ rồi thôi. Nhân cảm nhận lờ mờ rằng ba mẹ không thích hai bác Trung.

Chuyện ngoại giao người lớn có ra sao thì cũng chẳng ảnh hưởng chi đến tình "hữu nghị" của đám con nít. Buổi chiều, nếu trời tốt, anh em Nhân vẫn được phép sang chơi với đám chị em của chị Phúc. Sau này, hai đứa em Nhân cũng đi học cùng trường Thánh Phao Lô chung với mấy

đứa Hiền, Hậu em chị Phúc, còn Nhân và thằng Thành thì sáng nào cũng rủ nhau leo đồi đi học ở trường La San. Bọn nhỏ chơi với nhau khá hòa bình, một đôi khi thằng Thành ngổ ngáo bắt nạt Nhân, hay lũ con gái có chi bất bình thì bao giờ chị Phúc cũng can thiệp, phân xử, hòa giải công bằng. Nhân nhớ, con Hòa em kế Nhân là đứa hay lẻo mồm, lẻo mép, có lần kể với mẹ chuyện gay cấn chi đó giữa nó và con Hậu khi đi học chung, và sự giải hòa của chị Phú, mẹ Nhân khen chị là "cái con Phúc thật dễ thương". Những lần chị Phúc sang nhà chơi, nếu mẹ có quà gì cũng cho chị, có khi chỉ cho riêng một mình chị thôi nhưng anh em Nhân cảm thấy điều đó thật là đúng và chả đứa nào phản đối hay ghen tị cả.

Hồi nhỏ Nhân thích được chơi chung với chị. Thường những buổi chiều nắng ráo, bọn nhỏ hai nhà thường tụ tập trước sân xi măng nhà bác Trung chơi đùa với nhau, trò chơi đều do chị Phúc bày. Chơi chia phe kéo co, chơi u mọi, chơi năm mười, chơi rồng rắn..., chơi đến 7, 8 giờ tối cho đến khi mẹ gọi về tắm rửa, đọc kinh đi ngủ. Trong các trò chơi, nếu chia phe, chị Phúc bao giờ cũng kéo Nhân về phía chị, còn thằng Thành về phía bên kia. Phía chị Phúc thì bao giờ cũng "đoàn kết" nên hay thắng, còn phía thằng Thành thì lúc nào "nội bộ cũng lủng củng" nên cứ thua hoài. Mà hễ được về phe với chị Phúc thì Nhân mới hứng thú, còn hễ về phe thằng Thành thì Nhân ỉu xìu chẳng ham chơi lắm.

Có khi buổi tối cả bọn ngồi lại ở góc sân, chỗ gốc cây bơ sum xuê, nghe chị kể chuyện sự tích các thánh và các chuyện khuyên "làm lành tránh dữ" chị học được từ các ma-sơ. Thành là đứa ngỗ nghịch, không thích nghe những loại chuyện như vậy, thường bỏ đi chỗ khác một mình. Có bữa chị hỏi từng đứa lớn lên thích làm gì, bọn con gái có đứa trả lời thích làm cô giáo, có đứa thích đi tu làm ma-sơ, Nhân bảo lớn lên Nhân thích làm phi công lái máy bay. Chị Phúc bảo là chị thích làm ca sĩ lắm vì được bận đẹp, được đi xe hơi sang trọng, như chị hay thấy các cô ca sĩ hay ra vào đài phát thanh Đà Lạt, ở gần trường chị, nhưng chị sợ sa hỏa ngục. Chị bảo ma-sơ dạy chị nói là mấy người ca sĩ dễ sa vào chước cám dỗ lắm, khó mà vào được nước thiên đàng. Sơ còn cho cả lớp coi một bức hình có hai con đường. Con đường có mấy cô ca sĩ, mấy người nhảy đầm bận đồ đẹp thì dẫn xuống địa ngục đỏ những lửa và có mấy con quỷ đuôi nhọn, nhe nanh, le lưỡi dỏ hoét, cầm chĩa ba, trông kinh khủng lắm. Con đường kia thì có những người tu hành, những người ăn ở hiền lành được dẫn lên thiên đàng, có bông hoa, đồi xanh, suối mát, dẹp đẽ, có Chúa sáng láng và các thiên thần vui hát xung quanh. Rồi chị khuyên Nhân thôi đừng làm phi công lái máy bay mà đi tu làm cha và cầu nguyện cho chị.

Năm tháng đối với tuổi thơ là những thoáng mơ mòng. Thế giới của

người lớn, đối với Nhân, là những giấc mộng háo hức, đầy dẫy những cái lạ, cái hay, và sự tự do. Những ngày chủ nhật, tan lễ sáng là cả nhà Nhân hay ra chợ ăn sáng, có khi là bún bò Huế, có khi là phở, cháo lòng, mì Quảng, bánh canh. Chủ Nhật nào cũng vậy, đến nỗi ba mẹ Nhân thuộc hết tên các chủ hàng quán, mà các chủ hàng quán cũng đều biết tên ba mẹ Nhân. Ăn xong, cả nhà lại lững thững dắt nhau đi dạo chợ lầu, khu phố Hòa Bình và Nhân cứ thích ngắm nhìn các sinh viên sĩ quan các trường Võ Bị, Chiến Tranh Chính Trị đi dạo phố với các cô nữ sinh trung học. Những bộ quân phục thẳng tắp với quần nẹp đỏ, áo dạ, nón lưỡi trai, những người lính trông nghiêm trang, oai hùng. Những tà áo dài xanh, đỏ, vàng, guốc cao gót, má hồng, môi đỏ, những cô gái sao tươi tắn xinh đẹp quá. Người lớn họ được làm đủ thứ.

Khi Nhân lên lớp 3, lớp 4, có những buổi chiều Nhân lén theo thằng Thành đi lượm vỏ bao thuốc lá, để chơi tạt lon, tận ngoài khách sạn Du Parc, gần nhà thờ con gà. Có lần nhân lúc người gác cửa chạy mua thuốc lá, hai đứa lân la đến cửa đứng dòm vào chỗ tầng dưới khách sạn. Bên trong là những cô gái bận jupe bó sát người, ôm những người Mỹ có, Việt có, tất cả đều ăn bận sang trọng, du dưa qua lại theo những tiếng nhạc xập xình, đèn xanh đỏ thì cứ chớp, tắt, mờ mờ, ảo ảo, khói thuốc lá quyện, tiếng li tách; thật là một khung cảnh kì bí đối với Nhân. Thằng Thành quay qua nói với Nhân:

- Mấy con nhỏ đó là đĩ. Nếu tao là con gái lớn lên tao cũng làm đĩ rồi làm quen với mấy ông tá, ông tướng, quen cả Mỹ nữa, có thiệt nhiều tiền, mua được đủ thứ.

- Sao mày biết. Nhân cãi.

- Sao không, tao nghe chú Khen, chú Ngợi tao nói chuyện với nhau. Mấy chú tao nói bây giờ hễ con gái mà đẹp thì làm ca sĩ hay làm đĩ là sướng nhất, muốn gì cũng có. Mấy ông tướng, ông tá nào cũng mê, còn hễ không ưng tướng tá thì ưng Mỹ, tụi nó cho nhiều tiền lắm.

Nhân không biết đĩ là gì, chỉ đoán đó là những cô gái bận jupe, đi guốc cao gót, má phấn, môi son lòe loẹt và đi choàng vai với lính Mỹ ngoài đường. Nhân thấy có một cái gì lạ lạ, bí mật nơi những con người ấy, có một cái gì dường như là xấu xa, tội lỗi.

Nhà chú Khen, chú Ngợi, bác Hai của chị Phúc cũng ở gần quanh quẩn trong xóm. Bọn thằng Sơn, Lâm, Hoàng, con của họ, thỉnh thoảng cũng hay xuống chơi với thằng Thành. Tụi nó không hợp với nhau lắm, hễ chơi lâu với nhau là sinh sự cãi vã, đánh lộn và trêu chọc nhau. Nhân nhớ có lần chị Phúc cũng rán đứng ra dàn xếp chuyện bất hòa như vậy nhưng không thành, lại còn bị bọn Sơn, Lâm xúm lại chọc là đồ thứ "Tây ăn rau

muống bằng muỗng nĩa" mà làm tàng. Lần đó chị Phúc đỏ mặt, quay qua nói với Nhân là đừng nghe và đừng chơi với tụi nó vì tụi nó là những đứa hư. Nhân có hỏi ba Nhân tại sao lại là Tây ăn rau muống bằng muỗng nĩa, ba giải thích là tụi nó muốn châm chọc vì ba mẹ chị Phúc hay tỏ ra về bát chước, sùng bái Tây. Ba cười, bảo có lẽ chúng nghe được từ người lớn. Bọn Sơn, Lâm cũng chỉ lớn cỡ thằng Thành thôi, cũng đôi lần tụi nó lân la lại chơi với Nhân nhưng nhớ lời chị Phúc, Nhân tránh xa.

Lên trung học, chị Phúc học ở trường Couvent Des Oiseaux, trường Tây dành cho con gái nhà giàu. Nghe nói bác Trung vì lái xe đưa đón học sinh cho trường ấy nhiều năm nên các ma-sơ cho chị Phúc học miễn phí. Trong bộ đồng phục váy ca-rô trắng xanh, áo len xanh đậm, vớ trắng, giầy trắng, Nhân thấy chị Phúc lớn và xinh hẳn ra. Nhớ mùa giáng sinh năm nào, trường Couvent cho các học sinh qua trình diễn văn nghệ ở trường La San, khi chị Phúc đứng ra đơn ca một đoạn, tim Nhân bỗng đập mạnh, Nhân cảm động, hãnh diện sao đó. Thằng Thành có vẻ không ưa cái trường đó, nó hay ghẹo chị Phúc: "đã cu vãng mà còn con chim".

Sự thanh bình trong tuổi thơ của anh em Nhân ở xóm nhỏ Bá Đa Lộc, với những đêm nô đùa trước sân, những đêm Trung Thu chơi rước đèn,... bỗng biến mất, hụt hẫng, tựa như có kẻ nhẫn tâm, giựt phắc, ngang nhiên ngắt bỏ. Tết Mậu Thân, ba mượn được cây súng tiểu liên ở sở mang về nhà, Nhân nhớ cây súng kêu là "tôm xông" . Đêm cuối năm ba mẹ cho ba anh em Nhân bận đồ mới, thức chờ đón giao thừa. Đúng nửa đêm ba đem súng ra trước sân bắn từng tràng dài lên trời. Ba còn cầm súng cho Nhân thò tay kéo cò, đạn lửa đi từ súng lên trời thành những đường cầu vòng thiệt đẹp, hai đứa Hòa, Ái đứng xem vừa bịt tai vừa xuýt xoa trầm trồ "đẹp quá, đẹp quá". Ở xóm cũng có những nhà bắn súng đốt pháo nữa. Ở trên đồi, trên Trung Tâm Thẩm Vấn và Tòa Hành Chánh tỉnh, người ta cũng bắn từng chùm hỏa châu xanh đỏ, sáng rực cả bầu trời. Ba anh em Nhân được ba mẹ lì xì mừng tuổi, ba khui hộp mứt, mỗi người ăn một chút rồi đi ngủ. Buổi sáng mồng một, ba anh em thức dậy trễ, ngạc nhiên thấy trong nhà, ngoài đường vắng lặng, chiếc xe Honda không còn dựng ở nhà dưới nữa, ba đã đi đâu từ sáng sớm. Khuôn mặt mẹ đầy lo âu, mẹ bảo Việt Cộng về đánh từ tối hôm qua, ba đã đi lên sở. Bây giờ để ý Nhân mới nghe tiếng súng ì ầm vọng lại từ đâu xa xa.

Đó là một cái Tết mà Nhân không nghe ai chúc nhau gì hết. Nhành hoa anh đào đứng buồn ủ rủ trong góc nhà, chả ai thèm ngắm tới, những hộp mứt, phong bánh để chơ vơ chẳng ai buồn đụng. Nhà nào cũng đóng kín cửa, đường xá, thôm xóm vắng lặng như chùa bà đanh. Thỉnh thoảng hàng xóm kêu nhau báo tin chỗ này bị đánh, chỗ kia người chết nằm đầy

đường, khuôn mặt người lớn nào cũng dăm chiêu, lo lắng làm bọn con nít cũng líu ríu sợ sệt như đàn gà con gặp quạ. Ngày bỗng dài lê thê với những nỗi lo âu cho người thân.

Và kể từ Tết đó, buổi tối nào ba Nhân cũng phải ra sở ngủ, dám con nít bọn Nhân không còn được chơi trước sân nhà mỗi đêm nữa. Ban đêm tiếng chó sủa ám ảnh Nhân với những bóng người rình rập ở đâu sau lưng nhà, hay trong các bờ bụi ven đường, ngoài ngõ. Rồi có những đêm đang ngủ bỗng tiếng súng nổ từng tràng chát chúa sát bên hiên nhà. Anh em Nhân chưa kịp hoàn hồn, chưa hiểu chuyện gì thì mẹ đã kéo cả ba dậy, đẩy xuống gầm giường, mẹ suỵt khẽ: "dánh nhau, mấy đứa nằm im". Dưới gầm giường mẹ choàng tay ráng ôm trọn ba anh em Nhân và mẹ đọc kinh lẩm nhẩm mải miết. Ở ngoài bên hiên nhà, tiếng chân chạy sầm sập, rồi có tiếng người kêu la như bị đau đớn lắm. Nhân nằm im lắng nghe và ngạc nhiên không nghe tiếng chó sủa đâu nữa, tự hỏi không biết con Vá trốn đi đâu.

Có hôm mới buổi chiều chạng vạng, ba vừa đi được vài phút là đạn pháo kích nổ tung các nóc nhà trong xóm. Lần này nhà đã có hầm đắp bằng bao cát nên mấy anh em Nhân cảm thấy yên tâm hơn tí chút, chui vào hầm rồi còn nói chuyện với nhau khe khẽ. Đêm này qua đêm khác, cảnh đánh nhau không xảy ra xa thì gần, đạn súng cối không pháo xóm này thì pháo vào xóm kia. Ngày nào đến trường cũng nghe bạn bè cùng lớp khảo nhau về tin "chiến sự". Ở Trung Tâm Thẩm Vấn trên đồi người ta xây lô cốt cao hơn và các mái tôn, nhà cửa trong xóm càng lúc càng loang lổ, tiêu điều hơn. Người chết, bị thương vì bom đạn, đã không phải nghe đâu xa, ở trong xóm đã có nhà trúng đạn pháo kích và có người chết. Một nhà, rồi hai, rồi ba, cứ vậy mà tăng dần. Lão hung thần chiến tranh đó, trước bọn nhỏ cỡ Nhân chỉ nghe thôi, tưởng là còn ở đâu xa, nơi hẻo lánh, hóa ra đã bất thình lình đến kề cận, lùa cánh tay đen đúa, xương xẩu qua các ngõ nhà trong xóm rồi.

Ba Nhân quyết định bán nhà dọn đi. Sống thất thỏm như vậy, Nhân nghe cả ba lẫn mẹ đều bị đau bao tử. Căn nhà mới dọn về không xa nhà cũ bao nhiêu, đó là một biệt thự song lập nằm trên đầu dốc Bá Đa Lộc, gần nhà thờ dòng Đa Minh. Ba bảo ở đây an ninh hơn, Việt Cộng khó có thể lén về được và đạn pháo kích bắn cũng khó tới. Căn nhà có mảnh vườn trồng hoa hồng bao quanh, có cổng cao, có rào kẽm gai chắc chắn. Buổi tối bây giờ ba lại được ở nhà và Nhân yên tâm hơn khỏi còn lo phải xét lại cửa nẻo trước khi đi ngủ.

Hàng xóm mới của ba mẹ Nhân là bác Thuần, ở căn bên kia của biệt thự. Bác Thuần trai là trung tá dạy tâm lí chiến ở trường Chiến Tranh

Chính Trị, hàng ngày bác lái xe jeep đi làm. Nhà bác Thuần có hai người con, anh Lân lúc ấy đang học lớp *terminal* ở trường La San và chị Thiên Lý - chị luôn luôn muốn người ta kêu chị đầy đủ tên như vậy - trước học cùng lớp với chị Phúc ở Couvent, sau chuyển sang trường nữ trung học Bùi Thị Xuân. Nhân nhớ nhà mới dọn về được vài ba hôm thì cả nhà bác ấy sang chơi, bác gái rất hiền, ít nói, rất hợp với mẹ, còn bác trai thì trước kia có quen biết sơ với ba, bây giờ lại có dịp ở gần nhau. Nhân nhớ hôm mới sang thăm lần đầu, lúc từ giã ra về, bác vừa nói vừa cười:

- Chú làm bên thông tin và ở gần tui làm bên tâm lí chiến như rứa là tụi mình có duyên với nhau đó.

It lâu sau để tiện cho việc qua lại thăm viếng nhau hằng ngày, ba Nhân thuê thợ sửa khoảng hàng rào giữa hai nhà và làm một cái cổng nhỏ ở đó. Cuối tuần, đám Hòa, Ái hay qua nhà bác Thuần để được chị Thiên Lý dạy đàn piano và tiếng Pháp cho, Nhân thỉnh thoảng cũng gặp anh Lân, anh xoa đầu Nhân, hỏi han, cho kẹo. It lâu sau, anh Lân lại dắt Nhân vào sinh hoạt ở doàn hướng đạo La San mà lúc đó anh làm phụ tá huynh trưởng cho các sư huynh dòng La San. Sau khi thi đậu bằng tú tài Pháp rồi trước khi qua Pháp học y khoa, anh Lân cho Nhân chiếc xe đạp, sách vở, bút, cặp táp, bộ đồ hướng đạo và hết thảy các thứ la bàn, dao rừng, rìu, lều,... của anh.

Bọn em gái Nhân rất thích chị Thiên Lý còn Nhân thì không ghét nhưng cảm thấy có một khoảng cách. Chị Thiên Lý học rất giỏi, tháng tháng lãnh bảng danh dự hạng nhất và năm nào cũng lãnh thưởng. Rồi chị còn biết tiếng Anh, tiếng Pháp, tối tối đi học hội Việt Mỹ, hội Việt Pháp, học piano. Về sau này khi Nhân học lên lớp 8, lớp 9 Nhân còn biết là chị thuộc rất nhiều thơ nữa. Có lẽ vì giỏi mà lại được cưng chiều nên chị có vẻ kiêu sa. Nhân không biết với bạn bè chị đối xử ra sao chứ đối với chị Phúc thì chị Thiên Lý tỏ ra khi dễ, đôi khi còn châm chọc chua cay nữa. Mà so sánh giữa hai người, Nhân bao giờ cũng cảm thấy chị Phúc thua lép đủ mặt. Nhà nghèo, ít được quan tâm chăm sóc việc học hành đã đành rồi, mà vẻ mặt đáng điệu của chị Phúc bao giờ coi cũng rụt rè, khép nép, bẽn lẽn., ánh mắt chị Phúc bao giờ cũng trông xuống, khi nói chuyện với người lạ thường chị hay cười e ấp và tay thì cứ vân vê gấu áo. Chị Thiên Lý trái lại dáng cao thanh nhã, tóc dài tha thướt, vẻ mặt thanh tú, mắt sáng, cười nói nghiêm trang và dáng điệu rất tự tin.

Lúc nhà Nhân mới dọn về ở xóm trên, như bọn nhỏ thường gọi để phân biệt xóm dưới ở cuối dốc, chị Phúc thỉnh thoảng đi học về, hay sau khi đi lễ nhà thờ dòng Đa Minh cũng hay ghé qua chơi. Có lần chị gặp chị Thiên Lý ở nhà Nhân, hai người cũng chào nhau, hỏi han qua loa rồi hình

như từ đó chị không nang ghé qua nữa. Nhân nhớ ít lâu sau bữa gặp gỡ chị Phúc, chị Thiên Lý nói với mẹ, bác Thuần và hai đứa em gái Nhân:

- Con nhỏ đó con nhà nghèo, học dở, ba thì làm tài xế lái xe ở trường mà cứ tưởng mình như là tiểu thư khuê các. Chơi thì cứ lựa bạn chơi với tụi con mấy ông lớn ở Sài Gòn ra học nội trú.

Mẹ Nhân bênh chị Phúc:

- Tội lắm cháu ơi, đi học về nó còn phải lo cho một lũ em nhỏ nữa. Mà ở trường thì thím không biết sao chứ ở nhà đối với hàng xóm Phúc lễ phép, tử tế lắm. Hồi còn ở dưới xóm, tụi nhỏ này có sang chơi, có gây gổ gì với mấy đứa em nó, Phúc bao giờ nó cũng phân xử công bằng lắm. Bởi vậy hồi đấy tụi nhỏ có sang bên ấy chơi, bao giờ thím cũng yên tâm. Ngừng một lát mẹ lại nói:

- Nhưng mà bà mẹ Phúc, chị ấy thì phải nói là có tính kênh kiệu, hay làm ra vẻ trưởng giả, hay dạy con ba cái thói cao ngạo. Mấy đứa nhỏ sau, có đứa có tính giống chị ấy nhưng con Phúc thì thím thấy không có tính ấy đâu, nó hòa nhã và chân thật lắm.

Nhưng dù không ghé nhà Nhân thường nữa, khi gặp mẹ Nhân chị Phúc bao giờ cũng niềm nở thăm hỏi lễ phép. Gặp Nhân, ở trên đường hay ở nhà thờ, chị Phúc bao giờ cũng cười thật hiền và hay nói "Nhân dọn đi rồi chị buồn ghê". Và về sau này, khi Nhân đã lớn, khi chị đã lớn, hễ gặp Nhân ở đâu chị cũng mỉm cười, nói "ráng học giỏi nghe Nhân, còn ngoan ngoãn không?"

Về xóm trên, mới lúc đầu Nhân còn nhớ những đêm chơi đùa với chị em chị Phúc nhưng chẳng bao lâu sau đó, khi Nhân đã đi sinh hoạt hướng đạo, có thêm bạn bè, vui với những trò chơi ngoài thiên nhiên, Nhân quên đi nhanh chóng khu xóm dưới nhộn nhịp dạo nào. Hết hè năm đó Nhân bắt đầu bước vào trung học, đã bắt đầu lớn rồi, như ba Nhân nói, thế là ban chiều Nhân phải lo học bài, tối tối Nhân lại đi học thêm Anh văn ở hội Việt Mỹ, thời giờ nhờ vậy trôi qua mau.

Cuộc chiến có bước vào giai đoạn nào, có dữ dội thêm hay yên lắng bớt, dường như đối với bọn Nhân nó chẳng còn là cái gì lạ lùng, bất ngờ, gây sự chú ý nữa. Nhưng tuy những bất trắc, xáo trộn, tang tóc, khổ đau tựa như không lưu lại những nét gì rõ rệt trên khuôn mặt trẻ nhỏ, lại khắc một cách kín đáo những phiền toái trong tiềm thức lứa tuổi của Nhân.

Thằng Thành thỉnh thoảng Nhân vẫn gặp ở trường La San nhưng cu cậu coi đã lớn và bắt đầu lơ là với Nhân. Tuy vậy thỉnh thoảng những ngày hè, cu cậu thiếu bạn chơi, cũng lên rủ Nhân đi bắt dế ở sân banh trường La San, hay mang banh đi đá, hoặc lên trường La San chơi bóng rổ, bóng bàn. Thành hồi ấy chẳng biết học được từ đâu những bài hát nhại

kì khôi và cu cậu cứ thỉnh thoảng khi hứng lên lại rống cổ, ca vớ vẩn. Có lần chơi đá dế với nhau ở bên hông nhà Nhân, hứng chí lên Thành hát:

"Ngày mai ngày cưới vui không
Dáng em làm như có bầu
Vì duyên tình thế cho nên
Rước dâu bà con không đến..."

Bác Phượng hàng xóm, đang qua chơi với mẹ Nhân, nghe được bỗng phì cười hỏi nó:

- Thằng ni, mi hát cái chi kì rứa hở con. Con nít ta lựa mấy bài hát tử tế mà hát, chứ hát cái chi mà bậy bạ rứa?

Thành chỉ mỉm cười thôi, chả nói gì. Lần khác Nhân lại nghe cu cậu hát:

"Em thường hay ước mơ
Mơ người yêu bán phở
Có nhiều đô la
Hút thuốc xì gà, chạy chiếc Honda..."

Nhưng rồi có một lần kia, cũng khi chơi đá dế cu cậu lại hát bậy bạ, xui thay lần ấy ba Nhân lại ở nhà nghe được, thế là cu cậu bị mời ra khỏi nhà và cấm cửa vĩnh viễn. Lần đó cu cậu hát:

"Vú em bằng cao su
Bóp vô thì thấy mềm
Thấy mềm thì anh thương, tình nào cho em, tình nào cho nó..."

Có một buổi trưa hè Nhân xin phép mẹ đi thả diều trên đồi, gặp Thành cũng đang thả diều với bọn Sơn, Lâm ở đó. Con diều của Thành chả may lại vướng đọt thông, đứt dây bay mất, Thành rủ Nhân về nhà nó để làm lại con diều khác. Hai đứa đem tre, giấy báo, keo dán ra sau hè ngồi làm hí hoáy bỗng Thành ra hiệu bảo Nhân im lặng rồi đưa tay chỉ vào buồng tắm gần đấy ở dưới lùm cây mận rậm rạp. Ở trong phòng có ai đang tắm, có tiếng xối nước và trên cửa có vắt khăn tắm, quần áo. Nhân đang ngạc nhiên chưa hiểu gì thì Thành ghé vào tai hỏi khẽ:

- Mày muốn coi con gái ở trường không, lại đây.

Thành rón rén đi lại bên phía sau buồng tắm và Nhân vừa hồi hộp, lo sợ, vừa tò mò cũng rón rén theo. Bên phía sau buồng tắm, chỗ gần hàng rào nhà cũ của Nhân, phía ấy có đường mương nước chảy, cỏ dại và dây bìm mọc um tùm sát vách phòng tắm. Một khoảng tôn khá rộng, thấp gần phía dưới bị mục để thủng những lỗ bằng đầu ngón tay. Thằng Thành ghé đầu nheo mắt nhìn vào rồi ngoắc tay kêu Nhân làm theo. Bên trong, người tắm hóa ra là chị Phúc, Nhân bỗng cảm thấy có mặc cảm đang làm điều gì tội lỗi nhưng tim Nhân bỗng nặng chĩu và mắt Nhân cứ gắn chặt vào

không dứt ra nổi. Một phút, hai phút, hay bao lâu Nhân cũng không biết, Thành khều nhẹ vai Nhân bảo đi ra. Trở lại bên hiên nhà ngồi làm điều mà Nhân vẫn chưa hoàn hồn lại, thân thể người lớn sao khác lạ dễ sợ vậy, Nhân tự hỏi, không hiểu nổi.

Những ngày sau đó là những ám ảnh không nguôi, Nhân hoang mang và có mặc cảm phạm tội gì nặng ghê gớm. Chiều thứ bảy, như mọi khi, Nhân đi xưng tội, thu hết can đảm và nói hết cho vị cha già nghe. Vị linh mục nghiêm khắc răn đe Nhân về việc làm đáng sa hỏa ngục ấy và ra việc đền tội thật nặng, Nhân phải đọc kinh lần hạt một chuỗi! Sau đó như trút được gánh nặng, tâm hồn Nhân thanh thản, nhẹ bổng và Nhân tự hứa sẽ không nghĩ tới những hình ảnh ấy nữa, sẽ tránh xa dịp tội, không chơi với thằng Thành nữa. Những lần gặp chị Phúc kế đó Nhân tự nhiên cảm thấy xấu hổ giống như làm điều xấu xa sau lưng chị, Nhân cảm thấy ngượng nghịu khi chào chị nhưng chị Phúc dường như không nhận ra điều đó, vẫn niềm nở thân mật với Nhân như cũ.

Những năm đầu trung học là thời kì miệt mài đèn sách của Nhân. Anh Lân ở bên nhà là tấm gương sáng để Nhân noi theo. Thỉnh thoảng từ Pháp, anh viết thư, gởi hình về và chị Thiên Lý mang cho nhà Nhân coi. Chao ôi nhìn mà mê, nào tháp Eiffel, giòng sông Seine xanh lơ và những công viên rắc lá vàng, tất cả đều đẹp tráng lệ. Ba Nhân bảo Nhân nếu ráng học giỏi lớn lên cũng sẽ được như anh Lân vậy và hồi đó, nếu tháng nào Nhân thụt xuống hạng nhì là ba không vui, phải luôn luôn đầu lớp mới được. Nhân sống với sự tự hào của cha mẹ và cũng của chính Nhân nữa, do vậy, ngày đêm Nhân học miệt mài, đám cỏ um tùm rậm rạp ấy mờ nhạt đi đâu mất, thoảng khi có nhớ đến thì Nhân cũng gạt phăng đi dễ dàng.

Nhưng chuyện ấy hóa ra không đơn giản như Nhân tưởng. Sau năm 75 những dự tính tương lai đều ảm đạm, Nhân buồn nản thôi học, tìm việc làm để phụ giúp mẹ nuôi em. Những đêm nằm thao thức, nhớ bạn bè trường lớp cũ, buồn tủi thân phận, tình cảnh gia đình, Nhân bỗng ước ao có một người con gái nào đó hiểu được, an ủi chia sẻ với Nhân. Dần dần, những đêm lại nặng nề, đám cỏ khuất tối, rậm rạp kia lại quay về, con hải cẩu dục trong Nhân đã lớn, Nhân đánh đấm chật vật với nó, Nhân lo âu, bối rối, bứt rứt, bực bội, lắm lúc muốn cắt bỏ cả bộ tam tinh!

Đến một ngày kia Nhân có người yêu. Khoảng cách thơ mộng của hai đứa Nhân chẳng nhớ đã giữ được bao lâu, chỉ nhớ được ít lâu nàng đã than phiền "kì quá hà, ngồi nói chuyện với nhau thôi không được sao?" Lần sau lại tái diễn, rồi nữa, cũng vậy. Mà kì lạ, trước khi gặp, Nhân cũng ấp ủ bao điều sẽ nói để làm nàng vui, cũng dặn lòng là chớ nên như vậy,

thế mà khi ngồi được với nhau ở một nơi khuất nẻo nào đó thì sự cũ vẫn cứ xảy ra. Nhân tựa như chả còn biết thời gian và chuyện đất, trời chung quanh ra sao, cứ mải mê, tìm tòi. Rồi nàng bỏ đi vượt biên, thất vọng về Nhân hay vì một lí do xã hội nào đó thì nàng chẳng nói. Tình yêu thứ hai, tình yêu kế tiếp, cũng chẳng có gì thay đổi để gọi là học hỏi từ kinh nghiệm, đúng thì càng khi, càng tệ. Những nàng thục nữ dâu có nghĩ tình yêu phàm tục đến thế. Ngày kia, hẳn là thất vọng lắm, một nàng đã than nhẹ nhàng "thật, chẳng lãng mạn tí nào!"

Nhân chẳng hiểu sao nữa, tay chân mình tựa như chẳng còn thuộc về mình. Nào Nhân có rắp tâm, tính kế gì với mấy nàng dâu, Nhân chỉ muốn yêu chân thành, thế thôi, mà nói không được. Mọi sự cứ diễn ra tựa như có con quỷ đuôi nhọn, lưỡi đỏ, ở bên trong Nhân âm thầm lèo lái thảy thảy. Nhân xấu hổ, tự xỉ vả mình bao lần, mặc cảm tội lỗi cứ dây dưa, Nhân nghĩ mình như một kẻ bất thường, bệnh hoạn. Về sau, qua Mỹ, đi học lại, có dịp học về Freud, Nhân đoán ra. Hóa ra cái đám cỏ và dây leo rậm rạp năm xưa đã làm phiền Nhân dữ vậy.

Đầu năm học lớp 8 Nhân có bạn học mới ở gần nhà. Công, em trai út của chú Thái mới từ Qui Nhơn vào học. Vợ chồng chú Thái cũng là chỗ quen biết khá thân với ba mẹ Nhân. Thím ấy hay rủ mẹ đi chợ còn chú ấy thỉnh thoảng cũng hay qua đánh cờ tướng hoặc uống trà, nói chuyện với ba và bác Thuần ở sân trước. Chú ấy làm Quân Cảnh và có tiệm hớt tóc ở cách nhà Nhân vài căn. Cha con Nhân, bác Thuần đều là khách hàng thường xuyên của chú ấy.

Khi Công về ở với chú Thái, mỗi chiều và ngày nghỉ học, Công cũng hớt tóc cho khách. Nhân nhờ hay giảng bài giúp Công các buổi chiều nên hễ thấy tóc Nhân hơi dài một tí là Công lại đè ra cắt tỉa ngay, hẳn nhiên là chẳng bao giờ lấy tiền. Công lớn hơn Nhân độ hai, ba tuổi nhưng ngoài Bình Định, chiến tranh xáo trộn, việc học của Công bị đình trệ thành thử bây giờ phải làm giấy khai sụt tuổi và ngồi cùng lớp với Nhân. Anh chàng ăn bận ra vẻ kiểu cách của các chú gà trống tơ, mới trổ mã biết gáy, còn tóc tai của chàng thì cũng như các ông thợ hớt tóc khác vậy, luôn luôn láng mướt.

Trường La San nằm gần phía nhà Nhân hơn nhưng Công hay có tật ngủ nướng và trễ học hoài nên mỗi sáng Nhân thường đi ngược ra kêu cu cậu dậy đi học. Giang sơn của Công là căn gác nhỏ nằm bên trên tiệm hớt tóc, buổi sáng Nhân thường đứng dưới dường, nghểnh cổ réo lên:

- Công ơi dậy đi học, ngủ gì mà ngủ dữ vậy?

Bên cạnh quán hớt tóc là dãy cư xá công chức, phía trước sân buổi sáng thường có mấy gánh bán cháo lòng, mì Quảng, cà phê và có vài anh

lính tan ca gác về nhà, tiện đường ghé ăn sáng. Lần nào nghe Nhân gọi Công, họ cũng ngừng ăn, cười chọc, riết rồi mấy bà bán hàng cũng lây theo mà hùa vào. Thường họ chọc:

- Công thì phải ngủ chứ mầy, công mà không ngủ được thì hết xài đó nghen.

Có khi Nhân thấy họ ngồi đó, mắc cỡ, thay đổi cách kêu mà cũng không xong:

- Công ơi, dậy đi học, mau kẻo trễ.

- Chà, đm, công này ngủ dữ à nghen. Vừa vừa thôi, công ngủ lâu quá coi chừng đứt gân máu chết nghen em.

Công học hành thờ ơ, mất căn bản nhiều quá, có cố gắng mấy cu cậu cũng khó đuổi cho kịp lại bạn bè cùng lớp. Thêm nữa, tính tình anh chàng lại có vẻ mơ mộng, ngồi học mà vẻ mặt cứ thẫn thờ như nghĩ ngợi chuyện đâu đâu, chả để ý nghe giảng gì cả. Công thỉnh thoảng hay kể cho Nhân nghe về quê Bình Định có núi, có sông, có biển, đẹp, cơ cực, nghèo khổ và con người săn ruồng bắn giết nhau vì những điều mà về sau khi nhớ lại, Nhân cũng không hiểu nổi tại sao. Chú Thái, anh hai của Công phải vào Đà Lạt sinh sống cũng vì lý do như vậy.

Học dở, tháng nào xếp hạng cũng gần chót nhưng Công vẫn được các thầy, các sư huynh thương vì tính tình ít nói, hiền hậu và nhờ cái tài vẽ vời. Mới học buổi hội họa đầu tiên là frère Francis đã chú ý và tìm thêm giờ dạy riêng cho Công về vẽ màu nước, rồi màu dầu trên bố, trên lụa. Mùa giáng sinh năm đó Công đã được frère Francis cho phụ vẽ trang hoàng hội trường, sân khấu. Lễ phục sinh Công còn được vẽ một số bức tranh thật lớn trên các pano, trên tường hành lang. Hồi nào Công còn rụt rè mặc cảm, chứ đến gần cuối năm đó là anh chàng đã được thiên hạ biết đến khá nhiều và đã có vẻ tự tin, kiêu hãnh lắm rồi.

Có buổi chiều Nhân ngồi trong quán hớt tóc nói chuyện với Công, chợt chị Phúc đi ngang qua phía trước đường. Anh chàng thợ hớt tóc làm cho chú Thái thọc hai ngón tay vào miệng huýt sáo chọc ghẹo nhưng chị Phúc dường như đã quen với những hành động đó nên vẫn cứ cúi đầu đi thẳng. Anh thợ hớt tóc nói với Công:

- Ê Công, tướng con nhỏ đã chưa.

- Xì, nói gì nữa, không biết có tay nào mó vô chưa. Tui kể ông nghe, hồi tui từ quê ra Qui Nhơn ở nhà ông chú tui kế bên tiệm chụp hình. Tối tối, tui với thằng em con ông chú leo lên sân thượng rình coi cha chủ tiệm chụp hình cho mấy con đĩ. Tụi nó chụp hình, sang ra, đem bán cho bọn Mỹ kiếm tiền đó mà. Nhiều con nhỏ có bộ ngực, mông nhìn đã lắm ông ơi.

Dạo ấy chị Phúc vừa thôi học. Hình như chị thi rớt trung học Pháp, sau đó chuyển sang học chương trình Việt ở trường Trí Đức gần nhà thờ con gà, được thêm một, hai năm rồi thôi. Nhân vẫn thấy chị thỉnh thoảng đi ngang trước nhà mỗi buổi chiều và có lần gặp mẹ Nhân, chị kể là chị sẽ về Sài Gòn ở nhà bà con để đi học thêm đánh máy rồi xin làm thư kí cho các công sở. Chị Thiên Lý thì đã thi đậu vào phân khoa Anh ngữ ngành sư phạm ở đại học Đà Lạt ngày ngày đi học bằng xe Honda dame.

Rồi một dạo chị Phúc vắng mặt hẳn, có đến đăm bảy tháng. Ngày kia chị lại về, tóc chị bây giờ đã hớt ngắn kiểu búp bê Nhật Bản, chị ăn bận coi tân thời hơn, dáng điệu, cử chỉ coi mạnh dạn hơn. Nghe tụi thằng Thành và bọn Sơn, Lâm bảo rằng chị sắp lấy chồng ở Sài Gòn, anh ấy là phi công trực thăng. Nhân nghe mà mừng thầm cho chị, Nhân nghĩ chị xứng đáng với một người chiến binh hào hùng nào đấy. Rồi dăm ba hôm không thấy chị lên xuống con dốc hay đi lễ nhà thờ Đa Minh, Nhân nghĩ là chị lại đi Sài Gòn. Một lần tan lễ, ở nhà thờ ra, trong đám đông nghe ai hỏi bác Phúc gái về chị, bác trả lời là chị ở Sài Gòn, đi dạy tiểu học cho một trường đạo nào đó bên Trương Tấn Bửu, Phú Nhuận.

Thời gian chị ở Sài Gòn bao lâu, Nhân không nhớ, chỉ nhớ một buổi chiều Nhân gặp lại chị ở đầu con dốc Bá Đa Lộc, khi Nhân lấy xe đạp ra chuẩn bị đi học Anh văn ở hội Việt Mỹ. Chị coi hơi sạm đen, gầy hơn, vẻ mặt bây giờ coi trầm lặng hơn. Chị mỉm cười thật hiền, hỏi Nhân:

- Học lớp mấy rồi Nhân? Bắt đầu lớp 9 rồi, mau ghê hả. Ráng học giỏi nghe em. It lâu sau đó, vài buổi chiều chủ nhật Nhân thấy chị thường sánh vai đi với một sinh viên trường Võ Bị ngang trước nhà. Một buổi chiều ngồi chơi trong tiệm hớt tóc với Công khi vắng khách, Nhân lại thấy chị Phúc nép sát vai người sinh viên đi ngang trước đường. Công nhìn ra, ánh mắt có vẻ ghen tị và nói theo kiểu như một tay từng trải:

- Rồi em đã có bồ rồi, mất hết vẻ ngây thơ khi xưa rồi.

Một buổi chiều ngày chủ nhật Nhân ghé chơi với Công. Quán vắng khách, người thợ ngồi đọc báo, ngáp vặt. Anh ta đưa tay chỉ lên gác:

- Hắn ngủ ở trển, lên trển kêu hắn dậy.

Nhân trèo lên thang gác, Công nằm ngủ mê mệt, lay hoài không tỉnh dậy nổi. Nhân tần ngần, đến ngồi bên chiếc bàn bề bộn những sách vở và những bản vẽ nháp, bỗng Nhân để ý thấy một cuốn sổ đóng bìa cứng khá lớn để mở, có ghi những bài thơ và những hình vẽ bằng mực bên lề, rất sinh động. Hóa ra đó là tập thơ của Công. Chèn đét ơi, Nhân hơi mỉm cười, nghĩ, anh chàng "nẩu" nhà ta biết làm thơ nữa à. Có những bài thơ tả cảnh quê ở đâu xa với trâu, đồng lúa, khúc sông, bóng tre và dừa. Có bài Công tả Đà Lạt, lời lẽ ra vẻ mùi mẫn, những sương mù, hoàng hôn, mưa

phùn và đèn đường hiu hắt. Những bài thơ cuối cuốn sổ, Nhân đọc qua và hiểu ngay Công làm về chị Phúc. Nhân cười thầm, thơ gì mà cứ ướt át, mưa với lệ. Mà thơ gì sao cứ kiểu cọ, cường điệu:

Em đi mưa lạnh sông dài
Mịt mù phố thị khóc hoài lệ ai
Em về chim hát hoan ca
Trời cao nắng ấm chan hòa lòng tôi.

Ở Đà Lạt đâu có sông, chỉ có khá nhiều hồ. Hồ Xuân Hương hơi dài, nếu chỉ chụp hình một quãng thì quả thật là nó cũng giống khúc sông. Những ngày mùa mưa phố thị nhớp nháp, những cơn mưa phùn cứ lê thê và trời thì cứ u ám nặng nề. Nhưng Nhân không biết, không nhớ là đã có bao giờ Nhân thấy buồn bởi cảnh vật chưa, có lẽ chưa, nắng mưa là chuyện của trời, thế thôi, hơi đâu buồn. Rõ là anh chàng này đã bắt đầu dở dở ương ương rồi hèn chi mà học hành chả ra sao.

Rồi cũng một buổi chiều như vậy, khá lâu sau đó, Nhân lại bắt gặp trên bàn Công một bức tranh bán thân, bằng màu nước, khá lớn, vẽ theo lối lãng mạn. Người trong tranh như đang ở tư thế nằm dựa, cặp mắt khép hờ hững, nét mặt có vẻ hơi ngây dại, bơ phờ, tóc rối và cỏ tranh, cổ áo sơ mi mở rộng và khoảng ngực nở nang diễm lệ. Đó là chị Phúc, không thể nhầm đâu được. Bên dưới bức tranh là hai câu thơ:

Mắt nai thờ thẫn bên rừng
Ngực trần, tóc rối tưng bừng nắng xuân.

Nhân thẫn thờ, hoang mang, không biết chuyện gì đã xảy ra giữa hai người. Nhân cảm thấy khá bực bội, không lẽ chị Phúc lại đi cặp bồ với Công, một thằng nhóc như bọn Nhân thôi, chả có oai hùng, chả có gì chững chạc, vững vàng như những người lớn. Nhân nghĩ đến anh sinh viên Võ Bị ngày nào đi với chị và chợt nhớ ra đã lâu không thấy hai người đi với nhau. Không, Nhân cứ nghĩ đó là chuyện tưởng tượng vớ vẩn của Công thôi.

Từ hôm ấy Nhân không còn thân mật với Công như dạo trước nữa. Gặp nhau ở trường, lại quán hớt tóc mỗi tháng thế thôi, bên ngoài vẫn chào hỏi, bên trong Nhân bắt đầu không thích Công: cái thằng đó có vẻ cải lương, kì cục thế nào. Một bữa Nhân lại gặp Công đứng nói chuyện với thằng Thành, Nhân nghĩ có thể anh chàng đang tìm cách lân la để quen với chị Phúc đây.

Sau Tết năm đó ít lâu, Công vắng mặt liên tiếp mấy ngày, lúc đi học lại, vẻ mặt, dáng điệu cu cậu coi có vẻ cáu kỉnh, lo âu, bồn chồn, không thích nói chuyện với ai. It ngày sau cu cậu không tới trường nữa, sư huynh giám thị nhờ Nhân ra hỏi thăm và nhà chú Thái bảo Công đã về Qui

Nhơn. Chiều tối hôm đó thím Thái vào thăm nói chuyện với mẹ Nhân ở nhà sau, hai người thì thầm gì đó với nhau thật lâu có vẻ như có chuyện gì thật gay cấn. Nhân đoán chuyện gì liên quan tới Công nhưng không dám hỏi mẹ.

Rồi Nhân không gặp chị Phúc khá lâu. Đến một tối thứ bảy kia cả nhà bác Thuần sang chơi Nhân bỗng nghe chị Thiên Lý vừa nói vừa cười mỉa mai:

- Thím, con Phúc vậy mà có bầu rồi thím kìa, buổi sáng hôm qua con dắt xe ra cổng đi học, thấy thằng em chở nó ngồi đằng sau xe Honda chạy ngang. Mặt trùm khăn, bụng lum lúp rồi, bầu không biết của ai vậy. Chị cười nhẹ: tiểu thư con gái nhà ai, đi đâu đến nỗi mang thai bất kì!

Mẹ Nhân sốt sắng bênh đỡ cho chị Phúc:

- Tội lắm cháu ơi, con nhỏ đó sau truân chuyên quá vậy không biết. Cái thằng đó là thằng Công học chung với thằng Nhân. Hai đứa tụi nó lén lút với nhau đến khi con Phúc có bầu thì thằng Công bắt vợ chồng chú thím Thái đi cưới con Phúc cho nó. Bên này thì không chịu, bên kia thì giận dữ. Ba mẹ con Phúc ra ngoài nhà gây chuyện to tiếng với vợ chồng chú thím Thái. Thằng Công thì bỏ về Qui Nhơn rồi lấy giấy khai sinh cũ của nó đi đăng lính Biệt Động quân đâu trên Kontum, Pleiku.

Mẹ quay sang hỏi Nhân:

- Hồi đó nó có kể gì cho con nghe không?

- Dạ không, nó đâu có nói gì cho con nghe đâu. Nhân lắc đầu trả lời.

Nhân bỏ vào phòng đóng cửa lại. Chuyện vậy mà có thật sao? Nhân sững sờ không hiểu được, chuyện sao vô lí quá vậy. Nhân ghét Công, cái thằng vậy mà ba trợn thật, Nhân tức chị Phúc sao mà nhẹ dạ. Nhân bực bội, không, Nhân không giận, không ghét Công hay chị Phúc, Nhân không hiểu gì hết. Chuyện đời sao phức tạp khó hiểu, Nhân muốn quên đi tất cả.

Mùa hè năm lớp 9 là mùa hè buồn bã. Đi cắm trại với đoàn hướng đạo về Nhân bị sốt thương hàn nằm liệt giường cả tuần lễ. Lành bịnh được ít lâu, tưởng đã khỏe, Nhân đi đá banh gặp mưa, về nhà bệnh cũ lại tái phát, ốm dai dẳng suốt cả tháng, ai gặp cũng bảo Nhân trông xanh xao. Một buổi chiều, cuối mùa nghỉ hè, thím Thái lại vào thăm mẹ Nhân và báo tin Công đã chết trong một trận đánh trên cao nguyên. Địa danh nghe thật lạ, không biết là tiếng Thượng, tiếng Pháp, hay tiếng Mỹ: Ben Hét, một cái tiền đồn hẻo lánh tận đâu trong rừng sâu.

Nằm một mình trong phòng Nhân nhớ đến Công. Chuyện Công kể về thời thơ ấu cho Nhân nghe, bỗng hiện về những hình ảnh rõ nét, sinh động như xảy ra gần đâu đây, mới hôm nào. Những đứa bé, những nông dân nghèo khổ, con trâu, mái rạ, khóm tre bờ ruộng,... những hình ảnh

như Nhân đã thấy trên những phim thời sự, trên những trang báo Quê Hương, Thế Giới Tự Do. Có đứa bé, với khuôn mặt của Công, buổi tối kinh hoàng nhìn mấy người lạ, bí mật, hung dữ, đến kéo cha mình ra khỏi nhà, trói lại, đánh đập và lôi xềnh xệch như lôi một con vật đi làm thịt. Tiếng mẹ, tiếng chị, khóc lạy, van xin. Tiếng quát tháo chửi rủa hằn học. Tiếng bước chân người chạy thình thịch trên đường đất. Tiếng chó sủa râm ran cả xóm. Buổi sáng ra người ta thấy cha bị giết ngoài đầu làng, mũi dao dài đâm xuyên ngực ông có ghim bản án xử tội Việt gian. Mà ông có làm gì ác, ông có làm gì hại được ai, ông chỉ là một thầy giáo làng, có con trai lớn (chú Thái) đến tuổi đi quân dịch và được tuyển vào Quân Cảnh ở Qui Nhơn. Vài năm sau lần lượt hai chị đi lấy chồng, cũng nghèo nàn cơ cực. Nhà chỉ còn lại ba mẹ con quanh quẩn, Công và người anh kế lớn hơn ba tuổi. Rồi mẹ buồn khổ, lâm bệnh mà mất, căn nhà để lại nhờ bà con đến ở trông coi giúp, chú Thái từ Đà Lạt về đem hai em ra Qui Nhơn gởi ông chú. Công được đến trường còn người anh kế thì không, lời lẽ thái độ của bà thím làm anh sớm hiểu ra. Tiền anh hai gởi về không đáng, anh lăn xả vào đời, bán bánh mì buổi sáng, bán cà rem ban chiều, tiền kiếm được đem về giao hết cho bà thím. Khi đủ tuổi anh đăng lính sư đoàn 22 BB, có lẽ phần cũng muốn trả thù cha, phần kiếm được đồng lương nuôi đứa em út. Một buổi chiều kia khi đi đá banh với bạn về tới nhà, ông chú đưa giấy báo tử cho Công đọc, người anh kế tử trận khi đi hành quân ở Tam Quan.

Nước mắt Nhân lăn xuống thấm ướt gối. Bây giờ Nhân lờ mờ hiểu, có lẽ Công đi tìm ở chị Phúc một sự vỗ về an ủi nào đó. Công không có đạo nhưng Nhân vẫn ngồi dậy đọc kinh lâm râm cầu nguyện. Nhân nghĩ, Chúa trên cao chắc ngài thương mà tha thứ.

Rồi Nhân lại lao đầu vào bài vở. Bây giờ những buổi chiều, ngoài việc học, Nhân quay ra chăm tỉa vườn hồng, việc này trước đây vẫn của ba Nhân. Đoàn hướng đạo La San bây giờ sinh hoạt đã đình trệ, các sư huynh phụ trách đã dời về Nha Trang không còn ai coi sóc đoàn. Tình hình chiến sự tại Đà Lạt vẫn yên tĩnh như ít năm trước đó. Con xóm nhỏ bây giờ trở lại yên ắng như dạo nào. Chị Phúc đã vắng mặt từ trước mùa hè, có người bảo chị về Sài Gòn ở tá túc nhà người dì.

Những ngày tháng kế tiếp là những biến chuyển chóng mặt và buồn bã. Sau Tết được ít lâu dân Đà Lạt dắt dìu nhau hoảng loạn chạy về phía biển, rồi nhiều nhà lại thuê ghe tàu chạy tiếp vào Sài Gòn. Sau ngày 30-4 đám dân khốn khổ ấy lại lục tục quay về Đà Lạt, ngơ ngác nhìn thành phố hoang vắng, tiêu điều.

Ba Nhân và bác Thuần đi học tập sau đó, cả hai nhà, bây giờ Nhân là

người đàn ông duy nhất để trông cậy khi có việc gì nặng. Những lúc như vậy, tình láng giềng mới thật quý. Trường học mở cửa lại, Nhân và hai em Hòa, Ái đi học lại mỗi buổi sáng nhưng những thầy cô bây giờ ai cũng lo âu, chỉ dạy qua quít cho xong năm học. Ở phường, mỗi tuần ba tối, Nhân phải qua trụ sở ôm súng đi tuần suốt đêm. Bọn Sơn, Lâm, Hoàng bây giờ coi bớt ngổ ngáo hơn, cũng gác cùng phiên với Nhân.

Nhân gặp lại chị Phúc một buổi chiều ít lâu sau khi mới về. Chị ngồi trên dòn dông chiếc xe đạp sườn ngang, người đèo chị là Bằng, anh chàng cỡ tuổi chị, bị liệt một cánh tay và trước nay thường chăn bò trên đồi trường La San. Mặt chị hơi tái, thẫn thờ như người mất hồn, gặp Nhân chị có ý tránh, chị nhìn xuống đường. Một đêm đi trực, Nhân nghe bọn Sơn, Lâm, Hoàng trò chuyện với nhau tụi nó bảo Thành đã biến đi đâu mất trong ngày 30-4 ở Sài Gòn. Có thể nó bị đè chết trong đống hàng hóa khi nhào vào phá đỗ các kho hàng trong ngày cuối cùng của Sài Gòn. Cũng có thể Thành nhanh chân leo được lên một chiếc chiến hạm nào đó ở bến Bạch Đằng và đã thoát sang Mỹ. Phần chị Phúc tụi nó bảo sau khi sinh con ít lâu chị mang cho các ma sơ ở cô nhi viện Bình Triệu rồi nhờ cậy ai đó đắt vào làm phục dịch ở một khách sạn dành cho nhân viên tòa đại sứ Mỹ. Chị bất bồ, ăn ở, với một người Mỹ vài tháng. Anh ta cũng bảo bọc chị tử tế nhưng trong những ngày cuối anh ta bỏ rơi chị và biến mất. Thất vọng, chị về lại Đà Lạt cặp bồ với anh chàng Bằng tàn tật kia.

Một buổi tối khác đi gác Nhân lại nghe tụi Sơn, Lâm, Hoàng bàn tán nhau về chị Phúc. Tụi nó bảo chị lại có bầu và bác Trung gái năn nỉ anh chàng Bằng kia cưới chị. Anh ta chối bai bải cho rằng cái thai ấy chẳng phải của anh, mà ít nhất nó đã ba, bốn tháng, như vậy là của ai đó ở Sài Gòn. Nhân nghe và cảm thấy lòng thắt lại, xót xa; không có ai hiểu được, yêu thương trân trọng tấm lòng của chị, mà bao dung độ lượng che chở cho chị được sao? Nhân nhớ đến Công, Nhân nghĩ hẳn Công đã yêu thương chị lắm, đã tuyệt vọng và muốn thoát khỏi cuộc đời. Chao ôi, nếu mà Công còn trên cõi đời này! Nhân nhớ ngày nào đó Công nói mong ước đơn sơ của Công: "chỉ ước ao mở phòng vẽ tranh và vẽ bảng hiệu, kiếm vừa đủ để nuôi thân và vợ con". Mộng ước đơn giản vậy mà cũng không tìm được nữa. Nhân cũng thấy căm ghét ba cái thằng em họ của chị, thứ hạng người thấp kém. Ở đời vẫn có những kẻ tối tăm, độc địa, thích tìm những niềm vui từ những bất hạnh, đau khổ của người khác.

Buổi trưa thứ bảy đi học về tới ngõ, Nhân gặp chị đi đâu từ phía chợ Đà Lạt về. Dáng điệu chị xanh xao, mệt mỏi, bụng đã hơi ưỡn ra và cặp mắt của chị như không còn là của chị nữa, nó lạc lõng đâu đâu. Chị nhìn Nhân khá lâu, như thể mới nhận ra, rồi chị òa lên khóc:

- Chị khổ lắm Nhân ơi, cầu nguyện cho chị nghe Nhân.

Rồi chị không đợi Nhân nói, chị bỏ đi xuống dốc, dáng hơi chao đảo. Nhân bối rối, đứng bất động, miệng há hốc, Nhân chẳng biết nói sao để an ủi chị. Nhân mở cổng bước vào nhà, đầu óc mông lung, Nhân thương xót chị nhưng Nhân không biết làm sao cả, Nhân bực bội về sự bất lực của mình. Trời, phải chi Nhân lớn, Nhân làm ra tiền thật nhiều nhỉ! Nhân vào phòng đóng cửa, quì bên giường, Nhân đọc lẩm nhẩm thành tiếng, đọc đi đọc lại kinh kính mừng cho đến khi tâm hồn ổn định, rồi Nhân cầu xin Đức Mẹ che chở an ủi chị. Nhân tin Đức Mẹ sẽ nhậm lời và bây giờ Nhân thấy dễ chịu đôi chút.

Buổi chiều chủ nhật kế đó, có tiếng bác Phượng gọi cổng gấp gáp:

- Mụ Hạnh có nhà khôn rứa? Có dứa mô ra mở cổng cho bác với.

Vào trong nhà, yên vị trên ghế rồi bác mới nói thủng thẳng:

- Mụ Hạnh nì, con Phúc hắn uống thuốc tự tử chết rồi tề! Mới trưa ni, lúc nớ tui đi ngang nghe trong nhà la khóc, tui chạy vô coi thì thấy hắn đã chết rồi nhưng ngực còn hơi âm ấm. Bây chừ họ tính sang mơi đi đưa đám. Cả cái thai nữa, rứa là hai mẹ con. Nghe mô cái thai đó là của thằng Mỹ mô ở Sài Gòn. Răng mà khổ rứa không biết?

Mẹ Nhân lộ vẻ bàng hoàng sửng sốt:

- Lạy Mẹ Maria! Mấy hôm rày em đâu có gặp nó, em có nghe người ta nói phong thanh nhưng đâu có ngờ sự thể lại tới mức như vậy. Tội nghiệp con bé, đời nó sao truân chuyên khốn nạn thế nhỉ? Thế dưới nhà bác Trung họ đã trình cha xứ chưa.

- Rồi, nhưng mà tự tử chết, cha mô mà cho đem vô nhà thờ. Bởi rứa, bây chừ họ lo gấp đi mua quan tài, tối ni liệm, mơi đem đi chôn.

- Vậy thì chiều nay em với chị, rủ thêm vài người nữa, đi xuống đọc cho nó ít kinh. Tội nghiệp, xin Chúa thương cứu vớt linh hồn khốn khổ.

Rồi mẹ với bác Phượng đi kiếm mua nhang đèn. Mẹ bảo Nhân chạy sang dòng Đa Minh xin vài nhánh bông huệ trắng để tối mẹ đem xuống đám tang. Mùa mưa bông huệ trổ khá nhiều, Nhân cắt được hơn hai chục nhánh. Nhưng Nhân vẫn chưa thấy đủ, Nhân về vườn nhà Nhân cắt hết tất cả mụ hồng, bất kể màu sắc. Nhân nhớ hồi nhà Nhân mới dọn về chị lên thăm, thấy vườn hồng, chị bảo chị thích lắm. Chị nói chị thích bông hồng vì nó tượng trưng cho tình yêu. Chị thích hồng trắng vì nó tượng trưng cho tình yêu trinh bạch, chị thích hồng phấn, hồng vàng vì chúng tươi vui, đằm thắm, chị thích hồng cam vì nó trẻ trung, chị thích hồng đỏ Bordeaux như tình yêu mãnh liệt, son sắt. Nhân cắt miên man và nhận ra sống mũi cay cay. Nước mắt Nhân đã ứa ra lặng lẽ tự hồi nào.❐

Calgary June 19, 2000

Tên thật nhà văn Thế Lữ

Đặng Trần Huân

Trong bài viết đầu tiên từ năm 1997 với mục đích tìm hiểu chính xác về các thành viên Tự Lực Văn Đoàn (TLVĐ) tôi đã thắc mắc là Xuân Diệu có là thành viên của TLVĐ không? Khi đọc di cảo của Nhất Linh biết Xuân Diệu cũng là một thành viên TLVĐ thì từ di cảo này nảy sinh hai thắc mắc mới là Xuân Diệu gia nhập TLVĐ năm nào và tên thật của Thế Lữ là Nguyễn Đình Lễ hay Nguyễn Thứ Lễ.

Hầu như tất cả các tác giả khi nói về tiểu sử Thế Lữ đều ghi tên thật ông là Nguyễn Thứ Lễ rồi nói lái thành bút hiệu Thế Lữ. Gần đây nhất, nhà văn Xuân Vũ, một người tập kết từ miền Nam ra Bắc theo kháng chiến, được gặp gỡ nhiều nhà văn tiền chiến trong bài "Cọp Thế Lữ Nhớ Rừng" đăng trên bán nguyệt san *Văn Nghệ Tiền Phong*, VA số 540 xuất bản tháng 7. 1998 cũng đã khẳng định rằng "Thế Lữ tên thật là Nguyễn Thứ Lễ có người con trai làm đạo diễn kịch tên là Nguyễn Thứ Nghi (Lễ Nghi)".

Tôi chỉ đọc được tài liệu duy nhất viết tên thật Thế Lữ là Nguyễn Đình Lễ là di cảo của Nhất Linh đăng trên nguyệt san *Văn Học Nghệ Thuật* tại Mỹ năm 1985 nhưng không nói rõ chi tiết. Trong cuốn *Văn Học Việt Nam Thế Kỷ Thứ 20* (phần kim văn) xuất bản tại Sài Gòn năm 1960, giáo sư Lê Kim Ngân nói về tên thật Thế Lữ đã bất nhất khi viết Nguyễn Thứ Lễ, khi viết Nguyễn Đình Lễ.

Trên nguyệt san *Thế Kỷ 21* số 114 - tháng 10. 1998, ông Huy Anh ở Nebraska nêu ý kiến nên hỏi thẳng ông Nghi qua địa chỉ Hội Nhà Văn, Hà Nội là chắc nhất. Tôi không làm theo lời khuyên đó vì cuối thập niên 1980 tôi có viết một lá thư gửi Hội Nhà Văn nhờ chuyển cho nhà văn Kim Lân, người bạn cùng huyện Tiên Du (Bắc Ninh) và cùng làm việc trong

tòa soạn báo *Xông Pha* của Khu 12, Việt Bắc khi tôi theo kháng chiến lúc mới 19 tuổi nhưng không biết thư có được chuyển không vì không có hồi âm.

Năm 2000 tôi ngỏ ý với người em họ ở Hà Nội đã làm việc trong ngành sân khấu là tôi muốn tiếp xúc với ông Nghi, em tôi đã cho số điện thoại và địa chỉ ông Nghi ở Khu Tập Thể Nhà Hát Kịch Trung Ương, phố Tràng Tiền, Hà Nội (đằng sau nhà Hát Lớn). Tôi viết cho ông Nghi một lá thư tỏ ý muốn biết chính xác tên thật của nhà văn Thế Lữ để làm sáng tỏ một chi tiết văn học. Cùng với lá thư kèm tem hồi báo, tôi gửi cả bài tôi viết về TLVĐ nhưng đã xóa bỏ một vài dòng liên quan tới những nhận xét sai về thành viên văn đoàn này trích trong Lời Nói Đầu in ở cuốn I bộ *Tuyển Tập Tự Lực Văn Đoàn* do nhà xuất bản của Hội Nhà Văn in năm 1999 và của một tác giả trong nước là Vu Gia.

Ít ngày sau em tôi gửi thư điện tử (e-mail) cho tôi biết là ông Nghi đã lớn tuổi hiện đang nằm bệnh viện và tỏ ý nghi ngại không muốn liên hệ với người lạ ở Mỹ. Cho tới ngày 12 tháng 2 năm 2001 tôi nhận được một e-mail khác báo một tin buồn trong đó có câu liên quan tới Thế Lữ nguyên văn như sau:

"Mọi chi tiết về cụ Thế Lữ tức cụ Nguyễn Đình Lễ bố của ông Nguyễn Đình Nghi đều được ông Nghi gọi điện thoại cho em xác nhận là đúng và còn nhắn khi nào xong sách anh gửi cho một cuốn. Nhưng anh Huân ơi ngày 11 tháng hai năm 2001 ông Nghi đã qua đời tại bệnh viện do tuổi già và căn bệnh hiểm nghèo . . ."

Tuy chưa hề gặp mặt ông Nghi, tôi cũng bồi hồi khi nhận tin ông quá vãng. Tôi gửi thư chia buồn với thân quyến ông và thật tiếc là đã không tặng ông được cuốn sách tương lai của tôi sẽ có bài báo này. Vì chưa kịp tiếp xúc trực tiếp với ông Nghi nên tôi chưa hỏi thêm được chi tiết về lý do bởi đâu và từ bao giờ có tên Nguyễn Thứ Lễ nhưng điểm chính về tên thật nhà văn Thế Lữ đã sáng tỏ.

Nhân câu chuyện này khiến tôi nhớ tới câu chuyện nhà văn Mỹ Jerome David Salinger, tác giả tiểu thuyết *The Catcher in the Rye* (Bắt Trẻ Đồng Xanh) mà nguyệt san *Văn Học* thuật lại trong số phát hành tháng 3. 2001. Salinger là một nhà văn tên tuổi nhưng cực kỳ khó tính, chỉ cho độc giả đọc tác phẩm của ông mà không muốn cho ai được biết thêm về cuộc đời ông dù năm 2001 ông đã 82, đang ở cuối đời. Ông tránh mọi cuộc tiếp xúc, ông kiện người phỏng vấn giả tưởng ông. Ông kiện Ian Hamilton tại Tối Cao Pháp Viện để chặn ông này không cho xuất bản sách nói về ông. Ông dọa kiện trường đại học Brandeis vì trường loan báo trao giải thưởng cho ông nghĩa là muốn ông xuất hiện. Những người ái mộ ông mở một

trang nhà trên mạng lưới điện toán vinh danh ông rồi cũng phải dẹp bỏ vì ông phản đối.

Ở một xứ sở nhiều luật gia như Hoa Kỳ thì chuyện Salinger còn có thể hiểu nhưng chúng tôi nghĩ Thế Lữ và những nhà văn khác của TLVĐ không đến nỗi khó như thế. Vậy thì sao trường hợp lầm lẫn về bút hiệu Thế Lữ thoát thai từ cái tên giả Nguyễn Thứ Lễ kéo dài mãi mà không ai đính chính kể cả khi những người liên hệ còn sống. Phải chăng vì một số nhà văn của ta quá coi thường những chi tiết, coi như những chuyện tầm phào chẳng thèm lên tiếng, chẳng thèm đính chính. Nên mới gây ra những lời đồn, những suy đoán, những sự sao chép tài liệu trong thư viện không kiểm chứng để gây rắc rối cho người đi sau muốn biết chính xác những vấn đề thuộc văn học sử.

Chi tiết thứ hai chúng tôi tìm hiểu là ngày gia nhập TLVĐ của Xuân Diệu. Nhà thơ Cao Mỵ Nhân đã từng viết bà có được coi quyết định trao giải thưởng TLVĐ tổ chức năm 1939 cho cuốn *Bức Tranh Quê* của Anh Thơ trong đó có ba chữ ký Thế Lữ, Tú Mỡ và Xuân Diệu.

Trong thư Huy Cận gửi ông Khai Trí đề ngày 25. 6. 1998 có đoạn viết rằng: *Xuân Diệu là thành viên chính thức của TLVĐ từ 1938. Ở trang đầu quyển "Thơ Thơ" (của Xuân Diệu) xuất bản 1938 có in rõ "Xuân Diệu trong TLVĐ"*. Tại sao lại ở trang đầu trong khi thông thường dòng chữ *Trong TLVĐ* luôn luôn được in ở ngoài bìa, ngay dưới tên tác giả. Trên báo *Kiến Thức Ngày Nay* xuất bản tại Sài Gòn số 93 ngày 1. 12. 1995 Mộng Tuyết kể bà cũng được khen thưởng trong giải văn chương TLVĐ năm 1939. Chúng tôi có phóng ảnh *Lời Khen Tặng* này ký ngày 11. 6. 1940 bởi sáu thành viên nguyên thủy là Nhất Linh, Khái Hưng, Thạch Lam, Tú Mỡ, Hoàng Đạo, Thế Lữ mà không có Xuân Diệu dù là giấy khen về bộ môn thơ.

Vậy thì Xuân Diệu được kết nạp từ 1938 như Huy Cận nói hay là sau 1940 nếu căn cứ theo giấy khen của TLVĐ cấp cho nhà thơ Mộng Tuyết?

Để chấm dứt bài này chúng tôi nghĩ có thể kết luận chính xác được hai điểm: Xuân Diệu là thành viên thứ bảy của TLVĐ và tên thật nhà văn Thế Lữ là Nguyễn Đình Lễ. Mọi chi tiết về ngày gia nhập văn đoàn của Xuân Diệu và tại sao có câu chuyện nói lái thành bút hiệu Thế Lữ lưu truyền, được viết trên sách báo gần một thế kỷ qua không còn cần thiết nữa. Và để tránh những suy luận hồ đồ có thể gây thêm rối rắm bài này sẽ là bài cuối tìm hiểu về các thành viên TLVĐ.❐

Thư kính gửi Giáo sư Nguyễn Văn Trung, *qua tạp chí Văn Học*

Hồng Khắc Kim Mai

Portland Oregon, ngày 12 tháng 4 , 2001

Kính Thầy,

Từ lâu rồi vì bận bịu mưu sinh và gia đình tôi không theo dõi kỹ những gì đã xảy ra trong thế giới cầm bút ở hải ngoại. Thời gian qua, tôi đã đến với văn học hải ngoại như một người nghệ sĩ phóng túng, đến một cách chớp nhoáng và biến đi cũng rất nhanh . . .
Gần đây, một người bạn cho tôi biết rằng Thầy có nhắn tôi trong một bài viết của Thầy, và đã gửi tặng tôi cuốn Văn Học số 179 . Do đó hôm nay tôi viết thư này xin cám ơn Thầy về sự ưu ái của Thầy đã dành cho giới trí thức trẻ tuổi Saigon (1964-1975) đã có tác phẩm xuất bản tại quê nhà, mà sau này ở hải ngoại tên tuổi họ đã bị bỏ rơi. Sở dĩ tôi chỉ đề cập tới hải ngoại, vì thực ra tên tuổi của những người đó chưa hề bị mất mát ở Việt Nam. Những tác giả có tác phẩm được in thành sách trước 1975 đều có nộp bản thảo cho Sở phối hợp Văn hoá Nghệ thuật của chính phủ đương thời, và Thư Viện Quốc Gia vẫn còn lưu giữ tất cả những sách đó.

Tôi không có thẩm quyền đại diện cho tất cả những tác giả ở trong "mảng văn học thời 1964-1975" mà Thầy đã đề cập, mà sau đây chỉ xin trình bày về trường hợp của riêng tôi.

Khoảng cuối năm 1975 (?), liên tục trong nhiều ngày, nhật báo "Saigon Giải Phóng" và đài truyền hình có phổ biến một thông cáo của Ủy Ban Nhân Dân thành phố Hồ Chí Minh. Thông cáo này liệt kê tên những tác

giả và tác phẩm của họ, mà chính quyền Việt Cộng gọi là sách báo của tàn dư Mỹ Ngụy (!?), bị cấm lưu hành trên toàn lãnh thổ Việt Nam. Tập thơ *Mắt Mầu Nâu* của HKKM và một số tác giả cùng thời đã được vinh dự nằm trong danh sách ấy. Điều đó chứng tỏ rằng lịch sử văn học thời kỳ 64-75 không hề bị thiệt thòi như lời Thầy viết. Vì hoàn cảnh, những tác phẩm được sáng tác trong thời điểm nói trên hiện đang trong trạng thể đông đá (frozen state) để một ngày nào đó, khi tình huống chính trị không còn phức tạp như hiện nay, hy vọng chúng sẽ được phục hồi. Tôi nghĩ vậy vì tất cả chúng ta ai cũng tin tưởng rằng chế độ cộng sản như hiện nay sẽ không tồn tại mãi được; và dù đất nước có như thế nào, không bao giờ những dữ kiện có thật bị gạt bỏ ra khỏi lịch sử văn hoá.

Trong quá khứ, nhà văn Đặng Tiến đã có lần viết về HKKM trên báo Bách Khoa với những lời lên án nặng nề. Ông cho rằng ngôn ngữ thơ của HKKM (xuất bản ngày 25 tháng 12, 1965; giấy phép số 4783 LC/BC3, XB Saigon) quá mới và ý tưởng quá táo bạo chưa thích hợp với xã hội Việt Nam. Theo tôi, lời lên án vô hình chung cũng là lời khen; vì bất kỳ loại văn chương nào có tính cách dấn thân và khai phá hầu như luôn luôn bị đả kích lúc ban đầu. Điều an ủi và vui nhất cho tác giả là tác phẩm *Mắt Mầu Nâu* đã có lúc được sinh viên Liên Khoa Saigon yêu thích đón nhận nhiệt tình. Nếu có cơ hội bình thơ tập *Mắt Mầu Nâu* lại, tôi tin rằng những lời nhà văn Đặng Tiến viết sẽ dịu dàng hơn vì chắc chắn tầm nhìn của ông cũng đã đổi khác.

Trong những năm gần đây, trên báo chí hải ngoại xuất hiện nhiều bài thơ ngổ ngáo và táo bạo của một số nhà thơ nữ mà một số phê bình gia ở hải ngoại cho rằng đó là những gì rất mới lạ. Nếu họ chịu khó đi ngược thời gian lui về hơn 40 năm trước thì họ sẽ thấy rằng ngôn ngữ của thi ca táo bạo ở hải ngoại chưa có sự chuyển mình nào đáng kể. Những gì họ tưởng là mới lạ thực ra chỉ là con đường mòn mà *Mắt Mầu Nâu* đã khai phóng từ lâu. Thi tập *Mắt Mầu Nâu*, mà tôi là tác giả, được xuất bản năm 1965 khi tôi vừa tốt nghiệp trung học trường Marie Curie và nó được chính thức phổ biến tại Saigon khi tôi theo học Đại học Văn Khoa. Đa số các bài in trong thi tập *Mắt Mầu Nâu* được làm từ năm tôi còn học lớp troisième (tương đương với lớp đệ tứ trường Việt) ở Lycée Francais de Tourane (Đànẵng), và thơ của tôi cũng đã xuất hiện trên báo Phổ Thông của ông Nguyên Vỹ. Tôi được nhà báo Nguyễn Vỹ mời gia nhập thi đoàn Bạch Nga của ông, nhưng tôi khước từ vì ở lứa tuổi 16, tôi không thấy thoải mái nếu phải ngồi chung với những người có tuổi đời hơn mình gấp bội. Đa số những nhà thơ trong nhóm Bạch Nga chuyên về thơ Đường luật;

còn Nguyễn Vỹ, Trần Tuấn Kiệt và Minh Đức Hoài Trinh làm thơ mới (và có ai thêm ngoài ba người này nữa thì tôi không rõ). Tôi thừa nhận họ là những người có tài, nhưng cái mới của họ chưa đủ mới với thế hệ của tôi. Thế hệ của tôi là thế hệ của thơ tự do, thế hệ bức phá, thế hệ nổi loạn, không chỉ tự do về hình thức mà luôn cả trong tư tưởng. "Con ngựa con háu đá" như tôi lúc bấy giờ thấy mình đang sải chân phi nước đại, và nhờ nó phi quá mau quá nhanh nên nó đã vượt được thời gian và không gian, để ngày hôm nay ngôn ngữ thơ trong thi tập *Mắt Màu Nâu* vẫn còn dư phong độ để song hành với những nhà thơ Việt Nam trẻ tuổi ở hải ngoại. Nếu đứng trên phương diện luân lý để đánh giá *Mắt Màu Nâu* vô luân, là thiển cận và đạo đức giả. Nếu người phê bình văn hóa nghệ thuật vẫn còn giam mình sau lũy tre xanh, trí óc vẫn còn quanh quẩn với vườn chè ruộng lúa, tâm tư vẫn còn khắc khoải bó buộc với Khổng Mạnh, thì họ mãi mãi dậm chân một chỗ. Với một tinh thần hủ lậu như thế, làm sao họ có thể lãnh hội được cái đẹp của văn hóa nghệ thuật thế giới lúc bấy giờ đang trên đà phát triển tột độ ?. Trong lúc những nhà danh họa khắp năm châu được tán thưởng với những bức tranh lõa thể thì tại sao chúng ta cứ phải khư khư ôm lấy cái đẹp của bức tranh tố nữ từ ngàn xưa ? Đành rằng tình tự dân tộc rất đáng quí và căn bản đạo đức phải được tôn trọng để duy trì sự bằng an cho xã hội; nhưng trong thời đại mới chúng ta không nên còn như con ngựa kéo xe bị che mắt chỉ nhìn thấy một hướng đi mà thôi. Bức tranh lõa thể của một nhà họa sĩ đầy sáng tạo hoàn toàn khác với hình chụp của báo PlayBoy, nhất định là như thế.
Nhiều người cho sự kêu gào thân xác trong văn chương là một tội lỗi. Không hẳn thế .Thi phẩm *Mắt Màu Nâu* không vô luân. Lắm lúc, ngôn ngữ táo tợn chỉ như một phương tiện bày tỏ sự bức phá của một tâm hồn muốn nổi loạn. Đó là điểm mới trong mảng văn học 1964-1975.

Thưa Thầy, tôi không coi sự thiếu vắng tên tôi (và các tác giả cùng thời với tôi) trong các pho sách dày cộm của ông Võ Phiến (và một số tác giả khác ở hải ngoại) viết về tiểu sử các nhà văn nhà thơ Việt, là một bất công như Thầy nghĩ. Tôi cho rằng quí vị này thiếu thời gian sưu tầm nên dẫn đến thiếu sót đó mà thôi. Thầy dùng những chữ "không đếm xỉa" sợ e quá hơi nặng nề đối với họ chăng. Không ai có đủ tư cách để được quyền đếm xỉa hay không đếm xỉa bất cứ một tác phẩm văn hóa nào trong tiến trình văn hóa của nước nhà. Những tác giả ở hải ngoại có sách xuất bản viết về tiểu sử (biography) của các tác giả Việt Nam là những người đầy tham vọng toan tính làm chuyện đội đá vá trời nhưng chỉ ngồi trong vỏ ốc, lười biếng tìm tòi nghiên cứu. Họ đọc sách của nhau, chép (copy) của

nhau rồi xào nấu thêm thắt gia vị để tạo nên tên tuổi cho mình. Do đó một người đi đầu sai, thì những người kế tiếp đều sai luôn. Tôi không nghĩ họ đã khai trừ tôi, mà tôi nghĩ khi họ ngày đêm sao sao chép chép, họ không có ý thức rõ rệt họ đang làm gì. Tôi không buồn vì những sơ sót của họ. Tôi đã "xa" quê hương rồi, thì tác phẩm và tên mình dẫu cho có bị những người ở hải ngoại khai tử cũng không có gì làm phiền bận lòng mình. Nếu có trách thì nên trách những người đã xuất thân trường đại học Văn Khoa từ 1964-1975. Tiêu biểu nhất, đó là Đỗ ngọc Yến, chủ nhiệm báo Người Việt ; Lê Đình Điểu, chủ nhiệm báo Thế Kỷ 21; Phạm Quốc Bảo, nhà văn có những tác phẩm ưu tư về sự tồn vong của văn chương Việt; Bùi Bảo Trúc, nhà văn chuyên về phiếm luận trên các báo ở hải ngoại. Ngoài Văn Khoa có Du Tử Lê, nhà thơ. Đó là những người có khá nhiều tên tuổi và uy tín trong thế giới văn chương chữ nghĩa ở hải ngoại. Những vị tôi vừa nêu tên ở trên là một số trong những chứng nhân của mảng văn học 1964-1975 ở Saigon. Họ có trong tay cơ sở báo chí hay phương tiện để có thể lên tiếng, góp ý kiến trong việc làm tắc trách của những người viết văn học sử thiếu trách nhiệm. Mảng văn học 1964-1975 bị một số người "không đếm xỉa", như lời Thầy, cho thấy sự yếu đuối của các cựu sinh viên Văn Khoa đang làm văn học ở hải ngoại. Yếu đuối vì đã nhầm mắt làm lơ với những gì họ có biết, như thế họ đã chối bỏ sự hiện hữu của chính họ trong thời kỳ đó.

Tuy vậy, như tôi đã thưa với Thầy ở đầu thư, thỉnh thoảng tôi vẫn gửi những sáng tác của mình đăng báo, bằng lòng bắt đầu lại tất cả từ số không, coi như mình là một mầm non văn nghệ. Sự yêu cầu "kiểm điểm đánh giá đúng mức" của Thầy trong bài viết của Thầy, đối với tôi, không cần thiết. Nếu có, những ai viết văn học sử có bổn phận phải làm đúng công tâm (fairness), liêm khiết (integrity) và đầy đủ (completeness) mà giới sáng tác chúng ta không cần phải van xin.

Những ai có sinh con mà bị mất con đều rất đau lòng. Trong cuộc chinh biến bể dâu, tác giả HKKM đã thất lạc MMN, đứa con tinh thần của mình trên cả hai phương diện tinh thần lẫn vật chất. Nhưng thật bất ngờ, năm 1992, một người em gái của tôi ở Nhật đã gửi tặng tôi một món quà sinh nhật. Đó là tập thơ *Mắt Mầu Nâu* của ngày rất xa xưa. Mở tập thơ ra, có giòng chữ của Thầy viết : "Xin tặng lại Kim Mai. Đó là một việc chúng ta không thể nào ngờ được cách đây gần 20 năm. Tôi nghĩ không có cách nào khác để ghi nhớ lại những tình cảm của người tặng và người nhận, cho bằng gửi lại người tặng...

Thân mến, Nguyễn Văn Trung. Saigon đầu tháng 3 1987"

Xin cám ơn Thầy đã cho tôi được gặp lại con tôi. Xin trân trọng cám ơn Thầy ngàn lần. Xin cám ơn tình nghĩa thầy trò đáng quí của một bậc thầy trường Văn Khoa mà tôi luôn luôn kính trọng.
Mặc dù phải mất thêm 5 năm nữa để đứa con tinh thần mới lò dò tìm được đường về với tôi, việc Thầy làm tự nó đã rất thơ và đẹp.

Thưa Thầy, về việc tranh đấu biểu tình, Thầy chắc đã biết rất rõ. Bản thân tôi không thuộc phe đảng nào hết. Chính phủ đương thời bất tài, tham nhũng thối nát thì tôi "nổi máu anh hùng" xuống đường vậy thôi. Tuổi trẻ chẳng có tội, và tôi chưa bao giờ hối hận về những gì đã làm trong thời còn thanh xuân. Vì tôi nghĩ dù như thế nào, tôi đã sống rất xứng đáng với cương vị của mình: nhiệt tình với tổ quốc và vô vụ lợi. Chuyện thành đoàn cộng sản gì đó thì làm sao sinh viên biết được ? Ngay cả trong chính phủ họ còn len lỏi vào làm đến những chức vụ quan trọng được thay, thì những sinh viên trẻ như tôi, nếu có bị Việt Cộng lợi dụng, cũng là một điều không đáng trách.

Khi bị bắt về Tổng Nha Cảnh Sát trong lần hội thảo cuối cùng ở đại học Y Khoa Saigon trên đường Trần Quí Cáp, tướng Nguyễn Ngọc Loan có khẳng định với tôi rằng hồ sơ lý lịch của tôi rất trong sạch. Và ông nói "mặc dù vậy chúng tôi quyết định tạm giam cô một thời gian để bọn Việt Cộng không còn lợi dụng cô". Lúc bấy giờ vì ngây thơ, tôi chưa tin lời của tướng Loan. Nhưng khi tôi bị nhốt chung với gần trăm người nữ tù chính trị ở Tổng Nha, tôi mới được mở mắt. Mặc đù bị giam giữ nhưng không hiểu vì lý do gì, những sinh viên nam nữ bị bắt trong vụ biểu tình được ưu đãi hơn những tù nhân khác. Thỉnh thoảng họ được ra sân sinh hoạt văn nghệ chung. Một đêm tối nọ tôi đang nằm co ro ngủ trên sàn ciment thì một nữ tù xa lạ bò đến nhờ tôi chuyển một mảnh giấy cho một nam sinh viên tên Thảo (cũng bị bắt cùng lúc với tôi). Tôi tò mò kín đáo mở ra đọc, mới kinh hãi khám phá ra rằng tập thể của sinh viên quả thật đã có bọn Việt Cọng trà trộn vào. Sau khi bị giải qua Cục An Ninh Quân Đội và được trả tự do sau hai tháng bị tạm giam, tôi rút lui hoàn toàn vào bóng tối và chấm dứt những liên hệ với tất cả mọi người cũ vì không muốn bị lợi dụng tiếp. Đó là lý do tại sao tôi biến mất trong khi tập thơ đang gây được một tiếng vang đáng kể trong giới sinh viên học sinh Saigon .

Tôi không đồng ý việc Thầy đánh trống đòi công lý cho tôi và những tác

giả khác, vì tôi quan niệm rằng một người nghệ sĩ sáng tác phải biết chấp hết mọi thị phi xuyên tạc và chấp luôn cả sự bạc bẽo của người đời, thì tác phẩm mới chấp cánh được.
Tôi rất cảm kích về những gì Thầy đã làm trong quá khứ đối với tập thể sinh viên Saigon nói chung. Tôi cũng rất ngưỡng mộ tài lý luận, phê bình và truyền bá tư tưởng của Thầy trong những ngày Thầy còn đứng trên bục giảng của đại học Văn Khoa. Tôi phục thái độ ngay thẳng và thật thà của Thầy, một người luôn luôn có một bầu nhiệt huyết với văn học sử Việt Nam, nhưng đã bị nhiều xuyên tạc phỉ báng từ mọi phía. Những phỉ báng lắm lúc rất hạ cấp, nhưng không thể quên rằng chính Thầy đã tạo cơ hội cho những người phỉ báng Thầy. Đó là Thầy đã không chọn cho mình một con đường nhất định, hoặc trắng thì trắng hẳn. Hoặc đen thì đen hẳn. Nếu được như thế thì Nguyễn Văn Trung không còn là NVT nữa, phải không thưa Thầy ? Nếu ai cũng phải như thế này thế nọ mới đúng, thì nhân vật Hoàng Dược Sư của Kim Dung không còn hấp dẫn nữa . . . "Nói rằng ta chánh, ta không chánh. Nói rằng ta tà, ta chẳng phải tà" Xin mượn câu nói của Hoàng Dược Sư để tặng Thầy . . .

Thưa Thầy,
Xin Thầy lật trang sách qua một chương mới và quên quá khứ. Tất cả những ai cưu mang làm văn chương nghệ thuật đều muốn dấn thân trong việc sáng tạo , vậy chính họ phải cởi bỏ những tị hiềm để thoát xác thì con đường trước mặt mới sáng sủa hơn.
Kính chúc Thầy và gia quyến vạn an❐

Hồng Khắc Kim Mai

Tìm đọc hai thi tập quan trọng của nhà thơ **Cung Trầm Tưởng:**

Lời viết hai tay

"mùa màng gây dựng mười năm miền luyện ngục"

Bài ca níu quan tài

"một trong bộ ba thơ viết về thảm họa mà Cộng sản VN đã gây ra cho dân tộc trong nửa thế kỷ"

Cả hai tác phẩm là máu lệ của một kinh nghiệm tù đày
Địa chỉ liên lạc: Ly Cung
308 Thomas Ave., Saint Paul MN 55103-1737
Email: Lycung@SprintMail.com
Phone: (651) 222-3395

Tin Văn

Thế Quân

Spring Essence, The Poetry of Ho Xuan Huong

Đó là tựa đề của một tập sách vừa mới xuất bản ở Hoa Kỳ vào cuối năm 2000, dịch những bài thơ của nữ sĩ Hồ Xuân Hương sang Anh ngữ. Tập sách do cơ sở Copper Canyon Press xuất bản, gồm tất cả 49 bài thơ của Hồ Xuân Hương, được trình bày trong ba phiên bản ngang qua các trang đối diện nhau: nguyên bản chữ Nôm, chữ Quốc ngữ và Anh ngữ. Dịch giả là John Balaban, một nhà thơ nổi tiếng của Hoa Kỳ, hiện đang giảng dạy tại đại học tiểu bang North Carolina. Ông là tác giả của 11 cuốn sách viết về thi ca và tản văn, đã từng đoạt giải Academy of American Poets' Lamont Prize, và hai lần được đề cử tranh giải National Book Award. Tác phẩm *Locusts at the Edge of Summer*, New and Selected Poems đoạt giải William Carlos Williams Award năm 1998 của hội Poetry Society of America. Ông viết nhiều cuốn sách về Việt Nam, trong đó có *Ca Dao Vietnam: A Bilingual Anthology of Vietnamese Folk Poetry*, *Vietnam: The Land We Never Knew*, *Vietnam: A Traveler's Literary Companion* (cùng biên soạn với nhà văn Nguyễn Quý Đức).

Trong lời giới thiệu, tác giả Balaban cho biết ông đã dành ra cả "mười năm mày mò dịch tập thơ này, nhiều lúc chán nản chịu thua nhưng rồi lại tiếp tục". Sở dĩ thế là vì ông yêu thích ngôn ngữ Việt và mặt khác, ông hết sức ngưỡng mộ tài năng của Hồ Xuân Hương.

Tác phẩm bán rất chạy và đang được tái bản lần thứ hai sau hai lần in trước lên đến 10.000 ấn bản. Tác phẩm đã được tổng thống Bill Clinton mang ra giới thiệu trong một buổi tiệc chiêu đãi tại Hà Nội nhân chuyến viếng thăm Việt Nam tháng 11 năm rồi.

Nhưng bản tiếng Anh có phản ảnh được hết lời thơ và ý thơ của Hồ

Xuân Hương không? Chúng ta thử đọc một trong những bài thơ thuộc loại "cắc cớ" nhất của Hồ Xuân Hương và tài dịch của tác giả:

Vịnh hang Cắc-Cớ
Trời đất sinh ra đá một chòm
Nứt làm hai mảnh hỏm hòm hom
Kẽ hầm rêu mọc trơ toen miệng
Luồng gió thông reo vỗ phập phòm
Giọt nước hữu tình rơi lõm bõm
Con đường vô ngạn tối om om
Khen ai đẽo đá tài xuyên tạc
Khéo hở hang ra lắm kẻ nhòm.

Balaban dịch:

Viewing Cắc-Cớ Cavern
Heaven and earth brought forth this rocky mass
its face cut by a deep crevasse
crack's dark mouth shagged with moss
pines rocking in wind rush.
Here sweet water spatters down
and the path into the cleft is dark
Praise whoever sculpted stone
then left it bare for all to see
(trang 88-89)

Quý vị nghĩ thế nào?

Philip Gambone, trong một bài điểm sách trên The New York Times nhận xét: "Dù không hẳn đã là một tuyển tập đầy đủ các tác phẩm của nữ sĩ họ Hồ, nhưng những bài dịch khéo léo của Balaban đã góp một phần đẹp đẽ và đầy ý nghĩa vào sự hiểu biết càng ngày càng gia tăng của Tây phương đối với gia tài văn học tuyệt vời của Việt Nam"

(Xin xem thêm bài điểm sách về tác phẩm nói trên tựa đề "Từ mộc bản đến mã số điện toán đối với một nhà thơ Việt Nam" in cùng trong số này)

Jérôme Lindon, biểu tượng vinh quang của một nhà xuất bản.

Jérôme Lindon, giám đốc điều hành của *Minuit*, một trong những

nhà xuất bản lớn ở Pháp đã từ trần hôm 12 tháng 4 năm 2001 vì bệnh ung thư. Theo *Le Monde*, trong suốt 50 năm điều hành *Minuit*, ông là hiện thân cho một tinh thần chống lại chủ nghĩa hình thức và sự dễ dãi trong văn chương một cách không khoan nhượng.

Tổng thống Pháp Jacques Chirac, trong lễ viếng tang, gọi ông là một "người khám phá đầy nhiệt tình" (un découvreur passionné). Thủ tướng Pháp gọi ông là "dấn thân hết mình" cho văn chương. Riêng Francois Gèze, giám đốc nhà xuất bản *La Découverte* khẳng định: "Cái chết của ông là một mất mát lớn cho ngành xuất bản". Jack Lang, bộ trưởng giáo dục đương nhiệm và nguyên bộ trưởng văn hóa nhận định "các nhà văn, nhà xuất bản, thư viện và những người yêu sách vĩnh viễn biết ơn ông".

Là một người chu đáo, nhiệt tình, dứt khoát và nổi tiếng là một người luôn luôn khước từ mọi vinh dự, nhưng Jérôme Lindon lại là một người tạo nên vinh dự cho những người khác. Tuy không phải là một người sáng tác, nhưng xuyên qua nhà xuất bản *Minuit*, ông là một trong những nhà cải cách vĩ đại của văn chương thế kỷ thứ 20. Văn giới Pháp gọi ông là người hộ sinh cho những thiên tài (un accoucheur de génie). Ông được xem như người đã "phát minh" (inventer) ra trào lưu Tiểu Thuyết Mới (Nouveau Roman) ở Pháp. Tại sao vậy? Vào thời gian mà Jean-Paul Sartre và Albert Camus đang chiếm lĩnh toàn bộ sinh hoạt văn học Pháp thì Lindon đã tin tưởng rằng có một trào lưu văn chương mới đang khai sinh và ông tìm cách hỗ trợ nó. Năm 1950, Samuel Beckett gửi cho Lindon bản thảo của cuốn truyện *Molloy*, cuốn đã bị các nhà xuất bản từ chối đến 5 lần. Ông nhận và xuất bản ngay vào năm sau, 1951. Đến năm 1953, ông xuất bản *Les Gommes* của Alain Robbe-Grillet. Năm 1957 ông xuất bản liên tục các tác phẩm khó nuốt khác của Samuel Beckett và Alain Robbe-Grillet cũng như các tác phẩm của Nathalie Sarraute, Michel Butor, Claude Ollier, Jean Ricardou, Claude Simon ngay khi họ là những người đang còn trong bóng tối. Những tác giả này có chung một điểm là khước từ cách viết tiểu thuyết kiểu cũ, nghĩa là khước từ viết một câu chuyện theo tuyến tính thời gian, hay nói theo Ricardou, viết là "cuộc phiêu lưu của một ngòi bút hơn là ngòi bút của một cuộc phiêu lưu" (l'aventure d'une écriture plutôt que l'écriture d'une aventure"). Cái tên "Nouveau Roman" là do nhà phê bình văn chương Emile Henriot đặt cho nhóm trong một bài phê bình đăng lên tờ *Le Monde* ngày 22/5/1957 nhân đề cập đến hai tác phẩm do *Minuit* xuất bản là *La Jalousie* của Alain Robbe-Grillet và *Tropismes* của Nathalie Sarraute (cuốn này xuất bản năm 1957, nhưng thực ra được viết vào năm 1939).

Lindon là người đã góp phần đưa ba tác giả đoạt giải Nobel: hai nhà

văn Samuel Beckett và Claude Simon giải Nobel văn chương và Elie Wiesel, giải Nobel hòa bình. Lindon cũng là người đã xuất bản một tác phẩm tạo nên một trong những thành công lớn nhất của ngành xuất bản Pháp là *L'Amant* của Marguerite Duras, với số bán được lên đến 1,2 triệu ấn bản.

Chưa hết, trong những năm vừa qua, Lindon còn phát hiện thêm một số tài năng văn chương trong thế hệ trẻ hiện nay: Jean Echenoz, Chritian Oster, Marie Ndiaye, Eric Chevillard, Rouaud, Jean-Philipe Toussaint, Antoine Volodine. Những nhà văn trẻ này, tuy không tự xếp mình vào một trường phái nào rõ rệt, nhưng những nhà phê bình văn chương phát hiện trong các tác phẩm của họ ảnh hưởng sâu đậm của những nhà văn đàn anh trong trào lưu Tân Tiểu Thuyết . Hai trong số những nhà văn trẻ kể trên, Jean Echenoz đoạt giải Goncourt với tác phẩm *Je m'en vais* và Chritian Oster đoạt giải Médicis với *Mon grand appartement* vào năm 1999. "Tôi rất lạc quan về phẩm chất của các nhà văn, phẩm chất đó thật tuyệt vời", Lindon đã khẳng định như thế ít lâu sau khi hai tác phẩm kể trên đoạt giải.

Ngoài văn chương, *Minuit* cũng xuất bản các loại tác phẩm khác, trong đó có tác phẩm của các triết gia như Jacques Derrida, nhà "hậu cơ cấu luận" và Gilles Deleuze, nhà xã hội học Pierre Bourdieu. Không những thế, *Minuit* còn liều lĩnh xuất bản tác phẩm *La question* của Henri Alleg, một cuốn sách tố cáo các binh sĩ Pháp đã hành hạ dân Algérie trong cuộc chiến tranh Algérie.

Nhà xuất bản *Minuit* được khai sinh bí mật vào năm 1942 dưới chế độ chiếm đóng của Đức Quốc Xã do Jean Bruller Vercors và Pierre de Lescure, hai thành viên của một tổ chức kháng chiến chống Đức sáng lập. Để tránh sự phát hiện, sách luôn luôn được in vào ban đêm cho nên nhà xuất bản được đặt tên là *Les Editions de Minuit* (nửa đêm). Tác phẩm đầu tiên là *Le silence de la Mer* của Vercors, một tác phẩm thuộc loại "có vấn đề" đối với chính quyền Đức. Năm 1946, Lindon theo Vercors và đến năm 1948, khi nhà xuất bản gần như phá sản thì gia đình Jérôme Lindon bỏ vốn vào đầu tư và ông chính thức đứng ra điều hành nhà xuất bản cho đến khi ông chết, 53 năm sau. Lúc đó ông mới vừa 23 tuổi. Ngay sau đó, ông cho xuất bản những tác phẩm của những tác giả tài năng nhưng bán không chạy như Georges Bataille, Maurice Blanchot, Klossowski. Ông cho biết "Từ năm 1948 đến 1956, tôi luôn luôn gặp khó khăn trong vấn đề tài chánh". Tuy thế, ông không hề chán nản, vẫn tiếp tục theo đuổi con đường ông đã chọn.

Tuy tên tuổi lớn như thế, nhà xuất bản *Minuit* vỏn vẹn chỉ sử dụng có

9 nhân viên, và mỗi năm cho xuất bản từ 15 đến 20 đầu sách chọn ra trong số 2000 bản thảo nhận được. "Ngay từ đầu, chúng tôi không muốn mở rộng. Nhờ vậy mà chúng tôi có thể duy trì được sự độc lập của mình", Jérôme Lindon đã nói như thế về nhà xuất bản của mình. Chính quan điểm đó đã giúp ông bảo vệ được nhà xuất bản nhỏ của mình trên đường Bernard-Palissy thuộc khu St Germain ở Paris chống lại những ý đồ thương mại hóa của các công ty lớn đồng thời cũng chuẩn bị bảo vệ nó chống lại xu thế Internet-hóa văn chương hiện đang diễn ra.

Jérôme Lindon sinh tại Paris trong một gia đình hợp chủng DoThái-Ba Lan vào năm 1926. Ông chết để lại một vợ, bà Annette, hai con trai, André và Matthieu và một người con gái, Irène. Irène hiện đang thay cha điều hành nhà xuất bản.

J.K.Rowling bị kiện đạo văn

Tháng 3 năm 2000, một công dân cư ngụ tại Camp Hill, tiểu bang Pennsylvania tên là Nancy K. Stouffer, đã đệ đơn lên toà án quận ở thành phố Philadelphia, Hoa Kỳ, kiện J.K. Rowling, tác giả của bộ truyện trẻ em dài Harry Potter. Đồng thời bà cũng kiện luôn Scholastic Inc., nhà xuất bản truyện của Rowling và công ty Warner Entertainment Co. là công ty giữ bản quyền đưa lên phim ảnh hai trong số các tác phẩm của Rowling về Harry Potter. Time Warner chính là công ty mẹ của CNN, chương trình truyền hình nổi tiếng Hoa Kỳ. Theo luật sư của Stouffer, Rowling đã ăn cắp cốt truyện và những nhân vật của Stouffer để sáng tác ra truyện *Harry Potter and the Sorcerer's Stone*. Trong *The Legend of Rah and the Muggles* của Stouffer, có một nhân vật có tên là Larry Potter, truyện của Rowling có nhân vật Harry Potter; những nhân vật khác của Stouffer có tên là "Keeper of the Gardens", truyện của Rowling có những nhân vật gọi là "Keeper of the Keys". Ngoài ra, trong một cuộc họp báo mới đây (14/3/2001), Stouffer còn trưng ra bằng chứng cho thấy, ngay cả những tranh minh họa Rowling cũng ăn cắp của bà. Theo nhận xét của các phóng viên báo chí, những bức tranh ở cả hai cuốn sách cho thấy ít nhất cũng có một sự giống nhau tương đối: Larry Potter và Harry Potter đeo một cặp kính ngoại cỡ và có tóc đen gợn sóng.

Nancy Stouffer là tác giả của 13 tác phẩm. Nhà xuất bản chuyên in sách của bà là Ande bị phá sản vào năm 1987. Một trong những tác phẩm chính của bà là *The Legends of Rah and the Muggles* xuất bản lần đầu tiên vào năm 1984 và tuyệt bản ít năm sau đó, khá lâu trước khi nhân vật Harry Potter ra đời.

Quyết tâm theo đuổi đến cùng cuộc kiện cáo với Rowling, Stouffer tìm cách in lại tác phẩm của bà. Trong một cuộc phỏng vấn mới đây, Stouffer cho hay bà rất khó khăn trong việc tìm ra một nhà xuất bản chịu in lại tác phẩm kể trên của bà vì họ sợ không bán được chỉ vì nó sẽ được xem như bắt chước Harry Potter. Nhưng vừa qua, trong lúc vụ kiện tụng đang tiến hành thì một nhà xuất bản chịu đứng ra in sách của bà, đó là Thurman House. Tác phẩm này sẽ ra mắt độc giả vào tháng 5 năm nay, theo lời loan báo của Thurman House vào ngày 14/3 rồi.

Trong lúc đó, tháng 11 năm 2000, nhà xuất bản Scholastic và công ty Time Warner nộp đơn kiện ngược lại Stouffer, đòi hỏi toà án phán quyết rằng tác phẩm Harry Potter không hề vi phạm bản quyền và nhãn hiệu của Stouffer. Vụ kiện này xảy ra sau khi Stouffer đã thất bại trong việc đòi hỏi trả một số tiền để bãi nại với tác giả Rowling và các công ty nói trên. Judy Corman, phát ngôn viên của Scholastic nói rằng đòi hỏi của Stouffer hoàn toàn không chính đáng.

Gunter Grass đến Paris

Vào hai ngày 15 và 16 tháng 3 năm 2001, nhà văn Đức Gunter Grass đã đến Paris tham dự ngày Hội Sách Paris (Le Salon du Livre de Paris) lần thứ 21 với tư cách là khách mời danh dự.

Gunter Grass, giải Nobel văn chương 1999, đến từ nông trại Luebeck miền bắc Đức, đã được ban tổ chức và rất đông người hâm mộ đón tiếp nồng hậu. Christina Horvath phát biểu: "Người ta đến gặp ông như đi thăm một đền đài. Để rồi sau đó, người ta có thể hãnh diện khoe rằng tôi đã gặp ông ấy, đã tận mắt nhìn thấy ông ấy bằng xương bằng thịt". Christina Horvath, nữ sinh viên Hongary, là một trong số hàng trăm người đến ngồi quanh các bàn của quán văn thiết trí tại các lối đi vào nơi triển lãm sách đợi gặp nhà văn. Nhiều người đến vì tò mò, như trong số đó, không thiếu người, nhất là người Đức, đến để nuốt từng lời của một nhà văn mà họ vô cùng ái mộ.

Đứng trên bục, lúc nào cũng thế, dáng người khum khum, đôi mắt dường như khép lại sau đôi kính hình bán nguyệt, tay trái luôn luôn giữ chiếc tẩu hút thuốc, Gunter Grass phát biểu như một người kể chuyện. Trước hết, ông đề cập đến thời gian ông cư ngụ ở Paris. "Tôi sống với vũ nữ Anna, người vợ đầu tiên của tôi, tại đại lộ Italie, thuộc quận 13 Paris. Chính tại nơi đây, tôi bắt đầu viết tác phẩm "Le Tambour". Trong đầu tôi, cuốn tiểu thuyết hầu như đã sẵn sàng. Chúng tôi chẳng có một đồng xu dính túi và đến trang thứ 500, tôi đã trở thành cha của một cặp song

sinh".

Như ta biết, *Cái trống thiếc*, tác phẩm đầu tay của nhà văn, khi mới xuất hiện năm 1959, đã lập tức nổi tiếng và 40 năm sau, là một trong những tác phẩm đã giúp ông đoạt giải văn chương Nobel năm 1999, đưa ông lên ngang hàng với những người đồng hương là Thomas Mann và Heinrich Boll. Đề cập đến văn chương Đức, ông cho biết ông rất ghét lối phân chia các nhà văn Đức hậu chiến thành hai loại: một là "văn chương của đổ nát" của những năm thuộc thập niên 60, và loại văn chương giải phóng khỏi ám ảnh của Đức quốc xã vào những năm thập niên 90. "Văn chương không dính líu gì đến tuổi tác, có những người tuổi 40 lại viết như những người già, trong lúc có những người 60, 70 tuổi lại viết với giọng văn rất trẻ". Ông cũng không đồng ý với cách phân chia từ lâu giữa văn chương của Cộng Hoà Dân Chủ Đức (tức Cộng sản) và văn chương Cộng Hoà Liên Bang Đức (tức Tây Đức dân chủ), "Trong suốt 40 năm, chẳng ai thành công trong việc phân chia văn học Đức, bất chấp sự kiểm duyệt một mặt và sự ngu dốt, một mặt khác". Tuy thế, ông nói tiếp "Sự thống nhất nước Đức hiện nay chỉ hiện hữu trên giấy tờ, nước Đức luôn luôn bị chia rẽ một cách sâu xa"

Nhận xét về văn chương Pháp và Đức, ông nói "Văn chương Đức được văn giới Pháp quan tâm hơn là điều ngược lại".

"Gone With the Wind" và "The Wind Done Gone"

Một vụ kiện tụng về đạo văn khác cũng diễn ra tại Atlanta liên quan đến bản quyền của tác phẩm *Gone With the Wind*. Vào ngày 23 tháng 3/ 2000, các luật sư đại diện cho tổ hợp Mitchell, một tổ hợp được lập ra để bảo vệ quyền của những người thừa kế tài sản của nhà văn Margaret Mitchell, tác giả của *Gone With the Wind* (Cuốn Theo Chiều Gió) đã đệ đơn đòi hỏi Tòa án Liên Bang ở Atlanta ra quyết định chận đứng nhà xuất bản Houghton Mifflin phát hành truyện *The Wind Done Gone* (Gió Đã Cuốn Rồi) của Alice Randall. Randall được mô tả là một nhà văn có tổ tiên hợp chủng hiện sống ở Nashville. Tác phẩm dự trù phát hành vào tháng 5 năm nay với nhân vật chính tên Cynara, một người nô lệ da đen, con gái của ông chủ đồn điền và một bà nô lệ da đen trong đồn điền Tata. Tác phẩm bắt đầu vào năm 1873 và đề cập đến một người chị cùng cha khác mẹ với Cynara gọi là "Other" và chồng cũ của "Other" là "R". Trong *Gone With the Wind*, rõ ràng "Other" chính là nhân vật chính Scarlett OõHara, "R" là chồng thứ ba của nàng tức là Rhett Butler, và Tata là đồn điền của OõHara. Cynara là tên một bài thơ mà Mitchell đã rút ra một

đoạn có cụm từ "gone with the wind" làm tựa của tác phẩm. Theo lời của nhà xuất bản, *The Wind Done Gone* mượn cốt truyện, khung cảnh, nhân vật và ngay cả những hình ảnh và các từ ngữ cũng như đối thoại của Mitchell với mục đích phê phán nguyên tác từ nhãn quan của một người nô lệ.

Luật sư Maura J. Wogan, đại diện cho những người thừa kế bản quyền của Mitchell đã gọi tác phẩm của Randall là "một sự đạo văn trắng trợn và toàn diện của *Cuốn Theo Chiều Gió*". Trong lúc đó, Joseph M. Beck, luật sư của Houghton Mifflin, bác bỏ lời kết án này. Wendy Strothman, đại diện cho nhà xuất bản Houghton Mifflin, cho rằng tác phẩm của bà Randall là một lời phê phán chính trị đối với tác phẩm của Mitchell. Đồng thời, trong một bản trình bày, bà Randall gọi tác phẩm của bà là một "liều thuốc giải độc cho một cuốn sách đã từng làm thương tổn nhiều thế hệ người Mỹ gốc Phi".

Cũng cần biết rằng tổ hợp Mitchell đã kiếm được hàng triệu đô la tiền cấp giấy phép dành cho những tác phẩm hậu *Cuốn Theo Chiều Gió* như cuốn "Scarlett" (nhà xuất bản Warner Books, 1992). Do đó, cũng theo các luật sư của Mitchell, tác phẩm của Randall đe dọa đến quyền này. Trong quá khứ, tổ hợp này đã thắng trong một vụ kiện chống lại rạp hát Atlanta trong việc sản xuất một loại nhạc hài hước căn cứ trên câu chuyện, nhưng lại thua trong một vụ kiện khác chống lại một nhà văn Pháp với lý do tác phẩm của nhà văn này đã bắt chước cách viết của *Cuốn Theo Chiều Gió* đặt vào trong khung cảnh thế chiến thứ hai.

Một nhà văn Mỹ gốc Ấn Độ đoạt giải văn chương của Thư Viện Công Cộng Boston

Vào ngày Chúa Nhật 25/2/2001, Thư Viện Công Cộng Boston đã tổ chức một buổi sinh hoạt văn học nhằm vinh danh 13 nhà văn vùng New England tại khách sạn Boston Park Plaza. Một trong 13 nhà văn đó là nữ văn sĩ gốc Ấn Độ, bà Anita Mazumdar Desai. Đây là lần thứ hai bà nhận được vinh dự này của Thư Viện Công Cộng. Nhà văn sinh năm 1937 tại Ấn Độ, mẹ là người Đức, cha là Ấn Độ. Bà lớn lên tại Ấn Độ, nói tiếng Ấn và Đức ở nhà và tiếng Anh tại trường. Bà hiện giảng dạy về viết văn tại trường đại học MIT, Boston. Bà là tác giả của nhiều tác phẩm được các nhà phê bình Hoa Kỳ đánh giá cao, trong số đó có *Journey to Ithaca*, *Baumgartner 's Bombay* và *Clear Light of Day*. Nói về ngôn ngữ viết văn, bà cho biết "Anh văn là ngôn ngữ đầu tiên tôi học đọc và viết, vì thế nó trở thành ngôn ngữ chính trong các tác phẩm của tôi." Năm 1963, tác

phẩm đầu tiên của bà *Cry, The Peacock* được xuất bản ở Anh quốc. Vào thời gian đó, ở Ấn, người ta không mấy quan tâm đến chuyện dùng Anh ngữ để viết văn. Bây giờ, mọi chuyện đã thay đổi. Nhiều nhà văn Ấn đã viết bằng tiếng Anh và đạt thành công đáng kể. Tại sao? Desai cho biết "Anh văn đã loanh quanh đâu đó ở Ấn từ nhiều thế kỷ. Người Ấn đã lấy nó làm thành ngôn ngữ của mình, giống như người Mỹ hay Tây Ấn và người Úc đã làm".

Nói về kinh nghiệm viết văn, bà phát biểu trong một cuộc trò chuyện với ký giả của tờ *Boston Globe* "Khi viết, người ta ngồi viết một mình, đó là một công việc cô đơn. Bởi thế mà khi ta bất ngờ gặp được một ai đó đang đọc tác phẩm của mình, thì thật là một sự ngạc nhiên"

Tác phẩm nào bà thích nhất? Bà lắc đầu, cho biết bà không bao giờ dám đọc lại tác phẩm mình sau khi nó được in ra. Tại sao? "Thật là khó mà đọc lại những gì mình đã viết, bởi vì nếu đọc lại, ta sẽ muốn viết lại toàn bộ"

Trong việc sáng tác truyện, bà quan tâm đến cái gì nhất? "Tư tưởng, những xúc động, và các cảm giác của nhân vật là cái mà tôi quan tâm nhiều nhất. Nếu người ta là nhà văn và người ta chọn viết về những nhân vật nào đó, người ta bắt buộc phải hoàn toàn đàng hoàng với nhân vật và về nhân vật, ấy là nói lên một cách chân thật, không có thiên vị gì hết" Bà tin rằng tiểu thuyết hư cấu cho phép nhà văn đi đến gần sự thật hơn bất kỳ một hình thức nào khác. "Cái mà tôi quan tâm trong tiểu thuyết, ấy là làm thế nào có thể dùng kỹ thuật hư cấu để nói cái mà ta thực sự muốn nói"

Nhân vật của bà hầu hết đều là những người Ấn Độ có học. Thỉnh thoảng đó là những người Tây phương lưu lạc ở Ấn và bị ảnh hưởng bởi người và tập quán Ấn Độ. Mặc dầu sống rất lâu ở Hoa Kỳ, bà không cảm thấy thoải mái khi viết về Hoa Kỳ. Tại sao? "Tôi thấy khó thật. Tôi có cảm giác như mình làm những điều sai lầm, nhưng điều không hiểu được" khi viết như thế.

Tác phẩm viết trên cuộn giấy của Jack Kerouac bán đấu giá

Để kỷ niệm 50 năm ngày viết tác phẩm đặc biệt của Kerouac, Công ty bán đấu giá Christieõs loan báo một cuộc bán đấu giá bản thảo tác phẩm viết trên cuộn giấy dài 36 mét của ông *On the Road* sẽ được tổ chức vào ngày 22 tháng 5 tới. Jack Kerouac là ai? Có lẽ chỉ trừ một số nhà nghiên cứu nào đó, hầu hết trong chúng ta chẳng ai biết đến tác giả này. Nhưng với Barry Miles trong cuốn sách viết về Kerouac mới xuất bản *Jack Kerouac, King of the Beats*, thì ông là "một trong những khuôn mặt văn

chương được thừa nhận rộng rãi nhất của thế kỷ 20".

Kerouac sống một cuộc đời phóng đãng. Bỏ học, bị đuổi khỏi Hải quân, không hề có một công việc nào ổn định cũng như chẳng có một tình bạn nào bền chặt. Ông có những liên hệ tình dục bừa bãi và sau này, là một người đồng tính luyến ái.

Tuy thế, về mặt văn chương lại khác. Là người nói tiếng Pháp cho đến năm 12 tuổi, ông mới học tiếng Anh và đã vượt qua những khó khăn về ngôn ngữ để đạt đến thành công. Cùng với bài trường thi "Howl" của Allen Ginsberg và truyện dài *Naked Lunch* của William Burrough, "On the Road" đã là nguồn cảm hứng tạo nên nhóm "The Beat Generation", một câu lạc bộ văn chương độc đáo vào đầu thập niên 1950 có căn cứ ở New York và San Francisco. Bản sơ thảo của *On the Road* được Kerouac nối tiếp với nhau đặt vào trong máy đánh chữ. Đó là một cuốn tự truyện mô tả cuộc phiêu lưu của một nhóm những thanh niên không một đồng xu dính túi đi xuyên qua nước Mỹ sau đệ nhị thế chiến và sống với nhạc jazz, thuốc phiện và tình dục. Phải đợi đến 6 năm sau, vào ngày 5 tháng 9/1957, tác phẩm mới được chính thức ra đời do nhà xuất bản Viking Press. Một trong lý do chậm trễ là vì lối văn tự do cũng như hình thức bất thường của nó đã không chiếm được cảm tình của độc giả. Vì vậy, ông bị bắt buộc phải đánh máy lại và nộp bản theo khuôn khổ thông thường. Từ lần xuất bản đó đến nay, *On the Road* đã bán được tất cả 3 triệu cuốn, được dịch ra 25 thứ tiếng và đã được ca ngợi như là một trong những tiểu thuyết vĩ đại của Hoa Kỳ trong thế kỷ 20. Trong bài điểm sách năm 1957 ngay sau khi tác phẩm vừa xuất bản, Gilbert Millstein của *The New York Times* đã nhận định: "Có nhiều phần trong *On the Road* văn chương thật là tuyệt đẹp".

Theo một phát ngôn viên của công ty Chritieõs, giá bán của "On the Road" được ước lượng khoảng từ một triệu đến một triệu rưỡi đô la. Tháng sáu năm rồi, bản thảo của nhà văn Pháp Marcel Proust *Du côte de chez Swann* bán được 925.525 đô la. Tháng 12, một phần bản thảo kiệt tác *Ulysses* của James Joyce đã bán được 1.546.000 đô la, một kỷ lục thế giới.❐

Từ mộc bản đến mã số điện toán đối với một nhà thơ Việt Nam

Sam Howe Verhovek

Trước lúc nhà xuất bản Copper Canyon Press sẵn sàng xuất bản tập thơ *Spring Essence: The Poetry of Ho Xuan Huong* (1) dự án có một vài điều phải làm nhiều hơn là một cuốn sách bình thường, vì lẽ nó đòi hỏi sự duy trì nguyên bản lối chữ viết Việt Nam đang biến mất. Một loại chữ viết tượng hình đã thất truyền gọi là chữ Nôm, tương tự như chữ Trung Hoa nhưng viết theo kiểu Việt Nam, đã được người ta cần mẫn đưa vào chương trình máy điện toán, nhờ vậy đã mang tác phẩm của nữ sĩ họ Hồ đến với các tiệm sách Tây phương. Bà sinh vào thập niên cuối cùng của thế kỷ thứ 18, đã làm thơ với một sự mạo phạm bất thường và một giọng điệu vô cùng gợi dục so với thời đại bà sống, khiến cho bà được xem như là một trong những nhà thơ vĩ đại của Việt Nam.

Tác phẩm của bà, theo John Balaban, một thi sĩ ở North Carolina , người đã dịch thơ bà và giúp coi sóc cách trình bày chúng trong một cuốn sách sửa soạn hết sức công phu, quả thực đã là một bước "nhảy vọt từ mộc bản đến điện tử, bỏ qua toàn thể giai đoạn máy in". Mỗi bài thơ được trình bày trong ba phiên bản ngang qua các trang đối diện nhau: nguyên bản chữ Nôm, chữ Quốc ngữ hiện đang dùng và tiếng Anh.

Đối với Copper Canyon, một nhà xuất bản nhỏ vô vụ lợi chuyên về thơ và hoạt động bên ngoài một tiệm sửa súng đại bác cũ ở tại Công viên Fort Worden State trong hải cảng lộng gió này trên vùng Puget Sound, việc xuất bản những bài thơ của nữ sĩ họ Hồ là một công việc vô cùng phức tạp đồng thời cũng đạt được một thành công đáng trân trọng. Tập thơ đã được đón chào nồng nhiệt qua những bài điểm sách cả ở hai bên bờ Thái Bình Dương và đã được tổng thống Bill Clinton trình bày trong một buổi tiệc chiêu đãi nhân chuyến viếng thăm Việt Nam tháng mười một

năm rồi. Sách bán chạy một cách đáng ngạc nhiên và đang được tái bản lần thứ hai sau hai lần in trước với tổng số lên đến 10.000 ấn bản kể từ tháng mười.

Michael Wiegers, giám đốc điều hành của Copper Canyon, cho biết: "Đối với một người vợ lẻ Việt Nam vào cuối thế kỷ 18, điều không hề được biết rộng rãi ở Tây phương, thì điều đó quả đáng kinh ngạc". Có nhiều chi tiết đặc sắc trong việc làm thế nào mà tác phẩm này dẫn đến nỗ lực thực hiện bằng in chữ Nôm, một thứ chữ bí ẩn đến nỗi các học giả cho rằng chỉ có độ vài chục người trong số 80 triệu người hiện đang sống ở Việt Nam có thể đọc được một cách thông thạo. Tạp chí *Utne Reader*, trong bài điểm sách, cho biết: "Đôi khi những cuốn sách thực sự làm thay đổi thế giới. Tác phẩm này có thể đưa đến một dự án có thể chuyển hóa diện mạo văn hóa Việt Nam".

Dĩ nhiên, điều đó bắt đầu với nữ sĩ họ Hồ, một người vợ lẻ (nghĩa là người vợ thứ hai, và "giống như một con ở không được trả công" như bà nói trong một bài thơ) mà cuộc đời vẫn còn một số chi tiết mù mờ nhưng thơ của bà khi thì trí thức, khi thì gay gắt, khi thì tục tĩu và khi thì ngộ nghĩnh và tràn đầy những từ lưỡng nghĩa, hoàn toàn đặt vấn đề và ngay cả chế giễu những quy luật khắc khe của Nho giáo. (Ông Balalan lưu ý trong bài giới thiệu rằng, theo sách Lễ Ký của Khổng tử, một người đàn bà "tại gia tòng phụ, xuất giá tòng phu, phu tử tòng tử").

Việc thực hiện tập sách kéo ngược trở về thời còn chiến tranh Việt Nam, lúc mà ông Balaban tuy là một người phản chiến nhưng lại đến Việt Nam và phục vụ trong một cơ quan cứu trợ trẻ em chuyên lo giúp đỡ về y tế trong những làng mạc bị thiệt hại vì chiến tranh. Sau đó, trong khi cuộc chiến vẫn còn đang tiếp diễn, ông Balaban , do bị lôi cuốn bởi tiếng Việt, bắt đầu du hành về nông thôn với một chiếc máy ghi âm để ghi lại những chuyện cổ tích dân gian và các buổi hò vè của nhân dân.

Trong một cuộc phỏng vấn bằng điện thoại, ông Balaban nói: "Hãy tưởng tượng một người Việt Nam bước vào một nông trại Hoa Kỳ trong thời chiến tranh và gõ cửa, tự giới thiệu và nói "Tôi tự hỏi không biết quý vị có thể đọc cho tôi nghe bài thơ mà quý vị thích nhất hay không". Thay vì dùng súng để đuổi đi, họ đã chào đón tôi".

Không biết bao nhiêu lần, ông Balaban nghe đọc những bài thơ thô tục của nữ sĩ họ Hồ là những bài thơ được truyền khẩu sâu rộng qua tất cả mọi giai tầng trong xã hội Việt Nam và truyền qua các bản chép tay. Sử dụng lối chơi chữ và cách gieo vần tinh xảo đồng thời dựa trên sự khác biệt âm sắc của ngôn ngữ, những bài thơ của bà thường dễ tạo ra tiếng cười và có hình tượng tính dục không che giấu. Những bài thơ khác sử

dụng những hình ảnh thiên nhiên phi-thời-gian và nghe rất hay cả ở trong Việt ngữ và bây giờ trong bản dịch của ông Balaban, như trong bài "Hỏi trăng":

Mấy vạn năm nay vẫn hãy còn
Cớ sao khi khuyết lại khi tròn

Sau khi hỏi như thế, bài thơ tiếp tục:

Hỏi con ngọc thỏ đà bao tuổi
Chứ chị Hằng Nga đã mấy con
Đêm vắng cớ sao quanh gác tía
Ngày thanh chút chẳng thẹn vầng son
Năm canh thơ thẩn chờ ai đó
Hay có tình riêng mấy nước non.

Ông Balaban cũng tình cờ nghe các phụ nữ nông thôn diễn ngâm những bài thơ được gán cho nữ sĩ, mà theo như ông tìm hiểu về sau, chúng chỉ là những bài thơ mới làm sau này nhái theo giọng thơ của bà. Không ai biết chắc như thế nào, nhưng điều này trong chừng mực nào đó lại khiến cho thơ của bà càng hấp dẫn hơn. Chẳng hạn như bài thơ phổ biến được gọi là "Thân phận đàn bà" sau đây:

Hỡi chị em ơi có biết không?
Một bên con khóc một bên chồng
Bố cu lỏm ngỏm bò trên bụng,
Thằng bé hu hơ khóc dưới hông
Tất cả những là thu với vén
Vội vàng nào những bống cùng bông
Chồng con cái nợ là như thế
Hỡi chị em ơi có biết không?

Ông Balaban là một nhà thơ tạm trú (poet in residence) và là giáo sư Anh ngữ tại trường Đại Học Tiểu Bang North Carolina ở Raleigh. Ông sáng tác và xuất bản nhiều thi tập và đã được đề cử hai lần vào giải "National Book Award" của Hoa Kỳ. Trong lời giới thiệu thi tập Hồ Xuân Hương, ông giải thích: "Tôi đã dành cả 10 năm mày mò dịch tập thơ này, nhiều lúc chán nản chịu thua nhưng rồi lại tiếp tục". Dịch những bài thơ sang Anh ngữ cho đúng nguyên bản là điều quan trọng đã rồi. Nhưng việc thực hiện cuốn sách lại chuyển về thành phố Nữu Ước, nơi tiến sĩ Ngô Thanh Nhàn, một nhà ngôn ngữ học điện toán gốc Việt hiện dạy tại đại học New York, đã cộng tác nhiều năm trong một dự án nhằm điện toán hóa từng nét của mỗi một chữ Nôm mới có thể in ra sách được.

Do vậy mà mặc dù không thể đọc được nhiều chữ Nôm, ông Balaban và nhà xuất bản Copper Canyon xem cuốn sách là một cách ca ngợi công

trình của tiến sĩ Nhàn và là một cách bảo tồn ngôn ngữ. Thơ của Hồ Xuân Hương chỉ sử dụng khoảng chừng 1000 từ, nhưng lại có đến hơn 25.000 từ thuần Việt trong hệ thống chữ Nôm hoàn chỉnh. Họ cùng với nhiều học giả Việt Nam khác đã hình thành một tổ chức bất vụ lợi có tên "Vietnamese Nom Preservation Foundation" (Hội Bảo Tồn Chữ Nôm, có địa chỉ trên Web là http://nomfoundation.tripod.com/) với hy vọng giữ gìn được thứ ngôn ngữ viết này bằng cách điện tử hóa tất cả những chữ Nôm và xuất bản một tự điển tiếng Nôm. Công việc này sẽ giúp dịch tất cả những văn thơ bằng chữ Nôm được viết hàng trăm năm qua hiện lưu giữ ở các thư viện Hà Nội, Paris, Vatican (do các linh mục Pháp và Bồ Đào Nha mang về đó), Luân Đôn, Hoa Thịnh Đốn và nhiều nơi khác. Đề tài của chúng bao gồm cả văn chương, thi ca, lịch sử, Phật giáo, y học và triết học.

Cũng do tiến hành việc bảo tồn chữ Nôm, cuối cùng việc in ấn cuốn sách phải chuyển về Port Townsend, một thị trấn nhỏ, chuyên về nghệ thuật cách Seattle chừng 25 dặm. Nhà xuất bản Copper Canyon khai trương ở Denver và chuyển về đây vài năm trước. Trong các câu lạc bộ thi ca, nó được biết như là lãnh địa của Sam Hamill, một trong những sáng lập viên ưa suy tư và có ý chí mạnh mẽ. Ông là một người phản chiến khi còn đang phục vụ ở trong một đơn vị Thủy quân Lục chiến đóng ở Okinawa vào đầu thập niên 1960, và sau đó trở thành một một Phật tử phái thiền tông. Ông đã sáng tác nhiều tập thơ, dịch hàng chục tác phẩm khác của các nghệ sĩ bậc thầy Trung Hoa và Nhật Bản, và coi sóc khoảng chừng 250 tác phẩm khác do Copper Canyon xuất bản. Ngoài việc dịch các tác phẩm của những thi sĩ Á châu, Copper Canyon còn xuất bản nhiều tuyển tập thi ca của Pablo Neruda, Czeslaw Milosz, Denise Levertov, Hayden Carruth, W.S. Merwin và Jim Harrison. Nhà xuất bản in chừng 18 cuốn một năm và hoạt động nhờ lợi tức thu được từ đó cũng như từ quỹ "Lila Wallace-Readerõs Digest Fund", " National Endowment for the Arts" và nhiều quỹ khác.

Ông Wiegers, giám đốc điều hành nhà xuất bản, giải thích: "Đối với chúng tôi, một cuốn sách có một sứ mệnh và cuốn sách này có thể dùng như nhịp cầu nối hai xứ sở. Ông Clinton diễn tả cuốn sách như là một bằng chứng về trao đổi văn hóa trong buổi tiếp tân tại dinh chủ tịch ở Hà Nội. Ông nói: "Những bài thơ lâu hai trăm năm của nữ sĩ Hồ Xuân Hương đã được xuất bản ở Hoa Kỳ bằng tiếng Anh, tiếng Việt và ngay cả tiếng Nôm nguyên bản, thứ cổ ngữ Việt Nam lần đầu tiên đã được in ra từ máy in".

Dĩ nhiên, điều này đơn giản chỉ dùng để giới thiệu thơ của nữ sĩ họ

Hỏi em thuở đó trăng tròn khuyết
HUỲNH LIỄU NGẠN

gởi lại đầu sông anh bước đi
trăng khuya vọc nước buổi xuân thì
còn đêm sao vội chia tay sớm
vắng tiếng gà đầu ngọn tường vi

biết quê dậy sớm sương còn đọng
em về mẹ đợi buổi trời đông
áo vai chua vá mưa mai giọt
ai ơi hò vọng tuổi mù sông

thôi thế anh qua mùa gió mạ
đợi nắng vàng cây khô chút lòng
hỏi em thuở đó trăng tròn khuyết
mà hương tóc lúa ráo cả dòng

đời trôi vẫn vậy trôi trôi mãi
ai ngờ mây nước vẫn hương khê
lòng anh mòn theo mùa gió ấy
biết có ngày sau một chỗ về

Hồ với các độc giả Tây phương. Ông Balaban nói: "Sở dĩ tôi kiên trì là vì tôi được nâng đỡ bởi lòng ngưỡng mộ và sự thán phục, điều mà tôi hy vọng độc giả sẽ trải qua: đối với một Hồ Xuân Hương cô đơn, thông tuệ, đối với hơi thơ độc đáo của bà, qua đó nói lên tính cách bướng bỉnh, sự châm biếm, sự cam đảm, thái độ giễu cợt mạo phạm và lòng từ bi của bà".❐

(Trần Doãn Nho dịch từ bài "From Woodcuts to Bytes for a Vietnamese Poet" đăng trên tờ the *New York Times* ngày 15 tháng 3/2001)

(1) Spring Essence: dịch ra tiếng Anh tên Hồ Xuân Hương. Tập thơ gồm 49 bài thơ của Hồ Xuân Hương do John Balaban dịch ra Anh Ngữ, nhà xuất bản Copper Canyon Press, Hoa Kỳ, năm 2000.

Hộp thư

Thư từ liên quan việc mua báo, gia hạn:

Rose Fashions (Chicago IL, mua báo dài hạn), và báo cũ) Nguyễn Tấn Tài (Norway, mua sách và báo cũ), Nguyễn văn Long (Ponzano Italia), L.M. Đinh Công Huỳnh (Philadelphia, PA), Tường Lưu (Houston TX, gia hạn 2 năm), Dinh Le (Lake Forest CA), Nguyen Nguyen (Hacienda Heights CA), Hanh Tran (San Jose CA), Diep Van Phan (San Francisco CA), Lai & Lieu Tran (Cocoa FL), Hoàng Đỗ (Spokane WA), Thi Nguyễn (mua báo cũ, Bellevue WA), Dương Thu Lan (Northridge CA), Hien Kim (Chicago, IL), Suong Nguyen (Houston TX), Dien Phan (Wichita KS mua báo tặng cho bạn là Mai Nguyễn), Phuoc Le (Kaneohe HI), Nguyễn Q. Han (Mralboro NJ), Miên Đức Thắng (Germany), Chi Pham & Dong Tran (Smyrna GA, mua báo Văn Học cũ), Nguyễn Hữu Tuấn (Allston MA, mua báo Văn Học cũ), Y Sa Lê (Fountain Valley CA), Phan Tan Thien (Toronto Canada)

Bài nhận được qua bưu điện.

"Tìm hiểu lại nghi vấn về tác giả Lục Vân Tiên", "Tính sổ đoạn trường" gửi từ Redmond WA, "Nỗi niềm" gửi từ Long Beach CA, "Hỏi em thuở đó trăng tròn khuyết" gửi từ Rosemead CA, "Tháng Bảy hành quân xa" gửi từ South. Boundbrook NJ., "Giọt lệ Chelsea" gửi từ Seattle WA, "Một chút hiến dâng", "Mai ta chết", "Ngậm ngùi" gửi từ Westminster CA

Trong tháng Tư 2001, hộp thư e-mail Văn Học đã nhận được một số bài từ xa gửi tới. Trừ trường hợp do trục trặc kỹ thuật các email ấy bị trả lại, những bài khác đều đã tới hộp thư email Văn Học đầy đủ.

Văn Học cũng nhận được một số sách tặng, sẽ giới thiệu với bạn đọc trên số báo tới.

Nhắn tin chung:

Một số bạn đọc ở Âu châu không quen cách ghi ngày tháng ở Hoa Kỳ đã tưởng lầm hạn mua báo đã hết. Ban Quản trị Tạp chí Văn Học một lần nữa xin giải thích rõ: Ngày hết hạn trên nhãn gửi báo ngoài phong bì được ghi theo cách ghi ngày tháng ở Hoa Kỳ, nghĩa là ghi tháng trước, rồi tới ngày, và năm. Ví dụ: 4/1/01 nghĩa là hạn mua báo của quí vị đến ngày 1 tháng 4 năm 2001 là hết. Hơn thế nữa, mỗi khi hạn mua báo đã đến hay sắp đến (hai tháng trước và hai tháng sau), máy vi tính tự động in hàng chữ PLEASE RENEW - XIN GIA HẠN trên nhãn địa chỉ.

THÔNG BÁO TĂNG GIÁ BÁO MUA DÀI HẠN

Bắt đầu từ ngày 7 tháng 1 năm 2001, Bưu điện Hoa Kỳ thay đổi giá bưu phí gửi báo đi ngoại quốc, khiến Ban Chủ trương Văn Học vô cùng bối rối.

Suốt mười sáu năm xuất bản của Văn Học, hai món chi phí quan trọng nhất Văn Học phải lo là tiền in và tiền gửi báo. Số thu từ bạn đọc dài hạn và từ các hiệu sách vừa đủ trang trải cho hai chi phí nói trên, tác giả góp bài và những người thực hiện tờ tạp chí đều làm việc với tinh thần thiện nguyện, nhờ thế Văn Học mới sống sót cho đến ngày nay.

Nhưng đợt tăng giá bưu phí vừa rồi là một lo lắng tài chánh lớn cho Tòa báo, nhất là đối với các bưu phẩm gửi tới bạn đọc dài hạn bằng đường thủy (surface) ở ngoài Hoa Kỳ, như Canada, Âu châu, Úc châu.

Văn Học gửi đi Canada trước đây bưu phí air mail là $2.06, bưu phí surface là $1.37. Nay gửi theo global priority tốn hết $4.00, gửi theo Economy (tên mới thay cho hạng surface) tốn hết $2.70.

Văn Học gửi đi Âu châu trước đây bưu phí air mail là $3.84, bưu phí surface là $2.24. Nay gửi theo global priority tốn hết $5.00, gửi theo Economy tốn hết $3.80.

Văn Học gửi đi Australia và Japan trước đây bưu phí air mail là $4.85, bưu phí surface là $2.24. Nay gửi theo global priority tốn hết $5.00, gửi theo Economy tốn hết $4.05.

Gửi báo hạng Economy vừa chậm (hơn một tháng mới tới) lại vừa đắt (vì tính theo trọng lượng tối thiểu 16 oz.), nên từ số này, chúng tôi bắt buộc phải gửi báo đi Canada, Âu châu và Úc châu theo hạng **Global Priority**, tốn **Bốn Mỹ kim** cho báo gửi đi Canada và **Năm Mỹ kim** cho báo gửi các nước khác.

Từ nay, Văn Học gửi báo đi ngoại quốc theo một hạng duy nhất là Global Priority, và bỏ hẳn hạng Surface.

Một giá biểu mới được áp dụng cho các bạn đọc gia hạn từ **Một tháng Tư năm 2001** in kèm ở cuối số báo này.

Những bạn đọc ở Hoa Kỳ đã gia hạn một hay hai năm không bị ảnh hưởng của giá biểu mới.

Những bạn đọc mua Văn Học theo hạng Air Mail cũng không bị ảnh hưởng nhiều. *Ảnh hưởng nhiều nhất là các bạn đọc mua dài hạn theo hạng surface*. **Ban quản lý Văn Học sẽ điều chỉnh số báo quí vị sẽ nhận được cho phù hợp với giá biểu mới.**

Tăng giá báo vì bưu phí đột ngột tăng là một điều bất đắc dĩ. Mong bạn đọc thông cảm, và tiếp tục ủng hộ Văn Học.

Du khách nào tới vùng Orange County
cũng đều ghé lại

Nhà sách Văn Khoa

9200 Bolsa Ave. Ste. # 123 Westminster CA 92683
(Trong Khu Phước Lộc Thọ)

TEL: (714) 892-0801

Sách mới về mỗi tuần. Đầy đủ sách báo và CD's, Tự điển, Sách học Anh văn có Băng, Videos, Băng đọc truyện, Postcards.

Sách mới về mùa Xuân năm 2001:

Gọng kìm lịch sử (609 trang, bìa cứng) Bùi Diễm, giá $25.00
Đặng Tiểu Bình, Nhà chính trị lỗi lạc (440 trang) Ngộ Thiện, $18.00
Saigon Cali 25 năm gặp lại (206 trang) phóng sự Saigon của Văn Quang, giá $13.00
Bạn bè gần xa (460 trang) hồi ký của Phan Lạc Phúc, giá $22.00
Đảng Cộng sản Việt Nam qua những biến động trong phong trào cộng sản quốc tế (23- trang) Nguyễn Minh Cần, gía $13.00
Bí mật hậu trường chính trị Miền Nam 54-75 Tập III, Đặng văn Nhâm , giá $25.00
Windows 98 — Tự học nhanh trong 24 giờ (356 trang) Greg Perry, giá $15.00
Được vay nụ cười (313 trang) truyện dài tình cảm của Kathy Trần, giá $12.00
Bói toán, Số mệnh mỗi người (413 trang) Đoàn văn Thông, giá $16.00
Lưu hương đạo soái (2 vol., 508 trang) tiểu thuyết kiếm hiệp của Kim Dung, giá $25.00
Trời xanh cũng khóc (3 vol., 864 trang) Quỳnh Dao, Liêu Quốc Nhĩ dịch, giá $36.00

Ở xa mua sách: Xin gửi chi phiếu đề cho Văn Khoa, giá tiền bằng giá liệt kê, miễn cước phí nếu ở Hoa Kỳ

NHÀ XUẤT BẢN VĂN MỚI

Xin giới thiệu cùng quý độc giả, một tác phẩm mới vừa phát hành tháng 4 năm 2001.

***

VĂN HÓA TRÌ TRỆ,
NHÌN TỪ HÀ NỘI ĐẦU THẾ KỶ 21.

Ký của Lê Thị Huệ
Trình bày bìa Trân Sa
284 trang , giá $14.00

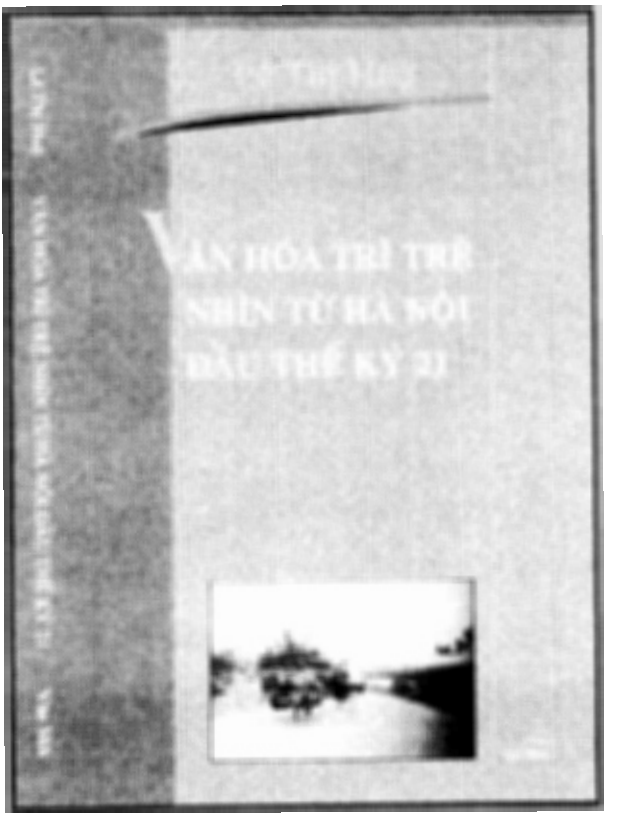

NHÀ XUẤT BẢN VĂN MỚI

Xin giới thiệu cùng quý độc giả một tác phẩm đầu tiên
của nhà văn nữ được nhiều người ái mộ:

Nguyễn Thị Thảo An

BỨC PHÙ ĐIÊU KHẮC CẠN

Tập truyện, dày 210 trang, giá $12.00.

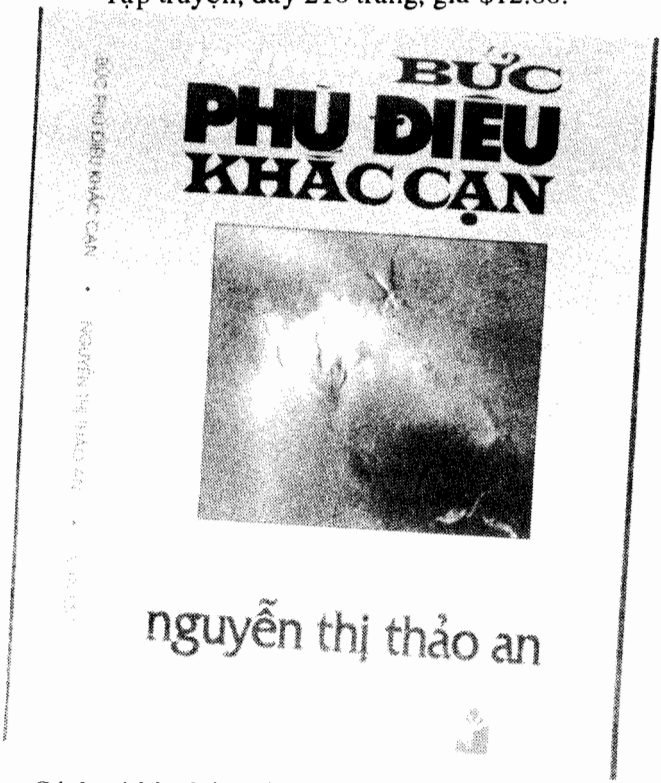

Sách có bày bán tại các nhà sách, hoặc liên lạc:
Nhà Xuất Bản Văn Mới
1528 S. La Cienega Blvd
Los Angeles, CA 90035
Quý vị muốn mua, chi phiếu xin đề Nguyễn Khoa
và gửi về địa chỉ trên.

NHÀ XUẤT BẢN VĂN MỚI

1528 S. La Cienega Blvd.
Los Angeles, CA 90035 - USA
Tel: (310) 559-0413 Fax: (310) 659-2627
***

NHỮNG SÁCH MỚI CỦA NHÀ XUẤT BẢN:

Cồn Mây
Truyện dài Hồ Minh Dũng, giá $17

Loanh Quanh Những Nẽo Đường
Ký Trần Doãn Nho, giá $10

Kẻ Giật Dây
Tiến Sĩ Công Pháp Lê Đình Chi, giá $10

Cảm Nhận
Võ Phiến, giá $10

Bay Đi Cánh Chim Biển
Tập truyện Hoàng Nga, giá $10

Tuyển Tập Thơ Văn Hải Ngoại Năm 2000
67 tác giả, giá $20

Cõi Người Trong Văn Chương Bình Dân
Huỳnh Văn Phú, giá $10

Lời Tỏ Tình Đã Cũ
Tập truyện Hoàng Chính, giá $10

Truyền Thống Văn Hóa Dân Tộc Việt Nam Trong Văn Chương Đối Liễn
Minh Chánh Học Sĩ TrầnCông Định, giá $15

Dì Thu
Tập truyện Trang Châu, giá $10

Chữ Nghĩa Bể Bề
Chuyện văn chương Đặng Trần Huân, giá $12

Hạnh Phúc Có Thật
Tập truyện Bùi Bích Hà, giá $10

Phía Bên Kia Mặt Trăng
Tập truyện Trần Thị Diệu Tâm, giá $10

Văn Hóa Trì Trệ Nhìn Từ Hà Nội Đầu Thế Kỷ 21
Ký của Lê Thị Huệ, giá $14

Bức Phù Điêu Khắc cạn
Tập truyện Nguyễn Thị Thảo An, giá $12

PHIẾU MUA / GIA HẠN BÁO

Họ và tên:.....
Địa chỉ:.....
Thành phố.....Tiểu bang.....Zip.....
Quốc gia.....
Đồng ý ☐ Mua
☐ Gia hạn báo Văn Học
Thời hạn:.....năm, từ số.....đến số.....
Gửi theo hạng:
USA: ☐ First Class
☐ Bookrate

Ngoài USA: ☐ Global Priority

Đính kèm chi/ngân phiếu với số tiền US$.....

GIÁ BIỂU BÁO DÀI HẠN

áp dụng từ 1 tháng 4 năm 2001

HOA KỲ / MỘT NĂM

Hạng bookrate : ☐ 50 Mỹ kim
Hạng First Class: ☐ 60 Mỹ kim

CANADA / MỘT NĂM

Chỉ gửi duy nhất một hạng Global Priority:
☐ 80 Mỹ kim

ÂU CHÂU, Á CHÂU, ÚC CHÂU / MỘT NĂM

Chỉ gửi duy nhất một hạng Global Priority:
☐ 100 Mỹ kim

Giá bán lẻ tại các hiệu sách: 5 Mỹ kim

Đã tái bản hạn chế
hai bộ trường thiên của nhà văn

NGUYỄN MỘNG GIÁC

(ấn bản có sửa chữa & bổ sung)

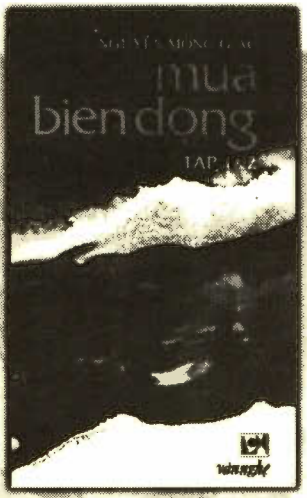

Mùa Biển Động (5 tập)
Giá 65 MK
(Ngoài USA thêm 5MK)

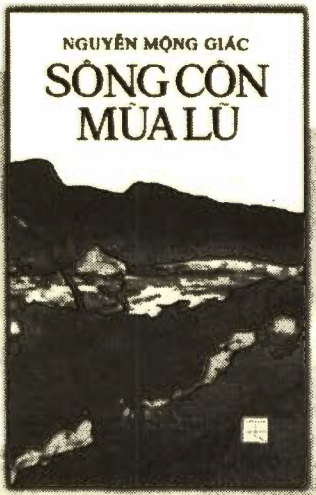

Sông Côn Mùa Lũ (4 tập)
Giá 65 MK
(Ngoài USA thêm 5MK)

Thư từ, chi phiếu xin gửi về:

Nguyễn Khoa Diệu Chi
P.O. Box 1359
Garden Grove, CA 92842

Phone: (714) 894-8535
E-mail: nmg@vinet.com

SÁCH MỚI, SÁCH MỚI!

- NHAN SẮC — 10MK
  truyện dài (tái bản) *Dương Nghiễm Mậu*
- GIAI THOẠI THIỀN SƯ — 10MK
  Lâm Thanh Huyền, Phạm Huê dịch
- BÔNG HỒNG VÀNG — 15MK
  Konstantin Paustowsky, Vũ Thư Hiên dịch
- CHIẾN TRANH ĐÔNG DƯƠNG 3 — 13MK
  Cuộc chiến Miên Việt, Hoa Việt 1997
  Biên khảo *Hoàng Dung*
- NHẬN DIỆN CHÂN DUNG NHÀ VĂN — 16MK
  Xuân Sách "vẽ" bằng thơ, *Lý Hồng Xuân* luận bình
- TRẦM TƯ — 7MK
  danh ngôn *Võ Hồng*
- KHUNG RÊU, *Nguyễn Thị Thụy Vũ* — 15MK
  truyện dài giải thưởng văn chương toàn quốc 1970
  (tái bản để giúp tác giả còn ở Việt Nam trên rừng Lộc Ninh)
- THE LOVER'S GIFT - Tặng Vật Của Tình Nhân — 8MK
  Rabindranath Tagore, bản Việt ngữ *Bùi Bảo Trúc*
- VĂN HỌC VÀ THỜI GIAN, *Nguyễn Vy Khanh* — 15MK
- BINH BIẾN 11-11-60 — 18MK
  hồi ký *Vương Văn Đông*
- CỬU LONG CẠN DÒNG, BIỂN ĐÔNG DẬY SÓNG — 25MK
  tiểu thuyết *Ngô Thế Vinh*
- VĂN HỌC VIỆT NAM TỪ ĐIỂM NHÌN H(ậu h)IỆN ĐẠI — 17MK
  phê bình, tiểu luận *Nguyễn Hưng Quốc*
- ĐỔI MỚI, NIỀM VUI CHƯA TRỌN — 14MK
  hồi ký *Trần Độ*
- BÈ BẠN GẦN XA — 22MK
  bút ký *Phan Lạc Phúc* (ký giả Lô Răng)
- SUỐI NHỎ ÊM DỊU — 8MK
  kịch *Nguyễn Huy Thiệp*
- ĐỐI THOẠI, 13 VĂN THI SĨ NÓI VỀ MÌNH VÀ VĂN HỌC — 13MK
  Vĩnh Phúc

Nhà xuất bản VĂN NGHỆ
P.O. BOX 2301
WESTMINSTER, CA 92683
(714) 934-8574
Email: **vannghe@pacbell.net**

Giá 5 Mỹ kim